NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	2017		200	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	8990	BÙI THỊ THUỶ. N/cứu sự hài lòng của khách hàng	+	+				H	2013				[illegible]	Đ.
	91	NGUYỄN TÂN CƯƠNG N/cứu chi phí bệ gia đình	+	+				"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỊ MÙI. N/cứu nâng độ HE4 trong máu	+	+				"	"				"	"
	93	NGUYỄN ÁNH HUYỀN. Thực trạng mang mường sinh con	+	+				"	"				"	"
	8994	NGUYỄN THỊ LUA. Thực trạng dưỡng kiến về sinh an toàn	+	+				"	"				"	"
	95	ĐỖ THUỶ LÊ. Đánh giá kiến thức về vai trò của	+	+				"	"				"	"
	96	NGUYỄN THỊ THU TRANG. Mô tả kiến thức về chế	+	+				"	"				"	"
	97	LÒ THỊ MAI HOA. Thực trạng ngộ độc thực phẩm	+	+				"	"				"	"
	98	TRẦN THANH HƯƠNG. Mô hình toán học in khoa	+	+				"	"				"	"
	8999	PHẠM THỊ THÁI. Một số đặc điểm dịch tễ học	+	+				"	"				"	"
	9000	TỐNG THỊ TÂM. Một số đặc điểm dịch tễ học	+	+				"	"				"	"
	01	ĐỖ THỊ THU HUỆ. Tỷ lệ tiêm vacxin viêm gan B	+	+				"	"				"	"
	02	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC. N/cứu tử vong do ung thư	+	+				"	"				"	"
	03	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG. N/cứu tử vong do	+	+				"	"				"	"
	9004	LƯU THỊ HÀ. Thực trạng kiến thức, thái độ	+	+				"	"				"	"
	05	NGUYỄN HẢI YẾN. Thực trạng sử dụng dịch vụ	+	+				"	"				"	"
	06	VŨ THỊ BÍCH HUYỀN. Thực trạng kiến thức về	+	+				"	"				"	"
	07	DƯƠNG THỊ NHUNG. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ	+	+				"	"				"	"
	08	NGUYỄN THỊ GIÀNG. Đánh giá kiến thức	+	+				"	"				"	"
	9009	TRẦN THỊ HẢI. N/cứu máy dụng tỷ số Albumin	+	+				"	"				"	"
	10	TRẦN THỊ THU THUỶ. Tự đánh giá năng lực	+	+				"	"				"	"
	11	VŨ TOÀN THÌNH. Quality of life and some	+	+				"	"				"	"
	12	LÊ THỊ MƠ. Một số yếu tố khó khăn trong chăm	+	+				"	"				"	"
	13	LƯƠNG THỊ KIM PHÚC. Như cầu chăm sóc sức	+	+				"	"				"	"
	9014	PHẠM THỊ THU HÀ. Đánh giá tình trạng đau	+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9015	PHAN THỊ NGA. Nhân viên kết quả chăm sóc
	16	PHẠM ĐÌNH ĐẠI. N/viên Kinh thuế vị thuốc kết
	17	TRẦN QUANG ĐẠI Mô tả nhiệt độ đau sn mắt
	18	NGUYỄN THỊ HUỆ Đánh giá kết tăng nhiễm Chuẩn
	9019	TRẦN THỊ VÂN N/viên đặc điểm kiểm soát dây
	20	NGUYỄN THỊ SƠN Chăm sóc Kinh thuế Hồi độ
	21	ĐỖ THỊ THU Một số yếu tố Khó khăn vị bệnh
	22	TRẦN THỊ HIỀN Thực trạng sức Khỏe bản tự cảm
	23	NGUYỄN QUỲNH NGỌC Phát hiện vi Chuẩn
	9024	HÀN MINH HẰNG Sự hiểu biết đối với nghiệ
	25	TRẦN THỊ TRANG Tìm hiểu nhận thức trong bệnh
	26	ĐỖ THỊ HUỆ Nguy cơ nhiễm hóa chất bảo vệ
	27	NGUYỄN THỊ XUÂN Thực trạng Kinh thuế - Thực hiện
	28	NGUYỄN NHẬT LỆ Kinh thuế, thái độ về sức
	9029	NGUYỄN THANH TÚ Đánh giá tỷ lệ mắc, biến chứng
	30	NGUYỄN HÀ THĂNG Thực trạng xây dựng, sử dụng
	31	NGUYỄN THỊ TIẾN Kinh thuế, thái độ và hành
	32	ĐOÀN VĂN DŨNG N/viên một số yếu tố
	33	NGÔ KIM NGÂN Thực trạng sử dụng thuốc
	9034	VŨ MINH LINH N/viên máy dung Kỹ thuật
	35	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG Thực trạng hỗ trợ
	36	LÊ THỊ THÙY DUNG N/viên sử dụng độ hoạt
	37	NGUYỄN THỊ DIỆU THÚY N/viên tình trạng đau
	38	ĐỖ THỊ XUÂN ĐỨC N/viên đặc điểm lâm sàng
	9039	NGUYỄN THỊ LAN ANH Thực trạng điều Kinh

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
+	+				H	2015				Cô Hằng	H.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9040	TRẦN HỮU NGHĨA Kiểm thuế, thực hành cuối đoạn	+	+				H	2013				Cử nhân	Đ.
	41	PHẠM CÔNG SÁNG Bước đầu đánh giá thực	+	+				"	"				"	"
	42	NGUYỄN KIM NAM Thực trạng dinh dưỡng và một	+	+				"	"				"	"
	43	NGUYỄN THỊ HƯỜNG Tình trạng dinh dưỡng trẻ em	+	+										
	9044	LÊ THỊ HUỆ Nồng độ Estradiol toàn phần trong	+	+				"	"				BS*KC	
	45	NGUYỄN ĐÀO UYÊN Đánh giá một số chỉ tiêu	+	+				"	"				"	"
	46	THẠCH THÙY LINH N/cứu nhiễm khuẩn đường	+	+				"	"				"	"
	47	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG La protéinose alvéolaire	+	+				"	"				"	"
	48	VŨ MINH HOÀNG N/cứu mô hình tử vong bù	+	+				"	"				"	"
	9049	NGUYỄN THỊ THANH HOA Đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	50	NGUYỄN NGỌC HẢI Đánh giá khả năng phục	+	+				"	"				"	"
	51	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG Đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	52	TRẦN ĐĂNG HUYỀN Nhận xét đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	"
	53	NGUYỄN ĐĂNG HOAN Enquête sur la	+	+				"	"				"	"
	9054	NGUYỄN THANH NGỌC BÌNH Quelques	+	+				"	"				"	"
	55	NGUYỄN THANH HÀ Mô tả thực hành tiêu thụ	+	+				"	"				"	"
	56	TRẦN THANH HUYỀN Signes cliniques	+	+				"	"				"	"
	57	NGUYỄN MINH NGỌC Étude de la situation	+	+				"	"				"	"
	58	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN Đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	9059	TRẦN THỊ BÍCH VÂN N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	60	VŨ TÚ NAM Hoàn thiện qui trình vì bước đầu	+	+				"	"				"	"
	61	NGUYỄN THỊ HIỀN Đặc điểm lâm sàng, mô bệnh	+	+				"	"				"	"
	62	LÊ THỊ PHƯƠNG THANH Khảo sát nồng độ	+	+				"	"				"	"
	63	PHẠM GIA DU Étude de Résultats	+	+				"	"				"	"
	9064	ĐỖ THỊ MAI N/cứu phát hiện đột biến xác	+	+				"	"				"	"

NĂM 200. .....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9065	PHẠM THỊ THU HÀ. Mô tả đặc điểm lâm sàng tổn cân	+	+				H	2013				BSYK	Đ
	66	TRẦN THỊ ANH. Đánh giá kết quả phục hồi chức	+	x				"	"				"	"
	67	NGUYỄN HƯƠNG GIANG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	68	TRẦN LÊ HƯỜNG. Một số yếu tố liên quan	+	x				"	"				"	"
	9069	KIM NGỌC THANH. Tìm hiểu một số đặc điểm	+	+				"	"				"	"
	70	ĐẶNG MINH PHƯỜNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	71	PHẠM TRÍ HIẾU. N/cứu t/dụng bảo vệ nhi phục	+	+				"	"				"	"
	72	NGUYỄN VĂN NGHĨA. Đánh giá mối liên quan	+	+				"	"				"	"
	73	NGUYỄN KHẮC TOÀN. Xác định dung điểm toàn phần	+	+				H	2013				"	"
	9074	PHÙNG THỊ CHUYÊN. Chi phí điều trị tức thấp cuối	+	+				"	"				"	"
	75	VŨ THỊ PHƯỜNG. Thái độ xử trí ở vỡ non, ở vỡ sớm	+	+				"	"				"	"
	76	TẠ TRẦN TÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	"
	77	NGUYỄN VĂN HƯNG. Bước đầu n/cứu phục hồi	+	+				"	"				"	"
	78	NGUYỄN CHIẾN QUYẾT. Nhận xét vai trò của sinh thuật	+	+				"	"				"	"
	9079	TRẦN PHƯỜNG NAM. Tìm hiểu mô hình bệnh lý thận	+	+				"	"				"	"
	80	TRẦN THỊ LOAN. N/cứu tỷ lệ tử vong tại huyện Bắt	+	+				"	"				"	"
	81	BÙI THỊ THUỶ. Đánh giá của bệnh nhân về chất lượng	+	+				"	"				"	"
	82	NGUYỄN THÙY DUNG. Khảo sát tình hình bệnh	+	+				"	"				"	"
	83	VÕ HUYỀN TRANG. Đánh giá giá trị của 18FDG-PET	+	+				"	"				"	"
	9084	NGUYỄN VĂN AN. Bước đầu tìm hiểu một số đặc	+	+				"	"				"	"
	85	MAC THỊ THOM. Étude des Signes cliniques et	+	+				"	"				"	"
	86	TRẦN THỊ TRANG ANH. Một số đặc điểm dịch tễ	+	+				"	"				"	"
	87	NGUYỄN THU TRANG. N/cứu một số đặc điểm	+	+				"	"				"	"
	88	NGUYỄN THỊ KIM CÚC. Évaluation de Résultats	+	+				"	"				"	"
	9089	NGUYỄN THỌ ANH. Đối chiếu tổn thương tại chỗ	+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9090	NGUYỄN THỊ NGA. Sigues clinicques psychiatriques et
	91	DƯƠNG HỒNG ANH. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	92	NGUYỄN NGỌC ĐỨC. Công bằng trong tìm kiếm
	93	NGUYỄN LÊ THUỶ. Trầm cảm lâm sàng và Cận
	9094	TRẦN THU GIANG. Nhận xét thực trạng điều dưỡng
	95	HỒ MẠNH TUẤN. N/cứu ứng dụng thang HBV
	96	NGUYỄN ĐĂNG HƯNG. N/cứu đặc điểm giải
	97	DƯƠNG THU HIỀN. Đánh giá chất lượng cuộc
	98	NGUYỄN PHƯƠNG LIÊN. Nhận xét kiến thức
	9099	VŨ THỊ NHUNG. N/cứu một số phương pháp
	100	NGUYỄN THỊ VÂN. Đánh giá 3 tháng điều
	01	ĐẶNG THỊ NGUYỆT. Một số đặc điểm dịch tễ
	02	NGUYỄN THỊ THIỀN LINH. Đánh giá kiến thức
	03	NGUYỄN HỮU ĐOÀN. Đánh giá hiệu quả
	9104	NGUYỄN VĂN NAM. N/cứu một số đặc điểm
	05	VŨ ĐÌNH HƯNG. N/cứu rối loạn nội tiết
	06	NGÔ THỊ BÍCH PHƯỢNG. Tìm hiểu mức độ kiến
	07	NGUYỄN VĂN PHÚ. Nhận xét giải phẫu điều trị
	08	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. Nhận xét đặc điểm lâm
	9109	LÊ NGỌC HƯNG. Mô hình nguyên nhân tử vong
	10	NGUYỄN THỊ HUẾ. Khảo sát kiến thức người
	11	NGUYỄN VĂN NAM. Tìm hiểu một số đặc
	12	NGUYỄN DUY THÀNH. Mô tả đặc điểm lâm
	13	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI. Đặc điểm lâm sàng
	9114	NGUYỄN VĂN HÀ. Nhận xét đặc điểm lâm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200...	Nơi	Năm					
+	+				H	2013				BSYH	Đ.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	2017	200..	200..	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9115	ĐÀO THỊ MAI ANH. Nhận xét đặc điểm bật khác	+	+				HC	2013				BBYK	A
	16	BÁ ĐINH THĂNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	17	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN. Một số đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	"
	18	NGUYỄN LAN PHƯƠNG. Một số yếu tố liên quan	+	+				"	"				"	"
	9119	DƯƠNG THỊ THU PHƯƠNG. Bước đầu ứng dụng	+	+				"	"				"	"
	20	ĐỖ VŨ ANH. Đánh giá hiệu quả điều trị đau	+	+				"	"				"	"
	21	TẠ NGUYỆT ANH. Khảo sát tình trạng sâu răng	+	+				"	"				"	"
	22	LƯƠNG THỊ NGỌC HUYỀN. Mô bỉ quá tình lành	+	+				"	"				"	"
	23	ĐỖ THÁI SƠN. Đánh giá thực trạng tiếng ồn vì	+	+				"	"				"	"
	9124	NGUYỄN THỊ LE QUYÊN. peoples preferences	+	+				"	"				"	"
	25	ĐÀO XUÂN HẢI. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	26	VŨ ĐỨC VIỆT. Xây dựng giá trị tham chiếu	+	+				"	"				"	"
	27	TRẦN THỊ HUYỀN NGA. Hoàn chỉnh kỹ thuật	+	+				"	"				"	"
	28	LÊ THỊ HIỆP. Kiến thức - thái độ - thực hành	+	+				"	"				"	"
	9129	PHẠM THỊ PHƯƠNG. N/cứu đặc điểm thiếu	+	+				"	"				"	"
	30	PHÙNG ĐỨC TÂM. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	31	NGUYỄN VĂN DŨNG. Thực trạng nhà trừu bộ gia	+	+				"	"				"	"
	32	LƯƠNG TUẤN DŨNG. Tình trạng dinh dưỡng	+	+				"	"				"	"
	33	NGUYỄN HOÀNG VĂN HƯƠNG. Như cầu vi	+	+				"	"				"	"
	9134	LÊ VĂN KHANH. Đánh giá hiệu quả cứu nhiệt	+	+				"	"				"	"
	35	NGUYỄN THỊ HỒNG. Kiến thức, thái độ	+	+				"	"				"	"
	36	NGUYỄN DUY KHOA. N/cứu đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	"
	37	NGUYỄN TRUNG HẬU. Đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	38	DƯƠNG VĂN TÚ. Tìm hiểu các hình thái rối loạn	+	+				"	"				"	"
	9139	TRẦN THỊ MINH THU. Như cầu tuyển khám mà	+	+				"	"				"	"

NĂM 200. .....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9140	ĐÀM MINH SƠN. Tình hình một số đặc điểm	+	+				H	LOB				BGTYC	A
	41	PHẠM THỊ THU HẰNG. Tính an toàn trên da	+	+				"	"				"	"
	42	NGUYỄN THỊ DUYÊN. Đặc điểm lâm sàng, cận	+	+				"	"				"	"
	43	NGUYỄN THỊ LINH. Đặc điểm mô bệnh học	+	+				"	"				"	"
	9144	TRẦN DIỆP HÀ. Ứng dụng kỹ thuật PCR	+	+				"	"				"	"
	45	NGUYỄN THỊ NGA DƯƠNG. Nghiên một số	+	+				"	"				"	"
	46	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO. Nghiên một số đặc	+	+				"	"				"	"
	47	DƯƠNG THỊ GIANG. Mô hình sử dụng dịch vụ	+	+				"	"				"	"
	48	HOÀNG NGỌC DŨNG. Đặc điểm dịch tễ học	+	+				"	"				"	"
	9149	DƯƠNG THỊ HUẾ. Tình trạng dinh dưỡng	+	+				"	"				"	"
	50	LÊ VŨ THUỶ HƯƠNG. Tình trạng chăm sóc sức	+	+				"	"				"	"
	51	VŨ ĐỨC THÌNH. Tỷ lệ mở lấy thai vì một	+	+				"	"				"	"
	52	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG. Thực hành khám chữ	+	+				"	"				"	"
	53	NGUYỄN THỊ DUNG. Nghiên trình chung lâm	+	+				"	"				"	"
	9154	TÔ VĂN QUYNH. Đặc điểm lâm sàng và chức	+	+				"	"				"	"
	55	NGÔ THỊ VÂN. Nghiên đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	56	LÊ THỊ HỒNG. Chi phí điều trị tuyến trực cứu	+	+				"	"				"	"
	57	TRẦN THỊ TUẤN ANH. Nghiên đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	"
	58	LƯU THỊ THÚY VÂN. Tình hình tình hình trùng	+	+				"	"				"	"
	9159	ĐỖ THỊ ANH ĐÀO. Thực trạng áp dụng các	+	+				"	"				"	"
	60	DƯƠNG THỊ HOÀI. Nhận xét một số bệnh dinh	+	+				"	"				"	"
	61	TẠI THỊ NGOAN. Nghiên mô hình dịch chuyển	+	+				"	"				"	"
	62	VŨ THỊ THU HÀ. Thực trạng thanh giá và sử dụng	+	+				"	"				"	"
	63	NGUYỄN HỮU ĐỨC ANH. Phân tích kết quả	+	+				"	"				"	"
	9164	NGUYỄN THỊ VÂN. Mô hình tình hình dịch vụ	+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9165	ĐẶNG VĂN QUY. Khảo sát kiểm thức và đánh giá	+	+				H	20B				BSYK	Đ.
	66	VÕ VĂN MINH. Nhận xét về đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	67	TRẦN THANH KHOA. Đánh giá phương pháp	+	+				"	"				Cử nhân	"
	68	NGUYỄN THỊ THUỶ. N/cứu xây dựng quy trình	+	+				"	"				"	"
	9169	NGÔ QUỐC HUY. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				BSYK	"
	70	PHÍ THỊ XUYÊN. Ứng dụng kỹ thuật Elisa	+	+				"	"				"	"
	71	TRẦN THANH THUỶ. N/cứu đặc điểm lê bào	+	+				"	"				Cử nhân	"
	72	NGUYỄN TUẤN ANH. N/cứu giải thêm chiều	+	+				"	"				"	"
	73	PHẠM THỊ THANH LOAN. So sánh kiểm quả	+	+				"	"				"	"
	9174	ĐÀO THỊ THE. N/cứu qui trình phát hiện đột	+	+				"	"				"	"
	75	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG. N/cứu xác định đột	+	+				"	"				"	"
	76	TRẦN THỊ MAI ANH. N/cứu đặc điểm lê bào	+	+				"	"				"	"
	77	TRINH VIẾT KIÊN. N/cứu sự thay đổi hoạt	+	+				"	"				"	"
	78	NGUYỄN THỊ NHUNG. Các dấu ấn miễn dịch	+	+				"	"				"	"
	9179	ĐỖ THỊ KIM CHI. Mô tả kiểm thức về bệnh	+	+				"	"				"	"
	80	NGÔ QUỲNH HOA. N/cứu tình ơn toàn vẹn	+	+				"	"				Tiến sỹ	"
	81	ĐINH VĂN LƯỢNG. N/cứu chẩn đoán vô đình	+	+				"	"				"	"
	82	NGUYỄN DIỆU LINH. N/cứu đình tị ung thư	+	+				"	"				"	"
	83	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG. Nhận xét kết quả chăm	+	+				"	"				Cử nhân	"
	9184	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. Tình trạng dinh dưỡng	+	+				"	"				"	"
	85	TRẦN THỊ LỤA. Tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ	+	+				"	"				"	"
	86	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG. N/cứu thực trạng	+	+				"	"				"	"
	87	NGUYỄN THỊ LIÊN. Mô tả một số đặc điểm	+	+				"	"				"	"
	88	MAI HỒNG LIÊN. Mô tả đặc điểm kiểm thức	+	+				"	"				BSYK	"
	9189	LÊ HOÀI HƯƠNG. Ảnh hưởng của PH suối bà	+	+				"	"				Cử nhân	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9190	LÊ KHẮC HIỆU N/cứu liệu quê đô an toàn	+	+				H	2013				BSYK	Đ.
	91	LÊ THẾ KHƯƠNG. N/cứu vi xây dựng quy trình	+	+				"	"				Cử nhân	Đ.
	92	DƯƠNG TUẤN CƯỜNG. Một số yếu tố ảnh hưởng	+	+				"	"				"	"
	93	NGUYỄN MẠNH TUẤN. Thực hành kỹ thuật nhuộm	+	+				"	"				"	"
	9194	LÊ THỊ TRANG. Đánh giá kết quả chăm sóc bệnh	+	+				"	"				"	"
	95	TRẦN THỊ VÂN. Nhận xét kết quả chăm sóc	+	+				"	"				"	"
	96	NGUYỄN VĂN HẢO. Kết quả học tập của sinh viên	+	+				"	"				"	"
	97	LÊ HOÀNG LINH. Giá trị của nghiệm y của sinh viên	+	+				"	"				"	"
	98	TRƯƠNG VĂN GIÁP. Trở ngại tâm lý trong giao tiếp	+	+				"	"				"	"
	9199	VŨ HẢI YẾN. Kiểm thuế in một số khó khăn	+	+				"	"				"	"
	9200	PHÍ THỊ NGUYỆT. Nhận xét tác dụng không mong	+	+				"	"				"	"
	01	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN. Thực trạng kiểm thuế	+	+				"	"				"	
	02	NGUYỄN NGỌC TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm	+	+				"	"				BSYK	"
	03	ĐINH CÔNG ĐINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	9204	VŨ MẠNH TUẤN. N/cứu dự phòng sâu răng	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
3/9/13	05	NGUYỄN THỊ DUYÊN. Thực trạng sử dụng dược vụ	+	+				"	"				Cử nhân	"
	06	NGUYỄN VĂN HUYANH. Đánh giá hq & các tác dụng	+	+				"	"				BSYK	"
	07	TRẦN QUỐC KHÁNH. N/c áp dụng nẹp vít tự thiên	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	08	TRẦN TUẤN NAM. N/c về tuổi đồng mạch trên	+	+				"	"				BSĐK	"
3/9	9209	NGUYỄN THỊ HẰNG. N/c đ/ LS, CLS & kq đtri lao cột sống	+	+				"	"				Thạc sỹ	"
	10	TRẦN THỊ MỸ HẠNH. N/c đtri cảm lại răng mia	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	11	BÙI VIỆT CHUNG. Đg tác dụng ở điểm chăm kết hợp	+	+				"	"			"	Thạc sỹ	"
	12	NGUYỄN THỊ CHÂU. N/c hiệu đtri tẩy trắng răng	+	+				"	"				Tiến sỹ	"
	13	ĐẶM THỊ HẢI VÂN. So sánh tác dụng giảm đau	+	+									Thạc sỹ	"
	9214	BÙI THỊ THÚY NGA. So sánh duy trì mê hàng	+	+									"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
27/9/13	9215	THÁI VĂN CHƯƠNG. N/c ytố nguy cơ loãng xương	+	+				H.	2012				thạc sĩ	Đã
	16	PHẠM VĂN HẢO. N/c gtri của LS. Xquang phổi chẩn	+	+				"	"				"	"
	17	HỒ THỊ TÂM. Đgiá tuổi dung thời tan thất lung	+	+				"	"				"	"
	18	NGUYỄN ĐẶC TUẤU. N/c đ LS, CLS và tg nước cũng	+	+				"	"				"	"
[illegible]	19	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	9220	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	21	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	22	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	23	[illegible]	+	+									"	"
	24	[illegible]	+	+									"	"
	25	[illegible]	+	+									[illegible]	
[illegible]	26	[illegible]	+	+									thạc sĩ	"
	27	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	28	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	29	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	9230	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	31	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	32	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	33	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	34	[illegible]	+	+				"	"				[illegible]	"
	35	[illegible]	+	+				"	"				"	"
	36	[illegible]	+	+										[illegible]
	37	[illegible]	+	+										[illegible]
	38	[illegible]	+	+										[illegible]
	9239	[illegible]	+	+									"	[illegible]

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
			+	+									NT	
			+	+									"	
			+	+									"	
			+	+									"	
			+	+									"	
			+	+									"	
			+	+									"	
		NGUYỄN VĂN NHÂN Đăng ký phẫu thuật cắt tử cung	+	+				Hà Nội	1997				BVPSTW	
		NGUYỄN THỊ LINH Nhà đề hoạt thư	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		PHẠM CÔNG HƯỞNG Đăng ký phẫu thuật	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
26/10/15		TRẦN THỊ DIỆU HẰNG Nhiễm trùng sản khoa	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		NGUYỄN THỊ CẨM NỤ Kết quả xét nghiệm chẩn đoán	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		HOÀNG VĂN LƯỢNG Đăng ký phẫu thuật điều trị	+	+				Hà Nội	1997				CK II	
		NGUYỄN THỊ TÂM Nhiễm độc thai nghén	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
13/11/15		BÙI THỊ LỢI Nhiễm trùng điều trị	+	+				Hà Nội	1997				Bs	
		NGUYỄN THỊ DIỆU ÁNH Đăng ký tác dụng thuốc	+	+				Hà Nội	1997				Bs	
		NGUYỄN BÁ KHÁNH Nhiễm độc thai nghén	+	+				Hà Nội	1997				NT	
		QUẢN THANH NAM Đăng ký phẫu thuật cắt tử cung	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		NGUYỄN HOÀI TRƯỜNG Đăng ký phẫu thuật	+	+				Hà Nội	1997				Bs	
		NGUYỄN THU THỦY K/sát sử dụng thuốc	+	+				Hà Nội	1997				Bs	
16/10		BÙI XUÂN ĐÀN Đăng ký của test thử thuốc	+	+				Hà Nội	1997				NT	
21/11		ĐINH THỊ NGỌC LAN Nhiễm trùng phụ khoa	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		TRẦN MINH TUẤN Đăng ký xét nghiệm	+	+				Hà Nội	1997				CK II	
		NGUYỄN TUẤN ANH Chẩn đoán siêu âm	+	+				Hà Nội	1997				Thạc sĩ	
		TRẦN VĨNH HIỂN Đăng ký sử dụng	+	+				Hà Nội	1997				Bs	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số hiệu bản xuất	PHỤ CHÚ
	Q265	ĐẶNG KIM KHUÊ Đ/q kỹ thép gan Tiêu hủy lần	+	+				H.	2015				NT	Đã
	66	TRƯƠNG QUỐC LIỆT N/c ghi âm sổ bình	+	+				4	4				NT	4
	67	TRẦN THỊ THUYẾT NGA Đ/q sức cắt tăng ngoại	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	68	TRẦN THỊ THANH N/c đ' LS, CLS và đ/q kỹ	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	69	NGUYỄN THU HÀ Đ/q kỹ thủ: cắt khối chuyển vạt cắt	+	+				4	4				TVT	4
	70	TRẦN THỊ HẠNH N/c ghi: chẩn đoán sớ Mô đục	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	71	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG N/c đ' LS, x nghiệm	+	+				4	4				NT	4
	72	NGUYỄN THỊ NHUNG N/c kỹ Siêu âm [illegible]	+	+				4	4				4	4
	73	NGUYỄN THỊ THUỶ N/c đ' thăm khám [illegible]	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	74	NGUYỄN LÊ BẮC TIẾN N/c nội dung [illegible]	+	+				2	2				Thạc sĩ	4
	75	TRẦN QUỐC KHÁNH N/c ghi dung nạp vật liệu	+	+				4	4				4	4
	76	TRẦN THỊ NGÂN THU N/c sức đàn hồi	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	77	NGUYỄN THỊ NHUNG N/c mô sẹo vết [illegible]	+	+				4	4				NT	4
	78	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG N/c cắt xé [illegible]	+	+				4	4				4	4
	79	NGUYỄN VĂN NAM N/c đ' Lâm sàng [illegible]	+	+				4	4				Thạc sĩ	4
	9285	VŨ TUẤN CƯỜNG Đ/q kỹ phẫu thuật tạo hình	+	+				4	4				4	4
	81	TRỊNH THỊ LAN N/c làm thay xuất huyết	+	+				4	4				4	4
	82	LƯU VĂN DUY Đ/q kỹ phẫu thuật CAT	+	+				4	4				4	4
	83	LÊ NGỌC QUÝ N/c đọc đ' Siêu âm doppler mạch	+	+				4	4				4	4
	84	VƯƠNG THỊ NGỌC DIỆN K/s kiểm chứng tinh sống	+	+				4	4				4	4
	85	TRẦN ĐÌNH HẰNG N/c ghi của thất nghiệp	+	+				4	4				4	4
	86	NGUYỄN THỊ KIM THUỶ N/c nhà [illegible]	+	+				4	4				4	4
	87	HOÀNG THỊ BẠCH N/c yếu ngày ở [illegible]	+	+				4	4				4	4
	88	ĐINH NGỌC DƯƠNG Đ/q kiểm que và tác dụng [illegible]	+	+				4	4				4	4
	9299	ĐỖ HOÀNG BẮC Đ/giá kỹ thay [illegible]	+	+				4	4				CKII	4

NĂM 20[illegible].....

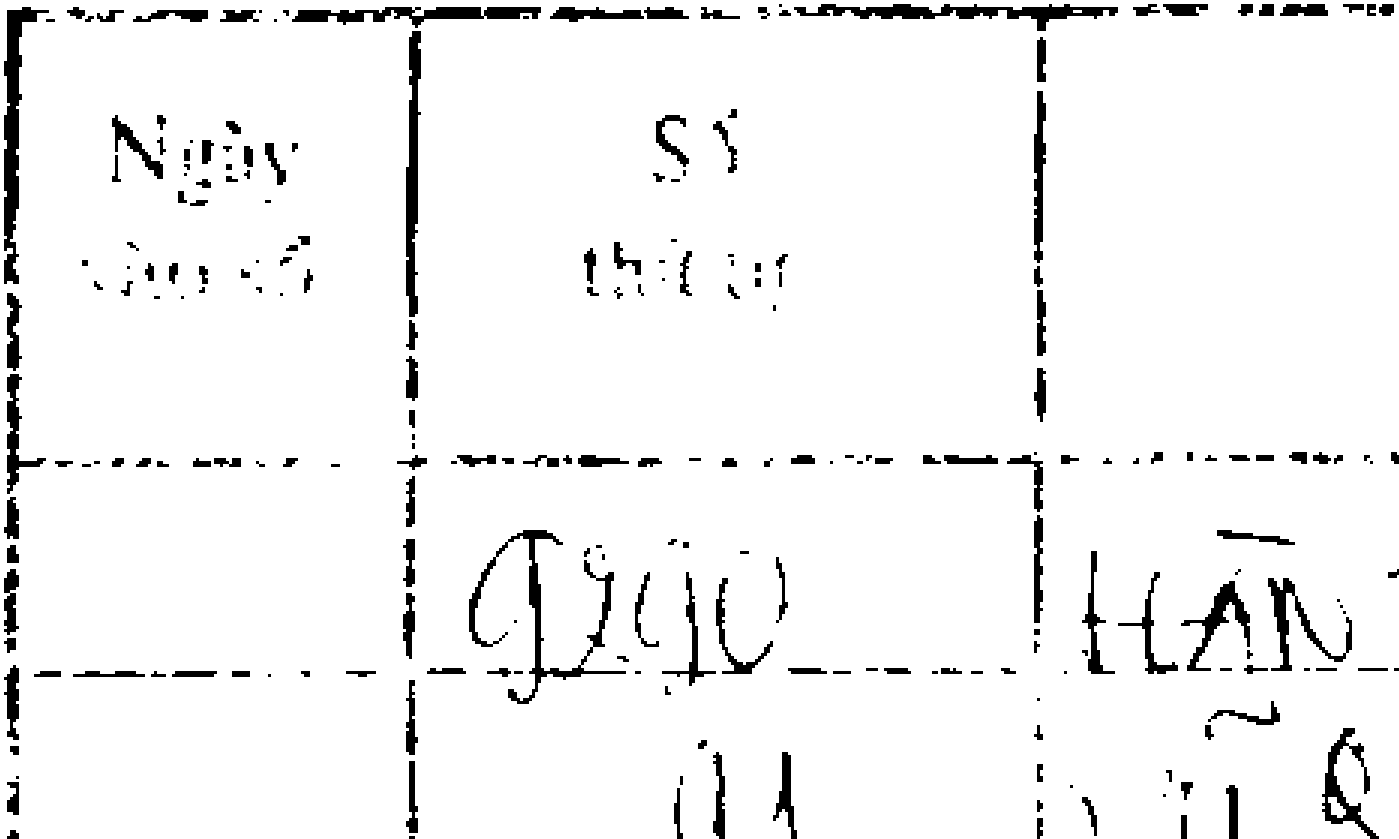

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9215	ĐÀO MẠNH PHƯƠNG N/xét đ² LS, CLS ung thư buồng trứng	+	+				H	2013				BSĐK	Đã
	16	HÙNG TIẾN HIỆU N/c hình thái lâm sàng mô bệnh học	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	17	NGUYỄN THỊ KIM ANH Đ/g kq đtri ung thư đại trang	+	+				"	"				"	"
	18	NGUYỄN THANH THỦY N/c ứng dụng chi số [illegible]	+	+				"	"				"	"
	19	NGUYỄN DUY TUẤN N/x 1 số đặc đ² LS, cận LS	+	+				"	"				"	"
	9220	NGUYỄN ĐỨC MẠNH Đ/g kq tạo hình các khuyết	+	+				"	"				CKII	"
	9221	LÀO TRUNG THÀNH N/c thực trạng bệnh sâu răng	+	+				"	"				"	"
	22	VŨ THỊ HOÀN Đ/g kq và nhu cầu kỹ thuật	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
2012	23	TRẦN THỊ HẢI YẾN N/x tình trạng bệnh lạc răng hàm	+	+				"	"				"	"
	24	BÙI LÀO NGŨ N/c đ² LS, đg kq đtri lỗ hoàng trên	+	+				"	"				CKII	"
	25	NGÔ VĂN TUẤT Đ/g kq đtri rối loạn lo âu lan toả	+	+				"	"				"	"
	26	PHAN THỊ THÚY NGÂN Đ/g kq & 1 số yếu tố liên quan	+	+				"	"				"	"
	27	NGUYỄN THỊ THU HÀ Thực trạng 1 số bệnh răng miệng	+	+				"	"				"	"
	28	NGUYỄN DUY LƯỢNG Đ/g kq phẫu thuật ung thư	+	+				"	"				"	"
	29	TRINH THỊ THÁI K/S bệnh chứng thiếu & 1 số yếu tố liên q	+	+				"	"				"	"
	9230	NGUYỄN TRANG NHUNG N/c vài trò của thuỷ đường	+	+				"	"				NT	"
	31	NGUYỄN THỊ THU THUỶ N/c sở thay đổi sức căng cơ tư	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
2/1/2014	9332	HOÀNG BÙI HẢI N/c chẩn đoán & đtri tắc động mạch	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	33	LÊ KHÁNH TRÀM Xác định kiểu cách cư trú	+	+				"	"				"	"
	34	ĐÀM VĂN VIỆT N/c đtri mất răng hàm trên	+	+				"	"				"	"
	35	ĐÀO HỮU THẮN K thức & thực hành trong phát hiện	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	36	NGÔ BÁ HƯNG THỰC TRẠNG môn trung LĐ, & sức khỏe	+	+				"	"				BSYK	"
	37	PHẠM ĐÌNH ĐÔNG Thực trạng hội chứng thái lưng	+	+				"	"				"	"
	38	DƯƠNG ĐỨC GIANG N/c 1 số yếu ngcy cơ của ung thư dạ	+	+				"	"				YTCC	"
	39	ĐẶC THỊ THANH MAI N/c đ² LS, nhận thức & rối loạn	+	+				"	"				CKII	"

NĂM 200.....

Ngày cấp số	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9340	PHẠM THỊ ĐÀO CHINH Đ/g tái dụng Cấm Lâm.
	41	LÊ THỊ KIM OANH Đ/g kq thi nốt nha khoa
	42	TẠ THỊ HIỀN N/c chưa tốt nghiệp có tư cách thi bằng
	43	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG N/c các yếu tố liên quan
6/1/14	44	DIÊM THỊ THANH THUỶ N/c chưa sinh con lần thai
	45	NGUYỄN THỊ THẾ THANH N/c thực trạng thừa cân
	46	TRẦN ĐỨC HẰNG N/c đ² LS, CLS & kq điều trị bệnh
	47	HOÀNG TRỌNG GIANG Đ/g kq điều trị cao phaco
	48	KHỔNG THỊ THANH Chưa hoàn tất học học các
	49	NGUYỄN HẢI LINH N/c 1 số đặc điểm LS, CLS
	9350	TRẦN ANH TUẤN N/c những đặc điểm LS, CLS
	51	TRẦN THỊ TUYẾT MAI K/q điều trị ung thư vú
	52	NGUYỄN MẠNH HÀ N/c biến đổi mạch máu
	53	THÁI ĐĂNG TUYỀN N/c sản xuất thuyết trình
	54	CHÂU VĂN TRỌ N/c siêu khuếch nguyên của thai
	55	LÊ ĐÌNH THÀNH Đ LS, CLS của quả sản rau mắc
	56	XA THỊ MINH HOÀ N/x chẩn đoán, thai to xử trí
	57	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN N/c hiệu quả điều trị bệnh
	58	[illegible]
	59	NGUYỄN CÔNG TRUNG N/c đặc điểm bệnh học
14/1/14	9360	LÊ THỊ THU HÀ N/c thực trạng phá thai từ 13 tuần
	61	PHẠM THỊ MINH HIỀN Đ/g tác dụng của bài thuốc
	62	PHẠM THỊ THANH HÀ Đ/g tác dụng của bài thuốc
	63	TẠ VĂN ĐẠT K/c nồng độ hs CRP và MT PROMP
	64	NGUYỄN VĂN DẦN Vai trò của siêu âm doppler

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2013	2014	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
+	+				H	2012				CKII	Đã
+	+				〃	〃				〃	〃

NĂM 200. .....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9365	NGUYỄN THỊ NGUYỆT ANH. D/g kết quả phẫu thuật	+	x				H	2013				CK II	Đã
	66	NGUYỄN THỊ HUYỀN. N/c 1 số đặc đ² LS, mê bệnh	+	+				"	"				"	"
	67	BÙI TIẾN THANH. N/c LS, thiếu lực & chẩn đoán	+	+				"	"				"	"
	68	HỒ LÊ HOÀI NHÂN. D/g kq phẫu thuật nỗ sơ	+	+				"	"				"	"
	69	VÕ ĐÔNG XUÂN. N/c đ² LS, 1 số y tố liên quan	+	+				"	"				"	"
	9370	ĐÀO HỮU GHÚ. N/c đ² LS, các y tố liên quan	+	+				"	"				"	"
	71	HỒ QUỐC AN. N/c liệu năng thông khí với nhỉ	+	+				"	"				"	"
	72	TRẦN THỊ LIÊN. N/c thay đổi một số xét nghiệm	+	+				"	"				"	"
21/1/14	73	LÊ SỸ HÙNG. N/c đau lưng mãn tính liên quan	+	+				"	"				"	"
	74	NGUYỄN VĂN QUANG. N/c 1 số đặc đ² LS, nỗ sơ	+	+				"	"				"	"
	75	NGUYỄN THỊ KIM OANH. D/g tác dụng điều trị đau	+	+				"	"				"	"
	76	PHÍ THỊ THÚC OANH. N/c áp dụng 1 số thang điểm	+	+				"	"				"	"
	77	NGUYỄN THỊ THU HÀ. D/g kq phục hồi chức năng	+	+				"	"				"	"
	78	LÊ THỊ THANH THU. D/g kq điều trị triệu chứng ám	+	+				"	"				"	"
	79	NGUYỄN THỊ KIM CÚC. N/c đặc điểm LS rối loạn trầm	+	+				"	"				"	"
	80	NGUYỄN THỊ HUYỀN NGA. Đ² LS, cận nguyên & tính	+	+				"	"				"	"
	81	TRẦN TRÍ BÌNH. N/c tình trạng dinh dưỡng và thiếu	+	+				"	"				"	"
	82	TRẦN THỊ KIM TUYẾN. N/c thực trạng bệnh tăng huyết	+	+				"	"				Cn hàn	"
10/2/14	83	TRẦN SINH LỤC. D/g kq đi sau cùng tổ lắp mắt gia	+	+				"	"				NT	"
	84	NGUYỄN TIẾN QUANG. N/c ứng dụng xa-thu cp sai suất	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	85	TRẦN QUỐC TUẤN. Xác định tỷ lệ viêm mũi dị ứng	+	+				"	"				CK II	"
	86	LÝ ĐỨC THUẬN. D/g kq nỗ sơ chỉnh hình vách ngăn	+	+				"	"				"	"
	87	NGUYỄN QUỐC HÙNG. D/g kq thời gây kín phẫu ba	+	+				"	"				"	"
	88	NGUYỄN THUỲ HẰNG. N/c sự ĩ chiều cao và các y tố	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	89	NGUYỄN THỊ NGA. Đặc đ² LS, cận LS và tính hình	+	+				"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	2017	200..	200..	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9390	LÊ THỊ BÍCH HỒNG N/c đặc điểm LS và hiệu quả	+	+				"	2013				Thạc sĩ	Đã
	9391	TRẦN QUANG DINH N/c liên quan tuổi trong	+	+				"	"				"	"
	92	NGUYỄN TRỌNG DŨNG Đ/g kq đtrị sớm theo nhóm	+	+				"	"				"	"
21/2/14	93	NGÔ PHƯƠNG TÍ Đ/g kq đtrị phẫu thuật hoại	+	+				"	"				"	"
	94	LƯƠNG QUỲNH HOA Đ/g đtrị của fructosamin	+	+				"	"				"	"
	95	NGUYỄN THỊ VÂN Trầm cảm và lối ytế ab²	+	+				"	"				CNYH	"
	96	VŨ VIỆT HẰNG N/c tác dụng của chế phẩm	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	97	NGUYỄN THỊ LAN Thực trạng vẹo cột sống ở LS	+	+				"	"				CK II	"
	98	DƯƠNG VĂN THỨC K/sát tình hình đtrị nhiễm	+	+				"	"				"	"
18/3/14	99	ĐẶNG THỊ KIM HƯƠNG Đ/g kq phục hồi chức năng sau	+	+				"	"				"	"
	9400	LƯU HỒNG NHUNG Mô tả đặc đ² h/a & đg gtrị của xg	+	+				"	"				NT	"
	01	BOUNTHEUNG ANOUSINH N/c đ² LS, cận lâm sàng	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	02	NGUYỄN TÚ QUYẾT Thực trạng khúc thực hành & biến	+	+				"	"				"	"
	03	HỒ SỸ HÙNG N/c hiệu quả phương pháp tiêm tinh	+	+				"	2014				Tiến sĩ	"
	04	HÀ HỮU TÙNG N/c thực trạng môi trường sức khỏe	+	+				"	2014				"	"
	05	PHẠM THÁI HƯNG N/c đ² LS CLS và kq phẫu thuật	+	+				"	2013				"	"
2/4/2014	06	NGUYỄN THANH PHÚC N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+	+				"	2013				Ths	"
	07	PHAN THỊ KIM DUNG Tình trạng dinh dưỡng mù mắt	+	+				"	2013				"	
	08	MAI SỸ HÙNG N/cứu đặc điểm mô bệnh học	+	+				"	"				"	
	09	TRƯƠNG THỊ HOÀNG LAN N/cứu đặc điểm mô bệnh	+	+				"	"				"	
	9410	HÀ ĐĂNG ĐINH Đánh giá kết quả điều trị gãy	+	+				"	"				"	
	11	NGUYỄN THANH THUỶ N/cứu rối dung chi sớm	+	+				"	"				"	
	12	HÀ THỊ BÍCH VÂN Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	13	ĐÀO THỊ NHÂM N/cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm	+	+				"	"				"	
	14	LÊ THỊ PHƯỢNG HUỆ Nhận xét tình trạng kiểm soát	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số đăng ký	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9415	VŨ XUÂN KIÊN. Nhận xét đặc điểm hình dáng, cấu trúc
	16	NGUYỄN HẢI HÀ. N/cứu đặc trưng giao tiếp ngôn
	17	QUẢNG VĂN HẢI. Đánh giá kết quả thực hiện dạng đường
	18	LÃI THU HÀ. N/cứu kiểu dáng chụp cắt ghép ảnh
	19	PHẠM THỊ ĐỨC HẠNH. Ứng dụng thống quảng
	20	PHAN THỊ THANH HOA. Đánh giá kết quả in bao giấy
	21	ĐÀO THU HÀ. Thực trạng sản xuất và một số giải pháp
	22	TRẦN HUY BÌNH. Nhận thức, thái độ và thực hành
	23	BÙI TRUNG DŨNG. Thực trạng bệnh viêm loét dạ dày
	9424	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Nhận xét kích thước ngang
	25	NGUYỄN BÁ KHÁNH. Đánh giá kết quả bước đầu
	26	HOÀNG VĂN CỪ. N/cứu đặc điểm hình dáng, thành phần
	27	VŨ VĂN QUÂN. Đánh giá kết quả phẫu thuật bướu
	28	NGUYỄN ĐẮC TUẤN. N/cứu đặc điểm hình dáng
	29	PHẠM THƯỜNG VŨ. Bước đầu đánh giá kiểu quá
	30	NGUYỄN THỊ MỸ. N/cứu tỷ lệ bị thương thân
	31	BÙI THỊ BÍCH VÂN. N/cứu nồng độ Vitamin D
	32	NGUYỄN THỊ THIÊN DUNG. Đánh giá t/dụng của
	33	PHAN THỊ MINH HIỀN. Đánh giá t/dụng của bài thuốc
	9434	LÊ VĂN DUY. Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt
	35	NGUYỄN ĐÌNH TRƯỜNG. N/cứu chức năng vỏ não
	36	ĐẶNG XUÂN HOÀNG. N/cứu thực hiện kỹ thuật cắt dây
	37	NGUYỄN THỊ THUỶ. N/cứu đặc điểm hình máu của
	38	ĐẶNG THỊ THU HẰNG. N/cứu đặc điểm vi khuẩn
	9439	BÙI THỊ MINH PHƯỢNG. Phát hiện đột biến gen

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
+	+				HC	2013				ThS	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2005	KIỂM KÊ 2007	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9440	LÊ VÕ ICIÊN. N/cứu sự thay đổi của một số đối	+	+				tc	2013				Ths	
	41	ĐỖ XUÂN CHIẾN. N/cứu thể giun của bệnh tay	+	+				"	"				"	
	42	ACÀN ANH ĐỨC. N/cứu tình hình nhiễm độc Bhcc	+	+				"	"				"	
	43	TRỊNH QUANG VINH. N/cứu chẩn đoán thức sinh	+	+				"	"				"	
	9444	NGUYỄN THỊ NGA. N/cứu tình hình ỉa chảy	+	+				"	"				"	
	45	TRẦN ĐÌNH VĂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				BSNT	
	46	TRẦN QUANG TRUNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+	+				"	"				Ths	
	47	LÊ VĂN HOÀ. Chẩn đoán bằng máy cắt lớp vi tính	+	+				"	"				"	
	48	PHAN THỊ KIM DUNG. N/cứu nhiễm khuẩn tiết niệu	+	+				"	"				"	
	9449	NGUYỄN THỊ MINH THANH. N/cứu thực trạng nhiễm	+	+				"	"				"	
	50	TRẦN THỊ THANH THUỶ. Nhiễm khuẩn sau cắt bỏ	+	+				"	"				"	
	51	PHÙNG THỊ THẮC. Kiến thức thái độ, thực hành	+	+				"	"				"	
	52	TRẦN THỊ HOÀ. Thực trạng sử dụng một số thuốc hạ áp	+	+				"	"				"	
	53	NGUYỄN THỊ CHINH. N/xét đặc điểm lâm sàng và	+	+				"	"				"	
	54	TRẦN ĐỨC TRINH. N/xét một số đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	
	9455	HOÀNG TRUNG HIẾU. N/cứu áp dụng kỹ thuật điều trị	+	+				"	"				"	
	56	HOÀNG MẠNH HÀ. Đánh giá điều trị nội khoa sỏi	+	+				"	"				"	
	57	NGUYỄN THỊ THU NGHĨA. N/cứu t/dụng của Estrogen	+	+				"	"				"	
	58	NGUYỄN MINH ĐỨC. Kiến thức, thái độ, kết quả	+	+				"	"				"	
	59	ĐINH THỊ HUYỀN NGỌC. N/cứu hiệu quả điều trị Gây	+	+				"	"				"	
	60	ĐẶNG QUANG HUY. Đánh giá ngay và xuất huyết theo	+	+				"	"				"	
	61	TRẦN BẢO TRANG. Theo dõi 6-12 tháng sử dụng	+	+				"	"				"	
	62	LẠI PHÚ THÁI SƠN. Đánh giá hiệu quả của Morphine	+	+				"	"				"	
	63	ĐẶNG BÁ HIỆP. Đánh giá hiệu quả của kháng sinh	+	+				"	"				"	
	9464	NGUYỄN MẠNH TUẤN. N/cứu giải phẫu thần kinh	+	+				"	"				"	

NĂM 290.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9465	LÊ THẾ ANH. N/cứu tình trạng dòng chảy chậm	+	+				H	2013				Ths	
	66	NGỌ VĂN THANH. N/cứu biến đổi áp lực đáng mạch	+	+				"	"				"	
	67	NGUYỄN THỊ NGỌC TÚ. Đối chiếu kết quả nội sai	+	+				"	"				"	
	68	LÊ VĂN TRƯỜNG. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	9469	NGÔ QUANG HÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	
	70	NGUYỄN QUANG ÂN. N/cứu áp dụng bảng điểm BISAP	+	+				"	"				"	
	71	ĐẶNG QUANG CHUNG. N/cứu áp dụng phương thức	+	+				"	"				"	
	72	NGUYỄN TRUNG THỦY. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	73	NGUYỄN ANH TUẤN. N/cứu nguyên nhân và kết quả	+	+				"	"				"	
	74	VŨ THANH TÚ. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	
	9475	CAO VIỆT HÙNG. N/cứu áp dụng Automode trong thông	+	+				"	"				"	
5/4/2014	76	NGUYỄN TẤT TUẤN. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	77	NGUYỄN QUANG TRUNG. Nhận xét kích thước khoảng	+	+				"	"				"	
	78	PHẠM THU TRANG. Thực trạng sâu răng, vấn đề và mất	+	+				"	"				"	
	79	ĐẶNG ANH BẮC. N/cứu hiệu quả kích thích buồng hưng	+	+				"	"				"	
	80	ĐỖ VĂN CÔNG. Đánh giá kết quả lành thương và thẩm mỹ	+	+				"	"				"	
	9481	VŨ THỊ THU THỦY. Nhận xét thực trạng răng xoay trục	+	+				"	"				"	
	82	NGUYỄN THỊ THANH VÂN. Đánh giá tác dụng của đầu	+	+				"	"				BSNT	
	83	TẠ ĐĂNG HÙNG. Tình trạng dinh dưỡng và sự phát	+	+				"	"				Ths	
	84	VŨ QUẢNG PHONG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	9485	TRẦN NHƯ PHONG. Thực trạng điều kiện lao động	+	+				"	"				"	
	86	VŨ THANH TÙNG. N/cứu sự sẵn sàng chi trả của	+	+				"	"				"	
	87	NGUYỄN ANH CHI. Thực trạng bệnh sâu răng, vấn đề	+	+				"	"				"	
	88	ĐỖ THỊ HƯƠNG HẢI. N/cứu kết quả điều trị dọa sẩy	+	+				"	"				"	
	89	VƯƠNG QUỐC CƯỜNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	

NAM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9490	NGUYỄN THỊ THANH NHIỆN. Thực trạng dinh dưỡng, Khảo	+	+				HC	2013				TLS	
	91	HÀ MẠNH TUẤN. N/cứu biến quỹ gia thay bằng liệu	+	"				"	"				"	
	92	BÙI QUANG PHAN THẮNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	"				"	"				"	
	93	TRẦN THỊ ICH NHUNG. Thực trạng hoạt động giám sát bệnh	+	"				"	"				"	
	94	LÊ THỊ QUỲNH TRANG. N/cứu thực hành ác và thực hiện	+	"				"	"				"	
	9495	LƯỜNG ĐỨC DŨNG. Thực trạng dinh dưỡng của bệnh nhân	+	"				"	"				"	
	96	NGUYỄN MINH THUYẾT. N/cứu kết quả của xạ, buồng	+	"				"	"				"	
	97	THÁI THỊ HUYỀN. N/cứu kết quả thu tinh trong ống	+	"				"	"				"	
	98	NGUYỄN HẢI LONG. Đánh giá tác hại của độ dày da	+	"				"	"				"	
	99	PHẠM THỊ THU HUYỀN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	"				"	"				"	
	9500	ĐỖ ĐỨC LÂN. N/cứu nồng thuốc, thái độ thực hiện	+	"				"	"				"	
	01	NGUYỄN VĂN SƠN. Đánh giá kết quả bước đầu	+	"				"	"				"	
	02	TRẦN VĂN VỢ. Nhận xét một số quan quả kết thuốc	+	"				"	"				"	
	03	GIÁP HUY CHỨC. Thực trạng bệnh sâu răng, mức độ	+	"				"	"				"	
	04	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	"				"	"				"	
	05	NGUYỄN VĂN HỌC. Nghiên cứu chẩn đoán và xử lý	+	"				"	"				"	
	06	VŨ THỊ NGỌC ANH. Nhận xét tình trạng mắc sâu răng, nhóm	+	"				"	"				"	
	07	TRẦN PHƯƠNG BÌNH. Nhận xét kết quả phẫu thuật	+	"				"	"				"	
	08	NGUYỄN HUY TÙNG. Đánh giá kết quả phục hồi	+	"				"	"				"	
	9509	PHẠM THỊ THANH BÌNH. Nhận xét một số kết	+	"				"	"				"	
	10	NGUYỄN QUẾ SƠN. Điều kiện vệ sinh an toàn thực	+	"				"	"				"	
	11	MAI TIẾN DŨNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi	+	"				"	"				"	
	12	THÁI DOÃN CÔNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+	"				"	"				"	
	13	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	"				"	"				"	
	9514	NGUYỄN GIANG SƠN. N/cứu nồng dung dao sâu	+	"				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIA TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9515	HOÀNG THANH TUẤN. N/cứu chẩn đoán và điều trị chấn thương	+	+				H	2013				Ths	
7/4	16	NGUYỄN VĂN NAM. N/cứu đặc điểm lâm sàng và lịch	+	+				"	"				"	
	17	LÊ VĂN CHÍNH. Đánh giá kết quả điều trị cố định cổ	+	+				"	"				"	
	18	HÀ NGỌC HƯNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật Basc dau	+	+				"	"				"	
	19	LÊ THỊ XUÂN. N/cứu áp dụng thử nghiệm thể thở mang	+	+				"	"				"	
[illegible]	20	LÊ TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, chụp cắt	+	+				"	"				"	
	21	VŨ THỊ THU HIỀN. N/cứu liều Bupivacain tỷ trọng cao	+	+				"	"				"	
	22	NGUYỄN THANH TÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	23	NGUYỄN THỊ THANH HÀ. N/cứu độc tính cấp và tác dụng	+	+				"	"				"	
	9524	MAI PHƯỜNG THANH. N/cứu tác dụng điều chỉnh sá	+	+				"	"				"	
	25	BÙI THỊ NHỀ. N/c chiều ngoài tử cung ở thai	+	+				"	2014				"	
	26	NGÔ TRUNG DŨNG. Đánh giá vai trò độ bão hòa ô xy	+	+				"	"				"	
	27	NGUYỄN THỊ MAI LY. Hiệu quả điều trị D. pericillanins	+	+				"	"				"	
	28	TRẦN NGỌC TUẤN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	29	NGUYỄN ĐỨC THẮNG. Đánh giá đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	30	VŨ TRỊ HIẾU. Đánh giá kết quả phẫu thuật mở nắp	+	+				"	"				"	
	9531	ĐỖ VIẾT SƠN. Đánh giá kết quả điều trị rách sụn	+	+				"	"				"	
	32	PHAN THẾ DŨNG. Hiệu quả điều trị nang giả tụy	+	+				"	"				"	
	33	VŨ SƠN TÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng sá loạn	+	+				"	"				"	
	34	NGUYỄN THỊ THU. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+	+				"	"				"	
	35	ĐINH QUANG KIÊN. Hiệu quả cuộc thông khí nhân tạo	+	+				"	"				"	
	36	NGUYỄN CÔNG HIẾU. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	37	LÊ ĐÌNH CÔNG. Đặc điểm lâm sàng nang ống mật chủ	+	+				"	"				"	
	38	QUẢN THÀNH NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	9539	ĐÀM THỊ LAN. Đánh giá kết quả điều trị viêm mũi xoang	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày tháng số	Số đăng ký	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9540	VŨ THỊ HOÀN. Đánh giá kết quả và nhu cầu sáng tạo Kỹ thuật
	41	PHÙNG TIẾN HIẾU. Nghiên cứu tính thấu kính sáng, mô hình học
	42	TRẦN ĐÌNH TOÁN. Đánh giá kết quả thiết thuật
8/4	43	VŨ MẠNH HOÀN. Đánh giá kết quả đầu tư và nâng
	44	LÊ VĂN DIỄN. Đặc điểm hình ảnh giảng mạch vành
	45	HÀ THỊ LAN HƯƠNG. Vai trò của chụp Cắt lớp vi tính
	46	BÙI HỒNG GIANG. Nghiên cứu đặc điểm và chẩn đoán
	47	NGUYỄN THÁI HOÀNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật ghép
	48	NGUYỄN HỮU THÀNH. Nghiên cứu sáng. Cải tiến sáng
	49	NGUYỄN QUANG THÀNH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	9550	TRẦN HẢI TRUNG. Nghiên cứu đặc điểm chẩn đoán đặt
	51	NGUYỄN VĂN TIẾN. Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật
	52	TRẦN THÚY HỒNG. Đặc điểm hình ảnh mô gửi tới cắt
	53	NGUYỄN ĐÌNH NGHIỆP. Điều trị đau dây V bằng
	54	NGUYỄN THỊ NGỌC. Nghiên cứu điều trị bệnh Chàm cơ
	55	ĐINH MẠNH PHƯƠNG. Đánh giá hiệu quả tiêu
	56	NGÔ VIỆT HÙNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng. Cận
	57	HỒ THỊ TÂM. Đánh giá kết quả điều trị đau thần kinh
	58	NGUYỄN HOÀNG TRUNG. Đánh giá kết quả điều trị
	9559	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Nghiên cứu hội chứng tế
	60	LƯƠNG THỊ HẢI HÀ. Khảo sát tình trạng giảm
10/4	61	ĐINH THỊ THU HIỀN. Nghiên cứu đặc điểm một số yếu
	62	HOÀNG NAM PHONG. Đánh giá chất lượng cuộc sống
	63	NGUYỄN THỊ KIM OANH. Nghiên một số bệnh lý tim
	9564	SRENG HUONG. Nghiên cứu ứng dụng của tuyến Solu

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
+	+				HC	2013				Ds.	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9565	TRƯƠNG KHÁNH MỸ HẰNG. Nhận xét đặc điểm lâm	+	+				H	2013				Ths.	
	66	LÝ THÚY MINH. Theo dõi kết quả phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	67	PHẠM THỊ MINH KHÁNH. Đánh giá thay đổi tiêu phẳng	+	+				"	"				"	
	68	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu	+	+				"	"				"	
	69	NGUYỄN HOÀNG GIANG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	9570	HÀ THỊ THU HÀ. N/cứu kết quả điều trị cơ quặp mi	+	+				"	"				"	
	71	LÝ MINH ĐỨC. Đánh giá kết quả phẫu thuật bóc	+	+				"	"				"	
	72	TRẦN BÁ KHUYẾN. Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh	+	+				"	"				"	
	73	NGUYỄN THỊ VÂN. Acinetobacter baumanni s	+	+				"	"				"	
	74	LÂM THỊ HẬU. Xác định tỷ lệ nhiễm và nước	+	+				"	"				"	
	9575	NGUYỄN THỊ VƯỢNG. Đ/giá hiệu quả phẫu đo xelox	+	+				"	"				"	
	76	PHẠM KHÁNH TOÀN. N/xét một số đ²LS, CLS & kỹ	+	+				"	"				"	
	77	PHẠM THANH LOAN. Phát hiện đột biến gen gàng	+	+				"	"				"	
	78	NGÔ TRÍ THUẬN. Đánh giá tác dụng của Fluconazole	+	+				"	"				"	
	79	VŨ HỒNG MINH. Đánh giá đặc điểm lâm sàng và kết quả	+	+				"	"				"	
	9580	PHAN HẢI QUYNH. N/cứu ứng dụng MASK thanh quản	+	+				"	"				"	
	81	NGUYỄN XUÂN THỌ. N/cứu hiệu quả thở ôxy áp	+	+				"	"				"	
	82	ĐINH THỊ PHƯƠNG THUỶ. Đánh giá kết quả điều trị	+	+				"	"				"	
	83	BẠCH NGỌC ANH. Đánh giá tác dụng của Syentamel	+	+				"	"				"	
	84	NGUYỄN THỊ HẰNG. Đánh giá ảnh hưởng của gây tê	+	+				"	"				"	
	85	NGUYỄN THỊ KIM ANH. Đánh giá kết quả điều trị ung thư	+	+				"	"				"	
	86	LÊ VĂN TUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng nội sa	+	+				"	"				"	
	87	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN. N/cứu tính dẫn hồi thanh	+	+				"	"				"	
	88	TRẦN TUẤN ANH. Đánh giá nâng độ tiêu Peptide	+	+				"	"				"	
	9589	TRẦN MỸ LINH. N/cứu các yếu tố nguy cơ tim	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9590	NGUYỄN HOÀNG HÀ. N/cứu đặc điểm lâm sàng...
	91	NGUYỄN T. THANH HÒA. N/cứu phân lập Chlamydia...
	92	TỐNG THỊ HƯỜNG. Bước đầu n/cứu biến chứng của...
	93	PHẠM BÁ TUẤN. Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng...
	94	VŨ THANH PHƯƠNG. Đánh giá một số đặc điểm...
	9595	PHẠM VĂN TRƯỜNG. Đánh giá hiệu quả bước đầu phẫu...
	96	LÊ VĂN QUANG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm...
	97	DƯƠNG THỊ THÙY LINH. N/cứu đặc điểm hoạt tuổi...
	98	DƯƠNG THỊ THANH BÌNH. Đánh giá chất lượng cuộc sống...
	99	NGUYỄN THỊ LAM HỒNG. N/cứu giá trị của đo mật độ xương...
	9600	NGUYỄN DUY TUẤN. Nhận xét một số đặc điểm lâm...
	01	NGUYỄN ĐÀM CHÍNH. Nhận xét đặc điểm lâm sàng...
	02	TRẦN VĂN LƯỢNG. N/cứu vai trò của siêu âm tim...
	03	PHẠM GIA TRUNG. Đánh giá thực trạng điều trị rối...
	04	HOÀNG VĂN BÌNH. Đặc điểm lâm sàng và vai trò...
	05	TRẦN QUANG ĐỈNH. N/cứu hàm lượng Troponin T...
	06	LÊ THỊ BÍCH THUỶ. N/cứu yếu tố nguy cơ tim mạch...
	07	NGÔ HỮU PHƯỜNG. N/cứu tình hình sâu răng trên...
	08	PHẠM THỊ THANH HUYỀN. Tình hình, đặc điểm...
	9609	NGUYỄN THỊ LINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng...
	10	ĐỖ THỊ THUỶ HỒNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng...
	11	TRƯƠNG VĂN HUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng...
	12	PHẠN NGỌC QUYỀN. Đánh giá hiệu quả giảm đau...
	13	VŨ THỊ DUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, yếu tố...
	9614	ĐẶNG VĂN HOÀ. Đánh giá kết quả điều trị viêm...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
†	†				H	2013			1	Ths.	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	
†	†				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9615	MAI HUY THÀNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả	+	+				HC	2013				Ths	
	16	HOÀNG THANH NGA. Đánh giá hiệu quả của huyết	+	+				"	"				"	
	17	ĐẶNG VĂN MINH. N/cứu kiểm tuần tuần thích nghi	+	+				"	"				"	
	18	PHÍ THỊ NGA. N/cứu hội chứng chuyển hóa ở bệnh nhân	+	+				"	"				"	
	19	HOÀNG HUẾ ANH. Vai trò của nội sơ phát quản ấy	+	+				"	"				"	
11/4	9620	CAO NGỌC DUY. N/cứu đặc điểm lâm sàng và điều trị	+	+				"	"				"	
	21	VŨ THỊ DUYÊN TRANG. Đánh giá hiệu quả vốn đăng trị	+	+				"	"				"	
	22	NGUYỄN THỊ VÂN. Đánh giá kết quả chuẩn trình	+	+				"	"				"	
	23	VŨ CHI MAI. Thêm dò chức năng tuyến cận giáp	+	+				"	"				"	
	24	PHAN THỊ HANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	
	25	HÀ THỊ HỒNG CẨM. N/cứu giá trị của chỉ số	+	+				"	"				"	
	26	NGUYỄN THỊ THÚY. Khảo sát mỹ dung thiết bị đo sắc	+	+				"	"				"	
	27	LÊ CÔNG TIẾN. N/cứu vai trò của sinh âm trong chẩn	+	+				"	"				"	
	28	ĐINH THỊ THANH HÒA. N/cứu nâng độ protein S100B	+	+				"	"				"	
	9629	ĐẶNG TUYẾT NHUNG. Đánh giá hội chứng rối loạn	+	+				"	"				"	
	30	LƯỜNG QUỲNH HOA. Đánh giá giá trị của fructosamine	+	+				"	"				"	
	31	LƯỜNG THỊ THU TRANG. N/cứu nâng độ protein S100B	+	+				"	"				"	
	32	LÊ THỊ DOAN. N/cứu một số đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	33	NGUYỄN DUY KHÁNH. Khảo sát thực trạng ăng mỹ	+	+				"	"				"	
	34	NGUYỄN THỊ QUÝ. Đánh giá bức dung của bài thuốc	+	+				"	"				"	
	9635	TRẦN TRUNG KIÊN. N/cứu bỏ thường vẫy mạc chu	+	+				"	"				"	
	36	HÀ HUY TĨNH. Đánh giá đáp mỹ điều trị vá phác	+	+				"	"				"	
	37	NGUYỄN THANH BÌNH. Đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	38	ĐỖ THỊ THANH THỦY. Mô bỏ đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	9639	BÙI ĐÀO QUÂN. N/cứu phẫu thuật gấp cần cổ	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9640	VƯƠNG THÌ NGỌC DIỄN. Khảo sát bình chứng thân	+	+				HC	2013				Ths.	
	41	PHẠM THÌ HOÀI. Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng	+	+				"	"				"	
	42	OEURN PICH. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	43	VŨ HẢI TOÀN. N/cứu đặc điểm một số xét nghiệm	+	+				"	"				"	
	44	NGUYỄN MINH TUẤN. Đánh giá bề dày nội trung mạc	+	+				"	"				"	
	45	LÊ XUÂN MỪNG. Đánh giá kết quả điều trị sỏi đường	+	+				"	"				"	
	9646	LÊ ANH TRONG. N/cứu đặc điểm lâm sàng vô lưỡi	+	+				"	"				"	
	47	HORT. RACHANA. N/cứu đặc điểm lâm sàng vô cận	+	+				"	"				"	
	48	NGUYỄN THỊ THU. N/cứu đặc điểm dịch tễ học lâm	+	+				"	"				"	
	49	NGÔ XUÂN CƯỜNG. Đánh giá kết quả điều trị bệnh có thắt	+	+				"	"				"	
	50	NGUYỄN THỊ THƯƠNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	51	NGUYỄN MANH HÀ. N/cứu đảng mạch chi dưới	+	+				"	"				"	
	52	TRẦN ANH TUẤN. N/cứu những đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	53	PHẠM THỊ THANH HÀ. Đánh giá bức dung cuối bài	+	+				"	"				"	
	54	NGÔ QUỐC BÔ. Đặc điểm hình ảnh vô giá trị	+	+				"	"				"	
	55	HOÀNG THỊ KIM YẾN. N/cứu trình có bức đảng mạch	+	+				"	"				"	
14/4.	9656	TRỊNH XUÂN THẮNG. N/cứu các yếu tố nguy cơ	+	+				"	"				"	
	57	LÊ ANH MINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+	+				"	"				"	
	58	NGUYỄN THỊ HIỀN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	59	NGUYỄN ĐĂNG ĐẠI. N/cứu đặc điểm giải phẫu	+	+				"	"				"	
	60	ĐÀO MINH CHÂU. N/cứu kiểm quả điều trị bệnh suy	+	+				"	"				"	
	9661	LÊ THỊ BÍCH HỒNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	62	NGUYỄN ĐỨY HUÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng vô	+	+				"	"				"	
	63	LÊ SƠN LÂM. Đánh giá kết quả đo hình thu gọn	+	+				"	"				"	
	9664	NGUYỄN VIẾT BÌNH. Đánh giá kết quả điều trị ung thư	+	+				"	"				"	

NĂM 200. .....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9665	NGUYỄN KHÁNH TOÀN - Đánh giá kết quả hóa chất	+	+				HC	2013				Ths	
	66	TRẦN THỊ HOÀI THANH - Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	67	NGÔ THỊ THU HIỀN - N/cứu bệnh hiện gen mã hoá ...	+	+				"	"				BSNT	
	68	PHẠM MINH ĐÔNG - N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	
	69	NGUYỄN TUYẾT TRANG - Đánh giá tác dụng điều trị đau	+	+				"	"				"	
	9670	NGHIÊM THỊ THU THỦY - Đánh giá tác dụng của điều trị	+	+				"	"				"	
	71	ĐẶNG KIM KHUÊ - Đánh giá kết quả giúp gọn trên quê	+	+				"	"				"	
	72	NGUYỄN THỊ TUYẾN - Đánh giá hiệu quả vi tinh an toàn	+	+				"	"				"	
	73	BÙI NGUYỄN HỒNG BẢO NGỌC - N/cứu đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	
	74	NGUYỄN QUỲNH GIAO - N/cứu tăng thai kiểu gen ...	+	+				"	"				"	
	75	NGUYỄN BÍCH DIỆP - Đánh giá hiệu quả tư vấn tăng cường	+	+				"	"				"	
	76	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG - Thực trạng quản lý bệnh nhân	+	+				"	"				"	
	77	NGUYỄN BÁ KHANH - N/cứu một số đặc điểm	+	+				"	"				"	
	9678	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG - N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	79	NGUYỄN KIM NGỌC - Đánh giá tác dụng của điều	+	+				"	"				"	
	80	NGUYỄN THỊ BÍCH HỒNG - N/cứu sự thay đổi một	+	+				"	"				"	
	81	NGUYỄN THỊ NHUNG - N/cứu kết quả sàng giúp tế bào	+	+				"	"				"	
	82	NGUYỄN THANH THỦY - Phân loại gian đoạn bệnh	+	+				"	"				"	
	83	PHẠM THỊ ANH TUYẾT - Đánh giá tác dụng hiệu quả	+	+				"	"				"	
	9684	NGUYỄN NGỌC SƠN - N/cứu đặc điểm chẩn đoán vi	+	+				"	"				"	
	85	LÊ DUY CƯỜNG - N/cứu định lượng Acid Amin tự do	+	+				"	"				"	
	86	NGUYỄN THU HÀ - Đánh giá kết quả điều trị các bệnh	+	+				"	"				"	
	87	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG - N/cứu ảy xe vú trị khoa sản	+	+				"	"				"	
	88	NGUYỄN QUANG ANH - N/cứu đặc điểm hình ảnh học	+	+				"	"				"	
	9689	ĐÀO THIÊN NGA - N/cứu đặc điểm lâm sàng, hình	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9690	CHU THỊ THÙY LINH. N/cứu lâm sàng, cắt lợi vì trình	+	+				H	2013				BSNT	
	91	NGUYỄN XUÂN HẬU. Đánh giá kết quả điều trị mỹ thuật	+	+				"	"				"	
	92	NGUYỄN TRANG NHUNG. N/cứu vai trò ảnh thông	+	+				"	"				"	
	93	THÁI DUY QUANG. Đánh giá kết quả tra hình che	+	+				"	"				"	
	94	HOÀNG THỊ HUẾ. Bước đầu nghiên cứu đặc điểm	+	+				"	"				"	
	9695	PHẠM THỊ HƯƠNG TRANG. Phát hiện đột biến điểm	+	+				"	"				"	
	96	ĐINH ĐĂNG TUỆ. Đánh giá hiệu quả điều trị đau thần	+	+				"	"				"	
	97	TRẦN VĂN LƯỢNG. Đặc điểm hình ảnh CLVT 64 dãy	+	+				"	"				"	
	98	TRẦN THỊ HUYỀN. Hiệu quả điều trị mày đay mạn	+	+				"	"				"	
	99	VŨ THỊ HÀ. Phân tích đặc điểm nhiễm sắc thể...	+	+				"	"				"	
	9700	HOÀNG ANH THƯ. N/cứu bác dụng bảo vệ, lực bền	+	+				"	"				"	
	01	NGUYỄN MANH THÀNH. Đánh giá bác sĩ kết quả	+	+				"	"				"	
	02	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG. N/cứu chỉ số cả chân	+	+				"	"				"	
	03	BÙI QUANG THẮNG. Đánh giá kết quả ngắn hạn cuộc	+	+				"	"				"	
	04	NGUYỄN THỊ AN THUỶ. N/cứu chỉ số sức cơ đáng mạch	+	+				"	"				"	
	05	NGUYỄN THU HẰNG. Thực trạng bệnh sâu răng vĩ nhu	+	+				"	"				"	
16/4.	06	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG. Đánh giá bác dụng trị khoáy	+	+				"	"				"	
	07	VŨ HỒNG TUẤN. N/cứu chẩn đoán vì điều trị	+	+				"	"				"	
	08	ĐẶNG BÍCH DIỆP. Điều trị sẹo lõm do tuổi cá	+	+				"	"				"	
	9709	ĐÀM THU TRANG. N/cứu hiệu quả cuộc phương pháp	+	+				"	"				"	
	10	ĐINH THỊ HỒNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+	+				"	"				"	
	11	VŨ THỊ THU TRANG. N/cứu chỉ số cả chân - cổng	+	+				"	"				"	
	12	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ. Đánh giá hiệu quả nang	+	+				"	"				"	
	13	ĐINH THỊ THÁI. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	9714	NGUYỄN THỊ HANH. Đánh giá hiệu quả vì trình	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9715	TRỊNH THỊ HỒNG GẤM. Nhận xét kết quả điều trị mất
	16	NGUYỄN TIẾN HẢI. N/cứu kinh thái lâm sàng m dành
	17	CHU QUỐC HOÀN. Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng
	18	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG. Nhận xét một số đặc điểm
	19	PHÙNG THỊ DUYÊN. N/cứu thực trạng viêm xoang
	9720	TRỊNH VŨ HẢI. Đánh giá kết quả ban đầu phẫu thuật
	21	ĐINH THỊ DUYÊN. Đánh giá kết quả phục hồi chức năng
	22	TRẦN VIỆT HÀ. Đánh giá kiểu quả phục hồi chức năng
	23	NGUYỄN THANH THỦY. Đánh giá hạt dung cụ đeo
	24	PHÙNG BẢO NGỌC. N/cứu giải phẫu cửa Clivus Cắt
	25	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC. Ứng dụng xét nghiệm
	26	NGUYỄN VĂN HƯNG. Đánh giá kết quả điều trị ung
	27	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG. N/cứu Clostridium thời gian
	28	LƯỜNG THỊ PHƯỢNG. Đánh giá kiểu quả chỉ phương
	9729	PHAN THÚY ANH. N/cứu tình trạng sâu răng
	30	BÙI VIỆT HÙNG. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật
	31	PHAN NHẬT AN. Bước đầu đánh giá kiểu quả
	32	ĐÀO THỊ LUẬN. Đặc điểm mô bệnh học tuyến - xoắn
	33	TRẦN THỊ THÙY TRANG. N/cứu chỉ số miễn ngoài mạch
	34	VŨ THỊ QUẾ ANH. N/cứu ứng dụng kỹ thuật
	9735	LÊ ANH TUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, chẩn
174	36	LÊ THU HƯỜNG. N/cứu tình trạng lệch khớp cắn
	37	NGUYỄN HOÀNG YẾN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	38	CHU THỊ LOAN. Vai trò của EVH gây bệnh tay chân
	9739	NGUYỄN THỊ HÀ. N/cứu nguyên nhân m đặc điểm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
+	+				HL	2013				BSNT	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"	
+	+				"	"				"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9740	BÙI VĂN SAN. Nghiên cứu thực trạng sử dụng các chất	+	+				HC	2013				BSNT	
	41	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+	+				"	"				"	
	42	NGUYỄN THỊ HOÀI VÂN. Nhận xét một số đặc điểm	+	+				"	"				"	
	43	NGUYỄN VĂN THỨC. Nghiên cứu áp dụng thang điểm Heart	+	+				"	"				"	
	44	NGUYỄN THU NGÂN. Đánh giá vai trò của SvO_2	+	+				"	"				"	
	45	NGUYỄN HUY HOÀNG. Nghiên cứu vai trò chỉ số đánh giá	+	+				"	"				"	
	9746	NGUYỄN THỊ HÒA. Đánh giá kết quả điều trị hoá chất	+	+				"	"				"	
	47	HOÀNG MINH THẮNG. Đánh giá kết quả điều trị	+	+				"	"				"	
4C/4	48	TRẦN ĐỨC TÂM. Nghiên cứu chỉ số đánh giá kết quả điều trị	+	+				"	"				"	
	49	NGUYỄN HOÀI ANH. Nghiên đặc điểm lâm sàng, cận	+	+				"	"				"	
	50	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Nghiên nguyên nhân, một số	+	+				"	"				"	
	51	NGUYỄN THỊ HOA. Đánh giá sự thay đổi lâm sàng	+	+				"	"				"	
	52	TRẦN MỸ LINH. Nghiên cứu yếu tố nguy cơ hình thành	+	+				"	"				Ths	
	53	ĐỖ MẠNH HÙNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+	+				"	"				"	
	9754	VŨ MẠNH HOÀN. Đánh giá kết quả điều trị ngoại	+	+				"	"				"	
	55	NGUYỄN CÔNG HIẾU. Đánh giá kết quả điều trị	+	+				"	"				"	
	56	TRẦN ĐÌNH TOÀN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+	+				"	"				"	
	57	LÊ THỊ QUỲNH TRANG. Kiến thức, thái độ,	+	+				"	"				"	
	58	TRẦN THỊ HÒA. Thực trạng sử dụng một số thuốc	+	+				"	"				"	
	59	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN. Thực trạng điều dưỡng	+	+				"	"				"	
	60	ĐOÀN VIỆT QUÂN. Nghiên điều trị thoái hoá khớp	+	+				"	"				"	
	9761	VŨ THỊ THU HIỀN. Nghiên tiêm tuỷ sống Bupivacain	+	+				"	"				"	
	62	LÊ VĂN DIỄN. Đặc điểm tuổi, giới, dáng mạch vành	+	+				"	"				"	
	63	PHÙNG NGỌC HÒA. Đánh giá kết quả điều trị	+	+				"	"				"	
	9764	TRẦN THỊ KIM NHUNG. Thực trạng hoạt động giám	+	+				"	"				"	

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9765	HÀ THỊ LAN HƯƠNG. Vai trò chụp cắt lớp vi tính	+	+				HC	2013				TLS	
	66	LÊ VĂN HÒA. Giá trị chụp cộng hưởng từ 1,5 TESLA	+	+				"	"				"	
	67	VŨ THANH TÚ. N/ bản xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	
	68	TẠ ĐĂNG HƯNG. Tình trạng dinh dưỡng m sự	+	+				"	"				"	
	69	TRẦN NHƯ PHONG. Thực trạng điều kiện lao động	+	+				"	"				"	
	70	HOÀNG TRUNG HIẾU. N/ cứu áp dụng kỹ thuật	+	+				"	"				"	
	71	NGUYỄN CHÍNH NGHĨA. N/ cứu yếu tố phát triển	+	+				"	"				Tiến sỹ	
	72	TIÊU NGỌC CHIẾN. N/ cứu tính an toàn, tác dụng	+	+				"	"				"	
[illegible]	73	[illegible]	+	+				HC	2016				Thạc sĩ	[illegible]
	74	[illegible]	+	+				"	2018				Tiến sĩ	Phả
	9775	PHẠM BÁ TUYẾN. N/c tác dụng của chế phẩm FURMAX	+	+				"	"				"	"
	76	NGUYỄN QUANG BÍNH. N/c đặc điểm LS, rối loạn trầm cảm	+	+				"	"				CKII	"
5/6 ↓	77	LƯƠNG BÍCH THÚY. N/x đ² LS và trạm tổn thương sâu	+	+				"	2014				BSYK	"
	78	PHẠM CÔNG MINH. N/x các biến thường thường gặp do rằng	+	+				"	"				"	"
	79	HUỲNH THỊ ÁNH NGỌC. N/x các tổ hợp viêm xoang	+	+				"	"				"	"
	80	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO. N/x đặc đ² rằng nang ngầm	+	+				"	"				"	"
	81	TRIỆU THỊ QUYÊN. N/x tình trạng sức khỏe vùng quanh rằng	+	+				"	"				"	"
	82	NGUYỄN HƯƠNG LIÊN. N/x một số đặc đ² n rằng kế cận	+	+				"	"				"	"
	83	HÀ MAI LIÊN. Thực trạng và nhu cầu đtrị bệnh quanh rằng	+	+				"	"				"	"
	84	HOÀNG NGỌC ÁNH. N/x sức khỏe nhu quanh rằng trên bệnh	+	+				"	"				"	"
	9785	LÊ THỊ THUỲ LY. N/x tương quan giữa chiều cao nhu lộn	+	+				"	"				"	"
	86	CAO ĐẮC DUY. N/x tình trạng mòn rằng của x cao tuổi	+	+				"	"				"	"
	87	LÊ THỌ. N/c đặc điểm DTH nhiễm Helicobacter pylori	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	88	NGUYỄN CHIẾN THẮNG. N/c ứng dụng phẫu thuật giảm áp	+	+				"	"				"	"
	9789	TRẦN THỊ THANH MAI. N/x tình trạng khớp cắn của nhóm	+	+				"	"				BSYK	"

7515 4858

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9790	NGUYỄN THỊ ĐỊNH. Đ/g hiệu quả đtri của điện chăm	+	+				H	2014				BSYK	Đã
	91	PHẠM ANH TUẤN. N/x đặc đ° LS, CLS và 1 số y tố	+	+				"	"				"	"
	92	PHẠM THỊ DIỆP. K/S tình trạng bệnh sâu răng, viêm	+	+				"	"				"	"
	93	NGUYỄN VĂN CƯỜNG. N/x về u men xương hàm	+	+				"	"				"	"
	94	NGUYỄN KIỀU NGÂN. N/x thực trạng sâu răng hàm	+	+				"	"				"	"
	95	VŨ HẢI LINH. N/x đặc điểm LS, x quang và các	+	+				"	"				"	"
	96	TRẦN NHẬT YẾN. N/x thực trạng bệnh sâu răng & v	+	+				"	"				"	"
	97	LƯƠNG THỊ TÚ TRINH. Đ/g giá mối tương quan giữa đ	+	+				"	"				"	"
	98	HƯA THỊ HOÀN. N/x tình trạng mất răng và nhu	+	+				"	"				"	"
	99	HOÀNG THỊ MINH. N/x đặc điểm LS, và x-quang	+	+				"	"				"	"
	9800	PHẠM THỊ HUYỀN. K/S chẩn đoán & đtri nhạy	+	+				"	"				"	"
	01	LÊ QUỲNH ANH. N/x mlq giữa bệnh quanh răng và	+	+				"	"				"	"
	02	LÝ HOÀNG GIÁP. N/C tình hình nhiễm virus ở ^	+	+				"	"				CNYK	"
	03	HOÀNG NGỌC QUYẾT. Thực trạng răng sữa dính, răng sữa	+	+			"	"	"				BSYK	"
	04	NGUYỄN THỊ THU HIỀN. N/x thực trạng bệnh quanh	+	+				"	"				"	"
	05	NGUYỄN THỊ THANH TÂM. N/C tần suất một số đột biến gen	+	+				"	"				CNYK	"
	06	LÊ THU HỒNG. N/x thực trạng chân thương vùng răng	+	+				"	"				BSYK	"
	9807	BÙI THỊ QUYÊN. N/x một số đặc điểm bệnh thân sơ mật	+	+				"	"				"	"
	08	TRINH THẾ ANH. Đặc điểm thiếu máu ở bệnh nhân	+	+				"	"				"	"
	09	NGUYỄN THỊ MỤI NGỌC. Đ/g kiểu thiếu dọc ở trẻ thế	+	+				"	"				"	"
	10	NGUYỄN THỊ HẰNG. Tìm hiểu thực trạng kiểu thiếu	+	+				"	"				"	"
	11	NGUYỄN VĂN TÀI. N/C tình trạng dung nạp glucose	+	+				"	"				"	"
	12	VŨ MINH PHƯƠNG. Phát hiện sớm tổn thg cầu thận	+	+				"	"				"	"
1/VE	13	NGUYỄN VĂN TÂN. N/x thực trạng bệnh sâu răng	+	+				"	"				"	"
	14	ĐẶNG VŨ ANH. N/C thái độ xử trí lạc nhau mạc trẻ cung	+	+				"	"				"	"

NĂM 201.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	KIỂM KÊ 200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	16	NGUYỄN NGỌC TÚ N/C đ²LS, sa xét ng của bệnh nhân	+	+				H	2014				BCYK	Đã.
	17	NGUYỄN THỊ KIỀU TRINH N/c lâm sàng xét ng đồng mắc	+	+				〃	〃				CNYK	〃
	18	NGUYỄN LINH TRANG Thực trạng bệnh sâu răng và KTHR	+	+				〃	〃				BSYK	〃
	19	LÊ THỊ KIỀU TIÊN Nhận xét thực trạng tổng sức răng	+	+				〃	〃				〃	〃
	20	NGUYỄN THỊ DIỆU THUỶ Mô tả qua lượng lưu thông	+	+				〃	〃				〃	〃
	21	CHU VĂN TRIỀU, K/cứu thực trạng bệnh sâu r ở 1 số	+	+				〃					〃	〃
	22	TRẦN THỊ THU HẰNG N/x kết quả nhổ răng khôn	+	+				〃	〃				〃	〃
	23	TRỊNH THỊ TÌNH Thực trạng dinh dưỡng và 1 số yếu	+	+				〃	〃				〃	〃
	24	NGUYỄN THỊ LIỄU Tình trạng dinh dưỡng và thói	+	+				〃	〃				CN YTCC	〃
	25	ĐỖ THỊ THANH MAI N/cứu đặc đ² LS, CLS bệnh nhân	+	+				〃	〃				CNYK	〃
	26	NGUYỄN THỊ HƯỜNG Nhận đ² LC, CLS, hình thái điều trị	+	+				〃	〃				BSYK	〃
	27	ĐÀO ANH TUẤN. Cấu trúc xét nghiệm tế bào học	+	+				〃	〃				〃	〃
	28	NGUYỄN HOÀNH HƯỜNG N/c 1 số tổn thương thường gặp	+	+				〃	〃				〃	〃
	29	NGUYỄN THỊ THANH N/c 1 số thuốc tác dụng của thuốc	+	+				〃	〃				〃	〃
	30	NGUYỄN THỊ XUÂN QUỲNH Thực trạng sử dụng nước	+	+				〃	〃				BSTHDP	〃
	31	NGUYỄN THỊ HÀ Khảo sát thực hành dự phòng	+	+				〃	〃				CNYK	
	32	NGUYỄN THU THẢO N/x một số kiến thức người B	+	+				〃	〃				BSYK	〃
	33	TRẦN PHƯƠNG NGA N/x một số đặc điểm lâm sàng	+	+				〃	〃				〃	〃
	34	NGUYỄN TÙNG LÂM N/x hình thái cấu trúc bề mặt	+	+				〃	〃				〃	〃
	35	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN N/cứu hình thái LS và bệnh lý	+	+				〃	〃				〃	〃
	36	PHẠM PHƯƠNG QUỲNH N/x thực trạng sâu răng & các	+	+				〃	〃				〃	〃
	37	LÀI PHÚC CƯỜNG Đặc đ² LS và mô bệnh học Hồng ban	+	+				〃	〃				〃	〃
	38	LÊ THỊ HỒNG VÂN N/c sự thay đổi của 1 số chỉ số	+	+				〃	〃				〃	〃
	39	LÊ ĐÌNH TÚ N/c tác dụng một số thủ thuật gây	+	+				〃	〃				CNYK	〃
	40	NGUYỄN THỊ HÀ N/x đặc điểm một số xét nghiệm	+	+				〃	〃				CNYK	〃

Nhận thực trong sổ đăng ký cá biệt này có.....trang đã đánh số và đóng thành quyển.

Ngày.....tháng.....năm 200...

(Ký tên và đóng dấu)

Trong sổ đăng ký cá biệt này, đã ghi những sách và báo chí.

từ số.....đến số.....

Giám đốc

Thư viện.....

(Ký tên và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 200...

18/6/2014
NĂM 200..

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
18/6/2014	9540	NGÔ THỊ DIỄM HẰNG. N/x hình ảnh cận quang 1 số	+	+				H	2014				KSYK	Đĩa
	41	NGÔ THỊ HỒNG GẤM. Đặc đ² LS & CLS của bệnh nhân	+	+				"	"				BSYK	"
	42	NGÔ THỊ LỆ THU. N/x thực trạng bệnh sâu răng sơn	+	+				"	"				"	"
	43	TRẦN HƯƠNG LAM. N/x vị trí bám và hình thể	+	+				"	"			RHM	"	"
	44	NGÔ THỊ DIỄM. N/c tỷ lệ kháng thể bắt thường ở bệnh	+	+				"	"				CNYK	"
	45	HOÀNG THANH TRÀ. N/x thực trạng bệnh sâu răng	+	+				"	"				BSYK	"
	46	PHAN THỊ THU THẢO. Tác dụng giảm đau của các loại	+	+				"	"				"	"
	47	TRẦN THANH LÂM. Đánh giá ý nghĩa tỷ lệ % micro	+	+				"	"				CNYK	"
	48	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG. Đánh giá hiệu quả xét nghiệm	+	+				"	"				"	"
19/6	9540 (9549)	LÊ THỊ PHƯƠNG THẢO. Đ/g hiệu quả can thiệp vận động	+	+				"	"				BSYK	"
	9550	HOÀNG THỊ PHƯƠNG GIANG. N/x đặc điểm hình thái ép	+	+				"	"			RHM	"	"
	51	HÀ MINH PHƯƠNG. Đ/g thực trạng, nhu cầu điều trị x	+	+				"	"				"	"
	52	TRẦN VĨNH SƠN. N/c về đặc điểm LS và CLS của	+	+				"	"				"	"
	53	NGÔ THỊ THÚY VÂN. Đ/g tác dụng điều trị bí đái cơ năng	+	+				"	"				"	"
	54	NGÔ THỊ HUYỀN. N/c lâm sàng, CLS nhày đáy mạn	+	+				"	"				"	"
	55	NGÔ THỊ HOA. N/x 1 số đặc điểm, kiến thức, thực hành	+	+				"	"				"	"
	56	TRẦN THỊ DIỆU LINH. N/x về tình trạng mất răng trên	+	+				"	"				"	"
	57	PHAN THU NHUNG. K/sát sơ bộ tình hình bệnh nhân	+	+				"	"				"	"
	58	NGÔ THỊ SEN. N/x đặc đ² LS, và x quang trên bệnh nhân	+	+				"	"				"	"
	59	PHẠM THỊ PHƯƠNG. N/x màu sắc răng của giữa nhà	+	+				"	"				"	"
	9560	HOÀNG THỊ DỆT. Đ/g hoạt động của bệnh Lupus	+	+				"	"				"	"
20/6	61	NGÔ THỊ THU THỦY. Tình hình sử dụng và hiệu chứng [illegible]	+	+				"	"				CNYK	"
	62	NÔNG VĂN CHUNG. Thực trạng sức khỏe và bệnh tật	+	+				"	"				"	"
	63	PHẠM QUANG THỊNH. Đ/g hiệu quả định nhóm máu	+	+				"	"				"	"
	64	NGÔ THỊ BÍCH HẠNH. Tình trạng định dưỡng & 1 số [illegible]	+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9865	GIANG BẢO TOÀN. N/c đặc điểm chỉ số tế bào máu
	66	TRỊNH MINH ANH. N/c đặc điểm 1 số xét nghiệm đông máu
	67	TRẦN THỊ NGỌC THUỶ. N/c sự thay đổi của 1 số XN
	68	PHAN THỊ THU THUỶ N/c giá trị tiên lượng hồi phục
	69	TRƯƠNG THUỲ TRANG. Thực trạng quản lý điều trị
	9870	KIỀU THỊ MAI. Tiến triển tình trạng dinh dưỡng trẻ
	71	ĐOÀN THỊ NGỌC THUỶ. Kỹ thuật nhuộm hoá mô
	72	ĐỖ THỊ NHUNG. N/c chất lượng cuộc sống của bệnh
	73	NG THỊ HẠNH. Tìm hiểu một giải thích
	74	VŨ THỊ VÂN ANH. Chi phí đơn vị của hình cắt
	75	HOÀNG THỊ HỒNG XUYẾN. Thực trạng quản lý bệnh
23/6	76	NGUYỄN THỊ THẮNG. Thực trạng kiến thức chăm sóc
	77	PHẠM THỊ MỸ THUẬN. Nhận định tình trạng xuất
	78	DƯƠNG ANH TIẾN LINH. Intramite patient
	79	LÊ NGỌC TUY. Tình hình chỉ định mổ và chẩn đoán
	9880	NGUYỄN THANH HẰNG. Kiến thức thực hành chăm sóc
	81	TỐNG ĐỨC PHÚC. Nhận xét về chẩn đoán và kết quả
	82	PHẠM TUẤN ANH. Đặc điểm bệnh lý tuyến giáp
	83	NGUYỄN TIẾN ĐỨC. Nhận xét hình thái xoang bướm
	84	TRẦN THỊ THUỲ DUNG. Mô tả đặc điểm dịch tễ
	85	NGUYỄN THỊ NGA. Self-Reported health status
	86	VÕ THỊ CHUNG. Nhận xét điều trị chứng rối loạn
	87	KHỔNG THỊU QUANG. Nhận xét điều trị phẫu thuật
	88	PHẠM THỊ LOAN. Thực trạng mệt mỏi sau đẻ
	9889	NGUYỄN THỊ LUẬN. Tình trạng dinh dưỡng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				H	2014				CN-LK	Đã
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 2014

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9890	CAO XUÂN NGỌC. Khảo sát kiến thức, thái độ...	+	+				HL	2014				Đ	BSYC
	91	NGUYỄN QUỐC TRƯỜNG. Nhận xét đặc điểm bệnh, thái	+	+				"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỂ PHƯƠNG. The Situation Human...	+	+				"	"				"	"
	93	ĐÀO TUẤN ANH TÚ. Đặc điểm dịch tễ học bệnh dại	+	+				"	"				"	"
	94	PHAN THANH TÙNG. Người áp dụng chỉ số...	+	+				"	"				"	"
	95	NGÔ ĐỨC ANH. So sánh đặc điểm lâm sàng...	+	+				"	"				"	"
	96	NGUYỄN VĂN HIỆP. Nhận xét kết quả trám bít...	+	+				"	"				"	"
	97	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THÚY. Nhận xét đặc điểm lâm...	+	+				"	"				"	"
	98	NGUYỄN NGỌC THÚY. Tình hình, sử dụng thuốc...	+	+				"	"				"	"
	9899	NGÔ THỊ HỒNG NHUNG. Thực trạng nhiễm khuẩn vết...	+	+				"	"				"	"
	9900	NGUYỄN HƯƠNG GIANG. Bullying prevalence...	+	+				"	"				"	"
	01	PHÍ THỊ HƯƠNG LIÊN. Epidemiological Characteristics	+	+				"	"				"	"
	02	ĐẶNG PHƯƠNG LINH. Treatment Cost of Varicella...	+	+				"	"				"	"
	03	BÙI CẨM NHUNG. Willingness to pay for quality...	+	+				"	"				"	"
	04	LÊ HẢI ĐĂNG. Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học bệnh...	+	+				"	"				"	"
	05	NGUYỄN KHẮC ĐIỆP. Khảo sát tình hình sử dụng...	+	+				"	"				"	"
	06	NGUYỄN THỊ LƯỢNG. Điều tra tỷ lệ mắc bệnh...	+	+				"	"				"	"
24/6/14	07	HOÀNG PHAN QUỲNH TRANG. Nghiên cứu đặc điểm LS...	+	+				"	"				"	"
	08	NGÔ DIỆU LINH. Kỹ thuật Periodic Acid-Schiff...	+	+				"	"				"	"
	9909	NGÔ THỊ BÍCH LÊ. Nghiên cứu tạo phim và hình thành...	+	+				"	"				"	"
	10	TRẦN THỊ HUỲNH THUỀ. Đặc điểm dịch tễ học bệnh sởi	+	+				"	"				"	"
	11	NGÔ THỊ HÀ. Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân tại BV	+	+				"	"				"	"
	12	NGÔ THỊ THƯƠNG. Đánh kết quả phẫu thuật...	+	+				"	"				"	"
	13	NGÔ VĂN HIẾU. Đánh giá chất lượng cuộc sống của bệnh nhân...	+	+				"	"				"	"
	9914	ĐẶNG ĐỨC NGỌC. Tình trạng dinh dưỡng và các yếu tố	+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9915	VŨ VĂN THỊNH. N/c đặc đ'LS, CLS của bệnh nhân
	9916	LÊ THU HÀ. N/c kết quả của kỹ thuật sinh thiết
	17	LÊ VĂN VINH. N/c đ'LS, CLS và tổng kết điều trị
	18	NG THỊ THU HIỀN. N/c đ'LS, CLS của trẻ chậm
	19	ĐẶNG THỊ THU HIỀN. Mô hình bệnh tật e ppháp
	20	NG TRƯỜNG GIANG. Các hình thái LS của gãy
	21	NG PHƯƠNG VIỆT. Thực trạng sức khỏe học sinh
	22	VŨ PHƯƠNG HUYỀN. Đánh giá kết quả điều trị
	23	NGUYỄN THANH CHI. Đặc điểm lâm sàng
	24	NGUYỄN THỊ HUẾ. Khảo sát tổ chức bệnh lý
	25	ĐỖ HOÀNG HẢI. N/cứu một số chỉ số xét
	26	PHÙNG LÂM TỚI. Risk factors for ncn
	27	TẠ HỒNG HẢI ĐĂNG. Tổng quan phương pháp
	28	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG. N/cứu tình trạng
	29	CAO THỊ ANH TUYẾT. Tình trạng rối loạn lipid
	9930	NGUYỄN THỊ HẠO. Xây dựng quy trình kỹ thuật
	31	TRẦN ĐÌNH QUANG. Khảo sát các bất thường
	32	TRẦN DUY HIỀN. Đặc điểm lâm sàng, cận
	33	HOÀNG THỊ HÀ. Thực trạng quản lý thuốc
	34	NGUYỄN HÀ GIANG. Thực trạng sử dụng một số
	35	PHẠM VĂN PHÚC. Tình hình sử dụng một số
	36	ĐỖ THỊ THU HIỀN. Nhận xét hiệu quả thuốc thử
	37	MAI THỊ HẰNG. Tư vấn xét nghiệm HIV và kết
	38	ĐỖ THỊ DIỆP. Thực trạng xét nghiệm HIV
	9939	DOÃN THỊ THU HOÀI. N/cứu đặc điểm lâm sàng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
✓	✓				H	2014				BBĐK	Đã
✓	✓				"	"				"	"
✓	✓				"	"				"	"
✓	✓				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9940	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	41	PHAN VĂN HIẾU. Khảo sát tình hình đái tháo
	42	NGUYỄN THỊ HẠO. N/cứu các mức độ thị lực
	43	TRỊNH THỊ THU HIỀN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	9944	VŨ THỊ ĐỨC. N/cứu về xử trí chửa ngoài tử cung
	45	NGUYỄN VĂN XUYÊN. Nhận xét một số đặc điểm
	46	LÊ THỊ THẢO. N/cứu nồng độ Vitamin D huyết thanh
	47	LÊ HẢI BÌNH. Nhận xét đặc điểm lâm sàng bệnh
	48	TRẦN THỊ MINH PHƯỢNG. So sánh, đ/giá sang
	49	LÊ TRỌNG ĐẠI. Hoàn thiện quy trình chụp cắt
	50	NGUYỄN THẮNG QUẾ. N/cứu về mô lấy thai
	51	LÊ THỊ DUNG. Tình trạng dinh dưỡng mi một số yếu
	52	TRỊNH THỊ HIỀN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	53	TRẦN ĐỨC HÒA. N/cứu giải phẫu các PET/CT trong
	9954	PHẠM THỊ THANH THỦY. Nhiễm trùng máu sau bỏng
	55	ĐỒNG VĂN CHIẾN. Đặc điểm lâm sàng cận lâm
	56	TRẦN VIỆT HƯNG. Đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng
	57	VŨ VĂN CHIẾU. Mối liên quan giữa liều giải Chụp
	58	NGUYỄN XUÂN THANH. Mô tả đặc điểm lâm sàng
	59	HOÀNG VĂN CHƯƠNG. Xây dựng mô hình giảng
	60	TRẦN HẢI QUỲNH. Đánh giá đặc điểm lâm sàng
	61	TRỊNH THỊ HẰNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	62	CỦ CHIẾN THẮNG. N/cứu mối liên quan giữa
	63	HÀ MAI LINH. Đặc điểm lát cắt xét nghiệm
	9964	NGUYỄN DUY ANH. Khảo sát tình hình dị ứng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				tc	2014				BSYC	D.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	9965	DƯƠNG CHÍ THANH. N/cứu quy trình PCR xác định
	66	NGUYỄN THỊ LAN ANH. Điều tra tình trạng KCHAQ
	67	NGUYỄN THỊ KIM DUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	68	ĐỖ VĂN NAM. N/xét một vài thông số xuất
	69	NGUYỄN THỊ THÚY NGA. Thực trạng dậy thì sớm
	70	LÊ VĂN THĂNG. Nồ lực bảo tồn các người dân
	71	MAI NGỌC THANH. Thực trạng nữ tuổi lao động
	72	VŨ THỊ HỒNG HÀ. N/cứu tập tính một số loài
	73	TRỊNH MINH DUNG. N/xét triệu chứng lâm
	9974	CHU VĂN DUY. Đánh giá đáp ứng điều trị ung thư
4/8/14	75	THÂN VĂN QUYỀN. N/c đặc đ² mô bệnh học s. gan
	76	ĐỖ VĂN KHÁNH N/c 1 số đ² LS, mô số, cắt lớp
	77	PHẠM VĂN NGUYÊN. N/x các p'thức gây tổ hợp
	78	TRỊNH ĐẮC CHUNG N/c đ² LS CLS s thai bất thường
	9979	ĐẶNG THỊ LÊ. N/c số yếu tố nguy cơ của nhiễm
	80	HOÀNG THANH TÙNG. N/x liên quan giữa tổ hợp
	81	PHẠM THỊ NHUNG K/S các bệnh lý răng thực tế
	82	NGÔ TẤN THẮNG. Tìm hiểu các bệnh lý tiêu hóa
	83	ĐẶC THANH KIỀU. N/x các chỉ định mổ lấy thai cũ
	9984	NGUYỄN THỊ HƯỜNG. Tiếp cận dịch tễ học xã hội
	85	LÊ THỊ GIANG. N/x một số phương pháp s tạo
	86	NGÔ THỊ CÚC Đ/g tình hình chăm sóc bệnh nhân
	87	TRẦN ĐỨC ANH. N/c ứng dụng các biện pháp kiểm tra
	88	BÙI THỊ TOÀN. Đ/g kết quả chăm sóc bệnh nhân
	9989	TRẦN NINH THUYÊN. Tình trạng dinh dưỡng của bệnh

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2014.5	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				tc	2014				BC YC	D.
+	+				tc	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"					"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	9990	ĐẶNG THUỲ NGA. Nguyên chân Hội K° dự thi	+	+				H.	2014				CNVK	Đã
	91	PHẠM THỊ DUNG. Thực trạng s lực kiểm chứng của	+	+				"	"				"	"
	92	NGHIÊM THỊ THANH VÂN. Thực trạng tổ chức hoạt	+	+				"	"				"	"
	93	NG VĂN QUANG. Thực trạng khiếm HR. và 1 số	+	+				"	"				"	"
	9994	TRẦN THỊ MINH HUỆ. Đầu tư đổi tỉ kiểm bằng	+	-				"	"				KSVK	4C
	95	TRƯƠNG ĐẮC CƯỜNG. Nc sử dụng đồ chất lg	+	+				"	"				"	"
	96	PHẠM ANH ĐỨC. Đ/g kết quả thực hiện thay	+	+				"	"				"	"
	97	LUYỆN THỊ NGỌC DUNG. Nc tác động giáo trình	+	-				"	"				"	"
	98	NG TRUNG HIẾU. Đ/g thực trạng dạy thực xa 2	+	-				"	"				"	"
	9999	NG ĐÌNH HIỆP. Nc sử dụng kỹ phối hợp	+	-				"	"				"	"
	10000	ĐỖ PHƯƠNG. Đ/g đề cương giác mạc và liên quan	+	+				"	"				"	"
	10001	CHU THỊ CHÂU. Đ/g kết quả chẩm sóc bệnh	+	+				"	"				CNVK	"
19/8/2014	2	NHIỀU PHƯƠNG THẢO. Thực hiện quy trình chăm	+	+				"	"				Cô Liên	"
	3	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN. Kiến thức thái độ thực	+	+				"	"					"
	10004	MAI VĂN PHONG. Thực trạng hoạt động truyền thông	+	-				"	"				"	"
	5	VŨ THỊ HUYỀN. Kiến thức, thái độ, thực hành	+	+				"	"				"	"
	6	DƯƠNG THANH HUỀ. Một số vấn đề sức khoẻ	+	+				"	"				"	"
	7	ĐỖ THỊ QUỲNH. Kiến thức, thái độ và thực hành	+	+				"	"				"	"
	8	BÙI THỊ LỤA. Chất lượng cuộc sống của người Cao	+	+				"	"				"	"
	10009	NGUYỄN HOÀNG ANH. Thực trạng việc thực hiện	+	+				"	"				"	"
	10	TRỊNH THANH HẢI. Kiến thức thái độ, thực hành	+	+				"	"				"	"
	11	ĐỖ XUÂN TÙNG. Kiến thức, thái độ và thực hành	+	+				"	"				"	"
	12	NGUYỄN MAI THANH. Kiến thức, thái độ, thực hành	+	+				"	"				"	"
	13	VŨ CHANG NINH. Đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng	+	-				"	"				"	"
	1004	TRẦN THỊ HẢI. Nhiễm đặc điểm lâm sàng cận lâm	+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10015	VŨ XUÂN THANH. Caractéristiques cliniques ...
	16	TRẦN XUÂN QUANG. Đánh giá chất lượng ...
	17	NGUYỄN CHẮC TIẾN. Tìm hiểu một số yếu tố liên quan ...
	18	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH. Nghiên cứu một số thay đổi ...
	19	NGUYỄN THU HÀ. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ...
	10020	NGUYỄN THỊ HÒA. Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng ...
	21	VŨ THỊ THÚY TRANG. Phân tích phương pháp xét nghiệm ...
	22	NGUYỄN TRỌNG TÍNH. Đánh giá các phương pháp khám ...
	23	TRỊNH VĂN NHỊ. Phân tích trong ngừa sẩn mảng ở Việt ...
	24	ĐẶNG PHƯƠNG THÚY. Hiệu lực kết hợp cua ngải đắng ...
	25	TẠ THỊ THÚY. Nhiễm giun giảm lý và điều trị bệnh nhân ...
	26	TRẦN THỊ MAI HOA. Xác định tỷ lệ nhiễm và một số ...
	27	TRẦN HÀ LINH. Etude de Caractères cliniques ...
	28	MAN THỊ CHINH. Nhận xét tình trạng nhiễm giun ở bệnh ...
	10029	MÃ THỊ THU HIỀN. Thực trạng sử dụng thuốc tiêm ...
	30	LÊ MINH NGỌC. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm ...
	31	TRẦN HỒNG NHUNG. Nhận xét tình hình viêm loét ...
	32	ĐẶNG THỊ THU THỦY. Nhận xét một số đặc điểm lâm ...
	33	NGUYỄN THỊ THẮNG. Thực trạng bệnh tiêu chảy cấp ...
	34	NGUYỄN THANH NINH. Nhận xét về các phương pháp ...
	10035	BÙI THANH ĐẠT. Nghiên một số đặc điểm mắc ngoại ...
	36	NGUYỄN MINH ĐỨC. Nghiên cứu phẫu và tiêm đốt ...
	37	NGUYỄN THỊ LOAN. Đánh giá kết quả cắt ...
	38	VŨ THỊ HỒNG PHƯỢNG. Nghiên tỷ lệ trầm thể bệnh ...
	10039	PHAN VĂN HẠC. Nghiên một số thương tổn hoại tử ...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				HC	2014				BSYK	Đ.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Cử nhân	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				BSYK	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Cử nhân	"
+	+				"	"				BSYK	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2005	KIỂM KÊ 2014	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10040	NGUYỄN THỊ MỸ LÊ. So sánh phương pháp đủ lượng	+	+				H	2014				Cử nhân	A
	41	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG. Hoàn thiện quy trình kỹ	+	+				"	"				"	"
	42	LƯƠNG TIẾN HỌC. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật	+	+				"	"				"	"
	43	NGUYỄN THỊ HỒNG. Một số vấn đề sức khỏe người	+	+				"	"				"	"
	44	ĐỖ HUY HOÀNG. Étude sur les Caractéristiques	+	+				"	"				"	"
	45	CHU THỊ PHƯƠNG MAI. Đánh giá tình trạng suy	+	+				"	"				BSYK	"
	46	VŨ THỊ HIỀN. Kỹ thuật Multiplex PCR phát hiện	+	+				"	"				Cử nhân	"
	47	ĐÀO THỊ HÀ THANH. N/cứu sự thay đổi năng độ	+	+				"	"				"	"
	48	BÙI THÚY HƯỜNG. Kỹ thuật PCR-RFLP xác định	+	+				"	"				"	"
	10049	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. N/cứu một số đặc điểm	+	+				"	"				BSYK	"
	50	ĐINH NGỌC TRIỀU. Ứng dụng phương pháp giải trình	+	+				"	"				"	"
	51	PHẠM THANH OAI. Hoàn thiện quy trình vi xác định	+	+				"	"				"	"
	52	NGUYỄN THỊ HỒNG ANH. Thực trạng tuân thủ điều trị	+	+				"	"				"	"
	53	ĐỖ ANH TUẤN. N/cứu đặc điểm bỏ thường xuyên	+	+				"	"				"	"
	54	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN. N/cứu bệ dụng giảm đau	+	+				"	"				"	"
	10055	DƯƠNG NGỌC THẮNG. Étude de résultats précoces	+	+				"	"				BSYK	"
	56	PHẠM THU HÀ. Đánh giá kết quả thực hiện quy trình	+	+				"	"				cử nhân	"
	57	NGUYỄN THỊ HẢI HẬU. Nhận xét tương quan giữa vô	+	+				"	"				BSYK	"
	58	TRINH SƠN KHỞI. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+	+				"	"				"	"
	59	TRẦN MINH THOẠI. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	60	NGUYỄN MINH HẢI. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				"	"
	61	TRẦN QUANG HÙNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+	+				"	"				"	"
	62	BÙI VĂN MINH. Đánh giá tình trạng rối loạn thông	+	+				"	"				"	"
	63	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN. Hoạt động sàng lọc lao	+	+				"	"				"	"
	10064	NGUYỄN MẠNH TUẤN. Đánh giá một số đặc điểm lâm	+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10065	TRẦN THỊ THANH HIỀN. Tình hình sảy thai, thai	+	+				HC	2014				BSYK	Đ.
	66	PHẠM THỊ LÂM BẰNG. Thực trạng điều trị rối loạn	+	+				"	"				"	"
	67	LƯƠNG THỊ BÍCH HẰNG. Tình hình chảy máu sau	+	+				"	"				"	"
	68	BÙI THANH HUYỀN. Đánh giá hiệu quả của khúc xạ	+	+				"	"				"	"
	69	NGUYỄN THỊ THUỶ. Tìm hiểu một số bất thường	+	+				"	"				"	"
	70	TRẦN THỊ NGỌC DIỆP. Đặc điểm lâm sàng ni cần nguyên	+	+				"	"				"	"
	71	TRẦN QUANG HUY. Kỹ thuật giải trình tự gen phát	+	+				"	"				Cử nhân	"
	72	CHU THỊ PHƯƠNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				BSYK	"
	73	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO. Đánh giá tình trạng dị tử sắt	+	+				"	"				"	"
	74	PHẠM HOÀI LINH. Tình hình bệnh nhân lở xê nhi cấp	+	+				"	"				cử nhân	"
	10075	HOÀNG THU HUYỀN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				BSYK	"
		NGUYỄN MINH HIỀN. N/cứu một số đặc điểm giải	+	+				"	"				"	"
		HOÀNG THỊ THANH HOA. Tình hình nhiễm Trichom	+	+				"	"				cử nhân	"
	8	MAI THỊ HÀ. Outpatient satisfaction at Tuson	+	+				"	"				"	"
	79	ĐỖ THANH HÒA. Thiếu định qui tình nhân dạng	+	+				"	"				"	"
		TRẦN THỊ ANH THƠ. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+	+				"	"				BSYK	"
		NGUYỄN THỊ HỒNG LÊ. Khảo sát bổ thường vàn trị	+	+				"	"				"	"
	82	NGUYỄN THỊ THẢO. Tìm hiểu tình trạng rối loạn	+	+				"	"				"	"
	83	TRINH THỊ THUÝ. Tìm hiểu đặc điểm huyết học	+	+				"	"				"	"
		...I THÊU. Khảo sát tình trạng rối loạn lipic	+	+				"	"				"	"
		...N THANH HOA. N/cứu thực trạng dị bật	+	+				"	"				"	"
		NGUYỄN ĐỨC LINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	"				"	"
		PHÙNG NGỌC NAM. N/cứu các yếu tố nguy cơ	+	+				"	"				"	"
		TRẦN THỊ MAI. Đánh giá vai trò của dinh dưỡng	+	+				"	"				cử nhân	"
	10089	DƯƠNG THỊ NGÂN. Đánh giá kết quả chăm sóc	+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10090	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH. Đánh giá kết quả chữa sỏ
	91	NGUYỄN THỊ LIYÊN. Đánh giá giữ từ xét nghiệm ...
	92	VŨ NGUYÊN BÌNH. Nhận xét chỉ số hồng cầu ở bệnh
	93	NGUYỄN NGỌC HẢI. Nhận xét chỉ số lymph học ở
	94	LÊ THỊ ICIM CHÍNH. N/cứu một số đặc điểm lâm
	10095	TRƯƠNG THỊ PHƯỢNG. Hồ bì thực trạng lo âu m bệnh
	96	HỒ TRỌNG HIẾU. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, xquang
	97	NGUYỄN THỊ ICIỀU PHƯỢNG. N/cứu thực trạng giảm
	98	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	99	HỒ TRỌNG THƯỜNG. Mô hình bệnh tật của người dân
	10100	NGUYỄN HỮU VIỆT. Đánh giá kết quả điều trị phẫu
	01	NGUYỄN CÔNG LUẬN. Tình hình Chảng Chảng Sỏi
	02	TRẦN THỊ ICIỀU VÂN. Đặc điểm sinh học m chức đoá
	03	NGUYỄN ĐỨC HUY. N/cứu sự thay đổi của một số
	10104	PHAN THỊ HẠNH. Nghiên cứu giá trị tiên
	05	MAI THỊ HIỀN. Tìm hiểu một số bất thường
	06	NGUYỄN TRUNG NAM. N/cứu thái độ xử trí
	07	NGUYỄN THANH HOA. N/cứu thực trạng di bật
	08	HOÀNG THỊ QUYÊN. Đánh giá thực trạng sỏi kẹt
	09	NGUYỄN XUÂN SANG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	10110	NGUYỄN THỊ HUYỀN. phân tích chuỗi sắc thể
	11	TRẦN ICIM PHƯỢNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	12	LÊ THỊ LIỄU. N/cứu một số đặc điểm về nhiễm
	13	LÀI THỊ HÒA. Mô hình bệnh tật người bệnh tại
	10114	NGUYỄN THỊ UYÊN. Đánh giá giá trị của xét

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2004	2007	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				HC	2014				CV 456	Đ.
+	+				"	"				BBYC	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10115	LÊ VĂN THUỶ. Đánh giá chất lượng cuộc sống
	16	TẠ THỊ TRANG. Tình trạng thiếu Vitamin D. Hiệu
	17	TRẦN THỊ QUỲNH MAI. Điều dị/ kiểm thái...
	18	LƯU QUANG DUNG. Tìm hiểu sự hiểu dị?...
	19	CAO HƯƠNG GIANG. Đánh giá kiến thức về bệnh
	10120	NGUYỄN VĂN PHAN. Nhận xét đặc điểm kem sáng
	21	PHAN THANH DƯƠNG. Nhận xét đặc điểm kem
	22	VŨ HỒNG CHIẾN. Nhận xét đặc điểm, kem sáng
	23	TRẦN THỊ HOA. Nhận xét đặc điểm kem sáng...
	24	ĐẶNG TRUNG THÀNH. Kết quả điều trị viêm Khớp
	25	HOÀNG VIỆT BẮC. Tình trạng điều dưỡng ... Khoa
	26	BÙI THỊ VIỆT NGA. N/cứu sự thay đổi một số chỉ
	27	PHẠM VĂN LƯỢNG. So sánh đặc điểm, kem sáng
	28	PHẠM THANH THUỶ. N/cứu một số đặc điểm
	10129	NGÔ MINH THẢO. Khảo sát đặc điểm kem sáng. Cần
	30	ĐẶNG VĂN MẠNH. N/cứu đặc điểm các sáng...
	31	NGUYỄN THỊ HẠNH. Tìm hiểu nguyên nhân mắc bệnh
	32	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG. Nhận xét đặc điểm kinh
	33	MAI VĂN THÀNH. N/cứu giải pháp đảng mạch thần
	34	NGUYỄN HỮU HUYNH. Nhận xét thực trạng...
	10135	ĐÀN VĂN ĐỨC. Khảo sát cơ cấu rối loạn tâm
	36	NGUYỄN THỊ NGA. Tìm hiểu đặc điểm kem sáng
	37	HOÀNG LAN ANH. N/cứu đặc điểm kem sáng.
	38	TRẦN THỊ NGỌC. N/cứu đặc điểm kem sáng
	10139	PHẠM THỊ TÂM. N/cứu tỷ lệ rối loạn tâm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				H	2014				BS YC	A.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10140	PHAN THỊ YẾN. Đặc điểm tình dịch tễ của ...
	41	ĐINH VĂN LUẬN. Đặc điểm rối loạn thăng bằng ...
	42	PHAN THỊ BIÊN. Hiệu quả tăng huyết áp ...
	43	NGUYỄN ĐĂNG QUANG. Thực trạng điều trị ...
	44	TỐNG VĂN HẠNH. Khảo sát kiến thức và thái ...
	45	ĐỖ PHƯƠNG LINH. Evaluation de la Motilité ...
	46	ĐÀO VIỆT ĐỨC. Tình hình quản lý bệnh nhân thu ...
	47	ĐẶNG THỊ NGOÃN. Tình trạng dinh dưỡng của ...
	48	NGUYỄN THỊ MỜ. Tìm hiểu tình hình đái tháo ...
	10149	ĐẶNG DUY ĐỨC. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm ...
	50	NGUYỄN THỊ MINH ÂN. Nghiên cứu tình mở lấy ...
	51	NGUYỄN MINH QUỲNH. Đặc điểm lâm sàng ...
	52	NGUYỄN THỊ GIANG. Đánh giá tình trạng bệnh ...
	53	HÀ HUY HOÀNG QUÂN. Kỹ thuật Multiplex ...
	54	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO. Đánh giá tình hình ...
	10155	BÙI THỊ THU HOÀI. Hoá tính chất lượng giấc ngủ và yếu ...
	56	NGUYỄN DIỆU LINH. Nghiên cứu kỹ thuật, Hải dị ...
	57	PHẠM THỊ TƯƠI. Đặc điểm kết quả xét nghiệm ...
	58	HOÀNG MINH TÂN. Tìm hiểu nguyên nhân nhập ...
	59	PHẠM VĂN AN. Đánh giá đặc điểm lâm sàng ...
	10160	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG. Hành vi tìm kiếm dịch ...
	61	ĐỖ THỊ THU HƯỜNG. Nghiên cứu ứng dụng Glucose ...
	62	TRẦN TIẾN ANH. Tìm hiểu đặc điểm bệnh huyết áp ...
	63	LÊ THỊ NHUNG. Nghiên cứu sự thay đổi hoạt độ ...
	10164	ĐOÀN THỊ TÚ UYÊN. Đặc điểm lâm sàng, cận ...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				HC	2014				BSYIC	H.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Cử nhân	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				BSYK	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Cử nhân	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				BSYK	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10165	LƯU VĂN HẢI. Đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng
	66	NGÔ THỊ HẢI LINH. Mô tả tình hình Gai Hiệp
	67	PHẠM THANH LUÂN. Đánh giá tâm lý bệnh nhân
	68	NGUYỄN THỊ VÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	69	NGUYỄN THANH AN. Đặc điểm lâm sàng cuả bệ
	70	DƯƠNG VĂN HÙY. N/cứu mô bệnh học các u Hiệu
	71	VŨ THỊ MAI PHƯƠNG Phát hiện bất thường nhiễm
	72	ĐÀO THỊ TRANG- Đánh giá đặc điểm lâm sàng và Cận
	73	TRẦN THỊ THÙY TRANG- N/cứu hc dung Kết Hiệu
	74	NGUYỄN THỊ HẢI Ý Bước đầu nghiên cứu phục hồi
	75	ĐINH THỊ THU HẰNG. Bước đầu nghiên cứu phục
	10176	ĐINH THỊ TƯƠI. N/cứu đặc điểm lâm sàng và
	77	NGUYỄN ANH TUẤN. N/xét đặc điểm lâm sàng
	78	NGUYỄN MINH HẢI. N/cứu điều trị đa ổ tuỷ xương
	79	NGUYỄN VĂN HOÀNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	80	ĐẶNG TRUNG HIẾU N/cứu rối loạn chuyển hóa
	81	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Đánh giá đặc điểm lâm sàng
	82	ĐINH XUÂN THẮNG. Đặc điểm lâm sàng và Cận
	83	MAI THỊ DIỆU LINH. Nhu cầu và thực trạng
	10184	NGUYỄN THỊ HỒNG THƠ M... Tình hình nhiễm và Kháng
	85	ĐỖ THỊ LIÊN. Mô tả các yếu tố nguy cơ của nhiễm
	86	TỐNG THỊ ICIM TUYỀN. Đặc điểm hình học vài trò
	87	ĐỖ THỊ ICIỀU ANH. Kỹ thuật PCR-RFLP phát
	88	PHẠM THỊ THU HẰNG. N/cứu tình huống đột biến
	10189	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG Tình hình Kháng thuốc

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2014	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				HL	2014				BSYC	H
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10190	HÀ VĂN ĐÀI. Kỹ thuật giải phẫu tử thi gen phát triển
	91	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH. N/cứu một số chỉ tiêu
	92	PHAN HỒNG NHUNG. Đánh giá tình trạng đau
	93	LÊ THỊ THU. Đánh giá kết quả xử lý bỏng tại chỗ
	94	DƯƠNG THỊ THANH. Đánh giá tuổi trung chăm sóc
	10195	PHẠM VIỆT HOÀNG. Thực trạng y học cổ truyền trích
	96	PHÍ ĐỨC LONG. Đánh giá đau vùng thắt lưng
	97	ĐỖ ĐÀO VŨ. N/cứu hiệu quả điều trị bệnh gan
	98	RADSAPHO BUA SAYICHAM. Đánh giá hiệu quả
3/9/2014	99	NGUYỄN QUỐC BẢO. Thực trạng kiến thức của kỹ thuật
	10200	NGUYỄN VĂN HỌC. Thực trạng người khuyết tật
	01	PHAN THANH LIÊN. Thực trạng người cực nhỏ thoát
	02	ĐỖ PHÚ LƯỠNG. Mô hình bệnh nhân và thực trạng công tác
	03	ĐỖ CÔNG KIN. Thực trạng thiếu máu thiếu sắt ở PKV
	04	BÙI DUY TÂN. Nghiên cứu xu hướng có cấu bệnh tật
	10205	K'NGỌC HƯNG. Thực trạng suy dinh dưỡng cuối thế kỷ
	06	ĐỒNG SĨ QUANG. Nghiên cứu tình trạng bệnh phổi
	07	K'BÊ DAKRONG. Nghiên cứu thực trạng việc làm sai sót
	08	ĐẶNG ĐÌNH HÒA. Nghiên cứu cơ cấu bệnh tật bệnh nhân
	09	NGUYỄN VĂN THÌNH. Thực trạng công tác quản lý
	10210	TRẦN THỊ THU HƯỜNG. Nghiên cứu thực trạng cấu thủ
	11	ĐẶNG ĐÌNH QUẢNG. Thực trạng tiếp cận và sử dụng
	12	BÙI VĂN ĐÔ. Thực trạng thiết kiểu dáng bảo an toàn
	13	ĐOÀN THỊ QUỲNH NHƯ. Thực trạng các kỹ năng giải quyết
	10214	CHU THẾ VINH. Thực trạng an toàn vệ sinh thực phẩm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2014	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				H	2014				Cử tuyển	Đ.
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Tiến sĩ	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				BSCKII	Đ
+	+				"	"				BSCKII	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	102 15	NGUYỄN THỊ THANH NGA. Tình trạng sử dụng dường
	16	ĐOÀN MẠNH CƯỜNG Thực trạng và công tác quản lý
	17	ĐỖ PHÚ NHẤT. Thực trạng nhiễm ấu trùng
	18	TRẦN HỮU PHÚC. Nghiên cứu tình hình
	19	LÊ VĂN PHÚ. Thực trạng thực hiện các qu
	102 20	VÕ ĐÔNG PHƯƠNG. Thực trạng quản lý chất th
	21	VŨ THANH HƯƠNG. Tỉ cảm kiến tật cười bại n
	22	TRỊNH VĂN QUYẾT. Thực trạng an toàn thực
	23	NGUYỄN DUY TRUNG. Nghiên cứu thực trạng tỉ
	24	ĐỖ VĂN TUẤN. Thực trạng quản lý thức
	102 25	VŨ THỊ CẨM. Nghiên cứu các điều kiện
	26	TRẦN VĂN THANH. Chất lượng cuộc sống
	27	VŨ KIM CHI. Nghiên cứu giá trị của lớp cắt
	28	HÀN THỊ VÂN THANH. Nghiên cứu đặc tính ung thư
	29	NGUYỄN VĂN TIẾN. Sự khác biệt giữa về tình trạng
14/10/14	1030	NGUYỄN THỊ THANH N/c thực trạng
	102 31	TRỊNH VĂN THƯỞNG. N/c về thường thấy ở
	32	LÊ THỊ THƯƠNG. N/c về chẩn đoán
	33	LÊ THỊ THUYỀN. N/c về điều trị
	34	NGÔ THỊ DUNG. N/c thực trạng
	102 35	PHẠM THỊ THUỶ. N/c kiến thức
	36	LÊ THANH ĐỨC. N/c hiệu quả
	37	TRẦN ĐỨC HẬU. N/c kết quả
	38	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN Xác định tỉ lệ nhiễm
	39	LƯƠNG THỊ DUNG. Đ/g thực trạng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2005	2014	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				H	2014				BSCKCII	Đ
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				H	"				"	"
+	+				"	"				Tiến sĩ	Địa
+	+				"	"				BSYK	"
+	T									TSYH	"
+	+				"	"				TSYH	"
+	+				"	"				Th.S YTCB	"
+	+				"	"				CKII	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				"	"
+	+				"	"				Th.S	"

NĂM 200..14

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10240	LÊ THÁI HÀ. Đ/g kết quả đtrị gãy kín mâm chày	+	+				H	2014				Th.S	Đĩa
	41	ĐÀO LAN HƯƠNG. Nghiên cứu phác đồ ngắn	+	+				"	"				TSYH	"
	42	NGUYỄN MẠNH KIÊN. Nghiên cứu biến đổi di truyền các gen	+	+				"	"				TSYH	"
	43	TRẦN HỮU THÔNG. Nghiên cứu nguyên gây viêm phổi	+	+				"	"				TSYH	K
	44	VŨ MINH HOÀN. Nghiên cứu tác dụng của cao lỏng ý quản	+	+				"	"				"	Đ
	10245	NGUYỄN QUANG MINH. Đặc điểm lâm sàng, chuẩn đoán	+	+				"	"				CK II	Đ
4/11	46	LÕ QUỐC HƯNG. Đ/g kq đtrị gãy kín phần xa thân	+	+				"	"				"	[illegible]
	47	HOÀNG THỊ DUNG. N/c tình hình mổ lấy thai	+	+				"	"				"	Đ
	48	TRẦN TRỌNG THẮNG. Đ/g kq phục hồi chức năng	+	+				"	"				"	"
	49	BÙI THỊ THUỲ. N/c đ² LS, CLS và tình hình [illegible]	+	+				"	"				"	"
	10250	XAY SATHATHONE. Chức trang và tạo giải phẫu	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
17/11	51	PHẠM HỒNG VÂN. N/c đặc đ² huyết thân du & hq	+	+				"	"				"	"
	52	VŨ ĐỨC TUẤN. Đ/g kq đtrị gãy kín liên hồi cầu	+	+				"	"				CK II	"
	53	NGUYỄN VĂN THIỆN. K/c tần suất tăng glucose máu	+	+									"	"
	10254	NG THỊ THANH HUYỀN. N/c đặc đ² LS rối loạn trầm cảm	+	+									"	"
	55	TRẦN THỊ QUYÊN. N/c đặc tính & hq đtrị huyết áp	+	+									"	"
	56	HOÀNG THỊ THU HƯƠNG. Đ/g tác dụng đtrị của viên	+	+									"	"
	57	KHUẤT QUANG HUY. Đặc đ² hả chụp cắt lớp vi tính	+	+									"	"
	58	ĐỖ QUỐC TUẤN. Xác định Helicobacter pyliori	+	+									"	"
	10259	NGHIÊM XUÂN HẢI. Đặc đ² hả và gtrị của chụp	+	+									"	"
	60	TẠ THỊ HỒNG THUỲ. N/x các biến chứng của kỳ	+	+				"	"				NT	"
	61	HỒ THỊ THANH THUỲ. Kiến thức hàng vi và tìm kiếm	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	62	ĐINH TRUNG THÀNH. N/c gtrị của đặt stent đổi	+	+				"	"				"	"
	63	NG THỊ ĐAN THANH. Tình trạng dinh dưỡng, khẩu	+	+				"	"				"	"
24/11	10264	TRẦN VĂN LÝ. Đ/g nhu cầu phục hồi chức năng	+	+				"	"				CK II	"

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10265	LÊ THỊ TOÀI ANH. Đ/g tác dụng điều trị thuốc Y
	66	NGUYỄN THỊ MINH THU. Đ/g hiệu quả sử dụng
	67	DƯƠNG VĂN THANH Đ/g hiệu quả điều trị bệnh viêm
	68	TRẦN QUANG VINH. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm
	10269	NGUYỄN THU THUỶ. Đ/g hiệu quả điều trị thuốc
	70	NGÔ CHÍ THANH. Đ/g bệnh thoái hoá phần trước
	71	NGUYỄN DUY ĐÔNG Đ/g kết quả điều trị hẹp niệu
	72	PHAN CHÍ DŨNG Đ/g kết quả điều trị bệnh tăng
	73	ĐẶNG VĂN THUỶ N/c lâm sàng, CLS, nguyên nhân
	10274	HOÀNG TRỌNG TOẢN K/S nhu cầu điều dưỡng chăm
	75	TRỊNH THỊ THUỶ HẰNG N/c sự hài lòng của khách
	76	ĐỖ THANH TÙNG THỤC TRANG Nhu cầu chăm sóc
	77	NGUYỄN THỊ TRỤC. Sự hài lòng của nhân viên y tế
	78	LÝ THỊ THUỶ. Sự hài lòng của bệnh nhân, nhà
	10279	VŨ MẠNH TOÀN. Đánh giá kết quả điều trị bệnh
	80	LÊ NHẬT THUỶ Nữ tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	81	ĐÀO THANH THUỶ N/c sức khoẻ tâm thần HS
	82	NGUYỄN ANH TUẤN. So sánh hiệu quả kiểm soát áp
	83	PHẠM THỊ MAI HƯƠNG. N/c đặc đ/g CLS và kq điều
	10284	VŨ MẠNH HÀ N/c phẫu thuật tạo thể thuỷ tinh
	85	VŨ TẤN TRIỂN N/c 1 số triệu chứng bệnh lý hố
	86	NGUYỄN ĐÌNH NGÂN. N/c sử dụng thăm khám mũ
16/11/15	87	LÊ THANH HẢI. N/c hình thái LS và định chất lượng
	88	ĐỖ TẤN DŨNG. Đ/g tình trạng nhiễm c s tiết DTĐ
	10289	ĐỖ TRUNG CẦN N/c tình hình viêm nhiễm tử cung

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	2017	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+	+				tl	2014				CKII	Địa.
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				〃	〃
+	+				〃	〃				Thạc sĩ	〃
+	+				〃	〃				〃

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10290	NGUYỄN THỊ KIM ANH. Tìm hiểu tình trạng đi ứng	+	+				H	2014				CK II	Đĩa
	91	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG. K/sát nồng độ procalcitonin	+	+				"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỊ MÃO. Đ/g hiệu quả khổ mê phổi hồi	+	+				"	"				"	"
	93	ĐINH ANH VĂN. N/c biểu hiện LS, đặc đ' Wả hoi	+	+				"	"				"	"
	94	ĐỖ HUY HOÀNG. Đ/g hiệu q' giảm đau dự phòng sau mổ	+	+				"	"				"	"
	10295	VƯƠNG NGỌC ĐOÀN. N/c thái độ xử trí n' thai nhi	+	+				"	"				"	"
	96	ĐÀO MẠNH KHOA. Đặc đ' bệnh da, cấu bệnh lang trượt	+	+				"	"				"	"
	97	TRẦN NGỌC THẠCH. Đ/g tác dụng hỗ trợ phục hồi	+	+				"	"				"	"
	98	NGUYỄN HỮU LÃNH. Số sáng tác dụng giảm đau sau	+	+				"	"				"	"
	10299	PHAN THỊ HUỆ. Đ/g hiệu quả điều trị bằng betamc	+	+				"	"				"	"
	10300	VŨ TRUNG CHÍNH. N/c đặc đ' LS, mô bệnh học và	+	+				"	"				"	"
	01	ĐINH XUÂN THÀNH. N/c chẩn đoán và đ/t PT u tuyến	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
	02	PHẠM QUANG MINH. Đ/g sự thay đổi kín màu đáy	+	+				"	"				"	"
	03	NGUYỄN VĂN HUY. N/c khúc xạ trên trẻ có bệnh còn	+	+				"	"				"	"
	10304	LÊ NGUYỄN VŨ. Đ/g kết quả lấy và ghép thân	+	+				"	"				"	"
	05	BÙI THỊ THU HƯƠNG. N/c xác định ng lặng mạnh gen	+	+				"	"				"	"
	06	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG LAN. N/c đặc điểm LS, CLS & gtr	+	+				"	"				"	"
	07	TRẦN THỊ TRÀ GIANG. Tiệu trong môn trường xá hồi	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
20/1/2015	08	NGÔ THỊ THUÝ. Evaluation on quality of life	+	+				"	"				"	"
	10309	LÊ THÁI PHƯƠNG. Indentifying Knowledge	+	+				"	"				"	"
	10	DƯƠNG THÙY LINH. Assessing Knowledge of	+	+				"	"				"	"
	11	NGUYỄN XUÂN HẢI. N/cứu tình hình điều trị u	+	+				"	"				CK II	"
	12	ĐẶC THỊ NHUNG. Knowledge Attitude	+	+				"	"				Ths	"
	13	LÊ THÙY LINH. Psychological Insulin Resistance	+	+				"	"				"	"
	10314	PHẠM THỊ LÊ HUYỀN. Effectiveness of the	+	+				"	"				"	"

NĂM 2005

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2005	KIỂM KÊ 2006	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	1C315	PHAM PHƯƠNG HẠNH. N/cứu hoạt độ lactate	+	+				K	2014				CKII	A
	16	NGUYỄN CHẮC HÒA. N/cứu lỗ chuẩn sỏi hoạt	+	+				"	"				"	"
	17	NGUYỄN PHÚ HÒA. N/cứu tổn thương gò hoại bịp	+	+				"	"				Tài liệu	"
9/12/05	18	NGUYỄN THU THỦY N/c sự thay đổi một số cytokin	+	+				"	"				CKII	"
	1C319	LÊ THỊ BÌNH Đánh giá kết quả điều trị viêm	+	+				"	"				"	"
	20	TRẦN KIM THUỶ. Đặc điểm LS, cận lâm sàng tổn thương	+	+				"	"				"	"
	21	NGUYỄN THỊ MINH HỒNG Đánh giá sự thay đổi và tác	+	+				"	"				"	"
	22	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG N/c đặc điểm LS, CLS	+	+				"	"				"	"
	23	NGUYỄN CHÍ THANH N/c đặc điểm LS rối loạn tiêu	+	+				"	"				"	"
	1C324	NGUYỄN HƯNG SƠN. N/c về cải răng lưỡi ở	+	+				"	"				"	"
	25	BÙI ĐỨC XUYÊN. Thực trạng mất răng, nhu cầu	+	+				"	"				"	"
	26	NGUYỄN THỊ HỒNG TUYẾN N/x đặc đ² LS, cận kỹ	+	+				"	"					
	27	ĐỖ TẤT THẮNG N/c giá trị của 1 số chỉ số viêm	+	+				"	"					
	28	ĐẶNG ĐỨC TIẾP. N/x đặc điểm LS, cận kỹ nội soi	+	+				"	"					
	1C329	NGUYỄN ĐỨC LONG Đ/g kỹ thuật ung thư cổ tử cung	+	+				"	"					
	30	TRẦN TIẾN PHONG N/c chẩn đoán LS và đánh giá	+	+				"	"					
	34	NGUYỄN KHANH HOÀ. Hiệu quả cắt phẫu phẫy	+	+				"	"					
	32	NGUYỄN THỊ ĐỊNH. N/c đ² LS, CLS và h/a siêu	+	+				"	"					
	33	LÊ TIẾN DŨNG. Đ² LS ULSS kết quả điều trị	+	+				"	"					
	1C334	BÙI MINH PHỤC. N/c chẩn đoán & điều trị	+	+				"	"					
	35	THÂN THỊ PHƯƠNG N/c đặc LS, cận cam ở bệnh	+	+				"	"				"	"
	36	NGUYỄN THỊ THANH HOA N/c kỹ điều trị u nang	+	+				"	"				"	"
	37	TRẦN THỊ HIỀN. So sánh tiêu đồ xử trí thai sản	+	+				"	"				"	"
	38	ĐINH VĂN NGHĨA. Thực trạng cắt cổ tử cung ở BN	+	+				"	"				"	"
	1C339	HOÀNG THỊ VÂN N/c đặc điểm LS, CLS thai ngoài	+	+				"	"				"	"

NĂM 2005

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2005	KIỂM KÊ 2007	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10340	NGUYỄN THU THỦY. N/c đ² LS CLS và nghiên chấm	+	+				H	2014				CKII	Đĩa
	41	ĐÀNG QUANG THỊNH. N/c đ² LS, chẩn đoán h/a 8 kg	+	+				"	"				"	"
	42	NGÔ THỊ THANH HẢI. N/c mối liên quan giữa chiều	+	+				"	"				"	"
	43	NGÔ MINH THANH. N/c đ² LS, chẩn đoán h/a	+	+				"	"				"	"
	10344	NGÔ VĂN HƯNG. So sánh đ/trị chưa tại vòi tử cung	+	+				"	"				"	"
	45	LÊ THỊ DUNG. Đ/g hiệu quả đ/trị miễn dịch đặc hiệu	+	+				"	"				"	"
	46	DƯƠNG MINH THÀNH. N/c kiểu thuốc nào thất bổn	+	+				"	"				"	"
	47	LƯU QUỐC KHẢI. N/c xử trí thai 4000 gam trở lên	+	+				"	"				"	"
	48	MAI TRUNG DŨNG. Đánh giá kết quả đ/trị kết hợp	+	+				"	"				"	"
5/2	10349	VŨ VĂN NGỌC. Đ/g kg ban đầu điều trị vô sản hoá	+	+				"	"				"	"
	50	PHẠM VĂN PHƯƠNG. Đ/g kg điều trị của thuốc tra	+	+				"	"				"	"
	51	NGUYỄN NGÔ PHONG. Bước đầu ngọc đặc đ² của ngoài	+	+				"	"				"	"
	52	VŨ HỒNG TUẤN. N/c ứng dụng hệ thống định vị không gian	+	+				"	"				"	"
	53	HOÀNG THỊ THU HÀ. N/c về rong kinh rong huyết có	+	+				"	"				"	"
	10354	PHẠM TIẾN DŨNG. Bước đầu đánh giá khả năng nghe	+	+				"	"				"	"
	55	VŨ SƠN HÀ. Đ/g kg p² phục hồi c/n hô hấp ở bệnh nhân	+	+				"	"				"	"
	56	VŨ HUY CHÍNH. N/xét hiệu quả kỹ thuật dẫn lưu	+	+				"	"				"	"
	57	NGUYỄN THỊ THU HÀ. N/c thực trạng nhiễm khuẩn đỹ	+	+				"	"				"	"
	58	NGUYỄN QUANG HUY. N/x đặc đ² LS, và CLS ở bn xơ gan	+	+				"	"				Thạc sĩ	"
	10359	NGUYỄN VĂN THÀNH. N/c đ² LS, chẩn đoán h/a 8 đ/g kg	+	+				"	"				"	"
	60	HOÀNG VĂN QUỲNH. Thực trạng cơ sở v/c và nhân lực phụ	+	+				"	"				"	"
	61	NGUYỄN LAN HƯƠNG. Thực trạng 1 số khía cạnh về đầu tư	+	+				"	"				"	"
	62	NGUYỄN HOÀNG ANH. Kiến thức thái độ thực hành	+	+				"	"				"	"
	63	KETSANONG SOUKKHANITHATH. Đặc điểm lâm sàng, CLS	+	+				"	"				"	"
	10364	NGUYỄN NGỌC BÁCH. N/c đặc đ² LS, và CLS ứng thư biểu	+	+				"	"				"	"

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10365	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG. Assessment of patient satisfaction.	+	+				H	2014				Cử nhân	Đã
	66	" " DÂN. Assessment of post-laparoscopic.	+	+				"	"				"	"
	67	TRẦN THỊ HOÀI. Evaluation of knowledge and behavior	+	+				"	"				"	"
	68	NGUYỄN THỊ YẾN. The information needs of breast.	+	+				"	"				"	
	10369	HOÀNG VĂN ĐỨC. Thực trạng sức khỏe, bệnh tật cuy	+	+				"	"				"	"
	70	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG. Evaluating the nursing pre	+	+				"	"				"	"
6.3	71	QUAN THẾ DÂN. N/cứu t/dụng cũ bài thuốc bổ.	+	+				"	2014				TS	"
	72	LƯU VŨ DŨNG. N/cứu x/định đột biến gen F8.	+	+				"	"				"	"
	73	NGUYỄN MINH HIỀN. Đánh giá mức độ sao chép	+	+				"	"				"	"
	10374	NGUYỄN MINH HÀ. X/định đột biến gen EGFR và	+	+				"	2015				"	"
	75	NGUYỄN THỊ THƯỜNG. N/cứu sản xuất cơ gan	+	+				"	2015				"	"
	76	NGÔ THỊ UYÊN. Sự phát triển cân nặng, chiều dài	+	+				"	2015				"	"
	77	DƯƠNG TRONG HIỀN. N/cứu ứng dụng phẫu thuật	+	+					2014				"	"
	78	NGUYỄN VĂN TUẤN. N/cứu lâm sàng vi khuẩn quá	+	+				"	"				"	"
	10379	NGUYỄN VĂN DŨNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+	+				"	2015				"	"
	80	NGUYỄN VĂN ĐẠI. Assessing the Attitudes	+	+				"	2014				Cử nhân	"
	81	TRẦN THỊ KIM PHÚC. Understanding nurses	+	+				"	"				"	"
9.3	82	NGUYỄN THỊ HẰNG. Assess the postoperative	+	+				"	"				"	"
	83	PHẠM THỊ THUẬN. A comparison Between Health	+	+				"	"				"	"
	10384	TẠ NGỌC ĐAN TRANG. Caregiving Burden Away	+	+				"	"				"	"
	85	TRẦN THỊ NGUYÊN. Some Aspects of Fever Management	+	+				"	"				"	"
	86	TRẦN XUÂN NGỌC. A cross-sectional study on	+	+				"	"				"	"
	87	VŨ THỊ NGUYỆT HÀ. A survey on Health related	+	+				"	"				"	"
	88	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG. Assessment of preoperative	+	+				"	"				"	"
	10389	CAN THỊ HOA. Evaluation of triage nurse	+	+				"	"				"	"

NĂM 200.15

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2015	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10390	VŨ THỊ YÊN Assessment of Nutritional status..	+	+				HC	2014				Cử nhân	A.
	91	NGUYỄN THỊ HIỀN. Attitudes toward caring ja	+	+				"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỊ THU THẢO. Early and exclusive Breast	+	+				"	"				"	"
	93	MAI VĂN ANH. Một số đặc điểm dịch tễ học bệnh sốt	+	+				"	"				"	"
	94	PHẠM THỊ HUYỀN. Satisfaction Among Nursing..	+	+				"	"				"	"
	10395	NGUYỄN PHẠM THÙY DƯƠNG. Nursing Care Assessment	+	+				"	"				"	"
16.3.	96	PHẠM VĂN GIAO. Thực trạng mới và sử dụng	+	+				"	"				"	"
	97	PHẠM THỊ THÙY DUNG. Nursing care Assessment	+	+				"	"				"	"
	98	NGUYỄN THỊ SẠU. Nursing Care Assessment	+	+				"	"				"	"
	99	TRẦN NGỌC ĐÌNH. N/cứu khang thẻ khang	+	+				"	"				CK II	"
	10400	KHÔNG NAM HƯƠNG. N/cứu sinh âm trong lăng	+	+				"	"				Tiến sĩ	"
10/4	01	DƯƠNG MINH TÂM. N/c đặc đ² CS, và 1 số yếu tố		+				"	2015				"	"
	02	TRƯƠNG QUANG ĐẠT. N/c thực trạng 1 số bất thường		+				"	"				"	"
	03	ĐỖ PHƯƠNG ANH. N/c chức năng thất trái = λ^2 siêu		+				"	"				"	"
	04	NGUYỄN QUANH HÙNG. N/c hiệu quả đtrị u thần não		+				"	"				"	"
	10405	NGÔ MẠNH QUÂN. N/c thực trạng và đánh giá các hq		+				"	"				"	"
	06	MAI THỊ DUNG. Tình hình sử dụng rượu bia của ^ dân		+				"	2014				Thạc sĩ	"
	07	TRẦN THỊ HẢO. N/c nhu cầu khám chữa bệnh ung thư		+				"	"				"	"
	08	LÊ THU PHƯƠNG. N/c sức khỏe tâm thần học sinh		+				"	"				"	"
	09	TRẦN THỊ MAI HOA. Thực trạng, kiến thức và thực		+				"	"				"	"
	10410	NGUYỄN THỊ HOÀI THƯƠNG. Tình trạng dinh dg		+				"	"				"	"
	11	ĐẶNG ĐÌNH HUÂN. Đặc điểm dịch tễ học bệnh dại		+				"	"				"	"
	12	VŨ THỊ HỒNG HẠNH. N/c so sánh chi phí dịch vụ		+				"	"				"	"
	13	NGUYỄN THỊ THANH TÂM. thực trạng dinh dg, khẩu		+				"	"				"	"
4/5	10414	VŨ THỊ HẢI YÊN. Đgia kq lâu dài đtrị bỏng		+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2014	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10415	NGÔ THỊ THÁI HÒA. Đ/g kỹ đtri kết hợp kháng thể	+					H	2015				Tiến sĩ	Đã
	10416	BẠCH QUỐC KHÁNH. N/c hiệu quả của ghép tế	+					"	"				"	"
	17	NGUYỄN HOÀNG LONG. N/c điều trị phẫu thuật	+					"	"				"	"
	18	PHAN ĐÌNH PHONG. N/c điều sinh lý học tim	+					"	"				"	"
	10419	LƯƠNG ĐỨC DŨNG. N/c đặc điểm LS, CLS, mũ bẹp	+					"	"				"	"
13/5/2015	20	HOÀNG THU HẰNG. Đánh giá kết quả hoá trị	+					"	2014				Nội trú	Đ
	21	NGUYỄN THỊ THÚY GIANG. Đánh giá kết quả điều	+					"	"				"	"
	22	PHẠM HOÀNG ANH. Kết quả điều trị phẫu thuật	+					"	"				"	"
	23	NGUYỄN ĐỨC ANH. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán	+					"	"				"	"
	10424	VŨ XUÂN PHƯỚC. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán	+					"	"				"	"
	25	VŨ VĂN TRÌNH. N/cứu tác dụng của Insulin	+					"	"				"	"
	26	ĐỖ TẤT CƯỜNG. Đánh giá kết quả điều trị phẫu	+					"	"				"	"
	27	LÊ THỊ MY. N/cứu hiệu quả bước đầu điều trị	+					"	"				"	"
	28	NGUYỄN THANH HOÀ. N/cứu xác định tế bào	+					"	"				"	"
	10429	NGUYỄN ĐỨC NHƯỜNG. N/cứu kết quả sớm	+					"	"				"	"
	30	NGUYỄN VĂN PHÌ. N/cứu điều trị gian đoạn trong	+					"	"				"	"
	31	PHẠM THU THỦY. Đánh giá sử biến đổi chức	+					"	"				"	"
	32	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG. Đánh giá kết quả điều trị	+					"	"				"	"
	33	ĐẶNG HOÀNG GIANG. Kết quả điều trị phẫu thuật	+					"	"				"	"
	10434	TRẦN SƠN TÙNG. Đặc điểm lâm sàng, chẩn	+					"	"				"	"
	35	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá kết quả	+					"	"				"	"
	36	VIÊN HOÀNG LONG. Đặc điểm điện sinh lý học	+					"	"				"	"
	37	HOÀNG VĂN KỲ. Đánh giá kết quả sớm của phương	+					"	"				"	"
	38	PHẠM CÔNG HUÂN. N/cứu thực trạng sử dụng	+					"	"				"	"
	10439	TRẦN HUYỀN TRANG. N/cứu kết quả sớm	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10440	TRẦN TUẤN THANH. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	41	NGUYỄN THANH THỦY. N/cứu giá trị tiên lượng
	42	MẪN VĂN CHUNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	43	DƯƠNG THỊ NGUYỆT VÂN. Đánh giá chức năng tâ
	10444	NGUYỄN THỊ TỐ NGÂN. Đánh giá vai trò của siêu
	45	TRƯƠNG THỊ HUYỀN TRANG. Đặc điểm lâm sàng
	46	THÂN TRỌNG TÙY. Đánh giá hiệu quả điều trị
	47	CHU HỒNG HẠNH. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm
	48	NGUYỄN THỊ THÚY NINH. N/cứu tình trạng sức
	10449	ĐINH THỊ THANH HỒNG. Đặc điểm lâm sàng
	50	HÀ PHƯƠNG THẢO. Ứng dụng kỹ RSI, RES
	51	ĐỖ DUNG HÒA. N/cứu ứng dụng kỹ thuật
	52	NGUYỄN THỊ VÂN. Đánh giá hiệu quả điều trị
	53	ĐẶNG TRỰC QUỲNH. Đánh giá hiệu quả điều trị
	10454	TẠ THỊ HỒNG THÚY. Nhận xét các biến chứng sớ
	55	NGUYỄN THỊ HÀ VÂN. Đặc điểm quang phổ
	56	NGUYỄN NGỌC TÂM. Đánh giá hiệu quả điều trị
	57	LÊ TUẤN ANH. N/cứu kết quả điều trị phẫu
	58	VŨ VĂN CƯỜNG. Đánh giá kết quả điều trị phẫu
	59	VŨ THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá hiệu quả điều trị
	10460	TRẦN TIẾN ĐẠT. Chẩn đoán hình thái tổn thương
	61	LÊ ĐĂNG QUANG. Tình hình nhiễm Chlamydia
	62	BÙI VĂN HÀ. N/cứu vai trò của siêu âm doppler
	63	BIỆN VĂN HOÀN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	64	HOÀNG VĂN NHẬ. N/cứu đặc điểm lâm sàng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HÀ	2014				Nghiệm	D.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"				

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
18/5	10465	LÊ THỊ HỒNG LÊ. Nhận xét sự thay đổi đường mũi
	66	ĐÀO THANH TOAN. Nhận xét đặc điểm hình thái
	67	TRẦN THỊ THANH THUỶ. Vai trò tín ngưỡng của bà
	68	PHAN HOÀNG GIANG. N/cứu khảo sát điều tra hệ
	10469	LÊ BÁ ANH ĐỨC. Đánh giá khả năng của chất lượng
	70	PHAN HỒNG NHUNG. Nhận xét đặc điểm gốc ANR in
	71	VŨ THỊ HẢI. N/cứu đặc điểm hình ảnh in gà tà
	72	HOÀNG ANH DUNG. Đánh giá kết quả sớm điều trị
	73	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI. N/cứu kết quả mục ngoài giúp
	74	HOÀNG THỊ THU THUỶ. N/cứu một số bệnh đẻ dễ chuyển
	10475	ĐỖ THỊ MINH PHƯƠNG. N/cứu một số yếu tố nguy cơ
	76	VŨ THỊ TRANG. Đánh giá kháng quả bảo đảm an toàn
	77	PHAN NHẬT MINH. Đánh giá kết quả tuổi đẻ vào
	78	LÊ MINH HẰNG. Đánh giá giới đoạn tìm TNM tuổi
	79	TRẦN HUYỀN TRANG. N/cứu đặc điểm hình ảnh
	10480	TRẦN THỊ VÂN ANH. Giá trị của tế (Chẩn thể)
	81	PHAN MINH GIANG. N/cứu các tuổng hợp thuốc
	82	CAO THỊ NGỌC. Đánh giá kháng quả điều trị nội
	83	NGUYỄN THỊ DUNG. Bước đầu tìm hiểu về hoạt
	84	DOÃN PHÚC HẢI. N/cứu đặc điểm dịch tễ học
	10485	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT. Đánh giá kết quả sau
	86	HOÀNG CẨM TÚ. N/cứu ứng dụng nội soi đại tràng
	87	NGUYỄN NGHỆ TĨNH. N/cứu ứng dụng thang điểm
	88	PHAN THU HẰNG. Khảo sát đặc điểm 2 Gene
	10489	NGUYỄN VĂN ANH. Đánh giá kháng quả sớm điều

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
20[illegible]	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					tc	2014				BSMT	D
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10490	VÕ VĂN THANH. Kết quả đầu tư tuyến đốt sóng thất lãng	+								HC	2014	BSNT	Đ.
	91	LƯỜNG ANH TÚ. N/cứu đặc điểm giải phẫu vì mỹ quy	+								"	"	"	"
	92	PHẠM THỊ HẢI YẾN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+								"	"	"	"
	93	TRỊNH ĐỖ VÂN NGÀ. Nhận xét một số kích thước	+								"	"	"	"
	94	VŨ THỊ AN. N/cứu đặc điểm dịch tễ học lâm sàng	+								"	"	"	"
	95	ĐỖ CẨM THANH. N/cứu một số đặc điểm dịch tễ	+								"	"	"	"
	96	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO. N/cứu hình ảnh bằng vắng	+								"	"	"	"
	97	NGUYỄN VĂN THÀNH. Bước đầu đánh giá tác dụng	+								"	"	"	"
	98	CAO THỊ HUYỀN TRANG. Đánh giá tác dụng điều trị	+								"	"	"	"
	10499	NGÔ PHAN ANH THỦY. Một số đặc điểm lâm sàng	+								"	"	"	"
	10500	LÊ THÁI VÂN ANH. N/cứu rám má trên phụ nữ Cathai	+								"	2015	Tiến sĩ	"
	01	NGUYỄN BÍCH HOÀNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+								"	"	"	"
	02	PHẠM VĂN THÁI. N/cứu điều trị nung thử phổ khoảng tế	+								"	"	"	"
46	03	PHẠM NGUYÊN CƯỜNG. N/cứu phân loại mô bệnh	+								"	"	"	"
	04	NGUYỄN VĂN THÌNH. Thực trạng công tác quản lý	+								"	2018	CK II	"
	05	NGUYỄN VĂN MÙI. N/cứu nồng độ hs - CRP huyết	+								"	2014	Thạc sĩ	"
	06	PHẠM VĂN KIÊN. Mô bệnh đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+								"	"	"	"
	07	TRẦN THANH HOÀN. Đánh giá kết quả điều trị	+								"	"	"	"
	08	NGUYỄN ĐỨC LONG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+								"	"	"	"
	10509	ĐINH NGỌC VIỆT. Đánh giá kết quả phục đồ	+								"	"	"	"
	10	TRẦN XUÂN VĨNH. Đánh giá kết quả điều trị nung thử	+								"	"	"	"
	11	TRẦN THU THỦY. N/cứu đặc điểm nhiễm trùng ở	+								"	"	"	"
	12	HOÀNG CHI CƯỜNG. N/cứu biểu hiện dấu ấn miễn	+								"	"	"	"
	13	ĐẶNG QUANG NAM. Đánh giá kết quả trên HS	+								"	"	"	"
	10514	TRẦN THỊ THUẦN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+								"	"	"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10515	LÊ VĂN CHẮC. N/cứu đặc điểm kinh sáng in kinh-
	16	LÊ MINH HOÀN. N/cứu ghi ảnh chụp cắt lớp vi tính
	17	TRẦN THỊ THÚY HẰNG. Xử lý số liệu thống kê
	18	UÔNG THỊ THU HƯỜNG. N/cứu đa hình thái dị
	19	LÊ THANH HOÀI. N/cứu chẩn đoán và đánh giá
	20	LÊ THÁI HÀ. Đánh giá kết quả điều trị gãy xương
	21	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO. N/cứu ứng dụng kỹ
	22	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG. N/cứu ứng dụng
	23	VŨ THẾ HÙNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật vạt
	24	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Đánh giá kết quả sử dụng
	10525	DƯƠNG THỊ LOAN. N/cứu ảnh hưởng của rối
	26	VŨ VĂN TĨNH. N/cứu đặc điểm một số bệnh thường
	27	TRẦN THỊ VÂN. N/cứu mô hình quản lý thuốc lượt
	28	ĐẶNG THỊ THUẬN. N/cứu đặc điểm dân tộc
	29	NGUYỄN VĂN SƠN. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận
	10530	NGUYỄN KHẮC LINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	31	PHẠM HỒNG NGUYÊN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	32	PHÙNG CÔNG SÁNG. Đánh giá kết quả điều trị Chấn
	33	NGUYỄN QUANG. Đánh giá kết quả phẫu thuật nẹp
	34	NGUYỄN VĂN DŨNG. Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng
	35	ĐỖ MINH HOÀNG. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận
	36	BÙI MẠNH CƯỜNG. Nhận xét chỉ số của
	37	PHÙNG THỊ LÝ. N/cứu ghi chỉ phương pháp siêu
	38	PHẠM ĐÌNH NGHĨA. Đánh giá hiệu quả kỹ thuật
	10539	NGUYỄN NGỌC TÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2014				Tks	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10540	NGUYỄN THỊ HOÀI VŨ. N/cứu mỹ dung thang đường	+					HC	2014				Ths	Đ.
	41	LÊ THỊ THÙY DUNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ học lâm	+					"	"				"	"
	42	BÙI THANH HẢI. Đánh giá kết quả điều trị ARV	+					"	"				"	"
	43	BÙI ĐỨC QUYẾT. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	44	NGÔ MẠNH HÀ. Đánh giá hiệu quả huyết thanh	+					"	"				"	"
	45	NGUYỄN TIẾN DŨNG. Đánh giá tác dụng điều trị	+					"	"				"	"
	46	NGUYỄN HOÀNG THUỶ. N/cứu đặc điểm nhiễm	+					"	"				"	"
	47	NGUYỄN THANH HƯƠNG. Đánh giá năng độ	+					"	"				"	"
	48	VI THỊ HẢI. Đánh giá hiệu quả tiêm ngoài màng	+					"	"				"	"
	10549	NGUYỄN ANH TÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	50	NÔNG HÀ MỸ KHÁNH. N/cứu năng độ 25(OH)	+					"	"				"	"
	51	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG. N/cứu chỉ số OSTA	+					"	"				"	"
	52	ĐINH CÔNG MẠNH. Đánh giá hiệu quả tiêm tinh	+					"	"				"	"
	53	VŨ VIỆT ANH. Đánh giá kết quả điều trị bỏ trị	+					"	"				"	"
	54	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN. Nhận xét đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	10555	TRẦN XUÂN CẢNH. N/cứu kết quả điều trị	+					"	"				"	"
	56	NGUYỄN THỊ HÀ. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	"
	57	TRẦN THỊ DIỆP. N/cứu các yếu tố liên quan đến	+					"	"				"	"
	58	NGUYỄN THỊ HÀ. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	"
	59	VILASIN SAOXONEKHAM. Nhận xét về kiểm thuốc	+					"	"				"	"
	60	DƯƠNG QUỐC BẢO. Đặc điểm lâm sàng, nhiễm dịch	+					"	"				"	"
4/6	10561	ĐẶNG KHÁNH LÝ. Đánh giá hiệu quả kiểm soát	+					"	"				"	"
	62	KHỔNG ĐÌNH KỶ. N/cứu đặc điểm sinh lý tinh	+					"	"				"	"
	63	ĐINH THỊ TRANG. Nhận xét thực trạng sâu răng	+					"	"				"	"
	10564	TRẦN THỊ THANH THUỶ. Ghi mật phương pháp	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10565	TRẦN NGỌC KHÁNH NAM. Đặc điểm lớn sáng ...	+					H	2014				Ts	D.
	66	SOUDAPHONE SOUKHANOUVONG. N/cứu đặc điểm	+					"	"				"	"
	67	PHONETHIP KEOCHINEDA. N/cứu sự thay đổi	+					"	"				"	"
	68	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT. Đánh giá kiến thức thực	+					"	"				"	"
	69	NGUYỄN TÂN HÙNG. N/cứu áp dụng thang đổi	+					"	"				"	"
	10570	HOÀNG THỊ THU LAN. Nhận xét biến đổi một số	+					"	"				"	"
	71	TRẦN THẾ QUANG. Đánh giá trị thuận và kết	+					"	"				"	"
	72	NGUYỄN THỊ THANH HƯỜNG. N/cứu năng độ	+					"	"				"	"
	73	TRẦN ĐĂNG KHOA. N/cứu đặc điểm hình ảnh	+					"	"				"	"
	74	HOÀNG KHÁNH CHI. Đánh giá kết quả phục hồi	+					"	"				"	"
	10575	VŨ NGỌC HUYỀN. N/cứu biến thể giải phẫu đường	+					"	"				"	"
	76	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG. Đánh giá kết quả điều	+					"	"				"	"
	77	VŨ THỊ KIM NGỌC. N/cứu đặc điểm lớn sáng hình	+					"	"				"	"
	78	LÊ QUANG HÒA. Đối chiếu hình ảnh cắt lớp vi tính	+					"	"				"	"
	79	ĐỖ THỊ THANH THỦY. Đánh giá hiệu quả giảm đau	+					"	"				"	"
	10580	HOÀNG TÙNG LÂM. Đặc điểm hình ảnh và giá	+					"	"				"	"
	81	VŨ THU THỦY. Đánh giá đặc điểm câu cá dòng mạch	+					"	"				"	"
	82	HÀ MANH HÙNG. N/cứu một số đặc điểm	+					"	"				"	"
8/6	83	NGUYỄN THỊ PHÒNG. Bước đầu phát hiện đột	+					"	"				"	"
	84	NGUYỄN QUANG THÀNH. Đánh giá kết quả điều	+					"	"				"	"
	10585	HOÀNG THỊ HIỀN. So sánh ảnh hưởng của gây	+					"	"				"	"
	86	PHAN DUY VIỆN. N/cứu đặc điểm trị thuận gan	+					"	"				"	"
	87	NGUYỄN THỊ HANH. N/cứu tính hình sử dụng	+					"	"				"	"
	88	NGUYỄN ĐỨC HANH. Đặc điểm hình ảnh và giá	+					"	"				"	"
	10589	NGUYỄN THỊ NGỌC. So sánh các chỉ số huyết	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10590	ĐỖ HỒNG SƠN. N/cứu đặc điểm làm sáng tỏ Cây
	91	DƯƠNG THỊ LIÊN. Đánh giá khả năng tự thụ phấn
	92	TRẦN PHƯƠNG HẢI. Lai hữu tính đặc điểm hình thái
	93	ĐINH THỊ HUYỀN TRANG. N/cứu đặc điểm hình thái
	10594	PHẠM VĂN TUYỂN. Đánh giá bộ dòng cải thiện
	95	LƯƠNG THỊ DUNG. Đánh giá bộ dòng đột biến
	96	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG. N/cứu đặc điểm hình thái
	97	NGUYỄN THỊ MAI LÊ. N/cứu kháng gen của SNP.
	98	LÊ THỊ HƯỜNG. Xác định người hình mang gen bệnh
	10599	TRỊNH THỊ YẾN. Đánh giá phương pháp chọn Cattleya
	10600	TRẦN THANH NHÀN. So sánh kiểu gen phòng ngừa
	01	TRẦN TUẤN VIỆT. N/cứu các bệnh lý xuất hiện
	02	TRỊNH VIỆT ANH. Đặc điểm hình thái, cấu hình sống
	03	TẠ QUẾ PHƯƠNG. N/cứu ghép cải tạo lá Ngô Hà
	04	TRẦN THỊ MINH HẢI. Đánh giá vai trò tim khoẻ
	10605	NGUYỄN NGỌC VINH. Đánh giá kiểu gen về tính
	06	BÙI THỊ BÍCH NGỌC. Đánh giá bộ dòng và cải cải
	07	VŨ ĐÌNH ÍCH. Đánh giá kiểu gen thử hạ tế
	08	ĐỖ THỊ THÚY NGA. N/cứu đặc điểm, dịch tễ học
	09	DƯƠNG XUÂN NGUYÊN. N/cứu đặc điểm hình sống
	10610	BẠCH THỊ HÀ THU. N/cứu thái độ xử lý đối với
	11	PHẠM ANH TRÂN. So sánh ảnh hưởng tiêu cực
	12	LÊ VĂN MẠNH. N/cứu một số yếu tố hình quả
	13	HÀ ÍCHẮC TRUNG. N/cứu đặc điểm hình sống
	10614	ĐỖ DUY TRỌNG. N/cứu đặc điểm hình sống yếu tố

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2014	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HL	2014				Ns	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
9/6.	10615	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Đánh giá hiệu quả m bệ dụng
	16	MAI THANH TÚ. Đánh giá kết quả xây dựng kỹ thuật
	17	LÊ ANH NGỌC. Đánh giá kết quả xây dựng mạch
	18	NGUYỄN TRUNG HIẾU. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	19	NGUYỄN HẢI CHÂU. Đánh giá kết quả điều trị
	10620	TRỊNH THANH VINH. Nghiên cứu chẩn đoán và điều trị
	21	LÊ NHẬT HUY. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	22	HOÀNG MINH TRUNG. Nhận xét tình hình điều trị
	23	PHẠM VĂN ICHẾT. Đánh giá phẫu thuật điều trị viêm
	24	ĐẶNG THANH TUẤN. Đặc điểm lâm sàng, chẩn
	10625	LÊ HUY BÌNH. Nghiên cứu chẩn đoán và đánh giá kết quả
	26	LÊ NGỌC SƠN. Đánh giá tác dụng của điều trị
	27	LÊ VĂN GIÁP. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	28	NGUYỄN NGỌC BÁCH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	10629	HOÀNG XUÂN QUỲNH. Phục hồi chức năng bệnh nhân
	30	LÊ THỊ HÒA. Đánh giá hiệu quả ba biện pháp
	31	NGUYỄN HỒNG QUÂN. Đánh giá kết quả điều trị
	32	PHẠM NGỌC TUẤN. Đánh giá kết quả xa dụng cụ
	33	ĐINH THỊ PHƯƠNG MAI. Nghiên một số yếu tố liên
	10634	NGUYỄN HỒNG QUÂN. Nhận xét hình ảnh giải phẫu
	35	ĐIỀU THỊ THÚY CHUYÊN. Nghiên ngưỡng độ SCCA
	36	LÀI THỊ TÚ UYÊN. Nghiên ngưỡng độ CYFRA 21-1
	37	TRẦN THỊ HUYỀN TRANG. Nghiên ngưỡng độ PROGRAM
	38	VŨ THỊ THÚY. Nhận xét đặc điểm lâm sàng cận
	10639	TRIỆU VĂN MẠNH. Đánh giá kết quả điều trị

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2014				TKS	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				1	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10640	HOÀNG MINH CƯỜNG. Đánh giá kết quả điều tr
	41	VŨ THỊ TÂM UYÊN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cậ
	42	TRẦN HỒNG HẠNH. Đánh giá kết quả điều trị dự
	43	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	44	VŨ MAI PHƯƠNG. Nhận xét thái độ xử trí sản k
	10645	LÊ THỊ LƯU. N/cứu tuổi thai chết lưu sau 22 tuần
	46	NGUYỄN HƯƠNG TRÀ. N/cứu những tương tác
	47	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NAM. N/cứu đặc điểm lâm
	48	NGUYỄN VĂN CHUYỀN. Đánh giá kết quả điều trị
	49	DƯƠNG THỊ MAI LAN. Đánh giá hiệu quả tiêm vaccin
	10650	LÊ CHÂM NGA. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận
	51	VŨ VĂN TƯỜNG. Phục hồi một số yếu tố
	52	TRẦN THU THẢO. Đánh giá hiệu quả điều trị
	53	HOÀNG THỊ NĂNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ
10/6.	10654	ĐẶNG THỊ THU HÀ. N/cứu xây dựng thiết bị phẫu
	55	TRẦN HUYỀN TRANG. Đặc điểm lâm sàng và kết quả
	56	LƯƠNG TUẤN THIỆN. Đánh giá độ dày giác mạc
	57	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG. Đặc điểm lâm sàng các
	58	LÊ VIỆT CƯỜNG. N/cứu thay đổi góc tiền phòng sau
	10659	NGUYỄN MINH HẢI. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	60	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Đánh giá kết quả điều trị
	61	HOÀI THỊ THÚY HÀ. Đánh giá độ dày võng mạc
	62	ĐỖ LÊ HÀ. Đánh giá hình thái lỗ vàng mạc hưu
	63	NGUYỄN DIỆU THU. N/cứu thay đổi hàng tế bào
	10664	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG. Đánh giá sự hình thà

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HL	2014				The	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10665	TRẦN THỊ THANH XUÂN. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	66	PHẠM VĂN ANH. Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt b
	67	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN. N/cứu các biến chứng sớng
	68	TRẦN THỊ NGỌC HÀ. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	10669	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG. N/cứu nhiễm khuẩn vết thươ
	70	MAI THỊ ANH. N/cứu thái độ xử trí sản khoa
	71	ĐỖ VĂN TÙNG. Khảo sát bệnh tật mũi họng thường
	72	ĐỖ GIA NAM. Nhận xét sự thay đổi ngữ độ
	73	BÙI VĂN THỦY. N/cứu các yếu tố có thể ảnh hưở
	10674	NGUYỄN PHƯƠNG MAI. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	75	KEOSAVONG SOUKCHANTHATH. Đặc điểm lâm sàng
	76	NGUYỄN TUẤN ANH. Nhận xét đặc điểm bệnh lý
	77	CẦN XUÂN HẠNH. Đánh giá kết quả điều trị suy thậ
	78	VŨ THỊ HỒNG PHÚC. N/cứu kết quả điều trị bỏng nặ
	10679	NGUYỄN THỊ THU YẾN. Đánh giá một số chỉ số chức
	80	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Điều trị suy tĩnh mạch
	81	PHÙNG CHÍ LÂN. Thực trạng bệnh lý tai mũi họ
	82	ĐỖ THÀNH CÔNG. Đánh giá kiểu gen của phụ
	83	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠO. Nhận xét đặc điểm
	10684	HÀ LƯƠNG DUY KHÁNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	85	LÊ THÀNH HƯNG. Đánh giá kết quả ghép tinh dị
	86	PHẠM QUỲNH TRANG. Kết quả điều trị vi phẫu thuật
	87	KIM SAMNANG. N/cứu chẩn đoán và điều trị phẫu
	88	NGUYỄN VIỆT HÀ. Kết quả điều trị phẫu thuật mộng
	10689	LÊ XUÂN SƠN. Đánh giá kết quả phẫu thuật. Kết luậ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2003	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2014				Tks	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10690	DƯƠNG TRƯỜNG MINH. N/cứu đặc điểm di cấu kiến
	91	NGUYỄN TRUNG ĐIỀM. Đánh giá vai trò của bùn ấm
	92	PHÓ HOÀNG ĐIỆP. N/cứu đặc điểm giải kaun bền
	93	NGHIÊM CHÍ CƯỜNG. N/cứu lựa Hải chế thuốc sơ vữa
11/6	10694	TRỊNH DUY NIN. N/cứu đặc điểm kiến sáng, cấu kiến
	95	NGUYỄN TRUNG TUYẾN. N/cứu đặc điểm kiến sáng
	96	ĐẶNG THỊ MỸ. Đánh giá chức năng thất bại ở bệnh
	97	PHẠM THỊ HỒNG THUỶ. Đánh giá kiểu gen của GC
	98	THÁI CHẮC MINH. Đặc điểm kiến sáng và thực trạng
	10699	BÙI TIẾN ĐẠT. Đánh giá vai trò của thủ nạp
	10700	LÊ TIẾN DŨNG. N/cứu đặc điểm rối loạn nhịp tim
	01	VŨ THỊ TÂM. Đánh giá kết quả phẫu thuật quay tạo
	02	HOÀNG THỊ XUYẾN. N/cứu đặc điểm kiến sáng
	03	BÙI THỊ HƯƠNG THU. N/xét đặc điểm kiến sáng
	04	NGUYỄN THỊ HUYỀN SÂM. N/cứu mối quan hệ giữa
	05	NGUYỄN ĐỨC THƯỜNG. N/cứu giá trị tiên lượng bệnh
	06	THÁI THỊ NGA. Đặc điểm kiến sáng, cấu kiến sáng
	07	PHẠM QUỐC ĐỒNG. Đánh giá bệnh quy thuỷ chậm
	08	NGUYỄN THỊ THANH HOÀ. Đánh giá bệnh quy hồi
	10709	PHƯƠNG THỊ THANH LOAN. Đánh giá bệnh quy bền
	10	ĐỖ QUANG ANH. N/cứu kết quả thu tinh tràng ống
	11	NGUYỄN QUANG MINH. N/cứu đặc điểm kiến sáng
	12	PHẠM VĂN CƯỜNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	13	LÊ NGỌC TUẤN. N/xét đặc điểm, kiến sáng
	10714	BÙI THỊ THO. N/cứu thực trạng, đưa, quay và kết quả

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HL	2014				Ths	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	C
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10715	ĐẶNG HOÀN HẢO. Đánh giá kết quả đầu tư chương trình
	16	TRẦN VÕ LÂM. Đánh giá hiệu quả FSH tại bệnh viện
	17	BÙI THỊ NHẺ. Nghiên cứu chuỗi ngoại tiếp cung ở thai phụ
	18	PHAN HOÀI GIANG. Đánh giá mối liên quan giữa kiểu gen
	10719	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG. Nhận xét về tỷ lệ biến chứng
	20	NGUYỄN THỊ MINH HẰNG. Đánh giá kết quả nội soi
	21	LÂM THÚY MAI. Hiệu quả tập luyện phục hồi chức năng
	22	LÊ THỊ HUỒNG. Đánh giá hiệu quả đầu tư của bệnh
	23	VÕ THỊ THU HỒNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và
	10724	TRẦN THỊ HƯỜNG. Nghiên cứu đầu tư có cải tiến
	25	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN. Nghiên cứu ứng dụng đo thử
	26	PHAN TRỌNG DŨNG. Đánh giá hiệu quả của Hội
	27	PHẠM THỊ THU HUYỀN. Đánh giá kết quả cắt bè củng
	28	TRẦN ANH PHƯƠNG. Đánh giá kết quả lâu dài
	10729	TRẦN THỊ KIM UYÊN. Đặc điểm lâm sàng và kết quả
	30	NGUYỄN TRUNG HIẾU. Đánh giá tính tương đương
	31	BÙI VĂN XUÂN. Đánh giá chức năng thất trái
	32	ĐẶNG THỊ THU HIỀN. Nghiên cứu kết quả đầu tư và sinh
	33	NGÔ MINH THẮNG. Nghiên cứu đo InterleukinCin 8
14/6/20[illegible]	34	ĐÀM THỊ THU HẰNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	35	TIỀU TIỀN QUÂN. Đánh giá tác dụng giảm đau sau
	36	VIMOTH THONGTERM. Đầu tư các bệnh chuyên đề
	37	NGUYỄN THU THỦY. Nhận xét mối tương quan giữa
	38	PHẠM VIỆT HÙNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	10739	HÀ VĂN HƯNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2014				Tks	+)
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10740	TRƯƠNG VĂN BANG. Phương hướng biện pháp xây dựng ...
	41	BÙI VĂN DŨNG. Nhận xét kết quả điều tra huyết áp
	42	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG. N/cứu thay đổi áp lực thẩm thấu
	43	TRẦN VĂN ĐÔNG. N/cứu giá trị dự đoán sự còn ...
	10744	NGUYỄN VĂN HUY. Đánh giá kiến quả điều trị
	45	PHẠM BÁ NGHĨA. N/cứu đặc điểm lâm sàng ...
	46	BẠCH SỸ MINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ...
	47	BÙI VIỆT HÙNG. Đánh giá hiệu quả của điều trị ...
	48	LƯU THỊ QUỲNH ANH. Đánh giá tình trạng dinh dưỡng ...
	10749	LÊ VĂN BA. Đánh giá đặc điểm lâm sàng của viêm ...
	50	NGUYỄN VĂN QUANG. Đánh giá kết quả xạ trị ung ...
	51	NGUYỄN TUẤN ANH. N/cứu chẩn đoán và điều trị ...
	52	NGUYỄN VĂN THÀNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng ...
	53	CHU THỊ THU ÂU. N/cứu một số đặc điểm lâm sàng ...
	10754	NGUYỄN TUẤN MAI. Đánh giá kết quả kỹ thuật ...
	55	ĐINH THỊ NGỌC LAN. Nhận xét thái độ xử trí ...
	56	VŨ THỊ TUẤT. N/cứu xử trí thủng loét dạ dày ...
	57	ĐOÀN TRUNG HIẾU. Nhận xét tình trạng dinh dưỡng ...
	58	PHAN HÙNG SƠN. Kiến thức, thái độ, hành vi ...
	59	NGUYỄN THANH BÌNH. N/cứu một số yếu tố nguy ...
	10760	NGUYỄN MINH TUẤN. Nhận xét giá trị của X quang ...
	61	NGUYỄN THỊ MỸ THÀNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng ...
	62	VŨ THỊ DUL. N/cứu giá trị của nội soi ống mềm ...
	63	HOÀNG VĂN SƠN. N/cứu kiến thức, thái độ thực hành ...
	10764	LÊ VĂN ĐỒNG. Đặc điểm lâm sàng, x quang ...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					K	2014				Ths	A.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10765	TRƯƠNG VĂN TUYÊN. N/cứu kết quả điều trị-bệnh trong cung nhung
	66	HOÀNG QUỐC HUY. Gây mê, progesterone trong ỉa
	67	NGUYỄN THỊ MỸ ANH. Siêu âm chẩn đoán tuổi thai
	68	NGUYỄN MINH CHÂU. Đánh giá kết quả điều trị phẫu
	10769	NGUYỄN THỊ MINH TÂM. N/cứu đặc điểm tinh dịch
	70	NGUYỄN THỊ NGỌC. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	71	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. N/cứu bất thường nhiễm sắc
	72	NGUYỄN THỊ LÝ. Sàng lọc trước, chẩn đoán trước sinh
	73	MAI THANH TÚ. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
24/6	10774	PHAN HỒNG THANH. N/c tỷ lệ thiếu máu thiếu sắt
	75	PHẠM LIÊN HƯƠNG. N/c rối loạn đông máu trong
	76	NGUYỄN THỊ HƯỜNG THUỶ. N/c chỉ định và tỷ lệ
	77	NGUYỄN THỊ DUNG. Đ/g hiệu quả giảm đau của
	78	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. Đ/g tác dụng phụ thuốc
	10779	NGUYỄN VĂN THUỶ. N/c áp dụng thang điểm Ranson
	80	NGUYỄN NỮ HOÀI YÊN. N/c tỷ lệ chỉ số thai bất
	81	HOÀNG THỊ ĐÍCH. Thực trạng bệnh sản phụ viêm
	82	NGUYỄN ĐÌNH HIẾU. Nhiễm trùng đường tiết niệu
	83	TRẦN XUÂN TRƯỜNG. N/c đặc điểm LS, CLS
	10784	VŨ NHẬT TOÀN. Đ/g kỹ thuật Nong thực quản kết hợp
	85	PHẠM THỊ TÂM. N/c xác định tỷ type human papil
	86	TRẦN NGỌC ANH. N/c tác dụng điều trị tổ loạn
	87	TRẦN VIỆT HÀ. N/c giải phẫu cổ tử cung liên quan
	88	HOÀNG THỊ HÀ. Bước đầu đ/g hiệu quả và tác dụng
	10789	THÁI THỊ THU. N/c tỷ lệ loạn sản tế bào thay đổi

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2014				Tkê	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"				

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10790	VŨ THỊ THANH LOAN. Hiệu quả điều trị Eczema	+					H	2014				Thạc sĩ	Đĩa
	91	NGUYỄN HỒNG PHÚC. Hiệu quả điều trị Lichen	+											
	92	MAI THỊ LIÊN. Đặc điểm LS, yếu tố Lg và kq	+											
	93	HỒ THỊ THANH THUỶ. Kiến thức hàng vi ngay cổ	+											
	10794	MAI MẠNH TÂM. Đặc điểm LS, CLS và kq điều trị	+											
	95	ĐẶNG THỊ THU HIỀN. Đối chiếu tổn thương thực quản	+											
	96	NGUYỄN XUÂN TIẾN. N/c ĐĐ đ/CS của viêm Anh	+											
	97	LÊ ANH ĐỨC. Đg kết quả phẫu thuật u lành tính	+											
25/6/2015	98	NGUYỄN THU THẢO. N/c Thực trạng bệnh sâu răng	+						2015				BSYK	Đĩa
	10799	VŨ TƯỜNG VÂN. Dự phòng sâu răng bằng	+						"				"	"
	10800	NGUYỄN THỊ THỊ. Đặc điểm lính ảnh viêm	+						"				"	"
	01	TRẦN THANH TÂM. Mối liên giữa tính trạng	+						"				"	"
	02	ĐẶNG QUANG NHẬT. N/c chẩn đoán và xử trí	+						"				"	"
	03	NGUYỄN LÊ HOÀNG. Đặc điểm mối hàn	+						"				"	"
	10804	NGUYỄN MẠNH HÙNG. Đánh giá tính trạng sử	+						"				"	"
	05	TRƯƠNG VĨNH LONG. N/c Đặc điểm lâm sàng	+						"				"	"
	06	TRỊNH THỊ LINH. N/xét một số thay đổi	+						"				"	"
	07	ĐÀM THỊ ĐÀO. Thực trạng kiến thức và thực	+						"				"	"
	08	TRƯƠNG QUỐC THANH. N/c Đặc điểm lâm sàng	+						"				"	"
	10809	PHAN DIỆU LINH. N/xét các khối u buồng trứng	+						"				"	"
	10	NGUYỄN PHƯƠNG THUỶ. N/c sự biến đổi các	+						"				"	"
	11	HOÀNG MINH HUY. Đặc điểm kích thước răng	+						"				"	"
	12	LÊ VĂN TUYẾN. Phân tích kết quả sống lọc	+						"				"	"
	13	ĐỖ THỊ THUỶ. N/cứu áp dụng bộ câu hỏi	+						"				"	"
	10814	MAI THIÊN LĨNH. Thực trạng thương tích	+						"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10815	TRỊNH HOÀNG CHUNG. Thừa Thông cng Hế.
	816	HOÀNG VĂN CHỨC. Nc Đủ đủm làm Bg
	817	NGUYỄN HỮU HOÀI. Tìm hiểu rối loạn
	818	BÙI TIẾN TUẤN. Nc đủ đủm bệnh viện..
	10819	ĐỖ TRUNG ĐỨC. Đủ đủm làm Bgi Cần Lá Ngt
	820	ĐẶNG THẾ QUỲNH. Thẩm quyền đủm Tr..
	821	ĐỖ THỊ DUNG. Đánh giá kết quả Thu Ths.
	822	LÊ XUÂN HIỀU. N/xét biến quản và Cá
	823	NGUYỄN THỊ DUYÊN. Đánh giá thực Trạng dị Cả
	10824	LÊ PHI HOÀNG. Nc Đủ đủm làm Bg
	825	NGUYỄN HOÀI NAM. Tìm hiểu thực Trạng
	826	DƯƠNG CÔNG NGUYÊN. Đánh giá một số Đa dạng
	827	NGUYỄN PHI THĂNG. Dẫn lưu thường mất
	828	NÔNG THỊ KIM NGÂN. N/xét đặc điểm một số..
	10829	ĐỖ THỊ KIM TUYẾN. Mô tả đặc điểm và tỷ lệ
	830	CUNG QUANG HƯNG. Nc Đặc điểm làm Bng
	831	TRỊNH THỊ HOÀNG TRINH. Đánh giá Erecto..
	832	TRỊNH THỊ THANH THANH. Vấn đề kỹ thuật
	833	TRẦN THỊ THU HOÀI. Đánh giá tỷ lệ đái gắng
	10834	LÊ ĐỨC NGUYÊN. Đánh giá biến quản đầu th
	835	LÊ TUẤN LONG. Nc Đặc điểm làm Bng
	836	TRẦN THỊ PHƯỢNG LINH. N/xét Đặc điểm làm Bg
	837	TRẦN THỊ LINH. Đặc điểm làm Bng. Mô bệnh
	838	ĐINH HUỆ QUYÊN. N/xét vô làm Bng và Cắ
	10839	CAO THỊ THU QUẾ. Tình hình Nhồng Nhồng Bệ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					Đã
+						2015				BSYK.	Đã
+						"				"	"
+						"				"	"
+						"				"	"

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10840	NGUYỄN DUY HƯNG. Khảo sát kết quả sử dụng...	+						2015				BSYK	Đã
	841	TRƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG. Đánh giá tình trạng Dịch Dưỡng	+						//				//	//
	842	VŨ ĐỨC ANH. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng...	+						//				//	//
	843	NGUYỄN TÀI TUẤN. N/c một số chỉ số tế bào	+						//				//	//
	10844	VƯƠNG XUÂN TOÀN. N/c Đặc điểm lâm sàng...	+						//				//	//
	845	NGUYỄN MINH GIANG. Khảo sát các thể lâm sàng	+						//				//	//
	846	LÊ THỊ XUÂN. N/xét một số đặc điểm lâm sàng	+						//				//	//
	847	TRẦN THỊ HƯƠNG. N/c Đặc điểm lâm sàng	+						//				//	//
	848	NGUYỄN DUY THẮNG. N/c Hiệu quả điều trị	+						2014				Thạc sỹ	//
	10849	ĐOÀN VIỆT TRÌNH. Đặc điểm lâm sàng và vai trò	+						//				//	
	850	PHAN THẮNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+						//				//	
	851	BÙI HOÀNG THẢO. N/cứu chẩn đoán và điều trị	+						//				//	
	852	VŨ HOÀNG HUY. N/cứu chức năng tâm thu	+						//				//	
	853	NÔNG THANH TRÀ. So sánh hiệu quả các thể...	+						//				//	
	10854	LÊ VĂN NGỌC. Đánh giá hiệu quả điều trị	+						//				//	
	855	NGUYỄN ĐỨC LONG. Khảo sát tình trạng Dịch Dưỡng	+						//				//	
	856	TRẦN VĂN QUANG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+						//				//	
	857	ĐOÀN TIẾN DƯƠNG. Mô tả đặc điểm lâm sàng	+						//				//	
	858	CHENG SOK VENG. N/c đặc điểm lâm sàng	+						//				//	
	10859	LA PHÚC. N/c đặc điểm lâm sàng và cắt...	+						//				//	
	860	LÊ TRƯỜNG SƠN. Đặc điểm lâm sàng các Ytô	+						//				//	
	861	NGÔ LÊ THANH HẢI. N/C Tổn thương xương...	+						//				//	
	862	LÊ THỊ HẢI YẾN. N/c đặc điểm mô bệnh học.	+						//				//	
	863	TRẦN VĂN THẢO. Hiệu quả điều trị hỗ trợ	+						//				//	
	10864	NGUYỄN THỊ BÍCH. Đánh giá kq điều trị...	+						//				//	

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10865	ĐÀO BÍCH HƯỜNG. Thực trạng kiểm soát ...	+					H	2014				Thạc sỹ	Đã
	866	DƯƠNG THỊ THUÝ. Đối chiếu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	867	TRẦN MINH PHƯƠNG. Đánh giá kỹ nạo vét ...	+					"	"				"	
	868	ĐOÀN NAM HƯNG. Mô tả đặc điểm lâm sàng.	+						"				"	
	10869	HÀ TUẤN MINH. Đặc điểm lâm sàng và độ..	+						"				"	
	870	KHA THỊ TRÂM. Tình hình điều trị phẫu thuật	+						"				"	
	871	CHU MANH LONG. N/cứu các yếu dẫn đến..	+						"				"	
	872	ĐINH HỮU VIỆT. Đánh giá kỹ điều trị.	+						"				"	
	873	PHẠM THỊ KIM QUYÊN. Sâu âm chẩn đoán.	+						"				"	
	10874	NGUYỄN VĂN LỰU. N/cứu kỹ phẫu thuật cắt..	+						"				"	
	875	TRẦN THỊ THU HƯỜNG. N/xét về chẩn đoán và điều trị	+						"				"	
	876	LÊ VIẾT DUẨNG. Đặc điểm hình ảnh [illegible]	+						"					
	877	NGUYỄN VIỆT HẢI. N/c đặc điểm lâm sàng..	+						"				"	
	878	NGUYỄN MINH ĐỨC. N/xét đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	10879	LUYỆN HẰNG THU. Đánh giá hiệu quả phác đồ	+						"				"	
	880	VŨ THỊ THƠM. Đánh giá hiệu quả của thuốc	+						"				"	
	881	PHÙNG THỊ THUÝ HẰNG. N/cứu tác dụng hạ	+						"				"	
	882	NGUYỄN VĂN THÀNH. Đánh giá hiệu quả của..	+						"				"	
	883	NGUYỄN QUANG HUY. N/xét đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	10884	TRẦN THỊ NGỌC HỒI. Đặc điểm lâm sàng rối loạn	+						"				"	
	885	BÙI VĂN KHÁNH. N/cứu vai trò của thử nghiệm	+						"				"	
	886	PHẠM TÂN THÀNH. Đánh giá kỹ phẫu thuật..	+						"				"	
	887	NGUYỄN VĂN THUẬN. N/cứu đặc điểm giải phẫu..	+						"				"	
	888	TRẦN THỊ HIỀN. N/cứu một số đặc điểm	+						"				"	
	10889	TRỊNH VĂN TUẤN. N/cứu bướu nhân tuyến giáp	+						"				"	

NĂM 200...

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10890	NGUYỄN VĨNH HẢI. Đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng	+						20N				Thạc sỹ	Đã
	891	NGUYỄN THAN HẢI N/cứu một số y tố.	+						"				"	"
	892	NGUYỄN BÁ NGỌC. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm.	+						"				"	
	893	TẠ QUỐC BẢN. Đánh giá Kg Thực tinh Trong.	+						"				"	
	10894	NG THỊ THÚY HÀ. N/c và chẩn đoán và xử trí	+						"				"	
	895	PHẠM KHÁNH HỒNG. Đánh giá Kg thất tử sinh	+						"				"	
	896	PHẠM THỊ KIM DUNG. N/c áp dụng bảng điểm	+						"				"	
	897	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG. Đánh giá Kg điều trị	+						"				"	
	898	LÊ VĂN NAM. N/xét Kg sử dụng kem chải sàng	+						"				"	
	10899	PHẠM XUÂN HOÀNG. Đánh giá tình trạng xe	+						"				"	
	10900	HỒ TỰ CHÍNH. Đánh giá sự thay đổi	+						"				"	
	901	PHẠM MẠNH HÙNG. Đánh giá Kg phẫu thuật	+						"				"	
	902	ĐINH TRUNG THÀNH. N/cứu gtri của đất Start	+						"				"	
	903	NGUYỄN THỊ HỒNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	10904	ĐOÀN THỊ YẾN BINH. N/xét Tình Trạng lệch	+						"				"	
	905	NG THỊ MAI KHUYÊN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	906	KHÚC THỊ HƯƠNG. N/cứu chỉ số NON-HDL	+						"				"	
	907	NGUYỄN VIỆT ANH. N/xét đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	908	KEOPASEUTH KOUNDAVAN. N/xét tình trạng lệch	+						"				"	
	10909	ĐỖ VĂN CẨN. Thực Trạng sâu răng	+						"				"	
	10910	NGUYỄN VĂN HUY. N/cứu ứng dụng COBRA	+						"				"	
	911	TRẦN VĂN THÔNG. Đánh giá Kg sớm phẫu thuật	+						"				"	
	912	TRẦN VĂN NGHĨA. N/c đặc điểm di cảm	+						"				"	
	913	NGUYỄN MINH CHÂU. N/c đặc điểm hít ảnh	+						"				"	
	10914	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Đánh giá hiệu quả	+						"				"	

NĂM 2015

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10915	NGUYỄN THỊ NHÂM. So sánh hiệu quả..	+						2014				Thạc sỹ	Đã
	916	DƯƠNG THỊ AN. Khảo sát cấu trúc khối..	+						//				//	
	917	ĐINH THỊ THU HƯƠNG. Khảo sát nồng độ axit..	+						//				//	
	918	HÀ VĂN HUỲ. N/xét phương pháp nối sa..	+						//				//	
	10919	VŨ KHÁNH CHI. Đánh giá đáp ứng giãn mạch.	+						//				//	
	920	NGUYỄN THỊ KIM LEN. N/cứu một số thay đổi..	x						//				//	
	921	NGUYỄN VĂN CHIẾN. N/c đặc điểm lâm sàng..	+						//				//	
	922	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG LAN. Tìm hiểu mối liên quan	+						//				//	
	923	HOÀNG THỊ HẢI HÀ. Đánh giá tình trạng khác xa	+						//				//	
	10924	PHẠM THỊ HIỀN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+						//				//	
	925	HOÀNG THỊ THANH NGA. N/cứu không thể bất thường.	+						//				//	
	926	NGUYỄN VĂN HUYNH. Đánh giá kết quả điều trị..	+						//				//	
	927	NÔNG THÀNH CÔNG. N/c đặc điểm lâm sàng..	+						//				//	
2/7/2015	10928	HOÀNG KIM LOAN. Thực trạng chuẩn bị nhưng..	+						"				Tiến sỹ	
	29	HUỲNH VĂN MÃN. N/cứu rối dung phác đồ	+						"				"	
	30	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THỦY. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+						"				"	
	31	TRẦN THANH TÙNG. N/cứu hoạt tính một số yếu tố	+						"				"	
	32	LÊ THỊ THÚY LAN. N/cứu giữ tị chụp cây hương tre	+						"				"	
	33	LƯU LIÊN HỒNG. Knowledge about safe sex	+						"				BSYK	Đ.
	34	PHAN VĂN HÀU. Tính kính nhiễm Enterococcus.	+						"				"	"
	35	NGUYỄN THỊ THÙY LINH. Khảo sát tính kính nhiễm	+						"				cử nhân	"
	36	HOÀNG THỊ THÚY. N/cứu thực hành về bệnh cúm	+						"				BSYK	"
	10937	CẤN HUYỀN HÂN. Mối liên quan giữa khang thể	+						"				"	"
	38	NGUYỄN VĂN PHAN. N/cứu đặc tính cấp khả năng	+						"				"	"
	10939	NGUYỄN VĂN UYÊN. N/cứu đặc điểm tổn thương	+						"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10940	BẠCH VĂN THẮNG. N/cứu đặc điểm xuất huyết m-	+					H	2014				BSYK	H
	41	HOÀNG GIANG. N/cứu đặc điểm cân hen phế quản	+					"	"				"	"
	42	LÊ DUY QUANG. Hiệu quả giảm đau của paracetamol	+					"	"				"	"
	43	VŨ THỊ DUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng sỏi lạm giữa	+					"	"				"	"
	44	NGUYỄN THÀNH SAO MAI. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	45	NGUYỄN THỊ NGỌC MAI. Cô cần bệnh bắt của bệnh nhân	+					"	"				"	"
	46	HOÀNG HỒNG PHONG. N/cứu đặc điểm dẫn tuyến	+					"	"				"	"
	47	ĐỖ THỊ NGỌC ANH. Đánh giá chất lượng cuộc sống	+					"	"				"	"
	48	PHAN THỊ THANH. Đánh giá hiệu quả điều trị của đồn	+					"	"				"	"
	10949	BÙI THỊ HUYỀN TRANG. Khảo sát các thể bệnh thuỷ	+					"	"				"	"
	50	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG. N/cứu về xử trí sản khoa	+					"	"				"	"
	51	NGUYỄN MANH THE. Caractéristiques de la	+					"	"				"	"
	52	NGUYỄN THỊ MẾN. Nhận xét tình trạng bệnh nhân	+					"	"				"	"
	53	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO. Tình hình kiến thức thực	+					"	"				"	"
	54	NGUYỄN THỊ VÂN. Thực trạng sức khỏe trên thôn	+					"	"				"	"
3/7/2015	55	NGÔ QUANG NINH. Thực trạng sử dụng dịch vụ y t	+					"	"				"	"
	56	PHẠM THỊ KIM DUNG. Mô tả bệnh bắt vì phương	+					"	"				"	"
	57	HOÀNG THÙY LINH. Mô tả tình trạng xuất huyết	+					"	"				"	"
	58	TRẦN THỊ HOA LÝ. Đánh giá hiệu quả của phương pháp	+					"	"				"	"
	10959	NGUYỄN TRỌNG KHUÊ. N/cứu sự thay đổi một số	+					"	"				"	"
	60	HOÀNG THỊ CÚC. Sự lãnh thương trong 2 tuần nhỏ	+					"	"				"	"
	61	TRẦN THỊ NGỌC ANH. Đánh giá mức độ lo lắng	+					"	"				"	"
	62	NGUYỄN VŨ THÌNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng m-	+					"	"				"	"
	63	TRẦN THỊ MINH NGUYỆT. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	10964	LÊ THỊ THU TRANG. Kết quả điều trị ARV trên bệnh	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	10965	TẠ MINH ĐỨC. Một số đặc điểm dịch tễ học hội chứng	+					HC	2015				BSYC	Đ.
	66	NGUYỄN THỊ YẾN. Mô hình bệnh tật vì hoạt động chăm	+					"	"				"	"
	67	VŨ THỊ LINH TRANG. Thực trạng và một số yếu tố	+					"	"				"	"
	68	ĐINH THẾ HÙNG. Bước đầu nghiên cứu đặc điểm bìn	+					"	"				"	"
	10969	BÙI THỊ PHƯỜNG. Bước đầu đánh giá kết quả [illegible]	+					"	"				"	"
	70	ĐINH KHẮC DŨNG. Tìm hiểu các hình thái rối loạn	+					"	"				"	"
	71	ĐINH THỊ PHƯỜNG THẢO. Khảo sát tình trạng dinh dưỡng	+					"	"				"	"
	72	VŨ ANH MINH. Nhận xét kích thước thân bình thường	+					"	"				"	"
	73	NGUYỄN HOÀNG KIM NGÂN. Đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	10974	NGUYỄN THỊ VÂN TRANG. Đặc điểm hạ bạch cầu	+					"	"				"	"
	75	LÊ VĂN DUY. N/cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	76	NGUYỄN QUỲNH ANH. Đánh giá chất lượng sang	+					"	"				"	"
	77	ĐỖ TUYẾT MAI. Mô tả các tổn thương do xâm hại tình dụ	+					"	"				"	"
	78	VŨ THỊ MỸ HANH. Mô tả các hình thái chấn thương	+					"	"				"	"
	10979	PHẠM THANH NHAN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	80	BÙI THỊ THU HƯỜNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	81	ĐỖ MINH THU. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	82	LÊ THỊ HUYỀN TRANG. N/cứu một số đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	83	HOÀNG THỊ THU TRANG. Đặc điểm lâm sàng và kết quả	+					"	"				"	"
	10984	NGUYỄN TRÍ CƯỜNG. Đánh giá kết quả sản cuộc phẫu	+					"	"				"	"
	85	HỒ THỊ NGÂN HÀ. N/cứu các yếu tố nguy cơ của bệ	+					"	"				"	"
	86	NGUYỄN THỊ HẢI. Bình đồ hình thái vì thế mô buồng	+					"	"				"	"
	87	PHẠM ĐẮC ĐÔNG. Bước đầu n/cứu đặt bình gia	+					"	"				"	"
	88	BÙI THỊ HÒA. Thực trạng bệnh sâu răng, bệnh viêm lợi	+					"	"				"	"
	10989	NGUYỄN MINH QUYẾT. Kết hợp Hepasin và Riva	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	10990	TRẦN THỊ DIỆU ANH. Sử dụng dịch vụ chăm sóc
	91	TRẦN HIỆP HÒA. Sử dụng dịch vụ Khám chữa bệnh
	92	NGUYỄN VĂN TÂN. Nhận xét hai in một số yếu tố
	93	ĐẶNG ĐÌNH QUANG. Kết quả điều tra nhang Cần
	94	NGUYỄN TUẤN LINH. Thực trạng vùng bãi cửa lưu
	10995	NGUYỄN VIỆT HOÀNG. N/cứu chi tiết in dưa lưu
	96	NGUYỄN TRUNG ĐA. Bước đầu n/cứu tần suất
	97	ĐẶNG THỊ NGỌC MAI. N/cứu áp dụng cải tiến
	98	ĐỖ XUÂN TOÀN. Nhận xét đặc điểm sống, C
	10999	ĐỖ THỊ THÚY VÂN. Thực trạng vùng bãi nuôi
	11000	PHÍ VĂN CÔNG. N/cứu một số đặc điểm sống
5/7.	11001	ĐẶNG THỊ THU HƯỜNG. So sánh sự sống thuần
	02	NGUYỄN MINH ANH. N/cứu một số đặc điểm
	03	NGUYỄN MỘNG ĐẶNG TIẾN. Tính trạng sản xuất
	11004	PHẠM THU GIANG. Thực trạng chăn thuần sống
	05	PHẠM THỊ HOÀI THU. Nhu cầu và thực trạng sử dụng
	06	BÙI ĐỨC CHUNG. Nhận xét tính trạng biến sản xuất
	07	PHẠM ĐỨC GIANG. Sử xây nhập quần nhuận sinh
	08	TRẦN THỊ THÚY HOÀN. Đánh giá chỉ xanh phân loại
	11009	LÊ NGỌC ANH. Tìm hiểu đặc điểm sống
	10	TRẦN VĂN BẢO. N/cứu đặc điểm sống
	11	TRẦN THỊ THÙY VINH. Hiện quả các phương pháp chọn
	12	ĐẶNG ĐỨC THÀNH. Đặc điểm sống, cấu
	13	LÊ THỊ NHÀI. Đánh giá mức sống quần quần một số
	11014	TRẦN THỊ PHƯỢNG TITAC. Thực trạng sản xuất

KIỂM KÊ 2007	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
+					H	2005				BSYK	D.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11015	DƯƠNG MẠNH HUY. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	16	THIỀU THỊ THANH VÂN. Tìm hiểu thực trạng kỹ năng
	17	ĐOÀN THU HÀ - Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	18	NGUYỄN THỊ THANH. Tình trạng chăm sóc răng và một số
	19	ĐỖ MAI OANH. Kiến thức, thái độ và kỹ năng chăm sóc
	20	TRƯƠNG THỊ THANH HƯƠNG. Đánh giá tình trạng chăm
	21	NGUYỄN ANH TUẤN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	22	ĐẶNG THỊ KIM GIANG. Đánh giá tình trạng sử dụng
	23	LÊ XUÂN NGỌC. Đánh giá tình trạng sử dụng và hiệu
	11024	LÊ THỊ TRANG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả
	25	NGUYỄN THỊ BÍCH HUYỀN. Tình trạng cô lập tiếp
	26	PHAN THỊ CHÚC. Kết quả xét nghiệm tìm Chlamydia
	27	HÀ THỊ BÍCH NGỌC. Nghiên cứu đánh giá tình trạng sâu
	28	NGUYỄN VIỆT ĐỨC. Nghiên cứu tình hình dịch tễ
	11029	MAI VĂN HƯNG. Đặc điểm hình thái của bệnh
	30	ĐỖ THỊ THI. Nghiên cứu hình hình hạt của bệnh viện
	31	NGUYỄN VĂN CƯỜNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	32	PHAN TIẾN LỘC. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	33	NGUYỄN THỊ LUẬN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	11034	TỐNG THANH HIẾU. Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng
	35	NGUYỄN HỒNG HẢI. Nghiên cứu đặc của các tổn thương
	36	NGUYỄN DIỆU ANH THƯ YÊN. Nghiên cứu đặc điểm
	37	ĐÀO NGỌC PHÚ. Phân tích tình hình sử dụng A4889 của
	38	NGUYỄN HUY THỰC. Thực trạng công tác chăm sóc
	11039	THIỀU QUANG QUẢN. Nghiên cứu tình trạng sử dụng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BSYK	D.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				BSYK	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
9/7	11040	BÙI BẢO LÂM. Đặc điểm lâm sàng vô mế lâm lê	+					HC	2015				BSYK	Đ.
	41	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH. phân tích đa hình G 4258C	+					"	"				Cử nhân	Đ
	42	NGUYỄN NHI HÀ. Cliniques paracliniques	+					"	"				BSYK	Đ
	43	LƯƠNG THÀNH TRUNG. Đánh giá vai trò phân độ	+					"	"				"	"
	44	NGUYỄN THỊ KIM DUNG. Nhận xét thiết kế cai	+					"	"				"	"
	45	HÀ THỊ NGA. Thực trạng sâu răng vô lâm quen	+					"	"				"	"
	46	NGUYỄN THỊ THOA. Khảo sát kiến thức thái độ	+					"	"				"	"
	47	ĐỖ THỊ THẢO. Khảo sát kiến thức của sinh viên	+					"	"				"	"
	48	LÊ BÁ TUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, lưu ảnh	+					"	"				"	"
	11049	BÙI MINH HẢI. N/cứu thực trạng lâm sàng vô đưu	+					"	"				"	"
	50	CHU KHÁNH HÒA. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	51	LƯƠNG THỊ THANH HUYỀN. Tình hình đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	52	PHẠM HỒNG NGỌC. N/cứu đặc điểm lâm sàng vô cận	+					"	"				"	"
	53	TRINH THỊ HOÀNG ANH. Tình hình đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	54	ĐỖ TRƯỜNG MINH. Nhận xét mô lâm quen quê	+					"	"				"	"
	55	BÙI BẢO NGỌC. Đánh giá kết quả trám răng khang	+					"	"				"	"
	56	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG. Hiệu quả Gel Ionic	+					"	"				"	"
	57	NGUYỄN THỊ TÂM. Nhận xét kiến thức thái độ vô hình	+					"	"				"	"
	58	PHAN THỊ HOÀI. Hiệu quả điều trị nhảy cảm ngà bức	+					"	"				"	"
	11059	TRẦN NGỌC SƠN. Thực trạng phục hình răng đã mất	+					"	"				"	"
	60	NGUYỄN ANH DŨNG. N/cứu một số rối loạn điểm	+					"	"				"	"
	61	HOÀNG TRUNG KIÊN. N/cứu đặc điểm lâm ảnh bin	+					"	"				"	"
	62	VŨ THỊ LAN. Tình hình vô kiến thức vô thực hành vô sinh	+					"	"				Cử nhân	Đ
	63	NGUYỄN CÔNG THÀNH. Nhận xét tỷ lệ vô mức độ	+					"	"				BSYK	"
	11064	ĐINH THỊ LƯ. Nhận xét hiệu quả của phương pháp	+					"	"				Cử nhân	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11065	NGUYỄN QUANG HUY. N/cứu đặc điểm kinh tế...
	66	CAO THỊ HOÀNG YẾN. Hoàn chỉnh quy trình 5-BROM
	67	BÙI THỊ MẾN. Khảo sát một số tính biến bất thị Khoa
	68	ĐINH THU HẰNG. Đặc điểm kinh sống, cấu trúc lớp
	11069	NGUYỄN THỊ HẰNG. Đánh giá tính tương đồng di truyền
	70	NGUYỄN KHẮC THÁI. Tìm hiểu tỉ lệ và đặc điểm
	71	TRẦN THỊ THANH HOA. Nhận xét những kiến cấu
	72	MAI THỊ KIM NGÂN. Nhận xét đặc điểm kinh sống cấu
	73	NGUYỄN THỊ THANH HOA. Thực trạng bệnh Khe nhũng
	11074	NGUYỄN KHẮC NGHIỆM. Đặc điểm kinh sống cấu
	75	NGUYỄN THẾ HÙNG. Nhận xét ngoại đề và giải tỉ
	76	ĐỖ XUÂN NGUYÊN. Tính kháng Khuẩn Chloromycetin
	77	LÊ VIẾT NGHĨA. Tính kháng kinh cấu nhóm B
	78	HOÀNG THỊ QUỲNH NHI. Đánh giá tính kháng lớp
	79	PHẠM KHẮC QUỲNH. Khảo sát đặc điểm và phương
	11080	PHẠM VĂN HOÀN. Nhận xét các yếu tố nguy cơ bệnh
	81	KIỀU TIẾN QUYẾT. Nhận xét các biện chứng thường
	82	LÊ THỊ TUYẾN. Khảo Hoạt, Hoạt kinh và bệnh cảm
	83	NGUYỄN THỊ THUỶ. Đánh giá sự kháng kết của bệnh
	11084	PHẠM XUÂN THẮNG. Mô tả đặc điểm bệnh nhân
	85	LÊ XUÂN VŨNG. Tìm hiểu đặc điểm tuổi, giới của bệnh
	86	TẠ XUÂN HẠNH. Tìm Hoàng kháng kết hợp của bệnh
	87	HOÀNG DANH TÂN. Nhận xét tính tương sự kháng
	88	ĐẶNG THỊ BÍNH. N/cứu một số đặc điểm, kinh sống
	11089	ĐINH QUỐC ANH. N/cứu đặc điểm kinh sống

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BSYHC	H
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11090	HOÀ ANH TÚ. Nghiên một số đặc điểm kiểu sống vi...
14/7	91	TỐNG THỊ HỒNG NHUNG. Nhận xét tỉ lệ tăng sản...
	92	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. Đặc điểm, tình hình kháng...
	93	VÕ SỸ QUYỀN NĂNG. Nghiên cứu đặc điểm kiểu sống của...
	11094	ĐẶNG NGỌC TRUNG. Nghiên cứu đặc điểm kiểu sống...
	95	NGUYỄN TRẦN BẠCH. Etude de la Situation du...
	96	VŨ NGỌC LINH. Hiệu lực bệnh do vi rút ở trẻ em bị suy...
	97	NGUYỄN VĂN QUỲNH. Nghiên cứu đặc điểm kiểu sống của...
	98	NGUYỄN THỊ TÂM LÝ. Nghiên một số đặc điểm kiểu sống...
	11099	TRẦN THỊ HIỀN. Đánh giá thực trạng phá thai quý II...
	100	QUÁCH THỊ THU THỦY. Tỷ lệ sau sảy đặc điểm kiểu...
	01	TRẦN THỊ PHƯƠNG THANH. Đánh giá kết quả phá thai...
	02	NGUYỄN THỊ HƯƠNG. Kiến thức, thái độ, thực hành...
	03	VŨ THỊ HUYỀN. Phân tích đa hình CODON G-360A...
	11104	ĐINH THẾ TIẾN. Phân tích đa hình di truyền vùng sửa kiểu...
	05	NGUYỄN THỊ YẾN. Đặc điểm kiểu sống và kết quả điều...
	06	NGUYỄN THỊ HOÀ. Đặc điểm kiểu sống và điều kiểu sống...
	07	NGUYỄN THỊ LINH. Nghiên đặc điểm kiểu sống, điều...
	08	LÊ TUẤN MINH. Nghiên về nồng độ CYFRA 21-1 ở...
	09	TRẦN THỊ KIM DUNG. Áp dụng quy trình kỹ thuật...
	11010	PHẠM THỊ QUẾ. Nồng nồng độ C - Reactive protein...
	11	NGUYỄN VIỆT ĐỨC. Caractéristiques de Diagnostic...
	12	LÊ THỊ HẢI YẾN. Nghiên đặc điểm hình ảnh PET/CT...
	13	LÊ ĐỨC HOÀN. Thực trạng thương tích của học sinh...
	11114	BÙI THỊ THANH NGÀ. Nhận xét một số đặc tính vật lý...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BSYC	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11115	NGUYỄN THỊ LINH Nhận xét kết quả điều trị bệnh viêm
	16	LÊ QUANG LINH Đánh giá tỉ lệ cứng khớp bệnh nhân
	17	NGUYỄN THANH HIẾU Nhận xét tình trạng mất răng
	18	NGUYỄN THANH SƠN N/cứu đặc điểm lâm sàng và mức
	11119	BÙI TRUNG ĐỨC N/cứu tình trạng dùng nẹp Glucose
	20	TRẦN ĐỨC MINH Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng
	21	VŨ TẤN LỘC N/cứu hàng độ CA-125 trong huyết thanh
	22	NGUYỄN THỊ THÚY Đánh giá thực trạng gãy xương
	23	ĐỖ MAI PHƯƠNG Thực trạng bệnh sâu răng và nhu cầu
	11124	VŨU THỊ PHƯƠNG Thực trạng và nhu cầu điều trị bệnh
	25	NGUYỄN BẮC NGỌC Một số đặc điểm giải phẫu hố thái
	26	TRẦN VIỆT ĐỨC N/cứu hình dạng bao vệ và phục hồi
	27	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	28	ĐỖ ANH TUẤN Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng bệnh
	11129	NGUYỄN HỮU HIẾU N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	30	VŨ THỊ HÒA Đánh giá tình trạng mất răng và mất tế
	31	HOÀNG THỊ ANH THUYẾT Thực trạng bệnh sâu răng
	32	NGHIÊM ĐÌNH QUÂN Đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	33	HÀ VĂN LINH Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	11134	BÙI VĂN LỢI Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và kết
	35	TRẦN HUYỀN TRANG Các kết thái lâm sàng lâm sàng
16/7	36	ĐÀO THỊ NHỊ HƯỜNG N/cứu đặc điểm lâm sàng
	37	PHAN ĐÌNH VĂN Nhận xét kết quả xét nghiệm
	38	NGUYỄN THỊ HỒNG QUYÊN Nhận xét đặc điểm bệnh
	11139	NGUYỄN QUANG ANH So sánh kiểm quả kết hợp

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
↑					tc	2015				BSYC	D
↑					"	"				"	/
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	/
↑					"	"				"	e
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"
↑					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11140	CAO THỊ QUỲNH ANH. Nhận xét về giải phẫu tính mạch sau	+					H	2015				BSYK	A
	41	LÊ THỊ TÌNH. Bước đầu tính thái cấu trúc mô vàng trên	+					"	"				"	"
	42	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN. Đặc điểm tính dịch đồ	+					"	"				"	"
	43	HOÀNG HUY HOÀNG. Tính hình lây nhiễm HIV và các	+					"	"				Cá nhân	A
	11144	DƯƠNG VÂN ANH. N/cứu đặc điểm tính cảnh trở thuỷ	+					"	"				BSYK	"
	45	CAO THỊ PHƯƠNG THÚY. N/cứu tính trong Khang Khang	+					"	"				"	"
	46	ĐẬU QUANG LIÊU. Đánh giá một số đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	47	VŨ THỊ THU HƯƠNG. Nhận xét về giải phẫu các nhánh tận	+					"	"				"	"
	48	HOÀNG HUY TÙNG. Đánh giá đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	11149	TRỊNH VĂN SƠN. Đánh giá tác dụng giảm đau chảy máu	+					"	"				"	"
	50	NGUYỄN THỊ HUỆ. N/cứu đặc điểm dịch tễ học và các	+					"	"				"	"
	51	PHÙNG THỊ TÌNH. N/cứu một số đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	52	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG. Đánh giá các thay đổi huyết học	+					"	"				"	"
	53	NGUYỄN THỊ THANH HẢI. Đánh giá tình hình và thái độ	+					"	"				"	"
	11154	ĐỖ MANH TOÀN. Dịch tễ học lâm sàng gãy lồi cầu	+					"	"				"	"
	55	HỒ MỸ DUNG. Mô hình bệnh tật của bệnh nhân tại phòng Khám	+					"	"				"	"
	56	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG. Kiến thức, thực hành về bệnh	+					"	"				"	"
	57	BÙI THỊ NGỌC DIỆP. Mang muối hoạt động nghề nghiệp	+					"	"				"	"
	58	NGHIÊM HUYỀN TRANG. N/cứu tính an toàn và tác dụng	+					"	"				"	"
	11159	ĐÀO THỊ THÚY HẰNG. Đặc điểm lâm sàng mô bệnh học	+					"	"				"	"
	60	LÊ ĐÌNH MANH. Tình hình đặc điểm lâm sàng và cận	+					"	"				"	"
	61	PHẠM THỊ NGA. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	62	ĐỖ HỮU LUÂN. Nhận xét tính trong giảm chức năng	+					"	"				"	"
	63	PHẠM THỊ HẰNG. N/cứu tính hình sử dụng thuốc	+					"	"				"	"
	11164	ĐỖ THỊ TUYẾT MAI. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11165	NGUYỄN ĐỨC NGHĨA. N/cứu đặc điểm lâm sàng và cận
	66	BÙI THỊ HƯỜNG. Đánh giá mức kiểm soát và chất lượng
	67	PHẠM XUÂN TRƯỜNG. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng
	68	NGUYỄN ĐỨC HIẾU. Đặc điểm lâm sàng và bước đầu
	11169	NGÔ THỊ LINH. Tình trạng dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi
	70	VŨ THỊ MAI. N/cứu hệ thống gen đa và chẩn đoán cận
	71	BÙI VIỆT HÀ. N/cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng
	72	NGÔ VĂN LĂNG. N/cứu kết quả phẫu thuật nội soi
	73	PHẠM QUANG ĐẠT. Đặc điểm một số dấu ấn miễn dịch
	11174	PHẠM THỊ NGỌC MAI. Đặc điểm xuất huyết và một số
	75	NGUYỄN ĐỨC PHONG. Hệ thống chuyển giá trên bệnh
	76	NGÔ DIỆU HOA. Đánh giá mức độ đau sau phẫu thuật
	77	NGUYỄN BÍCH DƯƠNG. Đánh giá kiến quả điều trị
	78	NGUYỄN ĐỨC HOÀN. Đánh giá kiến kết hợp xương
	11179	NGUYỄN QUẾ HẰNG. Mối liên quan giữa chỉ số PASI
	80	TRẦN ĐỨC TUẤN. Anormative Study of Mediastinal
	81	NGUYỄN THỊ THANH UYÊN. Nhiễm trùng cung ứng một số
	82	VŨ THỊ THANH HƯỜNG. Đánh giá tính kinh tế thời
	83	TRẦN THỊ LAN ANH. Đánh giá tính trong ký Natri máu
	11184	NGUYỄN MAI PHƯƠNG. Đánh giá tác dụng của bài thuốc
	85	TRẦN QUỲNH TRANG. N/cứu tổng hợp Glucose mới
	86	NGUYỄN NGỌC TÚ. N/cứu sai biệt kế đột biến EGFR
	87	TỐNG VĂN GIÁP. N/cứu một số bất thường huyết sắc tố
	88	ĐÀO BÍCH NGỌC. Xác định gen mã hóa CXA - Carbapen
	11189	NGUYỄN TRUNG NGHĨA. Hiệu quả điều trị bệnh lâm sàng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BSYC	HL
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11190	TRẦN THỊ HẢI HÀ. N/cứu đặc điểm kiểm soát vi dịch tễ học
	91	LÊ ĐỨC THĂNG. Mô tả một số đặc điểm giải phẫu cơ
	92	NGUYỄN THỊ NGỌC TRANG. N/cứu mô bệnh học u tuyến bào
	93	VŨ NGỌC HIẾU. Phân loại thị thường thần cấp ni ý nghĩa
	11194	VÕ THẾ NHÂN. Đánh giá áp lực Cy thi bác sĩ nội trú
	95	LÊ THỊ THANH TUYẾT. Kiến thức, thái độ, thực hành
	96	VŨ THỊ THU. N/cứu cả cấu tế bào bàn thần người già
	97	TRỊNH VĂN ĐẠI. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	98	TRẦN CHIỐC BÌNH. Nhận xét đặc điểm lâm sàng ni cận
	11199	BÙI THỊ PHƯƠNG MINH. Phân tích kết quả sàng lọc trước
	11200	PHAN THỊ MAI ANH. N/cứu đặc điểm hình ảnh PET/CT
	01	LÊ THỊ HƯỜNG. Đánh giá sự thay đổi chất lượng cuộc sống
	02	ĐẶC THỊ HƯỜNG. N/cứu thực về lượng xương cắt lọc
	03	NGUYỄN HUY HOÀNG. Phân tích về các được liên mạch
	11204	NGUYỄN MINH NGUYỆT. N/cứu đặc điểm lâm sàng ni
	05	ĐOÀN NGỌC THIỆU. Khảo sát tình hình vết thương xuất
	06	NGUYỄN THỊ THU HÀ. N/cứu một số đặc điểm lâm sàng
	07	ĐẶNG ANH PHƯƠNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm
	08	NGUYỄN HỮU HỒNG QUÂN. Đặc điểm dịch tễ, lâm sàng
	11209	MAI HỒNG VÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	10	ĐỖ MINH NGỌC. Đánh giá giá trị xét nghiệm ECL Hand
	11	NGUYỄN VIỆT LINH. Tác động của laser Er:Yam
	12	BÙI THỊ QUỲNH. Đánh giá ngưng cơ sống chỉ dưỡng theo
	13	NGUYỄN VĂN CHIỒNG. Đặc điểm lâm sàng. Cận lâm sàng
	11214	ĐẶC ANH TUẤN. Đánh giá chỉ số MELD trên bệnh

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2014	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BB^HC	2
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
20/7.	11215	ĐÀO THỊ DIỆU THÚY. Thực trạng sử dụng chất gây nghiện	+					H	2015				BSYK	[illegible]
	16	PHẠM QUANG LỘC. Mối liên quan giữa ngưu cổ tiền cảm	+					"	"				"	"
	17	PHÙNG THỊ THU HẰNG. Chuyển bị đứt huyền cho bệ chu	+					"	"				"	"
	18	NGUYỄN KIM ĐÔNG. Kỹ thuật nhuộm periodic Acid	+					"	"				Cá nhân	"
	11219	NGUYỄN THỊ VÂN ANH. Khảo sát mối liên quan giữa	+					"	"				BSYK	"
	20	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG. Đánh giá liệu quả điều trị	+					"	"				"	"
	21	NGUYỄN PHÚ TIẾN. Nhận xét một số đặc điểm giải phẫu	+					"	"				"	"
	22	PHẠM THỊ HIỀN. N/cứu tình hình dị ứng thức ăn ở	+					"	"				"	"
	23	PHẠM NGỌC HUY. Clinical and Imaging Features	+					"	"				"	"
	11224	LÊ TỬ LINH. N/cứu đặc điểm xa hình chức năng thận	+					"	"				"	"
	25	NGUYỄN VĂN HUY. N/cứu đặc điểm đột biến gen NPM1	+					"	"				"	"
	26	NGUYỄN VĂN HÙNG. Reference values of pa	+					"	"				"	"
	27	ĐẶNG THÀNH ĐÔ. N/cứu hội chứng cận thân hư	+					"	"				"	"
	28	NGUYỄN CAO THẮNG. N/cứu đặc điểm rối loạn giấc	+					"	"				"	"
	11229	THÂN VĂN SỸ. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	30	PHẠM THU HUYỀN. N/cứu chỉ số trên thùng nhập tiêu	+					"	"				"	"
	31	NGUYỄN MINH THÀNH. N/cứu đặc điểm dấu tuyến	+					"	"				"	"
	32	BÙI THANH BÌNH. N/cứu giá trị của procalcitonin	+					"	"				"	"
	33	NGUYỄN VĂN THỦ. Nhận xét kết quả điều trị mình bền	+					"	"				"	"
	11234	NGUYỄN THỊ THANH THÚY. Năng độ PTH huyết thanh	+					"	"				"	"
	35	TRẦN VĂN HOÀNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	36	TRẦN VĂN HẬU. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	37	ĐỖ KHẮC KHÁNH. Xử trí sản khoa với thai quá ngày	+					"	"				"	"
	38	PHẠM THỊ CẨM VÂN. Đánh giá liệu quả một số phương pháp	+					"	"				"	"
	11239	NGUYỄN HUỲNH MINH. Một số tiêu chuẩn in vật	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11240	NGUYỄN DUY HƯNG. N/cứu sự khác biệt giới về tính
	41	NGUYỄN THỊ THU TRANG. N/cứu thực, thái độ, thực hành
	42	NGUYỄN THỊ THẢO. Đánh giá hệ dưỡng dưỡng tử bị ảnh
	43	ĐẶNG LAN HƯƠNG. Đánh giá hệ dưỡng cải vườn bậc thcs
	11244	PHẠN THỊ THU GIANG. N/cứu kiến thức một số dấu hiệu
	45	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH. Đánh giá kiểm quả dưỡng tử
	46	NGUYỄN THANH TÙNG. N/cứu dưỡng thể tích thực
	47	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC. Bước đầu xây dựng giá trị
	48	TRƯƠNG VĂN HỘP. Hoàn chỉnh kỹ thuật xác định đất
	11249	ĐỖ TIẾN THẮNG. Nhận xét đặc điểm kiến trúc, cấu
	50	LÊ THỊ NGA. N/cứu mức độ hoàng cải vườn đã có đất
	51	HOÀNG HỒNG HẠNH. Dịch tễ học bệnh sởi và một số
	52	ĐỖ VĂN DŨNG. Đặc điểm kiến trúc, cấu trúc và kết quả
	53	HOÀNG PHƯƠNG THẢO. N/cứu tính không chuyển hóa
	11254	LÊ TUẤN ANH. Đánh giá kiểm quả dưỡng tử dưỡng vải giống
	55	NGUYỄN ANH TÚ. N/cứu thái độ xử lý sản khoa
	56	NGUYỄN QUỐC LINH. Nhận xét tính kinh niệm kết quả
	57	BÙI PHƯƠNG LINH. The Age Related change of
	58	PHẠM THANH TÙNG. The Association of bean biass-
	11259	NGUYỄN VĂN TOÀN. N/cứu hệ dưỡng chứa chất thuốc
	60	LÊ QUỐC ANH. N/cứu đặc điểm kiến trúc, giải phẫu bệnh
	61	DƯƠNG SƠN TÙNG. Đối chứng kết quả kỹ bào bệnh
	62	PHẠM HỒNG CANH. Đánh giá thực hiện kinh thái thể chất
	63	NGUYỄN HỮU TÂN. Đánh giá hệ dưỡng giảm đau và phục
	11264	PHẠM THỊ PHƯƠNG THANH. Đánh giá chất lượng cuộc sống

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				BSYHC	Y
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11265	NGUYỄN NGỌC HẢI. N/cứu giá trị xét nghiệm Kiểu thích	+					HC	2015				BSYC	Đ.
	66	PHAN THANH LUÂN. Đưa tư tình trong suy dinh dưỡng	+					"	"				"	"
	67	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Khảo sát nâng độ protein niệu	+					"	"				"	"
	68	PHAN THỊ DIỆU LINH. N/cứu tỷ lệ Chẩy thể HIV HCV	+					"	"				"	"
	69	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO. Hành ri tìm Kiếm hỗ trợ	+					"	"				"	"
	11270	ĐOÀN THỊ MAI. Rối loạn tâm thần thường gặp trên phụ nữ	+					"	"				"	"
	71	TRẦN ĐẠI MANH. Mô hình bệnh tật ngưỡ lao động	+					"	"				"	"
	72	PHẠM THANH TÂM. Một số đặc điểm đưa thể Kiểu	+					"	"				"	"
	73	NGUYỄN QUỐC HƯNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	11274	BÙI ÁI VÂN. Hoàn thiện qui trình kỹ thuật phân tích	+					"	"				"	"
	75	NGUYỄN HỒNG HÀ. Kiểu thước và loãng xương cùng sinh	+					"	"				"	"
	76	LÊ NGỌC ANH. Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng và sinh âm	+					"	"				"	"
	77	TRẦN QUỐC ĐỆ. Đánh giá một số Kiểu thước và chỉ số	+					"	"				"	"
	78	TRẦN NHẬT TUẤN. Đặc điểm đưa tâm đồ trên bệnh	+					"	"				"	"
	11279	NGUYỄN THỊ HUYỀN PHƯƠNG. Cơ cấu bệnh tật và tử	+					"	"				"	"
	80	NGUYỄN TRÍ KIÊN. Khảo sát tình trạng tăng Acid mẫu	+					"	"				"	"
	81	LÀI THỦY THANH. Đánh giá hiệu quả việc đặt tử khuê chi	+					"	"				"	"
	82	HOÀNG THỊ NGỌC. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	83	NGUYỄN VĂN LUÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, lịnh anh	+					"	"				"	"
	11284	LÊ THỊ HẢO. Xử trí sản khoa thai phụ mắc bệnh lupus	+					"	"				"	"
	85	ĐINH XUÂN HÒA. Thực trạng thường tích cùng học sinh	+					"	"				"	"
	86	VŨ ĐĂNG THÀNH. Khảo sát tình trạng sử dụng	+					"	"				"	"
	87	ĐỖ MANH CƯỜNG. N/cứu chất lượng cuộc sống	+					"	"				"	"
	88	PHẠM TUẤN DŨNG. Đánh giá giá trị các chỉ đặt chọc	+					"	"				"	"
	11289	BÙI NGUYỄN ĐỨC. N/cứu đặc điểm mô bệnh học	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11290	NGUYỄN THỊ DUNG. Đánh giá thực trạng sử dụng thuốc	+					H	2018				BSYK	Đ.
	91	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN. Tìm hiểu các hình thái	+					"	"				"	"
	92	TRẦN HOÀI LINH. N/cứu tình trạng thai sản trên bệnh	+					"	"				"	"
	93	NGUYỄN THỊ LIÊN HƯƠNG. Bước đầu nghiên cứu hội	+					"	"				"	"
	94	ĐỖ ĐẮC LONG. Khảo sát chiều đại các đoạn đại	+					"	"				"	"
3/7	11295	NGUYỄN THỊ CHÍNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	96	DƯƠNG THỊ THÚY QUỲNH. Đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	97	TRẦN ĐẮC LONG. N/cứu một số đặc điểm di truyền	+					"	"				"	"
	98	LÊ THANH TÙNG. Nhiễm trùng và mức độ đề kháng	+					"	"				Cử nhân	"
	11299	HOÀNG THỊ LAN VÂN. Mô tả một số đặc điểm sinh lý	+					"	"				BSYK	"
	11300	ĐẶNG MAI HƯƠNG. Kỹ thuật nhuộm hoá mô miễn	+					"	"				Cử nhân	"
	01	LÊ DUY THẮNG. N/cứu một số đặc điểm lâm sàng và	+					"	"				BSYK	"
	02	NGUYỄN THỊ HƯỜNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	03	HOÀNG THỊ HẠNH. Đặc điểm giấc ngủ và các yếu tố	+					"	"				Cử nhân	"
	04	LÊ NGỌC DUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng và cận lâm	+					"	"				BSYK	"
	05	TRẦN THẠCH TRUNG. Thực trạng thuậy tích của học sinh	+					"	"				"	"
	06	TRẦN ĐÌNH TRONG. Đặc điểm rối loạn giấc ngủ ở	+					"	"				"	"
	07	HOÀNG VĂN MỒNG. Bước đầu nghiên cứu về hiệu quả	+					"	"				"	"
	08	NGUYỄN VĂN TOÁN. A survey on knowledge	+					"	"				Cử nhân	"
	11309	PHẠM THỊ NGỌC DIỆP. Kiến thức về loãng xuất	+					"	"				BSYK	"
	10	NGUYỄN VIỆT HÀ. N/cứu xê-lê sản khoa các sản phụ	+					"	"				"	"
	11	NGUYỄN XUÂN KIÊN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	12	NGUYỄN THU HÀ. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+					"	"				"	"
	13	LÊ THỊ THÙY. N/cứu đặc điểm lâm sàng tình giả nội	+					"	"				"	"
	11314	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG. Thay đổi nồng độ acid	+					"	"				Cử nhân	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11315	NGUYỄN THỊ THANH TÂM. Thực trạng sử dụng một số
	11316	MAI THỊ BÍCH DIỆP. Đánh giá thực trạng sử dụng dịch vụ
	17	TRẦN THỊ THUỶ. Đánh giá sự hài lòng của người bệnh
	18	PHẠM QUANG HUY. Nhu cầu sử dụng dịch vụ y tế
	19	NGUYỄN THỊ SINH. Chất lượng cuộc sống của người bệnh
	11320	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG. Chất lượng cuộc sống của người
	21	PHẠM PHƯƠNG LINH. Thực trạng về sinh nhiễm khuẩn
	22	LÊ VIỆT ANH. Direct costs Associated with treatment
	23	NGUYỄN NGỌC DUNG. Association between Graphic
	24	LÊ THỊ NGỌC LAN. Nghiên một số đặc điểm chỉ số
	11325	PHẠM THỊ DƯƠNG. Thực trạng nhiễm khuẩn tại y tế xã
	26	VŨ THƯƠNG QUYÊN. Thực trạng thương tích học sinh
	27	NGUYỄN THỊ KIM OANH. Thực trạng và các yếu tố
	28	NGUYỄN THỊ LAN ANH. Nghiên thuốc thực trạng về
	29	LƯƠNG THỊ THUỶ. Kỹ thuật chuyển ống dẫn lưu
	11330	HOÀNG THỊ VIỆT NỮ. Chăm sóc chứng tăng huyết
	31	NGUYỄN THANH CHUNG. Thực trạng và một số yếu tố
	32	VŨ THỊ NHÀM. Thực trạng thương tích của học sinh
2/17	33	LÊ TIẾN TÙNG. Đánh giá tiêm ấm ở người Cap
	34	VŨ THỊ NGA. Nhận xét đánh giá bác sĩ mắc
	11335	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. Nghiên cứu một số thay đổi
	36	PHẠM THỊ HOÀN. Thực trạng và một số yếu tố liên
	37	ĐỖ THỊ TUYẾN. Nghiên sự thay đổi các chỉ số
	38	TẠ THỊ BÍCH NGUYỆT. Nhận xét chất lượng cuộc
	39	NGUYỄN THỊ THUỶ CÁI. Đánh giá hiệu quả của
	11340	NGUYỄN THỊ TIẾN. Chăm sóc bệnh nhân sau mổ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
T											
+											
+											
+											
+											
T											
+											
+											
+											
+

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11341.	NGUYỄN THỊ THƠM. Thực trạng tật khúc vẹo
	42	GIANG THU NGA. Phân tích đặc điểm C1887 của gen
	43	MÃ THỊ HÀ. N/cứu áp dụng thang điểm Oswestry
	44	NGUYỄN THỊ THUỶ. Thực trạng mổ thoát vị đĩa đệm
	45	NGUYỄN THANH LONG. Symptômes et Causes
	11346	ĐỖ THỊ THANH HUYỀN. N/cứu sự thay đổi một số
	47	NGÔ HOÀNG ANH. Kiến thức người ti vững về viêm
	48	ĐINH THỊ THÚY HỒNG. N/cứu một số chỉ số đông máu
	49	VŨ NGỌC TUYẾT. Thực trạng điều dưỡng vị một số yếu tố
	11350	NGUYỄN THỊ THUỲ TRANG. Đánh giá nhu cầu chăm sóc
	51	TẠ THỊ KIM TIẾN. Đánh giá kiến thức kỹ năng dịch vụ
	52	ĐỖ THỊ LAN. Thực trạng và nhu cầu chăm sóc viêm
	53	NGUYỄN TRUNG ANH. Thực trạng về kiến thức và sử dụng
	54	NGUYỄN ĐỨC MINH. Thực trạng kiến thức và tỷ lệ
	11355	LÊ THỊ NGỌC MAI. Nhận xét tình trạng sau phẫu thuật
	56	ĐỖ VĂN CƯỜNG. Chăm sóc và thực trạng chăm sóc
	57	NGUYỄN THỊ HÀ ANH. Nhận xét tình trạng chăm
	58	TRẦN BẢO TRÂM. N/cứu đặc điểm lâm sàng mô mềm
	59	TRẦN THỊ TRANG. Kỹ thuật thực trạng chăm sóc
	60	TỐ THỊ VÂN. Phân tích các phương pháp xét nghiệm
	61	TRẦN THỊ MẾN. Đánh giá gánh nặng chăm sóc điều
	62	NGUYỄN LÊ DUẨN. Bước đầu n/cứu đặt bình giữ
	63	NGUYỄN THỊ THANH. Thực trạng tích dây cân bằng
	11364	NGUYỄN THỊ HƯỜNG. Phân tích đặc điểm C1117 của
	65	NGUYỄN KIM CHUNG. Phân tích đa hình A4887

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015					
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11366	NGUYỄN VĂN THÀNH. Phân tích dữ liệu TG235C
	67	VŨ NGỌC BÍCH. Tìm hiểu sự thay đổi một số Hoạt
	68	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH. Nghiên cứu đặc điểm một số
	69	LÊ ICIỀU ÁNH. Kiến thức, thực hành, và bệnh
	70	PHÙNG THỊ HOA. Thực trạng và một số yếu tố liên.
	71	NGUYỄN THỊ CHÂU HẰNG. Kiến thức, thái độ, thực ..
	72	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG. Thực trạng và biện pháp ..
	73	NGUYỄN THÀNH HẢI. Tìm hiểu kiến thức thực ..
	74	ĐỖ VĂN SƠN. Đánh giá độ chắc răng bán hàm cố định
	11375	VŨ KIM DUNG. Thực trạng chăm sóc sức khỏe ..
	76	LÊ THỊ HƯỜNG. Kiến thức, thái độ của Chăm sóc ..
	77	VŨ HỒNG THÁI. Etude des indications et réal ..
	78	ĐẶNG THỊ AN LY. Tối ưu quy trình xác định đặt trồng ..
	79	DƯƠNG MINH LONG. Phân tích đa hình thái TG390
	11380	NGUYỄN QUÝ HOÀI. Phân tích đa hình C4887A
	81	ĐINH THỊ QUỲNH. Tìm hiểu kiến thức thực hành ..
	82	LÊ THỊ QUỲNH. Tổng quan về thực hành một số ..
	83	NGUYỄN THỊ HUỆ. Nghiên cứu bất thường đóng ..
	84	ĐỖ THỊ GIANG. Thực trạng an toàn sử dụng ..
	11385	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG MAI. Thời gian khám bệnh ..
	86	TRẦN ~~QUỲ~~ THỊ QUỲ ANH. Tìm hiểu kiến thức về ..
	87	LƯU THỊ THƠM. Nghiên cứu sản xuất vật liệu Canxi ..
	88	LÊ THỊ KIM NGÂN. Kết quả chăm sóc khách ..
	89	ĐỖ THỊ ANH. Khảo sát chất lượng cuộc sống ..
	11390	ĐINH THỊ MAI. Food Safety Knowledge ..

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015					
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11391	PHÍ THỊ NGUYỆT. N/cứu đặc điểm tế bào ung thư ngoại
	92	TRẦN THỊ HÀ MY. Khảo sát kiến thức, thái độ bệnh n-
	93	ĐẬU THỊ TRANG. Một số đặc điểm dịch tễ các ca bệnh
	94	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG. Thực trạng tiêm vắc xin sởi
	95	LÊ THỊ PHƯỢNG. Kiến thức, thái độ và hành vi
	11396	NGUYỄN THỊ ĐÀO. Đánh giá kiến thức, thái độ
	97	NGUYỄN VIỆT ANH. Thực trạng và các yếu tố liên quan
	98	LÊ THỊ HÀ. Dịch tễ học các trường hợp tiêm vắc xin phòng
	99	LÊ THỊ THU HÀ. Thực trạng tuân thủ điều trị và một số
	11400	NGUYỄN THỊ LY. Đánh giá sự hài lòng của người bệnh
	01	DƯƠNG TÚ ANH. Kiến thức, thái độ và thực hành
	02	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG QUÝ. Thực trạng và một số yếu
	03	NGUYỄN HỒNG NGÂN. Thực trạng và một số yếu tố
	04	NGUYỄN HỮU THUẬN. Gánh nặng bệnh tật các bệnh nhiễm
	11405	CẦN THU HẰNG. Đánh giá sự hài lòng của phụ
	06	VŨ THANH HƯỜNG. Đánh giá kiến giữ điều trị dự
	07	NGUYỄN THỊ HƯỜNG. N/cứu kiến thức sống
	08	NGUYỄN DUY NGỌC. N/cứu xác định HbA máu
	09	ĐINH THỊ NGỌC THÚY. Thực trạng mù màu ở công
	10	NGUYỄN THỊ THÚY NGA. Nhận xét quá trình chuẩn
	11	ĐÀO THỊ NGUNG. Gánh nặng các bệnh mãn tính
	12	ĐINH THỊ KHÁNH LY. Mô tả bệnh tật và các yếu
	13	QUÁCH THỊ THÚY LAN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	14	LƯU TUYẾT MINH. N/cứu kháng kháng thể, mạch
	11415	VŨ ANH TUẤN. N/cứu sử dụng Laser quang động

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2015	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
✓					HC	2015				Giá trị	D
✓					"	"				"	E
✓					"	"				"	F
✓					"	"				"	G
✓					"	"				"	I
✓					"	"				"	J
✓					"	"				"	E
✓					"	"				"	E
✓					"	"				"	E

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11416	TRẦN THỊ HỒNG THU N/cứu đặc điểm kiến trúc...
	17	ĐÀO THỊ HẰNG NGA. N/cứu ứng dụng tin học...
21/2	18	LÊ NGUYỄN VŨ. Đánh giá kết quả bảo tồn...
	19	NGUYỄN ĐỨC LỢI. Đánh giá hiện trạng...
	11420	LÊ QUỲNH CHI. N/cứu đặc điểm kiến trúc...
	21	HOÀNG VĂN PHONG N/cứu thực trạng...
	22	PHAN THỊ KHÁNH VY. N/cứu một số giải pháp...
	23	NGUYỄN VĂN LÂM. N/cứu bảo tồn, đặc điểm...
	24	BÙI TIẾN HÙNG. Đánh giá hiệu quả kinh tế...
	25	PHAN THANH XUÂN. Hiện trạng...
	26	HOÀNG NINH CHUNG. N/cứu ứng dụng...
	27	HUỲNH QUANG HUY. N/cứu vật liệu...
	28	NGUYỄN ANH TRÌNH. N/cứu đặc điểm kiến trúc...
	29	PHẠM THU MINH. N/cứu ứng dụng kỹ thuật...
	11430	PHAN HỒNG VÂN. N/cứu ứng dụng kiến thức...
	31	ĐÀO VĂN TÙNG. N/cứu sự thay đổi...
	32	NGUYỄN MẠNH KIÊN. N/cứu sự hình thành...
	33	TRẦN THANH THUỶ. Đánh giá thích nghi...
	34	HOÀNG NGỌC LAN. N/cứu chất lượng...
	11435	PHẠM THỊ HUYỀN TRANG. Nghiên cứu...
	36	PHẠM THỊ DUYÊN. Kiến thức thực hiện...
	37	NGUYỄN HỒNG NGỌC Thực trạng...
	38	NGUYỄN BÁ CƯỜNG N/cứu đặc điểm kiến trúc...
	39	MAI THÙY LINH. N/cứu giải pháp...
	11440	TRẦN THỊ PHƯỢNG Khảo sát hiện trạng...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				TS	D.
+											
+											D.
+											
+											
+										

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11441	NGUYỄN NGỌC DIỆP. N/cứu bao phủ một số dịch vụ	+					H	2014				TS	Đ
	42	NGUYỄN THỊ HỒNG LUA. Kiến thức, thái độ, thực	+					"	"				"	"
	43	TRẦN NGỌC HÀ. Đặc điểm dịch tễ học bệnh sở mi một	+					"	"				"	"
	44	VŨ KIÊN TRUNG. Thực trạng nước sạch, nhà tiêu hộ gia	+					"	"				"	"
	11445	NGUYỄN THỊ LUA. Mô hình mi xu hướng tử vong do	+					"	"				"	"
	46	PHẠM THỊ THANH NHÀN. Phân tích chi phí các phương	+					"	"				"	"
	47	ĐẶNG THỊ BÍCH HẰNG. Bao lực gia đình đối với phụ	+					"	"				"	"
	48	HOÀNG YẾN. Kiến thức mi như cầu đào tạo hoạ..	+					"	"				"	"
	49	NGUYỄN THỊ HỒNG HOA. N/cứu như cầu mi sự hài	+					"	"				"	"
15/10	11450	NGUYỄN THỊ MINH THIÊN. N/cứu giá trị của hôn nhân	+					"	2015				"	"
	51	VŨ THỊ TRÀ. N/cứu đặc điểm lâm sàng, hình ảnh học	+					"	"				"	"
	52	ĐẶNG THỊ HOÀNG KHUÊ. Tình trạng dinh dưỡng mi thời	+					"	"				"	"
	53	KHỔNG THỊ THÚY LAN. Tình trạng dinh dưỡng, khám	+					"	"				"	"
	54	PHẠM VĂN ĐỨC. N/cứu mỹ dung dao sửa âm hoạ	+					"	"				"	"
	11455	ĐỖ THỊ VÂN. N/cứu vi chỉ định mi kết quả của	+					"	"				"	"
	56	NGUYỄN THỊ NGA. Tình trạng mắc lệ chuỗi chuyển hóa	+					"	"				"	"
	57	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, hình	+					"	"				"	"
	58	VŨ THỊ HẰNG. Đánh giá kết quả điều trị mỹ thời đại hoạ	+					"	"				"	"
	59	HÀ MINH TRANG. Thực trạng kiến thức - thực hành	+					"	"				"	"
	11460	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Thời gian sử dụng dịch vụ của người	+					"	"				"	"
	61	PHAN THANH TUẤN. Đánh giá kết quả điều trị Forget	+					"	"				"	"
	62	NGUYỄN KIỀU HƯNG. Đánh giá hiệu quả của phương hoạ	+					"	"				"	"
	63	NGUYỄN THỊ THÚY HANH. Kiến thức thái độ hành vi	+					"	"				"	"
	64	NGUYỄN GIANG NAM. N/cứu kết quả tuyển khá	+					"	"				"	"
	11465	HOÀNG THỊ TRÂM ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11466	NGUYỄN THỊ HIỀN HẠNH. N/cứu đặc điểm tế bào mầu
	67	NGUYỄN THỊ LÊ NINH. N/cứu đánh giá tổng trạng của trẻ
	68	LÊ MAI HƯƠNG. Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng
	69	THÁI BẰNG. N/cứu tiết lưu đánh giá bệnh nhân bị viêm
	11470	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. N/cứu một số đặc điểm huyết học
	71	ĐỖ THỊ THUYẾT NHƯỜNG. Nhận xét nồng độ Homocystein máu
	72	TRẦN THỊ LIÊN. Nhận xét nồng độ Homocystein máu
	73	TRẦN THỊ KIM ANH. Có cần biết kết quả người bệnh mắc
	74	VŨ VĂN TÍ. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán tiết niệu.
	11475	TRỊNH HOÀNG HƯNG. Đánh giá kết quả bảo tồn vùng
	76	ĐÀO TIẾN QUÂN. N/cứu thị thường vùng mạc treo thận
	77	NGUYỄN CẢNH HUY. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nghiệt
	78	NGUYỄN THỊ CẨM BÌNH. N/cứu tình trạng giải phẫu
	79	NGÔ TUẤN TÙNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật chỉnh
	11480	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG. Kết quả ngay và muộn
	81	NGUYỄN THỊ CẨM. Kết quả tương thẳng góc dọc
	82	NGUYỄN HƯỜNG GIANG. N/cứu sự thay đổi niệu
	83	TRẦN XUÂN HÙNG. Ứng dụng bảng điểm Ecart
	84	NGUYỄN NGỌC DŨNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng xét
	11485	~~BN~~ NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC. N/cứu sự thay đổi tuổi
	86	PHAN HUY THỤC. N/cứu đặc điểm lâm sàng và một
	87	BÙI HOÀNG THỦY. Đánh giá kiểu gen của phương pháp
	88	~~BN~~ NGUYỄN THỊ HÀ THANH. Đánh giá tình trạng bệnh
	89	ĐỖ CÀN VĂN CHƯƠNG. N/cứu Tuổi, đặc điểm học và một
	11490	CHU VĂN ĐỨC. N/cứu bác sĩ một số đặc điểm học

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HE	2015				TTS	D
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	1491	NGUYỄN VIỆT NAM. Đánh giá kết quả thu tinh trùng
	92	NGUYỄN THỊ LAN HƯƠNG. Chất lượng cuộc sống của
	93	VŨ HOÀNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm
	94	ĐẶNG THỊ HÀ. N/cứu một số yếu tố của thuốc điều
	1495	NGÔ THỊ THÚY QUỲNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	96	TRẦN XUÂN TÙNG. Đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng
	97	LÊ KHÁNH NGA. N/cứu xét đặc điểm lâm sàng cận lâm
	98	LÊ THỊ MINH TOÀN. Thời tiêng Sức Khỏe Bệnh Nhân
	99	NGUYỄN NGỌC SƠN. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận
	1500	NGUYỄN THỊ LOAN. N/cứu ứng dụng chỉ số Fibroscan
	01	PHẠM VĂN DŨNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng xét nghiệm
9/11	02	NGUYỄN VĂN HOÀN. Đánh giá kiểu gen đột biến gen
	03	NGUYỄN TIẾN THÀNH. phát hiện tự kháng thể kháng
	04	ĐINH THỊ OANH. N/cứu xét nghiệm và điều trị
	1505	PHẠM THỊ NGỌC YẾN. N/cứu xét đặc điểm lâm sàng
	06	THÀNH NGỌC TIẾN. Đánh giá kiểu gen của vi sinh
	07	LÊ THỊ BÍCH DUYÊN. N/cứu đặc điểm tinh dịch đồ
	08	PHẠM ĐÌNH TÀI. Kiểu gen đột biến gen
	09	NGUYỄN THÀNH KIÊN. Kiểu gen của gen
	1510	NGUYỄN THỊ HỒNG LUA. Nước tương bệnh bạch cầu
	11	HOÀNG NỮ PHÚ XUÂN. N/cứu kết quả Rubella
	12	VŨ TẤT GIÁC. N/cứu gen Sinh ấu trùng giun
	13	BÙI THỊ THANH HOA. Tinh trùng dị dạng và một số
	14	LÊ THỊ HƯƠNG. So sánh kiểu gen đột Helicobacter
	1515	NGUYỄN XUÂN HẢI. N/cứu tinh dịch đồ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				Ths	+).
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"					"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11516	HÀ HẢI BẰNG. Đặc điểm một số yếu tố nguy cơ	+					H	2015				CKII	9
	17	BÙI MINH PHÚC. N/cứu chẩn đoán và điều trị chuẩn	+					"	"				"	"
	18	VĂN THỊ THỞ. Đánh giá vai trò của chụp cắt lớp vi tính	+					"	"				Ths	Đ.
	19	HOÀNG PHƯƠNG LY. N/cứu một số yếu tố liên quan	+					"	"				"	"
	11520	LÊ THANH HUYỀN. Hiệu quả tuyến thắng giao dục	+					"	"				"	"
	21	NGÔ THỊ NGỌC NGÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	22	NGUYỄN TIẾN SINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận	+					"	"				"	"
	23	LÊ DOÃN HÀ NHI. Hiệu quả con thấp tuyến thắng	+					"	"				"	"
	24	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG. N/cứu xét kết quả chuyển [illegible]	+					"	"				"	"
	11525	ĐINH TRỌNG HIẾU. Đánh giá kết quả thắng khí	+					"	"				"	"
	26	HÀ MANH HÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm	+					"	"				"	"
	27	NHÚ THÙY VÂN. N/cứu đặc điểm trì thoáng và	+					"	"				"	"
	28	ĐỖ ANH THUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	29	TRINH VĂN CƯƠNG. Đặc điểm lâm sàng, chẩn	+					"	"				"	"
	11530	NGÔ THANH VŨ. Thực trạng và chi phí trên chuỗi	+					"	"				"	"
	31	ĐỖ THỊ MINH HIỀN. N/cứu một số đặc điểm và	+					"	"				"	"
	32	TRẦN NGỌC KHÁNH. Khảo sát chức năng thị giác	+					"	"				"	"
	33	DƯƠNG THANH TÙNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	34	NGUYỄN BÁ PHONG. Đánh giá kết quả [illegible]	+					"	"				"	"
	11535	LÊ THỊ THU HÀ. Tình trạng dinh dưỡng và một số	+					"	"				"	"
	36	BÙI PHƯƠNG THẢO. Đánh giá sự thay đổi khuẩn	+					"	"				"	"
	37	HỒ THỊ PHƯƠNG THẢO. Mô hình bệnh tật và chi phí	+					"	"				"	"
	38	ĐỖ TRUNG KIÊN. Mô tả đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	39	TRINH THỊ NGỌC. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	"
	11540	THÒU VA THAK NAK. Đánh giá kết quả điều trị [illegible]	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11541	NGUYỄN MANH TIẾN. Đánh giá kết quả đưu trị gãy	+					H	2015				Ths	Đ.
	42	NGUYỄN HOÀNG NAM. Đánh giá kết quả và thay	+					"	"				"	"
	43	HÀ THỊ THANH LOAN. N/cứu hiệu quả của [illegible]	+					"	"				"	0
	44	NGUYỄN THỊ THÚY. Nhận xét đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	Đ.
	45	LÊ HOÀNG ANH. N/cứu đặc điểm lưu ảnh [illegible]	+					"	"				"	"
	46	HOÀNG THỊ ĐÌNH. Kiểm thức thực hành về [illegible]	+					"	"				"	"
	47	HOÀNG ĐÌNH HANH. N/cứu đặc điểm lưu ảnh	+					"	"				"	"
	48	LÊ XUÂN ĐÌNH. N/cứu đặc điểm [illegible] Doppler	+					"	"				"	"
	49	THÂN NGỌC MINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	11550	NGUYỄN THỊ OANH. N/cứu [illegible]	+					"	"				"	"
	51	TRẦN THỊ HẰNG. Đánh giá [illegible]	+					"	"				"	"
	52	HOÀNG THỊ NGỌC TRÂM. N/cứu các chỉ định cắt	+					"	"				"	"
	53	NGUYỄN THỊ THÚY. N/cứu đặc điểm [illegible]	+					"	"				"	"
	54	TRẦN THỊ HOÀI THƯƠNG. N/cứu về xử trí sản khoa	+					"	"				BSYK	0
	55	LÊ THU THỦY. Nhận xét về xử trí và kết quả đưu	+					"	"				BSNT	0
	11556	TRẦN NGỌC ĐÌNH. N/cứu [illegible]	+					"	"				CKT	0
	57	NGUYỄN THỊ THANH HOA. N/cứu kết quả đưu trị	+					"	"				"	0
	58	DƯƠNG MINH THÀNH. N/cứu kết thước [illegible]	+					"	"				"	0
	59	LƯU TUYẾT MINH. N/cứu huyết khối tĩnh mạch sâu	+					"	"				Tiến sĩ	0
	60	NGUYỄN QUANG ĐÔNG. N/cứu chất lượng [illegible]	+					"	"				"	Đ
	11561	NGUYỄN THỊ KIỀU. Đánh giá tính ổn định của Vắc xin	+					"	"				"	"
	62	NGUYỄN THỊ HƯƠNG. N/cứu một số yếu tố ảnh hưởng	+					"	"				"	"
	63	? VIỆT XUÂN HÀ. N/cứu kinh thái học của trẻ thuỷ	+					"	"				Ths	"
	64	ĐÀO XUÂN LÂN. Đặc hoạt động đào tạo [illegible]	+					"	"				"	"
22/11	11565	NGÔ QUỲNH DIỆP. Xác định đặt biến gen KRAS	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11566	NGUYỄN THU THỦY. Nhận xét tỷ lệ sét loại lipid mới
	67	NGUYỄN NGỌC ANH. Nhận xét tỷ lệ bùn chuỗi và cấ
	68	ĐỖ XUÂN CẢNH. Đánh giá hiệu quả thẻ mang. Khảo sá
	69	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG. N/cứu đặc điểm hình ản
	70	VŨ THỊ HOÀNG. N/cứu đặc điểm hình thái và kết quả
	11571	DƯƠNG ĐÌNH MẠNH. Đánh giá kết quả mổ thoát vị bẹ
	72	VŨ THỊ HỒNG LUYẾN. Hiệu quả của Azithropsin trị
	73	TRẦN TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sà
	74	NGUYỄN TRỌNG QUỲNH. Phục hồi ống dẫn lệ
	11575	NGUYỄN THỊ VIỆT HÀ. Phục hồi răng cửa hàm trên
	76	NGUYỄN THẠC CHÍNH. Khảo sát tình trạng đau đ
	77	LÊ HỒNG CHIẾN. Đánh giá vai trò của siêu âm
	78	TẠ HOÀNG TUẤN. Đánh giá kết quả phẫu thuật thay
	79	NGUYỄN MẠNH THẮNG. Khảo sát mất đô xương
	11580	TỐNG THỊ THANH HUYỀN. Đánh giá kết quả cắn mài
	81	NGUYỄN VĂN NAM. N/cứu tình trạng Khuyết Insulin
	82	NGUYỄN TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm hình thái vô
	83	PHAN MẠNH CHUNG. N/cứu đặc điểm hình ảnh và
	84	HOÀNG ANH. Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt
	11585	NGUYỄN TẤT CƯỜNG. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ
	86	NGUYỄN VĂN ĐẠI. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật
	87	NGUYỄN ĐỨC DUY. Đánh giá kết quả phẫu thuật bướu
	88	NGUYỄN THỊ QUÝ. N/cứu đặc điểm hình ảnh, cận
	89	BÙI ĐỨC NHUẬN. Cắt cấu bàng bt cắt bàng trong
	11590	NGUYỄN XUÂN BÁCH. Đặc điểm hình ảnh, chẩn

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HÀ	2015				NS	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11591	TRẦN VĂN SÙNG Nữ bị đặc điểm bẩm sinh, câm điếc	+					HC	2015				TK	D.
	92	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN. N/cứu nồng độ βHCG	+					"	"				"	"
	93	TRẦN TUẤN ANH. Đánh giá đặc điểm bẩm sinh, câm	+					"	"				"	"
	94	PHẠM GIA THÀNH. Đánh giá kết quả phẫu thuật sỏi	+					"	"				"	"
	11595	GIÁP VĂN CƯỜNG N/cứu đặc điểm bệnh lý tai của bệ	+					"	"				"	"
	96	ĐẶNG TRUNG KIÊN. Đánh giá kết quả điều trị gãy Xương	+					"	"				XVT	"
	97	ĐỖ PHƯƠNG THẢO N/cứu đặc điểm dịch tễ học bệnh	+					"	"				"	"
	98	BẠCH QUỐC KHÁNH. N/cứu hiệu quả của ghép tế bào	+					"	"				Tâm Sự	"
	99	TRẦN ANH TUẤN. N/cứu điều trị phục hồi chức năng	+					"	"				"	"
	11600	ĐỖ PHƯƠNG ANH. N/cứu chức năng thất bại buồng	+					"	"				"	"
30/11/2015	01	NGUYỄN THỊ KHÁNH. N/cứu đặc điểm bẩm sinh ống	+					"	"				TKS	"
	02	HOÀNG THỊ CHUNG N/cứu các phương pháp điều trị	+					"	"				"	"
	03	TRẦN TẤT ĐẠT N/cứu đặc điểm bẩm sinh sỏi bàng	+					"	"				"	"
	04	ĐÀM THỊ THÙY DUNG Thử giá khâu bẩm, của ngón	+					"	"				"	"
	11605	DƯ HẢI NAM. Đánh giá kết quả bảo tồn của phẫu thuật	+					"	"				"	"
	06	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG Nhận xét một số nguy cơ vỡ	+					"	"				"	"
	07	PHƯƠNG QUỲNH HOA. Đặc điểm bẩm sinh, câm điếc	+					"	"				"	"
	08	NGUYỄN THÀNH HƯNG N/cứu đặc điểm bẩm sinh	+					"	"				"	"
	09	BÙI NGỌC HÀ. N/cứu đặc điểm bẩm sinh, câm điếc	+					"	"				"	"
	11610	NGUYỄN VĂN THƯỜNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật vỡ	+					"	"				CKII	"
	11	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG phân tích các nguyên nhân dẫn đến	+					"	"				NC tiếp	"
	12	TRỊNH QUANG DŨNG N/cứu hiệu quả của Hiệp dưỡng	+					"	"				Tâm	"
21/12/2015	13	NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				TKS	"
	14	PHẠM PHÚC KHÁNH. Nữ bị đặc điểm bẩm sinh	+					"	"				"	"
	11615	VŨ HOÀNG ANH Sửa hẹp bàng của ngón bệnh	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11616	KHÚC VĂN HIỆP. Đánh giá rối loạn thời kinh tự đồng vì ảnh	+					HC	2015				Ths	[illegible]
	17	PHÙNG XUÂN TOÀN. Đánh giá hiệu quả lớm sách cuối cùng	+					"	"				"	"
	18	NGUYỄN THỊ KIM TIẾN. N/cứu thái độ xử lý thai phụ con	+					"	"				"	"
	19	ĐINH ANH TUẤN. Thực trạng tuần thủ điều tị thuốc chống	+					"	"				"	"
	20	NGUYỄN DUY KHÁNH. Đánh giá kết quả điều tị	+					"	"				BSNT	"
	21	NGUYỄN THỊ THU LIỄU. Thực trạng tăng acid Uric máu	+					"	"				"	"
	22	LÊ VĂN BẰNG. Các yếu tố tiên lượng liên quan đến	+					"	"				"	"
	23	HOÀNG KIM LÂM. Đặc điểm dịch tễ học lớm sang cuối	+					"	"				Ths	"
	24	NGUYỄN THỊ HIỆP TUYẾT. N/cứu bảo quản lạnh sâu	+					"	"				"	"
	11625	NGUYỄN THỊ MINH HẢI. Đánh giá hội chứng dễ bị tổn	+					"	"				"	"
	26	PHẠM THỊ TỐ UYÊN. Thực trạng nhân lực y tế vì hoạt	+					"	"				"	"
	27	HÀ TUẤN HÙNG. Đánh giá chất lượng cuộc sống cuối bệnh	+					"	"				"	"
	28	ĐỖ THÚY LÊ. Hiệu quả cuối thực phẩm bổ sung ăn liền	+					"	"				"	"
	29	NGHIÊM MAI PHƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	11630	HOÀNG ĐOAN TRANG. Đánh giá hiệu quả cuối phương	+					"	"				"	"
	31	PHẠM HÀ LY. N/cứu nguyên nhân viêm phổi trí nhiễm	+					"	"				"	"
	32	NGUYỄN THỊ LINH NGỌC. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	33	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN. Khảo sát rối loạn Acid	+					"	"				"	"
	34	VŨ HOÀNG LAN. N/cứu xử lý sang thai chuyển dạ	+					"	"				"	"
	35	ĐỖ THỊ HƯỜNG. Khảo sát tình trạng gan nhiễm mỡ	+											
	11636	TẠ THÙY LINH. Nhận xét tình trạng rối loạn Glucose	+					"	"				"	"
	37	LÊ NGỌC HÀ. Khảo sát tình trạng nhiễm trùng liên quan	+					"	"				"	"
	38	PHẠM ĐỨC PHƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	39	VŨ TRƯỜNG THINH. Đánh giá kết quả điều tị thoái hóa	+					"	"				"	"
	11640	~~HÙNG XUÂN TOÀN~~ PHẠM MINH TUẤN. Đánh giá kết quả lớm sách	+					"	"				"	"

NĂM 200..16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11641	NGUYỄN DƯƠNG TRUYỀN Thực trạng tử vấn chăm sóc y	+					HC	2015				TTS	Đ.
	42	ĐỒNG THẾ UY Xác định tỉ lệ tổng sỏi Canxi cường cường	+					"	"				BSNT	"
	43	NGÔ ĐẮC QUYÊN Đánh giá kết quả cắt thân sỏi xơ	+					"	"				"	"
	44	NGUYỄN MỘC SƠN Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+					"	"				"	"
	45	PHAN THỊ CHI Đánh giá sự thay đổi một số chỉ số	+					"	"				"	"
	11646	NGUYỄN THỊ THU TRANG Đánh giá kết quả cắt bỏ cuộn mạc	+					"	"				TTS	"
	47	ĐINH TRỌNG TUYỀN Đánh giá kết quả điều trị thoát v	+					"	"				"	"
	48	NGUYỄN HOÀNG LAN HƯƠNG Khảo sát chứng đau	+					"	"				"	"
	49	HỒ ANH HIỀN N/cứu tình hình quản lý bệnh nhân	+					"	"				"	"
	11650	NGÔ THỊ THU HƯƠNG Phát hiện người bệnh mang gen	+					"	"				TTS	"
	51	HOÀNG CƯỜNG N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sà	+					"	"				"	"
	52	NGUYỄN LÝ THÀNH TRƯỜNG N/cứu đặc điểm giải phẫu	+					"	"				"	"
10/2017 Chuyển TH	53	PHẠM HỮU LỢI N/cứu điều trị u tuỷ thoát sáng phát	+					"	"				"	"
5/1/2016	54	LÊ DANH HƯNG Thực trạng sử dụng dịch vụ Khám chữa	+					"	"				Cử nhân	"
	11655	ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG Nurses Knowledge & attitudes	+					"	"				"	"
	56	DƯƠNG THỊ HIỀN Evaluation Knowledge, Attitudes	+					"	"				"	"
	57	TRƯƠNG THỊ HUYỀN DIỆU Factors Affecting Recaturen	+					"	"				"	"
	58	NGUYỄN THỊ HOÀNG THUÝ Quality & Sleep and Sleep	+					"	"				"	"
	59	NGUYỄN ĐỨC TUẤN Đặc điểm sức khỏe và bệnh tậ	+					"	"				BSYC	"
	11660	DƯƠNG THỊ MAI CHI Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				BSNT	"
	61	LÊ THANH HUYỀN Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	62	NGUYỄN VĂN DŨNG Đánh giá kết quả điều trị phẫu	+					"	"				CKII	"
	63	NGUYỄN ĐÌNH HÒA N/cứu vật dụng phục hồi chức	+					"	"				TTS	"
	64	HOÀNG THỊ HOA LÝ Đánh giá thực trạng và khả	+					"	"				"	"
	11665	BÙI THỊ HỒNG CHÂU Xác định đặc điểm gel	+											

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11666	LÊ BÁ NGUYÊN. N/cứu vai trò chụp cắt lớp vi tính vùng xương	+					H	2015				Th	Đ.
	67	NGUYỄN TRUNG KIÊN. N/cứu đặc điểm lình ảnh	+					"	"				"	"
	68	PHẠM THANH TÙNG. Đánh giá tác dụng của cao lăng	+					"	"				"	"
	69	NGÔ TOÀN ANH. Thực trạng sinh non, sinh nhẹ cân	+					"	"				"	"
	70	VŨ THỊ THU HÀO. Sở sánh sự hàm lượng đồ với công nghệ	+					"	"				"	"
	71	MẠC ĐĂNG TUẤN. Kiến thức thái độ vì nhu cầu	+					"	"				"	"
	72	PHẠM LÊ LỢI. N/cứu giá trị của procalcitonin trong	+					"	"				"	"
	73	NGUYỄN THỊ VÂN ANH. Hiệu quả bổ sung sắt giảm nặng	+					"	"				"	"
	74	NGUYỄN HOÀNG QUÂN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	11675	BÙI HẢI NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật thay khớp	+					"	"				"	"
	76	NINH QUỐC ĐẠI. Đánh giá tính an toàn vì hiệu quả	+					"	"				"	"
14/1/16	77	NGUYỄN THỊ THANH TÂM predictors of ...	+					H	2015				CN	Đ
	78	NGUYỄN THÚY HẰNG The nutrional status of ...	+					H	2015				CN	Đ
	79	CAO THỊ CÚC The current situation of nursing	+					"	"				"	"
	11680	ĐÀO THỊ HUYỀN TRANG. Experience of stress	+					"	"				"	"
	81	TRƯƠNG THỊ THƠM A descriptive study on hand.	+					"	"				"	"
	82	VŨ TIẾN TRUNG. Assessment of preoperative	+					"	"				"	"
	83	VƯƠNG KHÁNH LINH. Timing of antibiotic	+					"	"				"	"
	84	NGUYỄN THỊ CÚC Compare the value of body	+					"	"				"	"
	85	NGÔ THỊ THÚY Patient's length of stay in the	+					"	"				"	"
	11686	TRẦN NGỌC AN. Discharge information needs	+					"	"				"	"
	87	NGUYỄN THỊ CHI. A comparision of the physical	+					"	"				"	"
	88	NGUYỄN THỊ NHUNG. Nutritional status and dietaty	+					"	"				"	"
	89	PHẠM THỊ HÀ. Difficulties and challenges	+					"	"				"	"
	11690	NGUYỄN HỒNG HẠNH Nutrition status of HOV	+					"	"				"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11691	NGUYỄN QUANG TOẢN. Thực trạng sức khỏe-
	92	NÔNG MINH HƯƠNG Chất lượng cuộc sống
	93	NGUYỄN THỊ THUYẾT NHUNG. N/c áp dụng quản lý
	94	LÊ PHƯƠNG THẢO. Chẩn đoán trước sinh bệnh
	11695	ĐÀM VĂN THẮNG Thực trạng chất lượng cuộc người
	96	NGUYỄN ĐÌNH PHÚ. Tình trạng kiến thức thái độ
	97	NGUYỄN THỊ LỘC. Đánh giá nguy cơ suy dinh
	98	ĐỖ THANH BÌNH. Thực trạng sức khỏe tâm thần
	99	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG Kiến thức thái độ thực
	11700	NGUYỄN HOÀNG LONG. Thực trạng hoạt động
	701	NGUYỄN THỊ THU HIỀN. Tình trạng dinh dưỡng thực
	702	NGUYỄN THANH BÌNH. Đánh chất lượng dịch vụ.
	703	TRẦN VĂN TRƯỜNG. Kết quả điều trị nhạy cảm
	704	NGUYỄN THANH THUỶ N/c hiệu quả cấy dạ
	11705	HOÀNG KHẮC TOẢN. Measure the level of Patient
	06	VŨ KHÁNH TOÀN Đ/g hiệu quả sử dụng kính
121	07	NGUYỄN HOÀI TRUNG. N/cứu hiệu quả kết hợp Tuy
	08	HÀ NGUYỄN PHƯƠNG ANH Nhiễm Human papilloma
	09	NGUYỄN VŨ. N/cứu điều trị thoát dạ, sảy thai sớm
	11710	NGUYỄN DUY TRÌNH N/cứu đặc điểm lâm sàng và giải
	11	VŨ HOÀNG PHƯƠNG N/cứu vận tốc của theo dõi thai
	12	NGUYỄN ĐỨC NHỊ N/cứu bất thường nhiễm sắc thể
	13	CỪU THỊ ICHEN Assessment Knowledge & Constipation
	14	VŨ THỊ THƯƠNG Assessment & overweight and obesity
	11715	PHẠM THỊ DUYÊN Knowledge practice & mothers

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				Thạc sĩ	Địa
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11716	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN. Dysphadis Assessment in...	+					HC	2015				Cuộc sống	A.
	17	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ. The complaints and...	+					"	"				"	"
	18	NGUYỄN THỊ HUỆ. Assessment of Nutritional Status	+					"	"				"	"
	19	PHẠM THANH TÚ. Tình trạng sung dịch dưỡng của trẻ...	+					"	"				"	"
	11720	NGÔ THỊ THANH TÚ. N/c tình an toàn và tác...	+					"	"				Tiến sỹ	"
22/2	21	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG. N/c đặc điểm LS.	+					"	"				"	"
	22	LÊ MẠNH SƠN. N/c ứng dụng phẫu thuật nội...	+					"	"				"	"
	23	DƯƠNG ĐÌNH TOÀN. N/c ứng dụng PT nội sỏi tạo tổn...	+					"	"				"	"
	24	NGUYỄN MINH HÙNG. N/c mối liên quan giữa...	+					"	"				"	"
	11725	PHAN TÔN HOÀNG. N/c phát hiện đột biến gen...	+					"	"				"	"
	26	NGUYỄN ĐÌNH HƯNG. Đ/g kết quả sử dụng vai...	+					"	"				Thạc sỹ	"
	27	LÊ THỊ THỦY. The level of out-patients satisfaction	+					"	"				CNTT	"
	28	PHẠM THỊ HOÀNG. Quality of life in cancer.	+					"	"				"	"
	29	HOÀNG HẢI ANH. Study of knowledge on complement	+					"	"				"	"
16/3	11730	LÊ THỊ BH. N/c đặc điểm lâm sàng, CLS ở bệnh nhân nghi...	+					"	"				BSNT	
	31	NGUYỄN ĐỨC LUÂN. Đánh giá hiệu quả điều trị u mau...	+					"	"				"	"
	32	ĐOÀN THỊ HẰNG. Đánh giá thang đ² bode tiên bệnh...	+					"	"				"	"
	33	NGUYỄN THỊ BẢO THOA. Đ/g hq p² tiêm nong khớp...	+					"	"				"	"
	34	NGÔ THỊ PHƯƠNG NHUNG. N/c 1 số đ² dịch tễ học lâm...	+					"	"				"	"
	11735	ĐỖ PHƯƠNG THẢO. N/c đ² dịch tễ học lâm sàng và chủng...	+					"	"				"	"
	36	NGUYỄN THU HÀ. N/c bhiên lâm sàng, cận lâm sàng...	+					"	"				"	"
	37	HOÀNG ANH TUẤN. N/c đ² lâm sàng, cận lâm sàng...	+					"	"				"	"
	38	LÊ ANH TUẤN. Nx đ² lâm sàng, cận lâm sàng...	+					"	"				"	"
	39	TRẦN TUẤN VIỆT. Lập bđồ nội mạc bằng p² tạo nhịp...	+					"	"				"	"
	11740	ĐẶNG TRUNG KIÊN. Đ/g kq điều trị gãy kín mâm chày...	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11741	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG. Đ/g hq điều trị hóa dầu
	42	NGUYỄN HOÀNG GIA. N/c đ² lâm sàng, cận lâm sàng
	43	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN. Nx nồng độ testosteronê máu
	44	NGUYỄN NGỌC DỰ. Đ² lâm sàng, cận lâm sàng
	45	VƯƠNG THU HÀ. N/c hq bước đầu điều trị ung thư
	11746	NGUYỄN THỊ MIỀN. R/s tĩnh trạng suy tĩnh mạch
	47	NGUYỄN PHƯƠNG ANH. N/c đ² lâm sàng, 1 số yếu tố nguy
	48	PHAN NHÂN HIỀN. Đ/g hq nút mạch trong điều
	49	LÊ VĂN THÁNH. N/c tương quan tổn thương động
	50	NGUYỄN NGỌC BÍCH. N/c chỉ số osta trong đb nguy
	11751	HOÀNG THỊ PHƯƠNG NAM. Đ/g tổi loạn dáng đi và
	52	LƯU THỊ NHÀN. N/c tĩnh trạng tổi loạn đông máu
	53	ĐINH THỊ THU PHƯƠNG. N/c đ² lâm sàng, h/a
	54	NGUYỄN THỊ THÚY CHUNG. Đối chiếu lâm sàng
	55	TRẦN VĂN CHƯƠNG. N/c mô bệnh học ung thư
	11756	NGUYỄN THỊ HIẾU. N/c đ² h/a và giá trị cắt lớp
	57	VÕ QUỐC HOÀN. Đ/g hq điều trị u lympho ác
	58	NGUYỄN VĂN ĐĂNG Đ/g hq điều trị u lympho ác
	59	TRẦN THỊ THU HÀ. N/c đ² lâm sàng tổi loạn
	60	PHẠM THANH HƯƠNG Đ/g hq điều trị nội khoa
	11761	NGUYỄN THỊ HẢI ANH. N/c đ² dịch tễ lâm sàng
	62	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO. Nguyên nhân, đ² dịch
	63	CAO MẠNH THẮU. Nx đ² giải phẫu mạch máu
	64	NGÔ THU TRANG. N/c hình thái của dây thần
	65	ĐỖ VIỆT ANH. Đ² h/a và giá trị của siêu âm triplex

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
			2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
	11766	CAO THỊ NHƯ. Đ/g tình trạng dự trữ sắt ...	+					"	"				"	"
	67	TRẦN VĂN CƯỜNG. N/c đ² lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	68	VŨ THỊ THANH. N/c áp dụng kĩ thuật sinh thiết	+					"	"				"	"
	69	NGUYỄN ANH MINH. Phát hiện sớm tổn thương cầu	+					"	"				"	"
	70	NGUYỄN THANH VÂN. N/c đ² h/á và giá trị của	+					"	"				"	"
	11771	LÊ VĂN TUẤN. N/c thời gian hiện hình xoang	+					"	"				"	"
	72	NGUYỄN ĐẮC THAO. Mô tả đ² lâm sàng và	+					"	"				"	"
	73	TRẦN THỊ NƯỞNG. Đ/g hg gây mê hô hấp	+					"	"				"	"
	74	NGUYỄN THỊ THU HÀ. N/c khởi mê ở người	+					"	"				"	"
	75	PHAN THÙY CHI. Đ/g sự thay đổi một số chỉ	+					"	"				"	"
	11776	NGUYỄN THỊ THU HÀ. N/c hoạt tử vô khuẩn	+					"	"				"	"
	77	NGUYỄN NHƯ NGUYỆT. N/c đ/giá trị của test da	+					"	"				"	"
	78	ĐÀO THÚY QUỲNH. Đ/g chất lượng c/s ở bệnh	+					"	"				"	"
	79	TRẦN THỊ LIÊN NHI. N/c hquả điều trị và một	+					"	"				"	"
	80	ĐÀO NGUYỄN HÀ LINH. Mô tả đ² lâm sàng và cận	+					"	"				"	"
	11781	PHẠM BÍCH NGỌC. Đ² lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	82	HOÀNG THỊ HƯƠNG. Đ/g kg điều trị phục hình	+					"	"				"	"
	83	NGUYỄN MINH NGHĨA. N/c các biến chứng tại nơi	+					"	"				"	"
	84	NGÔ THỊ THÍN. Đ/g kg giải phẫu xương bàn	+					"	"				"	"
	85	HOÀNG THỊ THU TRANG. K/s tinh thể urat trong	+					"	"				"	"
	11786	DƯƠNG MAI NGA. Đ/g kg của phẫu thuật ghép	+					"	"				"	"
	87	NGUYỄN THU LAN. Nx đ² lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	88	MAI THỊ THU THẢO. Nx kg siêu âm nội sọi trong	+					"	"				"	"
	89	HOÀNG VĂN TÂM. Điều trị bệnh vảy nến thông	+					"	"				"	"
	90	LÊ VIẾT NAM. Đ/g kg xạ trị gia tốc u não	+					"	"				"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
17/3/16	11791	PHAN THỊ HUYỀN THƯƠNG. N/c điều trị sỏi tiết đo
	92	PHẠM THỊ TRANG. N/c tình hình viêm niêm
	93	LÊ THANH HUYỀN. Nx 1 số đ² lâm sàng, cận
	94	DƯƠNG THỊ MAI CHI. Nx đ² lâm sàng, cận lâm
	95	NGUYỄN THU HÀ. Đ/g kq phẫu thuật sỏ xoang
	11796	TRƯƠNG VĂN BAN. Đ/g kq phẫu thuật lỗ thông
	97	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG. Đ/g chỉ số VAS (visual
	98	VŨ XUÂN VINH. Kết phẫu thuật nội soi trong
	99	NGUYỄN MỘC SƠN. Đ/g kq điều trị phẫu thuật
	11800	TRƯƠNG THỊ TUYẾT. N/c hội chứng chồng lấp
	01	HOÀNG ANH ĐỨC. N/c đ² lâm sàng, cận lâm
	02	PHAN THANH THỦY. Đ² của hội chứng ngưng thở
	03	TRƯƠNG THỊ HÀ KHUYÊN. N/c thđ LDH huyết thanh
	04	LÊ THU THỦY. Nx về xử trí và kq điều trị ra
	05	NGUYỄN THỊ KIM DUNG. Nx điều trị nang lạc nội
	11806	NGHIÊM THỊ HỒNG NHUNG. Đ² lâm sàng, cận lâm
	07	NGUYỄN VĂN NGỌC. Nx đ² lâm sàng và đg kq
	08	THÂN HỮU TIỆP. N/c đ² lâm sàng, cận lâm sàng
	09	NGUYỄN THÙY LINH. Đ/g kq giải phẫu nâng khuy
	10	NGUYỄN THỊ VÂN. Nx đ² thiếu máu và 1 số
	11811	NGÔ THỊ TRANG. N/c đ² tổn thương da trên
	12	NGUYỄN THỊ HOA. Mối liên quan giữa khàng thể
	13	PHẠM THỊ THẢO. N/c nồng độ IL-17 trong máu
	14	LÊ NGỌC MÂY. Đ/g kq điều trị u nang mỡ
	15	NGUYỄN THU PHƯƠNG. Đ/g kq điều trị ung thư

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				"	Đĩa
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11841	LÊ THỊ THÚY HỒNG. Đ² lâm sàng, chụp cắt...	+					H	2015				"	Đĩa
	42	VŨ THỊ TRÁ. N/c đ² lâm sàng, hình ảnh	+					"	"				"	"
	43	LÊ THỊ MỸ. N/c đ² lâm sàng và hình	+					"	"				"	"
	44	HOÀNG THỊ THẢO. N/c ứdụng tiêu chuẩn...	+					"	"				"	"
	45	PHẠM TUẤN VIỆT. Đ/g kq ngắn hạn và trung	+					"	"				"	"
	11846	VŨ QUANG HIỂN. N/c đ² h/a và giá trị cuả chụp	+					"	"				CK II	"
	47	NGUYỄN VĂN DŨNG. N/c thực trạng nhiễm giun	+					"	"				"	"
	48	HÀ THỊ TUYẾT TRINH. N/c đ² lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	49	PHẠM THỊ HƯƠNG. Đ/g hq cuả magnesium...	+					"	"				"	"
	50	TRẦN ĐÌNH VĂN. N/c thực trạng bệnh lý tai biến	+					"	"				"	"
	11851	BÙI CÔNG VIÊN. N/c đ² lâm sàng vòng ngôn	+					"	"					
	52	NGUYỄN THỊ THÚY LAN. Nx đ² lâm sàng, cận	+					"	"					"
	53	ĐINH MẠNH CƯỜNG. Đ/g thực trạng lật khúc	+					"	"					"
	54	TRIỆU HOÀNG ĐẠO. Đ/g kq điều trị phẫu thuật	+					"	"					
	55	NGÔ TRUNG HẢI. N/c kq chống đông bằng	+					"	"					
	11856	TRẦN VĂN TRƯỜNG. Kq điều trị nhạy cảm ngã	+					"	"				"	"
	57	NGUYỄN SỸ THÂN. 1 số giá trị nhân trắc sọ	+					"	"				"	"
	58	VŨ THỊ HƯƠNG. N/c đ² lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	59	ĐỖ THẾ HÙNG. Đ/g kq phẫu thuật khối u	+					"	"				"	"
	60	NGŨ THỊ LỆ VINH. N/c đ² lâm sàng và nguyên	+					"	"				"	
	11861	ĐINH TIẾN ĐỨC. N/c đ² lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	62	VŨ THỊ HUẾ. Đ/g kq điều trị thoát vị đĩa	+					"	"				"	"
	63	NGUYỄN QUỐC PHƯƠNG. Đ² h/a và vai trò cuả	+					"	"				"	"
	64	NGUYỄN HỮU THỌ. Đ/g kq lâu dài điều trị	+					"	"				"	"
	65	ĐẶNG NGỌC HẠNH. Đ/g kq điều trị ung thư	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11866	ĐẬU THẾ HIỆP. Đ/g chỉ số scase trong sáng lọc
	67	NGUYỄN VĂN HỌC. Đ/g kg phẫu thuật nội soi
	68	BÁO NGỌC MINH N/c đ² lâm sàng, khả chụp
	69	TRẦN QUỐC ĐẠT. Đ/g kg chuẩm ngại cứu
	70	TRẦN THỊ KIM THƯ. N/c biến chứng thận kinh
	11871	HOÀNG THỊ THỦ. Đ² lâm sàng, cận lâm sàng
	72	HOÀNG NGỌC TÂM. S² dụng cây chỉ và khâu
	73	PHẠM THỊ THU PHƯƠNG. Đ/g kg điều trị vô
	74	PHẠM THỊ TRÀ GIANG. Đ/g cai yếu tố tiên
	75	NGÔ THỊ THANH HOÀN. N/c chăng nhĩ thai vô
	11876	NGUYỄN QUANG LONG. Đ/g kg điều trị viêm
	77	LÊ PHƯƠNG TÍNH. N/c ứng dụng ống sợi mềm
	78	ĐOÀN DUY HƯNG. Đ/g kg điều trị phẫu
	79	NGUYỄN PHÚC KIÊN. Đ/g kg phẫu thuật ung
	80	NGUYỄN THỊ THỤC HIỀN. N/c đ² lâm sàng, cận
	11881	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Nx thực trạng kiến
	82	VƯƠNG NGỌC ANH Đ² h/a vô vai trò của
	83	TẠ VIỆT PHƯƠNG. Đ² lâm sàng, chẩn đoán
	84	LÊ VIỆT SƠN. N/c đ² lâm sàng và kết quả
	85	BÙI QUANG HẢO. Đ² lâm sàng, cai yếu tố
	11886	NGUYỄN NGỌC GIẢNG. N/c rối loạn chuyển
	87	NGUYỄN QUANG VINH. N/c thực trạng thể
	88	TRẦN QUỐC TUẤN. Đ² lâm sàng, cận lâm
	89	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Đ/g tính chính xử dụng
	90	TRỊNH XUÂN HƯƠNG. N/c vi phẫu thuật điều

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				"	Đĩa
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11891	TRẦN VĂN VƯỜNG. Đ/g thực trạng khuyết tật	+					H	2015				"	Đĩa
	92	LƯU CÔNG THÁNH. N/c đ² và giá trị của công	+					"	"				"	"
	93	NGUYỄN NGỌC HỒNG. N/c đ² lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	94	HUỲNH ĐĂNG NINH. Đ/g tdụng điện trường	+					"	"				"	"
	95	NGUYỄN THỊ KIỀU OANH. N/c hq gây chuyển	+					"	"				"	"
	11896	HÁ CẨM THƯƠNG. N/c về chẩn đoán và kq	+					"	"				"	"
	97	NGUYỄN THỊ XUÂN HƯƠNG. A/h của chăm sóc	+					"	"				"	"
	98	TRẦN THỊ THU HÁ. N/c đ² dịch tễ học lâm	+					"	"				"	"
	99	NGUYỄN HUY TIẾN. N/c ứdụng nội soi đường	+					"	"				"	"
	11900	TRẦN QUYẾT THẮNG. N/c các p² điều trị chưa	+					"	"				"	"
	01	LÊ THỊ HỒNG. Đ/g tdụng của bài tập vận	+					"	"					
	02	BÙI LƯU HƯNG. N/c thực trạng sử dụng	+					"	"					
	03	ĐỖ THỊ LƯU. Đ² lâm sàng rối loạn trầm	+					"	"					
	04	NGUYỄN THỊ THÚY NGA. N/c đ² lâm sàng, cận	+					"	"					
	05	VŨ THỊ THOA. N/c đ² tổn thương võng mạc	+					"	"					
18/3/16	11906	LÊ THỊ ANH ĐÀO. N/c hội chứng kháng phospholipid	+					2016	"					
	07	BÙI THỊ HƯƠNG GIANG. N/c 1 cổ thông sẽ huyết	+					"	"				"	"
	08	ĐỖ NGỌC HẢI. N/c xác định đột biến và lập bản	+					"	"				"	"
	09	NGUYỄN TRONG HÀO. N/c rối loạn lipid máu	+					"	"					"
	10	NGUYỄN THỊ KHÁNH HOÀ. N/c đặc điểm hoá và gtr	+					2015	"					
	11911	LẠI THỊ MAI THỊNH. N/c đặc điểm LS, viêm mũi	+					"					"	
	12	HOA BÍCH THẢO. Evaluation of a modified	+					"					ĐĐ	
	13	ĐÀO THỊ HUYỀN. Assessment of nutritional	+					"						
	14	ĐINH THỊ KIỀU DUNG. Exploring knowledge att	+					"						
	15	VŨ PHƯƠNG ANH. Evaluation on health	+					"						

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
9/5/2016	11916	TRẦN VĂN SUNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng
	17	TRẦN TUẤN ANH. Đánh giá kết quả phẫu thuật xơ cứng
	18	PHẠM TIẾN MẠNH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	19	LÊ NGỌC HÀ. Khảo sát thể lượng nhãn áp bằng kính giác
	11920	NGÔ THỊ GIANG. Nhận xét thị trường sử dụng nhiều thước
	21	NGUYỄN HƯƠNG GIANG. Nghiên cứu thay đổi mắt mắc
	22	NGUYỄN TUẤN DŨNG. Nghiên cứu đặc điểm hình thoái mắt
	23	PHẠM VĂN DŨNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng xét nghiệm
	24	LÊ XUÂN ĐỈNH. Nghiên cứu đặc điểm siêu âm Doppler mạch
	25	NGUYỄN VĂN CƯỜNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả
	11926	PHẠM ĐỨC PHƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật thay thủy
	27	NGUYỄN HOÀNG QUÂN. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	28	LÊ ANH SƠN. Đánh giá kết quả phẫu thuật kết hợp xương
	29	BÙI HẢI NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật thay khớp
	11930	NGUYỄN ANH LƯỢNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	31	NGUYỄN HOÀNG NAM. Đánh giá kết quả thay khớp nhân tạo
	32	HỒ TRƯỜNG THĂNG. Đánh giá kiểu quế phương pháp thủ sức
	33	PHẠM GIA THÀNH. Đánh giá kết quả phẫu thuật xơ cứng
	34	TẠ HOÀNG TUẤN. Đánh giá kết quả phẫu thuật thay
	35	NGUYỄN HOÀNG LONG. Thực trạng hoạt động của khoa
	11936	NGUYỄN NHƯ HIỀN. Tai nạn thương tích ở học sinh
	37	NGUYỄN QUANG TÂM. Thực trạng sức khỏe và nhu cầu
	38	LÊ ANH TUẤN. Kiến thức thực hành về phòng bệnh
	39	NGUYỄN THANH THẢO. Thực trạng sức khỏe bệnh tật
	11940	TRẦN THỊ KIM CHUNG. Kiến thức, thái độ và nhu cầu

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HL	2015				Tes.	D-
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"				

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11941	VŨ HOÀNG LAN. N/cứu xử lý sang thải chuyển hóa tế
	42	HÀ THỊ THANH LOAN. N/cứu kiểm soát của phương pháp
	43	NGUYỄN VIỆT NAM. Đánh giá kết quả thu thập, bảo quản
	44	LƯƠNG ĐỨC NGỮ. Đánh giá kiến thức, thái độ, thực
	45	ĐINH THỊ OANH. Nhận xét chẩn đoán và điều trị
	11946	NGUYỄN ĐỨC THẮNG. Nhận xét kết quả phẫu thuật
	47	NGUYỄN VĂN THANH. N/cứu mối liên quan nồng độ
	48	TRẦN QUANG HÒA. N/cứu một số vùng và một số
	49	PHẠM XUÂN HIẾU. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	50	LÊ VĂN TUẤN. Đánh giá tỷ lệ loạn chức năng thận
	51	TRẦN NGỌC MINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	52	BÙI HẢI NAM. N/cứu áp dụng phẫu thuật cắt khối
	53	TRẦN THỊ KIM CHUẨN. N/cứu kết quả của Hydro
	54	NGÔ THỊ NGỌC NGÂN. N/cứu đặc điểm lâm sàng và
	11955	VŨ THỊ MINH PHƯỢNG. Nhận xét kết quả chụp đối
	56	NGUYỄN VIỆT QUANG. So sánh kết quả thu tinh thể
	57	NHỮ THÚY VÂN. N/cứu đặc điểm hình thái và tỷ lệ
	58	HOÀNG NỮ PHI XUÂN. N/cứu kỹ thuật Rubella
	59	PHÍ VĂN KIÊN. Kiến thức, thái độ kết hợp về tiêm
	11960	PHẠM HƯƠNG MAI. Tiết tượng dinh dưỡng và một số yếu
	61	NGUYỄN VĂN BÌNH. Đặc điểm dịch tễ học bệnh
	62	HỒ THỊ HOA. Thực trạng thiếu máu, béo phì và một số yếu
	63	LÊ THỊ THẢO. Đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và kết quả
	64	HOÀNG THỊ HƯỜNG. Đánh giá sự phù hợp của chương
	11965	PHẠM VĂN DU. Đặc điểm dịch tễ học bệnh dại

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				TS	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	11966	ĐỖ THỊ THANH BÌNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					HC	2015				Rs	A.
	67	LÊ VĂN GIANG. Nhức tổng xuất HIV bao, vùng gan cuối	+					6	r				c	a
	68	ĐỖ THỊ VÂN. N/cứu chỉ định và kết quả của FibroScan	+					4	5				c	c
	69	ĐỖ ANH THUẬN. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					4	6				c	4
	11970	VŨ VĂN THUẬN. Đánh giá kết quả phẫu thuật gãy Pilon	+					8	1				4	
	71	VŨ VĂN TÍ. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán kết quả	+					11	4				6	2
	72	SAO HENG. N/cứu tình chứng u nguyên bào nuôi sau	+					3	4				8	-
	73	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG. N/cứu xử trí chửa ngoài tử cung	+					2	2				2	1
	74	NGUYỄN VĂN TÂM. N/cứu đặc điểm di căn và kết quả	+					4	1				6	4
	11975	NGUYỄN VĂN PHƯƠNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					1	9				1	3
	76	VŨ THỊ THANH LÂM. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận	+					8	1				2	3
	77	NGUYỄN ANH HUY. Đánh giá kết quả điều trị tuyến	+					2	2				8	-
	78	LÊ THỊ GIANG. N/xét đặc điểm lâm sàng cận lâm sàng	+					4	4				4	5
	79	NGUYỄN THỊ THÙY DƯƠNG. Đánh giá kết quả điều trị thay	+					4	6				4	5
	11980	LÊ HỒNG CHIẾN. Đánh giá vai trò của siêu âm trong	+					2	2				2	2
	81	LÊ HOÀNG ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng và giải	+					4	4				4	2
	82	NGUYỄN TRẦN VƯỜNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					8	2				2	4
	83	NGUYỄN VĂN TUẤN. N/xét chỉ định và đánh giá	+					4	4				4	5
	84	ĐỖ THỊ LAN. Đánh giá kết quả các phương pháp chọc hút	+					6	2				4	4
	11985	TẠ THÙY LINH. N/xét tình trạng rối loạn glucose	+					4	4				4	4
	86	ĐỖ THỊ THANH HUA. Giá trị của procalcitonin huyết thể	+					11	4				-	4
	87	NGUYỄN VĂN NAM. N/cứu tình trạng Klebsiella	+					4	1				7	4
	88	NGUYỄN QUỐC ĐỒNG. Đánh giá kết quả điều trị sỏi	+					4	6				1	6
	89	NGUYỄN VĂN ĐẠI. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật	+					2	4				2	2
	11990	TRỊNH VĂN CƯỜNG. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán hình ảnh	+					1	2				2	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	11991	NGUYỄN ĐẠI CÔNG. Đánh giá kết quả thực tế trồng-
	92	LÊ CÔNG HẢI. Đánh giá kết quả gây nhiễm bệnh đen lá
	93	NGUYỄN HỮU HẢI. Đánh giá vai trò của giống đến khả
	94	NGUYỄN THỊ HÀ. N/cứu đặc điểm hình thái, sinh học..
	11995	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG. N/cứu khả năng kháng bệnh sinh
	96	ĐINH ĐĂNG TÙNG. N/cứu đặc điểm hình thái, sinh học..
	97	ĐỖ THỊ THANH BÌNH. N/cứu đặc điểm hình thái, sinh..
	98	TRỊNH XUÂN LONG. Đánh giá kỹ thuật ghép mắt tủ..
	99	LÊ VIỆT HÙNG. N/cứu đặc điểm hình thái, sinh trưởng..
11/5/2016	12000	TRỊNH XUÂN HÀ. N/cứu khả năng chịu hạn của bộ giống
	12001	PHẠM HOÀNG NGỌC HOA. Áp dụng phần mềm ISN/RIS
	02	NGUYỄN VĂN CHÍNH. N/cứu đặc điểm nhận biết, sinh học..
	03	PHẠM HỒNG THẢO. N/cứu khả năng chống chịu của giống..
	04	NGUYỄN THỊ HIỆP TUYẾT. N/cứu hoạt động sinh sản..
	05	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. N/cứu một số đặc điểm sinh học..
	12006	NGUYỄN THỊ LỆ NINH. N/cứu đánh giá sinh trưởng của..
	07	NGUYỄN GIANG NAM. N/cứu kết quả thụ phấn bổ sung..
	08	HOÀNG NGUYỄN HOÀNG VĂN HƯỜNG. Thực trạng bệnh..
	09	DƯƠNG THANH TUẤN. Đánh giá kết quả chọn tạo..
	10	NGÔ HẢI SƠN. Đánh giá kết quả chọn tạo, khảo nghiệm..
	11	BÙI HẢI HẰNG. Đánh giá kết quả khảo nghiệm giống..
	12	DOÃN MẠNH CƯỜNG. Đánh giá khả năng chống chịu..
	13	NGUYỄN VĂN TÚ. Đánh giá đặc trưng đặc điểm của..
	14	NGUYỄN THANH TRUNG. Đánh giá kết quả chọn tạo giống..
	12015	PHẠM TRẦN ANH KHOA. Các tổ hợp phối giữa Paracrida..

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HÀ	2015				TS	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12016	LÊ THỊ BÍCH DUYÊN Nc Đ²h/a cùng loại tử...
	17	PHẠM MẠNH CHUNG Nc²Đ²h/a 3 viêm chỉnh cửa bộ...
	18	VŨ THU HẰNG Thực trạng lệch lạc khớp cắn...
	19	VŨ THỊ HẰNG Đánh giá Kquả điều trị ung thư Đ...
	12020	NGUYỄN ĐỨC HƯNG Đánh giá Kquả đ/trị ung thư Dạ dày...
	21	TRẦN XUÂN TÙNG Đ²lâm sàng & cận lâm sàng dò chẩn...
	22	ĐƯỜNG THANH TÙNG Nc Đ²l/sàng, cận l/sàng & kq đ/trị...
	23	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN Khảo sát số loại acid uric máu...
	24	ĐINH ANH ĐỨC Đánh giá kq đ/trị rung cầy mài chỉnh...
	12025	ĐÀM VĂN THẮNG Thực trạng chỉ lệch cắn ngược mặt...
		ĐINH TRỌNG HIẾU Đ/giá Kquả tiêu thụ khi nhổ tạo...
		HÀ MẠNH HÙNG Nc Đ² l/sàng, cận l/sàng & một số...
	28	HÀ TUẤN HÙNG Đánh giá chất lượng cuộc sống...
	29	NGUYỄN BÁ PHONG Đánh giá Kquả phục hồi thẩm mỹ...
	12030	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH Nc tình trạng khô miệng ở Insulin...
	31	NGUYỄN NGỌC ÁNH Nhận xét tỷ lệ liên cầu khuẩn vi sinh...
	32	ĐỖ XUÂN CẢNH Đánh giá hiệu quả Thủ thuật Xoay Xương...
	33	NGUYỄN THẠC CHÍNH Khảo sát tình trạng đau...
	34	NGUYỄN THỊ QUÝ Nc Đ² l/sàng, cận l/sàng & kết quả...
	12035	TRẦN THỊ LIÊM N/xét một số yếu tố nhạy cảm...
		...NG N/c Đ² l/sàng, cận l/sàng & đ/giá kq...
		...g N/c Đ² l/sàng các kiểu vị trí & đ/giá kq...
		...C SƠN NC Đ² l/sàng của hàm giả tức thì cắn...
		...HUY N/cứu phương pháp đo thẩm mỹ...
	40	...AM ANH HÙNG. N/cứu mối liên quan giữa mức độ...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				Thư/S	Đề
+					H	2015				"	"
+					H	2015				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12041	TRỊNH THỊ HOẠT. Đánh giá thực trạng bức xạ nhiệt khí Hoàng
	42	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG. N/cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến
	43	TRẦN TẤT ĐẠT. N/cứu đặc điểm lâm sàng nhiễm trùng
	44	TRẦN THỊ BÍCH ĐÀO. N/cứu đặc điểm lâm sàng...
	12045	VŨ PHƯƠNG THẢO. N/cứu thực trạng nhu cầu được ở
	46	ĐOÀN THU HÀ. N/cứu một số yếu tố nguy cơ ảnh hưởng
	47	NGUYỄN TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng thiếu máu
	48	VŨ THỊ MẪN. Đánh giá hiệu dụng của bài thuốc giảng dạy
	49	TRẦN THỊ YẾN. Đánh giá hiệu dụng của bài thuốc
	12050	PHẠM THANH TÙNG. Đánh giá hiệu dụng của Quy trình
	51	TRẦN THỊ THU TRANG. Bước đầu đánh giá hiệu dụng bài...
	52	LÊ HỒNG MINH. Đánh giá hiệu dụng của kỹ thuật thử...
	53	VŨ THỊ MINH HIỀN N/cứu thực trạng chăm sóc và chăm
	54	PHAN THANH HẢI. Đánh giá hiệu dụng của bài thuốc trong
	12055	TRẦN HẢI BẰNG. Tình trạng dinh dưỡng bệnh nhân bị bỏng...
	56	NGUYỄN THU VÂN. N/cứu tuân thủ của cây dùng nước
	57	TRẦN VĂN QUÝ. Một số yếu tố liên quan đến tỷ lệ tử vong...
	58	ĐỖ THANH HUYỀN. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhi
	59	NGUYỄN THỊ MỸ LINH. N/cứu sàng lọc và kết quả...
	60	NGUYỄN THỊ ICHANH N/cứu đặc điểm lâm sàng và...
	12061	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG. Đánh giá hiệu dụng kết quả sử dụng
	62	TRẦN THANH DIỆP Đánh giá sự hài lòng của bệnh nhân
	63	PHAN HÀ LY. N/cứu nguyên nhân viêm phổi bệnh viện
	64	TRẦN ĐỨC TÚ. N/cứu mô hình và đặc điểm chẩn đoán
	12065	NGUYỄN THỊ THÚY. N/cứu ghi chú thông tin...

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HP	2015				75	D.
+					"	"				3	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12066	NGUYỄN THỊ THẢO. N/cứu đặc điểm kinh tế xã
	67	NGUYỄN CHÍ ICIỀN. N/cứu đặc điểm kinh tế, địa lý
	68	PHẠM LAN HƯƠNG. N/cứu, luận giải điều tra lũ chủ
	69	DƯƠNG QUỐC TRƯỜNG. N/xét một số đặc điểm lũ
	12070	NGUYỄN THỊ THÚY DƯƠNG. N/cứu đặc điểm kinh tế
18/5	71	PHAN VĂN CHUNG. N/cứu đặc điểm chiến đấu
	72	NGUYỄN XUÂN BẮC. Đặc điểm kinh tế, chiến đấu
	73	TRẦN ANH TUẤN. Đánh giá đặc điểm kinh tế
	74	NGUYỄN MẠNH TIẾN. Đánh giá kết quả điều tra
	12075	DƯƠNG ĐÌNH TUẤN. Đánh giá kết quả điều tra lũ
	76	ĐỖ TRUNG ICIÊN. Mô hình đặc điểm kinh tế, địa lý
	77	ĐỖ TRỌNG ICHIẾU. Mô hình đặc điểm kinh tế, địa lý
	78	NGUYỄN ICIỀU HƯNG. Đánh giá kinh tế của phường
	79	LÊ HOÀNG LONG. N/xét kết quả điều tra kinh
	12080	NGUYỄN THU THỦY. N/xét tỷ lệ xã hội học
	81	NGUYỄN THỊ THÚY. N/cứu đặc điểm hoàng xuân
	82	THÀNH NGỌC TIẾN. Đánh giá kinh tế của xã hội
	83	PHÙNG XUÂN TOẢN. Đánh giá kinh tế kinh tế
	84	HOÀNG ĐOAN TRANG. Đánh giá kinh tế của phường
	12085	NGUYỄN XUÂN THÀNH. Hệ thống đô thị tỉnh thường
	86	NGUYỄN THỊ OANH. N/cứu ứng dụng xã hội kinh tế
	87	TRẦN THÁI SƠN. Đánh giá kết quả điều tra x hội
	88	NGUYỄN VĂN TUẤN. Đánh giá kết quả của phân thuế
	89	NGUYỄN THỊ THU TRANG. Đánh giá kết quả cải bẫy
	12090	TRỊNH VĂN TỈNH. Đánh giá kinh tế xã hội

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				TKS	A.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"			

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12091	PHAN THỊ THU HƯỜNG. Đánh giá kết quả sau theo dõi	+					HC	2015				Ths	Đ.
	92	NGUYỄN VĂN VÕ. N/cứu đặc điểm lâm sàng vì đánh	+					"	"				"	"
	93	NGUYỄN THẾ VINH. Đánh giá bình thường hoàng đường	+					"	"				"	"
	94	TRẦN THỊ TUYẾN. Đánh giá thuận nâng điều trị trên	+					"	"				"	"
	12095	TRẦN QUYẾT. Đặc điểm lâm sàng vì kết quả điều trị	+					"	"				"	"
	96	NGUYỄN THỊ THÚY. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	97	VŨ KHÁNH TOÀN. Đánh giá hiệu quả sử dụng kinh	+					"	"				"	"
	98	DŨ HẢI NAM. Đánh giá kết quả lâu dài của phẫu	+					"	"				"	"
	99	NGUYỄN THỊ MINH THIỆN. N/cứu ghi của phần vùng	+					"	"				"	"
	12100	DƯƠNG VĂN GIÁP. N/cứu giá trị procalcitonin	+					"	"				"	"
	01	NGUYỄN THANH HỒNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	"
	02	NGUYỄN QUỐC HÙNG. Theo dõi kết quả ngắn vì tuy	+					"	"				"	"
19/5	03	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG MAI. Đặc điểm dịch tễ học lâm	+					"	"				"	"
	04	NINH QUỐC ĐẠI. Đánh giá tính an toàn vì hiệu quả	+					"	"				"	"
	12105	NGÔ TIẾN ĐÔNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ học lâm	+					"	"				"	"
	06	TRẦN TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	07	TRẦN THỊ NẾT. Đánh giá chết hoàng sáng lâm quan	+					"	"				"	"
	08	PHẠM AN QUANG. N/cứu đặc điểm lâm sàng cận	+					"	"				"	"
	09	ĐẶNG THỊ NGỌC SEN. N/cứu ghi năng độ 25-OH-D	+					"	"				"	"
	12110	VŨ THỊ MINH PHƯƠNG. N/cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	"
	11	HÀ THỊ THU HẰNG. N/cứu khả năng tự đứng thẳng	+					"	"				"	"
	12	BÙI THỊ HƯỜNG THẢO. Đánh giá sự thay đổi khúc	+					"	"				"	"
	13	MAI THỊ ANH THƯ. Đánh giá kết quả của các phương pháp	+					"	"				"	"
	14	TRẦN VĂN PHONG. N/cứu các bình hiệu lâm sàng	+					"	"				"	"
	12115	HOÀNG KIM LINH. Giá trị của thang điểm AGEF	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12116	LÊ THỊ HƯƠNG. So sánh hiệu quả diệt Helicobacter..	+					H	2015				Ts	Đ.
	17	TÔ MINH MẠNH. Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng vô hình	+					"	"				"	"
	18	PHẠM LÊ LỢI. N/cứu ghi cứu procalcitonin trong nhiễm	+					"	"				"	"
	19	HOÀNG KIM LÂM. Đặc điểm dịch tễ học lâm sàng..	+					"	"				"	"
	12120	PHẠM TIẾN MẠNH. Đánh giá kết quả điều trị sắc..	+					"	"				"	"
	21	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG. N/cứu áp dụng quản lý	+					"	"				"	"
	22	LÊ PHƯƠNG THẢO. Chẩn đoán trước sinh bệnh Thala..	+					"	"				"	"
	23	ĐỖ TIẾN DŨNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật phaco..	+					"	"				"	"
	24	NGUYỄN MẠNH ĐẠT. Đánh giá phẫu thuật điều trị..	+					"	"				"	"
	12125	NGUYỄN THỊ LINH NGỌC. Đánh giá kết quả phẫu..	+					"	"				"	"
	26	NGUYỄN HỮU TÙNG. Đánh giá hiệu quả phẫu thuật tro	+					"	"				"	"
	27	ĐÀO TIẾN QUÂN. N/cứu bỏ thường vắng mạc trong	+					"	"				"	"
	28	TRẦN NGỌC KHÁNH. Khảo sát chức năng thị giác	+					"	"				"	"
	29	NGUYỄN HOÀNG LAN HƯƠNG. Đánh giá chiều dày..	+					"	"				"	"
	30	NGHIÊM MAI PHƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	12131	ĐỖ TUYẾT NHUNG. Đánh giá sự biến đổi tế bào nội mô	+					"	"				"	"
	32	NGUYỄN TIẾN BẰNG. N/cứu hoạch cả tái phát sau..	+					"	"				"	"
	33	VŨ VĂN BẢN. Đánh giá giá trị chẩn đoán sớm ung thư	+					"	"				"	"
	34	ĐỖ THỊ HƯƠNG. Khảo sát tình trạng gan nhiễm mỡ	+					"	"				"	"
	12135	NGUYỄN THỊ MINH HẢI. Đánh giá hệ chứng dễ bị..	+					"	"				"	"
	36	TRẦN THỊ HẰNG. Đánh giá ngưng cả loãng xương ở bệnh	+					"	"				"	"
	37	HOÀNG VĂN HÙNG. N/cứu ghi trên thuỷ cưỡ..	+					"	"				"	"
	38	LÊ ĐÌNH HỒNG. Đánh giá t/dụng cưỡ spermatrend..	+					"	"				"	"
	39	ĐỖ THỊ MINH HIỀN. N/cứu một số đặc điểm vi thuỷ tinh	x					"	"				"	"
	12140	BÙI THỊ THU HẰNG. N/cứu tình hình nhiễm khuẩn	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12141	TRẦN THỊ HƯƠNG GIANG Nhận xét một số ngụy cơ in thái độ
25/5.	42	HỒ TRUNG LUÂN. Đặc điểm lâm sàng, điện đoán...
	43	PHẠM THỊ NGỌC YẾN Nhận xét đặc điểm lâm sàng -
	44	LATSAHY. PHETSANGICHA. Tiết tạng suy dinh dưỡng
	12145	PHAN THANH TUẤN. Đánh giá kết quả điều trị cắt
	46	NGUYỄN TIẾN SINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	47	NGUYỄN THỊ LOAN. N/cứu nấy dụng dịch Fibroscan
	48	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH N/cứu các triệu lớp vỏ -
	49	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	12150	LÊ THỊ PHƯƠNG ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, kết
	51	PHẠM PHÚC CHÍNH. Hỏ hở đặc điểm lâm sàng, cận
	52	THOU VATHACNAC. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật
	53	NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG Đánh giá kết quả phẫu thuật
	54	ĐÌNH TRỌNG TUYỀN. Đánh giá kết quả điều trị thoát
	12155	TRẦN THÀNH TÙNG Đánh giá kết quả phẫu thuật lấy
	56	NGÔ TUẤN TÙNG. Đánh giá phẫu thuật điều hoàng
	57	NGUYỄN BÁ TUẤN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	58	NGUYỄN NGỌC TÚ. N/cứu đo dài tử cung ở thai
	59	VÕ TÁ TRUNG. N/cứu về xử lý sản khoa và hệ dưng
	60	HOÀNG THỊ NGỌC TRÂM. N/cứu các dị dạng cắt tử cung
	12161	NGUYỄN THỊ KIM TIẾN. N/cứu thái độ xử trí thai phụ
	62	LÊ THỊ THÚY. N/cứu nguyên nhân và thái độ xử trí
	63	ĐỖ THỊ THÚY NINH. N/cứu đặc điểm tổn thương dùng
	64	NGUYỄN THỊ HỒNG NGÂN. N/cứu ngoại độ PHCG
	12165	TRẦN TUẤN ANH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2015				Tb	A.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12166	TRƯƠNG MẠNH TÚ N/cứu nâng độ kém Huyết Học.
	67	NGÔ THÚY HẰNG - Đánh giá kết quả phẫu thuật nang cuy
	68	NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG N/cứu đặc điểm lâm sàng cận lâm
	69	DƯƠNG DIỆU HƯƠNG. Kết quả điều trị Chỉ viêm...
	12170	TRẦN THỊ MỸ HẠNH. Đánh giá mức độ tổn mất m -
	71	NGÔ GIA TÙNG. Đánh giá kết quả tán đài hệ nhãn áp
	72	VŨ NHẬT CHIẾN. Đánh giá tỉ Huỳnh góc tiền phòng
	73	LÊ ĐỨC TÀI. N/cứu Chỉ năng gắng sức bằng Test...
	74	NGUYỄN THỊ CẨM BÌNH. N/cứu tổn thương quanh quỹ đạo
	12175	PHÍ THÙY LINH. N/cứu tổng hợp của bệnh glôcôm -
	76	TẠ XUÂN TRƯỜNG Phục hồi thuốc Cs ở bệnh...
	77	LÊ CHÂM NGA. Nhận xét đặc điểm lâm sàng Cận lâm
26/5	78	NGUYỄN THANH HÙNG. Đánh giá kết quả sử dụng
	79	NGUYỄN HOÀNG HÀ. Nhận xét các phẫu thuật bệnh lý
	12180	BÙI VĂN CƯỜNG Đánh giá kết quả phẫu thuật bệnh lý
	81	NGÔ QUỲNH DIỆP Xác định đột biến gen KRAS...
	82	ĐẶNG THỊ HÀ. N/cứu một số yếu tố ảnh hưởng
	83	HOÀNG THỊ TRÂM ANH N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	84	VŨ HOÀNG N/cứu đặc điểm lâm sàng, kết quả
	85	NGUYỄN VĂN TIỆP N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	12186	BÙI NGỌC HÀ. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	87	NGUYỄN THỊ HIỀN N/cứu nguyên nhân khô, chẻ ở trẻ
	88	NGUYỄN THỊ HIỀN ANH. N/cứu đặc điểm tế bào
3/6	89	NGUYỄN TRỌNG TUẤN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	12190	NGUYỄN TIẾN THÀNH. Phát hiện tổ chức Hoạt Hóa

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2015				Ths	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12191	DƯƠNG ĐÌNH LĨNH. Nhận xét kết quả đầu tư.
	92	NGUYỄN ĐỨC LÂN. Đánh giá kết quả đầu tư phẫu thuật
	93	NGUYỄN ĐÌNH LÂN N/cứu chẩn đoán mù đánh giá
	94	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG. N/cứu đái tháo đường thai kỳ
	12195	LẠI THỊ MAI THÌNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	96	TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	97	NGUYỄN THỊ MAI LƯƠNG. Đánh giá kết quả đầu tư
	98	NGUYỄN ĐỨC TUẤN. Khảo sát đặc điểm lâm sàng, cận
	99	TRẦN NGỌC TÙNG. Đối chiếu kết quả xạ trị khối u
	12200	BÙI THỊ NGỌC. N/cứu nồng độ một số cytokine
	01	VŨ VĂN BA. Khảo sát chức năng thất trái bằng siêu
	02	TRỊNH TIẾN HƯNG. N/cứu tỷ lệ tắc có tìm mạch
	03	ĐỖ QUỐC HIỀN. Đánh giá kết quả của phương pháp cắt
	04	GIÁP VĂN CƯỜNG. N/cứu chẩn đoán giải phẫu của bệ
	05	TẠ THỊ HUYỀN TRANG. Giá trị tiên lượng của nồng độ
	12206	NGUYỄN ĐÌNH QUÝ. Đánh giá tiến triển chức năng
	07	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	08	NGUYỄN NHẬT MAI. Khảo sát đặc điểm huyết khối
	09	TRẦN ĐỨC LƯỢNG. N/cứu sự thay đổi về lâm sàng
	10	ĐÌNH HỮU BẠCH. N/cứu giá trị chẩn đoán cơ chế cắn
	12211	HỒ ĐÌNH HIỀN. N/cứu tính kinh quản lý bệnh nhân
	12	TĂNG THỊ HẠNH NHÂN. Đánh giá nồng độ Bệ Microalbumin
	13	ĐỖ THỊ TUYẾT NHUNG. N/cứu nồng độ Homocystein huyết
	14	NGÔ THỊ THÚY QUỲNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận
	12215	PHẠM ĐÌNH TÀI. Đánh giá sinh thiết màng phổi bằng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
T					HC	2015				TS	A.
T					"	"				"	"
T					"	"				"	"
T					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12216	NGUYỄN MẠNH THẮNG. Khảo sát mật độ xương ở
	17	HOÀNG THỊ ÍCH DUNG. Thực trạng kết quả, vấn
	18	TRẦN THỊ THANH THUỶ. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	19	DƯƠNG VŨ HƯNG. Đánh giá kết quả bước đầu phác đồ
6	12220	NGUYỄN THÀNH TRUNG. Nhu cầu và khảo sát
	21	NGUYỄN VĂN HOÀN. Đánh giá hiệu quả điều trị bệnh
	22	NGUYỄN THẠC HẢI. Thực trạng một số yếu tố
	23	NGUYỄN VĂN GIÁP. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	24	HOÀNG BẢO DUY. Hướng dẫn kỹ thuật nắn, cung
	12225	VŨ HÀ THANH. Đánh giá kết quả và một số yếu tố
	26	NGUYỄN VĂN THÁI. Đánh giá mức xâm lấn di cư
	27	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	28	LÊ BÁ NGUYÊN. N/cứu vai trò chụp cắt lớp vi tính
	29	NGUYỄN TRUNG KIÊN. N/cứu đặc điểm lâm sàng
	12230	VŨ HUY HOÀNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng và kết quả
	31	HOÀNG ĐÌNH HẠNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng và gãy
	32	MAI NGỌC THÀNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng kết
	33	TRẦN NGUYÊN BẢO. Đánh giá kiểu gãy Descloux
	34	NGUYỄN MẠNH ANH. Đánh giá kết quả điều trị
		VŨ VĂN THẾ. Đánh giá kết quả bước đầu phác đồ
		THỊ NGA LIÊN. Đánh giá kiểu gãy điều trị bệnh
		LUYỆN. Kiểu gãy do Azatioprin
		THÀNH HÒA. N/cứu giải phẫu cổ cánh tay
		THỌ. Đánh giá vai trò chụp cắt lớp
		THỊ CẨM TÚ. Thực trạng bệnh nhân nằm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
†					H	2015				Thọ	Đ.
+					"	"				"	"
+					"	"					
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
†					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2007	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12241	NGUYỄN THỊ SEN. Thực trạng bệnh sâu răng, nhu cầu	+					"	"			"	"	"
	42	TỐNG ĐỨC PHƯỜNG. Một số kích thước mũy hàng	+					"	"				"	"
	43	PHƯỜNG QUỲNH HOA. Đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	"
	44	DƯƠNG THỊ PHƯỜNG. Tình trạng dinh dưỡng của bệnh	+					"	"				BSYK	"
	12245	NGUYỄN THỊ MAI DUNG. Đưa tị xô cứng bị lệ thấy	+					"	"				Ths	"
	46	TRẦN MANH ĐỨC. Đặc điểm lâm sàng, các yếu tố	+					"	"				"	"
	47	NGUYỄN THÀNH TÂN. Hiệu quả của Hydroxychlo	+					"	"				"	"
	48	NGUYỄN THỊ LUYẾN. Đánh giá kết quả phẫu thuật nhổ	+					"	"				"	"
	49	NGUYỄN THỊ HOA. Thực trạng bệnh mũy quanh răng	+					"	"				"	"
	12250	HỒNG THÚY HANH. Thực trạng bệnh sâu răng ở người	+					"	"				"	"
	51	LƯU HỒNG HANH. Thực trạng bệnh quanh răng và mật	+					"	"				"	"
	52	LÊ THỊ LÊ QUYÊN. Đánh giá kết quả khác tri phác đồ	+					"	"				"	"
	53	VŨ TẤT GIÁO. N/cứu ghi của sửa âm trong phân loại	+					"	"				"	"
	54	TRẦN HUY HOÀNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	12255	PHẠM HUY HOÀNG. Đặc điểm lâm sàng, các yếu tố	+					"	"				"	"
	56	THÁI BẰNG. N/cứu tình hình điều trị bệnh nhân bị	+					"	"				"	"
	57	SENGDAIA. LYVONGSA. Thực trạng mất răng hàm	+					"	"				"	"
	58	MOUICDAVANH ITHAVONG. Thực trạng bệnh sâu	+					"	"				"	"
	59	ĐỖ QUỐC UY. Thực trạng bệnh quanh răng và nhu cầu	+					"	"				"	"
	12260	LÊ NGỌC THANH. N/cứu mối liên quan thoát vị hoành	+					"	"				"	"
	61	TRẦN THÁI SƠN. Thực trạng một số nhiễm trùng lây truyền	+					"	"				"	"
	62	NGUYỄN THỊ DUNG. N/cứu một số nguyên nhân và kết	+					"	"				"	"
	63	TA VIẾT CƯỜNG. Đánh giá kết quả vi phẫu thất tình mạch	+					"	"				"	"
	64	HOÀNG THỊ CHUNG. N/cứu các phương pháp đánh chỉ	+					"	"				"	"
	12265	TRẦN XUÂN HÙNG. Ứng dụng bảng điểm Ec Kadti	+					"	"				"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
23/6	12266	NGUYỄN DUY THĂNG. Phục hồi chức năng vận động cho một số
	67	NGUYỄN THỊ TUYẾT MAI. Phục hồi chức năng thực hành đo
	68	TỐNG THỊ THANH HUYỀN. Đánh giá kết quả điều trị
	69	HOÀNG TỈ CANH. Tình trạng rối loạn ngôn ngữ
	12270	NGUYỄN THỊ NINH. Phục hồi chức năng bệnh nhân
	71	NGUYỄN VĂN NGỌC. Khảo sát tình trạng hụt khuyết
	72	TRỊNH HOÀNG HƯNG. Đánh giá kết quả bước đầu
	73	HOÀNG ANH. Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt
	74	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH. Đánh giá kết quả điều trị
	12275	CHỨC VĂN HIỆP. Đánh giá sự cảm thấy tư thế
	76	ĐỖ MẠNH HƯNG. Đánh giá kết quả điều trị bệnh
	77	DƯƠNG ĐÌNH HẠNH. Đánh giá kết quả sớm phẫu
	78	VŨ MINH HẢI. Đánh giá kết quả điều trị thoát
	79	NGUYỄN ĐỨC DUY. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	12280	PHẠM TẤN ĐỨC. Nhận xét vận động sau cắt
	81	LÊ HOÀNG MẠNH NGHỊ. Tình trạng dinh dưỡng và
	82	LÊ MINH TRÁC. Chẩn đoán sớm và đánh giá kết quả
	83	LƯU QUANG THỜI. Nhận xét tần số Doppler xuyên sọ
	84	LÊ HỒNG QUANG. Nhận xét kết quả nong van động mạch
	12285	TRẦN CHÍ THANH. Nhận xét vận động và kết quả bó bột
	86	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG. Định lượng Actino Interleukin
	87	TRẦN ĐÌNH THIỆN. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật
	88	NGUYỄN KIM THỦ. Nhận thấy tiêm kem sống cốt
	89	BÙI HUY MẠNH. Nhận xét vận động và phẫu thuật
	12290	ĐƯỜNG HỒNG HƯNG. Nhận xét một số yếu tố nguy

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					HC	2016				ThS	Đ
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12291	BÙI HẢI BÌNH. N/cứu đưu tị thoái hoá khớp gối	+					HE	2016				TS	Đ
	92	VŨ THỊ THOA. N/cứu đặc đưm tổn thương vaỹ	+					"	"				CKII	"
	93	LÊ THU HÀ. Thực trạng bạo lực do chồng in trẻm	+					"	"				BSYK	"
	94	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. Khảo sát đặc đưm lâm sàng	+					"	"				"	"
	12295	LƯU NGUYỄN LAN ANH. Thực trạng sức khỏe tim thân	+					"	"				"	"
	96	ĐẶNG HOÀNG NAM. Nhận xét kết thái giải phẫu.	+					"	"				"	"
	97	TRẦN XUÂN DŨNG. Đặc đưm lâm sàng, chức năng	+					"	"				"	"
	98	BÙI THỊ HUYỀN MY. Đặc đưm phân mảnh DNA trịch	+					"	"				"	"
	99	BÙI THỊ THUẦN. Hình quê đưu tị đau vài gáy	+					"	"				"	"
	12300	NGUYỄN THỊ NGỌC TRÂM. Kết dạng in màu sắc	+					"	"				"	"
	01	TÔNG THỊ HUYỀN. Đặc đưm tái phát in di cận cuộc	+					"	"				"	"
	02	NGUYỄN THỊ NHUNG. Nhận xét trịch trong bệnh tim	+					"	"				"	"
	03	HÀ VĂN TUẤN. Đặc đưm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	04	ĐINH HỮU TÂM. N/cứu một số đặc đưm bệnh học	+					"	"				"	"
	05	ĐINH TUẤN ANH. N/cứu về đặc đưm lâm sàng in	+					"	"				"	"
	12306	BÙI THỊ HOA. Đánh giá tác dụng của thuốc ngâm	+					"	"				"	"
	07	LÊ QUANG ĐẠO. Nhận xét trịch trạng xuất hàm	+					"	"				"	"
	08	NGUYỄN THỊ HÒA BÌNH. Đặc đưm kích thước	+					"	"				"	"
	09	NGUYỄN MINH THÚY. Đánh giá thực trạng sức khỏe	+					"	"				"	"
	10	LƯỜNG THỊ NHƯ HUYỀN. Đánh giá tác dụng chăng	+					"	"				"	"
	11	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG. Mô tả kết thái tổn thương	+					"	"				"	"
	12	BÙI ĐỨC MANH. Đánh giá mức độ hoạt động bệnh	+					"	"				"	"
	13	VŨ HẢI YẾN. N/cứu đặc đưm vùng phổ tổn	+					"	"				"	"
	14	NGÔ THỊ HIỀN. Tuân thủ đưu tị ARV của bệnh nhân	+					"	"				"	"
	12315	ĐOÀN XUÂN DŨNG. Đánh giá chất lượng cực sống	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12316	NGUYỄN ĐĂNG HẢI. Đánh giá hiệu quả đông lạnh	+					H	2016				BSYK	D
	17	NGUYỄN BÍCH NGỌC. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	18	TRẦN CÔNG THÀNH. Đánh giá kết quả điều trị xuất	+					"	"				"	"
	19	TRẦN VĂN HIỀN. Thực trạng vệ sinh môi trường hà giá	+					"	"				"	"
	20	TRẦN THỊ CÚC. Sự chấp nhận và hài lòng của các bà	+					"	"				"	"
	21	LÊ HỮU MẠNH. N/cứu đặc tính cấp, đặc tính bám	+					"	"				"	"
	22	NGUYỄN CHIẾN THẮNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	23	NGUYỄN THỊ QUỲNH. Đánh giá hành vi của điều dưỡng	+					"	"				"	"
	24	LÊ NHO CHUYÊN. Đặc điểm hình thái của răng khôn	+					"	"				"	"
	12325	NGUYỄN TRUNG ĐỨC. Nhận xét kết quả phục hình tháo	+					"	"				"	"
	26	TRẦN ĐỨC CUNG. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	27	HỒ NGỌC MINH. Ứng dụng kỹ thuật Realtime PCR	+					"	"				"	"
	28	HOÀNG THỊ HOA. Khảo sát tính trong sử dụng vi hình	+					"	"				"	"
	29	VŨ HẠNH HOA. Khảo sát tính trong sử dụng vi hình	+					"	"				"	"
	12330	LÊ BÁ DUY. Nhận xét một số đặc điểm hình ảnh	+					"	"				"	"
	31	PHẠM THỊ HẢI YẾN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	32	NGUYỄN HÀ CHÂM. Cải tiến kỹ thuật để tăng năng	+					"	"				"	"
	33	TRINH THỊ THU HƯƠNG. Khảo sát thực trạng phân bịt	+					"	"				"	"
	34	TRẦN TIẾN ĐẠT. Nhận xét mối liên quan giữa đặc điểm	+					"	"				"	"
	12335	PHẠM THỊ XUÂN. Đánh giá sự đứt gãy ADN của	+					"	"				"	"
	36	NGUYỄN VĂN HỘP. Hiệu quả tạo hình ống tuỷ rỗng	+					"	"				"	"
	37	PHẠM THẾ ĐỨC. N/cứu về đặc điểm lâm sàng và xét	+					"	"				"	"
6/7	38	NGUYỄN THỊ HỒNG NẤM. Hiểu biết nhu cầu	+					H	2016				"	"
	39	ĐẶNG VIỆT PHONG. Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu	+					"	"				BSĐK	"
	12340	PHÍ THỊ HOÀNG YẾN. Xác định một số chỉ số thông	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
			2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
	12341	NGUYỄN VÂN ANH Mô hình bệnh tật của cán bộ	+					H	2016				BSYK	Đ.
	42	LÊ HÀ PHƯƠNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét nghiệm	+					"	"				"	"
	43	NGUYỄN NGỌC TRAI Tìm hiểu một số yếu tố nguy cơ tim mạch	+					"	"				"	"
	44	VŨ TRÀ MY. Nhận xét tình trạng và nguy cơ sâu răng	+					"	"				"	"
	12345	TRẦN PHƯƠNG THẢO Thực trạng sâu răng ở trẻ 5 tuổi	+					"	"				"	"
	46	PHẠM THỊ BÌNH. Đánh giá mức độ suy giảm chức năng	+					"	"				"	"
	47	NGUYỄN THỊ BÉ DUYÊN. Mô tả giải phẫu đám rối thần kinh	+					"	"				"	"
	48	TRẦN ĐỨC THANH Đánh giá sự thay đổi độ phân mảnh	+					"	"				"	"
	49	HOÀNG THỊ QUỲNH THỎ. Nhận thức, thái độ của người bệnh	+					"	"				"	"
	12350	NGUYỄN THỊ HẢI YẾN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	51	NGÔ HOÀNG LONG. N/X một số yếu tố ảnh hưởng	+					"	"				"	"
	52	NGUYEN VAN THANH. Gender difference in patient	+					"	"				"	"
	53	VŨ THỊ HƯỜNG. N/C đặc điểm lâm sàng và thái độ xử trí	+					"	"				"	"
	54	VƯƠNG QUỐC ĐỨC. N/X kết quả giảm thiểu phá-thai	+					"	"				"	"
	12355	LÊ ĐỨC MINH Tình hình nhiễm Human Papilloma virus	+					"	"				"	"
	56	ĐẶNG PHI DƯƠNG. N/C giá trị một số xét nghiệm hoá sinh	+					"	"				"	"
	57	PHẠM HỒNG QUÂN. N/X đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	58	HOÀNG THỊ HÀ Kiến thức, thái độ, thực hành của điều dưỡng	+					"	"				"	"
	59	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC Tình trạng thiếu máu, thiếu vitamin	+					"	"				Thps	"
	12360	NGUYỄN THỊ NGÃI. N/C một số đặc điểm lâm sàng	+					"	"				BSYK	"
	61	PHẠM THỊ KIM HUYỀN. Xác định đột biến gen FGFR	+					"	"				"	"
	62	ĐÀO THỊ KIỀU OANH. Khảo sát tác dụng giảm đau sớm	+					"	"				"	"
	63	TRẦN THỊ THU HẰNG. N/C một số chỉ số đông máu và ...	+					"	"				"	"
	64	DƯƠNG QUANG HIỆP Đánh giá hiệu quả quy trình phân lập	+					"	"				"	"
	12365	NGUYỄN LÊ BÌNH Nhận xét chỉ số mùn ngà răng	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12366	NGUYỄN THỊ MAI. Tình hình kháng kháng sinh của ...	+					H	2016				BSYK	Đ
	67	BÙI SƠN THẮNG. N/C tác dụng hạ Glucose máu ...	+					"	"				"	"
	68	NGÔ THỊ KHUYÊN. Kiến thức, thái độ, thực hành về phòng	+					"	"				"	"
	69	LÊ THỊ NGỌC VÂN. Xác định đột biến gen ABCC 8 ...	+					"	"				"	"
	12370	NGUYỄN THUÝ NGA. Nhận xét kích thước thân răng	+					"	"				"	"
	71	LÊ VĂN HỢP. N/C giá trị của thang điểm alvarado ...	+					"	"				"	"
	72	HOÀNG THUÝ NGA. N/C tỷ lệ rối loạn sắc giác của sinh viên	+					"	"				"	"
	73	LÊ THỊ QUỲNH TRANG. Tình trạng dinh dưỡng và một số ...	+					"	"				"	"
	74	HỒ THỊ NHUNG. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm ...	+					"	"				"	"
	12375	NGUYỄN PHAN HIỀN. N/C đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	76	NGUYỄN THỊ THUÝ. Mô tả đặc điểm của các tế bào biểu mô	+					"	"				"	"
	77	PHẠM VĂN DŨNG. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em ...	+					"	"				"	"
	78	BÙI THỊ THẢO YẾN. Chế độ dinh dưỡng bệnh nhân trước ...	+					"	"				"	"
	79	PHẠM THỊ THU HIỀN. Mô tả tình hình tuổi tiền của bệnh	+					"	"				"	"
	12380	NGUYỄN NGỌC BÍCH. Đặc điểm lâm sàng trên cơm	+					"	"				"	"
	81	QUÁCH VĂN THẢO. Đánh giá giá trị của men gan tay	+					"	"				"	"
	82	LƯU VĂN VÕ. Nhận xét kết quả điều trị u fu dài huyền	+					"	"				"	"
	83	NGÔ THỊ HUÊ. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng ...	+					"	"				"	"
	84	VŨ THỊ THANH HẰNG. Thực trạng bệnh sâu răng in một	+					"	"				"	"
	12385	NGUYỄN TIẾN SƠN. Đặc điểm lâm sàng in các chỉ định	+					"	"				"	"
	86	NGUYỄN VĂN TINH. N/cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	"
	87	KHÚC CHÍ HIẾU. Tính đi lình của một số nhiễm sắc thể	+					"	"				"	"
	88	BÙI TRẦN ANH THƯ. Mô hình ấm đầu thro khoa báo	+					"	"				"	"
	89	TRẦN LÊ SƠN. Một số đặc điểm lâm sàng in cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	12390	LÊ THỊ DUYÊN. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"

NĂM 2016

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12391	TRẦN THỊ THÙY LINH. Đặc điểm nồng độ Fructose	+					H	2016				BSYK	Đ.
	92	ĐẶNG THỊ NGA. Đánh giá một số tác dụng phụ của phương	+					"	"				"	"
	93	LÊ VĂN LONG. Một số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	"
	94	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRINH. Đặc điểm nhân học Khuôn	+					"	"				"	"
	95	NGÔ THỊ HUYỀN. Hiệu quả quản lý bệnh nhân tăng huyết	+					"	"				"	"
	12396	DOÃN MINH THÀNH. N/cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	"
	97	ĐỖ THÙY LINH. Hiệu quả điều trị đau cột sống thắt	+					"	"				"	"
	98	ĐẶNG ĐÌNH TUẤN. Khảo sát tình hình điều trị xơ	+					"	"				"	"
27/7.	99	TRẦN THỊ TUYẾT MAI. N/c trầm cảm và bệnh lý	+					"	"				"	"
	12400	LÊ DUY BÌNH. N/x đặc điểm LS CLS và đtrị bệnh	+					"	"				"	"
	01	ĐÀO THỊ HƯƠNG. Tình trạng mất bám dính và 150	+					"	"				"	"
	02	LÊ XUÂN QUÝ. N/x tỉ lệ các tổn thương cổ tử cung	+					"	"				"	"
	03	NGUYỄN THỊ THUỶ. Sự hài lòng đối với chiếu xạ	+					"	"				"	"
	04	LÊ THỊ LAN THUỶ. K/s tình trạng hạ kali máu	+					"	"				"	"
	12405	NGUYỄN ĐỨC TUẤN. N/x đặc điểm lâm sàng, CLS	+					"	"				"	"
	06	ĐẶNG THỊ HỒNG ANH. N/c nước độ thị giác lập	+					"	"				"	"
	07	NGÔ HỮU DIỆN. N/x đặc điểm h/ả sỏi hệ tiết	+					"	"				"	"
	08	NGUYỄN KIỀU ANH. Đ/g sự hài lòng và hiệu quả	+					"	"				"	"
	09	NGUYỄN THỊ HẢO. N/x kết quả khí máu động mạch	+					"	"				"	"
	12410	ĐÀO XUÂN HẢI. N/c đặc điểm LS, CLS và các	+					"	"				"	"
	11	NGUYỄN THỊ MỸ LANH. Thực trạng thiếu cân, rèo phì	+					"	"				"	"
	12	ĐỖ THỊ THU HƯƠNG. Mối liên quan giữa tổn	+					"	"				"	"
	13	NGUYỄN MẠNH TÂN. N/c một số yếu ngay cơ	+					"	"				"	"
	14	VŨ THỊ HẰNG. N/c đ/giá chất lượng cuộc sống bệnh	+					"	"				"	"
	12415	LÊ THỊ NGỌC DIỆP. N/c đặc tính và tái dụng tăng	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12H16	ĐỖ THỊ THANH HIỀN. Đ/g hiệu quả điều trị
	17	NGUYỄN LÊ AN NHÂN. Thẩm mỹ sâu răng sửa
	18	NGUYỄN QUANG BÌNH. Mẹ tạ thiết kế mới
	19	DƯƠNG THỊ TRÀ GIANG. Đặc điểm LS & CLS bệnh
	12H20	CAO THỊ NGUYỆN TRANG. K/s mô hình bệnh tật
	21	NGUYỄN THỊ THUỶ. N/c một số đặc điểm gpb
	22	ĐÀO THỊ DUNG. Đặc LS, CLS của bệnh nhân
	23	ĐÀO THANH HẢI. Kiến thức về loãng xương của
	24	HOÀNG HỒNG XIÊM. Kiến thức thái độ thực
	12H25	NGUYỄN THỊ HUA. Đặc điểm LS, theo y học hiện
	26	ĐỖ THỊ ĐÀI TRANG. N/c đa hình cấp và tác
	27	PHAN THỊ NGUYỆT. Tổng hợp phẫu thuật u buồng
	28	VŨ ĐỨC DƯƠNG. Kiến thức, thái độ và thực hành
	29	NGUYỄN THỊ THƯƠNG. Đ/g sự biến đổi cấu trúc
	12H30	NGUYỄN Thị BÍCH PHƯỢNG. Bác quản lạm bệnh
	31	PHAN QUANG TRUNG. Thực trạng tăng huyết áp
	32	TRẦN THỊ ĐÀI TRANG. K/s phân thể LS, tá hiệu quả
	33	TRẦN THỊ PHƯỢNG HUỆ. Đ/g hiệu quả thẩm thoát
	34	TRẦN TRUNG HIẾU. N/c đặc điểm hoạng thông
	12H35	LÊ LAN ANH. N/c đặc điểm LS, hình ảnh x quang
	36	LÊ THỊ VIỆT HÀ. Mẹ tạ sự thay đổi một số chỉ số
	37	DOÃN THẾ HÀ. Mẹ tạ sự thay đổi Seg alpha
	38	VŨ ĐÌNH TÙNG. Kiến thức về thời kỳ kiêng sảo
	39	TRẦN HOÀNG MAI. Đặc đặc điểm một số nhóm huy
	12H40	PHAN THỊ KIỀU LOAN. N/x đặc đ LS, CLS của

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				BS YK	Đã
+					〃	〃				〃	〃

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12441	HOÀNG THỊ LANH. N/c đặc điểm LS, cận lâm sàng
	42	BÙI CÔNG SỬ. Thực trạng sức khỏe vệ sinh
	43	TRẦN VĂN CHỨC. Tìm hiểu nhu cầu xã
	44	NGUYỄN THỊ HỒNG THUẾ. Phân tích tình hình
	12445	ĐỖ THỊ XUÂN THUỲ. N/c sự phân bố nhóm máu
	46	VŨ THỊ MAI. N/x tình hình sử dụng
	47	TRỊNH THU HÀ Đ/g chất lượng cuộc sống của bệnh
	48	ĐẶNG MINH KHOA Đ/g thực trạng nhiễm giun
	49	NGÔ THỊ TÂM. Tình hình sử dụng dịch vụ y tế
	12450	ĐÀO THỊ MAI THƯƠNG. N/c tác dụng của viên nang
	51	TRẦN TÔNG QUẢN. X/định điểm đẳng tâm
	52	NGUYỄN TIẾU. Chiều dày xương, niệu mạc tại
	53	NGUYỄN THỊ HOA. N/c biểu hiện protein alpha
	54	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG. Tỷ lệ nhiễm và một
	12455	NGUYỄN THANH LỢI. N/c chứa ngoài tử cung
	56	NGUYỄN VĂN HUY. K/s một số các thận ở
	57	VÕ THỊ THUỲ TRANG. N/x đặc điểm LS, CLS
	58	VŨ CÔNG THẮNG N/c đặc điểm LS, CLS u lympho
	59	NGUYỄN THỊ HƯỜNG. N/x sự lo âu của bệnh
	12460	VÕ ĐỨC LINH. K/s tổng hợp acid uric máu
	61	NGUYỄN THỊ BÍCH HẬU N/x kq chẩn đoán ung
	62	NGÔ THANH TÚ. Một số yếu tố liên quan sự thành
	63	NGUYỄN MAI THU. N/c đặc điểm dấu ấn
	64	ĐINH THỊ LAN HƯƠNG. N/c sự dẫn truyền vận
	12465	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH. N/c một số chỉ số

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					tt	2016				BSYK	Đã
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"				CNYK	"
+					"	"				BCYK	"
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				CNYK	
+					"	"				"	
+					"	"				BSYK	
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"					
+					"	"			

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12466	ĐƯỜNG MẠNH LONG N/c tác dụng giảm đau
	67	HOÀNG THỊ HẬU. Đ/g tác dụng điều trị của điệ
	68	NGUYỄN TIẾP THỊ THOA. N/x nước ổi đào sau.
	69	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN. N/c ứ HLH. trẻ 16'
	12470	TRẦN THỊ KIM NHUNG. N/x sự thay đổi
	71	TRẦN HOÀNG NAM N/c ứ thuốc mới từ quế
28/7	72	CHỬ THỊ VIỆT H/xét tỉ lệ bắt bóng của 2 bệnh
	73	NGUYỄN THỊ HUỆ Đ/giá kquả chẩn đoán lđn
	74	NGUYỄN THỊ HƯƠNG Nhận biết biến chứng tiế
	12475	CHU THỊ THU NGA Đ/giá kquả chẩn đoán b/nhân
	76	NGUYỄN XUÂN ĐẠT N/c xđịnh quy trình S/xuất
	77	CAO THỊ ĐÀO Đ/giá c/lượng c/sống trên b/nhân
	78	TRẦN THẾ SỸ K/thức - thái độ - T/hành của b/nhân
	79	HOÀNG LƯU LY Kh/sát thành thông tin đào Đ/tr
	12480	NGUYỄN HƯỜNG XUÂN X/định đặc điểm gen
	81	TRƯƠNG THỊ HẢI Tìm hiểu K/thức T/hành về P^2
	82	TỪ THỊ THANH Đ/giá K/thức & TH/hành về q/trình
	83	NGUYỄN THỊ HUỆ NC chi phí trực tiếp về phía N bệnh
	84	NGUYỄN THỊ XUÂN Vitro của cây lạc bề ĐTĐ
	12485	LÃ THỊ NGUYỆT MINH N/xét 1 số phía cận lâm
	86	NGÔ THỊ HƯƠNG Tính kinh nhiễm HUMAN...
	87	ĐỒNG THỊ TÚ OANH K/thức trong phòng ngừa bệnh tả
	88	BÙI THỊ HIỀN Quản thể nhóm tiêm an toàn của ĐD
	89	PHẠM NGỌC ĐỖ NC cấu kiện tế của b/nhân
	12490	CHU NGỌC MAI ANH Tổng quan P^2 phương pháp

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H.	2016				BBĐC	Đã
+										11	
+										CNDD.	11
+										BSYK	
+										CNYK.	
+										BSYK	4
+										CNYK	
+										CNYK	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										BSYK	
+										CNYK	
+										CNYK	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»	
+										»

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
~~12491~~	12491	NGUYỄN KIM QUÂN Nữ 7 tuổi bị Bruyến bệnh Xơ da
	12492	NGUYỄN THỊ BÍCH Nữ một số chỉ số protein
	12493	LƯU THỊ THU TRANG Kĩ thuật, t/độ t/hành của Hb
	12494	NGUYỄN MINH PHƯƠNG Khảo sát mẹ bệnh không tăng
	12495	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG Phụ nữ Nguy cơ D²
	12496	LÊ PHƯƠNG THÚY N/xét 1 số tiêu chí tìm ở Hb
	12497	NGUYỄN VĂN THỊNH SO sánh c/lg tiểu bào
	12498	ĐINH THỊ MINH KHUÊ N/cứu đ/tri bệnh Suy tủy
	12499	ĐOÀN THỊ THÍA Tình hình nhiễm Proteus Mirabilis
	12500	NGÔ NGỌC QUANG Kĩ thuật, thao tác, t/hành của Hb
	12501	VŨ THỊ DUYÊN N/cứu 1 số D² xét nghiệm tế bào
	02	NGUYỄN THỊ THU THẢO N/c kq huy động tế bào
	03	LÊ THỊ TƯỜNG VY N/c 1 số đặc điểm LS & xét nghiệm
	04	LÊ TIẾN VIỆN. N/c 1 số đặc điểm LS & xét nghiệm
12505		TA TIẾN SINH. Hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật
	06	BÙI THANH SƠN Đặc điểm mô bệnh học tủy hoá
	07	NÔNG ANH TUẤN. Sự quan tâm của nhũng x con
	08	HOÀNG THỊ THOA N/c đặc điểm lâm sàng & x nghiệm
	09	TÔ THỊ ANH HUYỀN. N/c hiệu quả điều trị G CSF
12510		PHẠM ĐÌNH VŨ. N/c 1 số đặc điểm LS, nội soi tử mổ
	11	NGÔ VĂN NAM. N/c đặc điểm bệnh CD34. ở bệnh tế
	12	LÊ NGỌC HUY. Hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật xác
	13	NGUYỄN ĐỨC ANH. N/c xử trí chửa ngoài tử cung
	14	LÊ MỸ LINH. N/x đặc điểm răng hàm hàm trên
12515		PHẠM ĐỨC ANH. N/c áp dụng thang điểm Rockall

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				BSYK	Hải
+										CNYK	»
+										BSPK	»
+										»	
+										»	
+										BSYK	
+										CNYK	
+										BSRHM	
+										CNYK	
+										BsyK	
+										CNYK	»
+										BSJIC	»
+					4	4				4	4
+					7	7					
+					4	4					
+											
+											
+											
+											
+											
+											
+											
+											
+											
+											
+											

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12516	BÙI LINH CHI. N/x đặc đ² LS, CLS và kết quả
	17	BÙI BÍCH MAI. N/c tỷ lệ đ² LS, CLS chửa trứng
	18	DƯƠNG THỊ THÚY NGÂN. N/x về tình hình kiểm
	19	TRẦN HOÀNG LINH. N/c đ² nhiễm Klamydia ở bệnh
	12520	LÊ THỊ HỒNG LIÊU. Tổng quan tiếp cận thông tin
	21	DƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG. N/c đặc đ² LS, xét nghiệm bệnh
	22	ĐÀO NGỌC MAI. N/c tỷ lệ đặc điểm vô sinh -
	23	LƯƠNG XUÂN TÂN. N/c tỷ lệ đặc điểm giải phẫu bệnh
	24	ĐOÀN MINH HOÀNG Đặc đ² LS, CLS của ung thư
	12525	LÊ DIỆU LINH. N/c đặc đ² LS, CLS của bệnh đái tháo
	26	DƯƠNG VĨ MINH HOÀNG. N/c cơ cấu tỷ lệ loại tâm
	27	TỈNH HÀ GIANG. N/c đặc điểm LS và tình trạng
	28	NGUYỄN SƠN TÙNG. N/c một số đặc điểm CLS ở
	29	NGUYỄN ĐÌNH THANH. N/c mô tả hình thái vết
	12530	DƯƠNG THỊ BẢO AN. Tác dụng của các yếu tố tiết
	31	NGUYỄN CẨM YẾN. Đ/g hiểu biết và thái độ của
	32	DƯƠNG XUÂN THẮNG. N/c các nguyên gây chảy
	33	ĐẶNG VĂN THANH. N/c mô tả các hình thái tổn
	34	NGUYỄN VĂN THOẠN. N/s tả các hình thái tổn thg
	12535	NGUYỄN THỊ THUỶ. N/c mô tả hình tổn thg hình
	36	NGUYỄN VĂN TÀI. N/c mô tả các hình thái thg
	37	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG. N/x thái độ xử trí
	38	CAO THỊ THUỶ. N/x điều trị chửa ngoài tử cung
	39	CAO THỊ YẾN. N/x tình hình điều trị viêm phần
	12540	TRẦN THỊ HỒNG. N/x đặc đ² LS, CLS và tiên lượng

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
†					41	2016				BSĐK	Đã.
†											
†											
†										

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12541	ĐỖ THỊ HUYỀN TRANG. Đ/g kỹ thực trị cung tuyến P
	12542	NGUYỄN VĂN TÌNH. N/c đặc điểm LS, CLS.
	43	CAO THỊ MAI LÊ. Tìm hiểu tình hình đái tháo
	44	PHẠM THỊ NGỌC BÍCH. N/c 1 số đặc điểm bệnh
	12545	NGUYỄN THỊ HẰNG. Đặc đ' LS, thể nội soi
	46	LÊ THỊ NGỌC HÀ. N/c tình hình dùng cụ tử
	47	NGUYỄN THỊ KIỀU ANH. Đặc đ' LS và CLS của
	48	NGUYỄN THỊ MAI. Đặc đ' LS, CLS của bệnh
	49	NGUYỄN HIỀN THANH. Mức độ lo âu và ảnh
	12550	PHẠM VŨ ÚT. N/c mô tả các hình thái viêm th
	51	VŨ THỊ THANH. N/c đặc đ' hình thái và xơ gan
	52	Bùi Thị Thu. N/c 180 tồn thương của thủ mật
	53	TRỊNH THỊ HỒNG NHUNG. Thực trạng sức khỏe
	54	Bùi Thị NGA. N/c đặc điểm LS. và 1 số ng nh
	12555	NGÔ THỊ THU TRANG. Tình hình xâm lấn tiếp
	56	NGUYỄN THỊ TRANG. N/c. đặc điểm LS, CLS.
	57	TRẦN THỊ GIANG. Thực trạng sức khỏe tâm thần
	58	NGUYỄN PHƯƠNG MAI. Thực trạng kiến thức
	59	LÊ ĐĂNG TÂN. Mô tả đặc điểm LS & CLS của
	12560	ĐỖ MẠNH LINH. N/c tình trạng nhiễm virus viê
	61	HOÀNG THỊ DIỄN. N/c tình hình nhiễm cytome
	62	TRẦN THỊ THẢO LINH. Điều tra tác dụng bất lợ
	63	ĐỖ THỊ HỒNG CÚC. Đ/g hiệu quả điều trị đau th
	64	NGUYỄN THỊ NGOAN. Thực trạng distress ở bệnh
	12565	NGUYỄN VĂN QUẢNG. N/thức của nhân viên y tế

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
†					H	2016				BBYK	Đã
†											
†											
†										

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12566	NGÔ XUÂN VƯỜNG. Ứng dụng thang điểm Captini
	67	NGUYỄN THÁI MINH THẢO. K/S tiếp cận sử
	68	NGUYỄN VĂN HIẾU. Đặc điểm LS, cận lâm sàng, yếu tố
	69	TRẦN THỊ HUYỀN. N/c thực trạng kiến thức
1/9	70	LÊ VĂN VŨ. N/c đặc điểm LS, siêu âm và giải phẫu bệnh
	71	NGUYỄN THỊ MAI. Thực trạng sâu răng và một số yếu tố
	72	NGUYỄN THỊ THUỶ. N/hưởng của điều dưỡng
	73	NGUYỄN THỊ QUỲNH. Điều dưỡng can thiệp cải thiện
	74	ĐẶNG THỊ THU THẢO. Đánh giá tác dụng giảm đau
	12575	ĐỖ QUÝ LINH. Đặc điểm LS trẻ em hội chứng
	76	NGUYỄN ĐÌNH BẮC. Đánh giá tác dụng của các test
	77	NGÔ THỊ THẢO. Đánh giá tác dụng của test sàng lọc trước
	78	VƯƠNG VĂN CHIẾN. Tình hình sâu răng, một số
	79	NGUYỄN VĂN HIẾU. N/c đặc điểm LS, CLS của bệnh
	12580	BÙI THỊ DUNG. K/S một số kỹ thuật cắt xương hàm
	81	MAI THUỲ LINH. Đánh giá tác dụng của thuốc xịt thông
	82	NGUYỄN THỊ THẢI. K/S một số kỹ thuật điều trị thoát
	83	NGUYỄN THỊ THUỲ LINH. N/c tỷ lệ đặc điểm sử dụng
	84	PHAN THỊ THANH HOÀN. K/S kỹ thuật điều trị
	12585	HOÀNG VIỆT. Đi dự thảo thay thế CIVIQ-20. Đánh giá
	86	NGUYỄN THỊ THU. N/c thay đổi thông phần tế bào
	87	ĐỖ THỊ TIỆN. N/c đặc điểm của PET/CT trên bệnh nhân
	88	TRƯƠNG THỊ MAI VÂN. Đánh giá hiệu quả điều trị rối loạn
	89	NGUYỄN THUỲ LINH. Đánh giá hiệu quả điều trị sỏi lệ
	12590	ĐẬU DUY KHÁNH. K/S kỹ thuật điều trị nội chuỷ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
†					H.	2016				BCYK	Đã
†											
†											
†										

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12591	NGUYỄN THỊ TRÀ MY. Đặc đ-LS và kỹ thuật trị
	92	ĐẶNG THỊ HỒNG TÍNG trang dinh dưỡng và lối
	93	NGUYỄN THỊ KHUYÊN. Nhe một số yếu tố kinh
	94	NGUYỄN THANH HƯNG Tác động của vi phẫu
	12595	ĐÀO THỊ NGUYỆT GIÁ TRỊ XÉT NGHIỆM SÀNG
	96	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG. N/c thực trạng lí tật
	97	NGUYỄN MẠNH LINH. Quản lý bệnh nhân ĐTĐ
	98	NGUYỄN ĐẶNG QUÂN Một số giải pháp tổ chức
	99	LƯU THẢO NGỌC Đ/g hiệu quả giảm thai ở
	12600	NGUYỄN ĐỨC THÀNH. Cắt cầu bệnh tật của bn
	601	ĐỖNG THỊ THỤC HẰNG. Kiến thức, thái độ và
	602	ĐÀO THỊ THỜI Kiến thức, thái độ thực hành về
	603	NGUYỄN THỊ TRANG. Thực trạng sử dụng màu ba
	604	LÊ THỊ HƯỜNG. Kiến thức về nguy cơ và thực
	12605	ĐỖ HỒNG NGỌC Tác động xã hội và hành vi của ng
	606	TRẦN THỊ HỒNG VUI Mô tả thực trạng nhan
	607	ĐẶNG THỊ TRANG. Thực trạng chăm sóc trẻ TĐ
	608	TRẦN MỸ THANH Xác định hiệu quả điều trị ở
	609	ĐỖ ĐÌNH TỐI. Tìm hiểu về chuẩn mực sau đẻ
2/8	12610	NM. DIỄU HỒNG. Đặc đ-LS, x quang hoại tử
	11	NGUYỄN THỊ CÚC NHUNG N/c 1 số yếu tố liên quan đến
	12	NGUYỄN THỊ THANH HOÀ Thực trạng kiến thức về
	43	NGUYỄN THỊ ĐỊNH. N/x giải phẫu thủy mạch cảnh
	44	PHÙNG VĂN NGỮ NX giải phẫu thủy mạch gan
	12615	NGUYỄN ĐỨC THIỆN N/c đặc đ-LS, CLS và nguyên

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				BBYK	Đã.
+											
+											
+										

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12616	LÊ THỊ HÀ. N/c đặc đ^c LS, CLS và kết quả điều
	17	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN. Thực trạng sử dụng và
	18	ĐINH THỊ THU. N/c thuần nâng điều trị sỏi mật
	19	KHƯƠNG THỊ NGA. Đ/g hiệu quả điều trị bệnh
	12620	HOÀNG SƠN TÙNG N/x một số yếu tố liên quan
	21	NGUYỄN TUẤN VIỆT. N/x tổng hợp các kháng
	22	ĐINH XUÂN MẠNH N/c đặc điểm lâm sàng và tác dụng
	23	LÃI MINH HOÀN. N/c về xử trí đẻ ngôi mông
	24	LÝ THỊ THUỶ. Tổng quan các nguyên nhân tiêu
	12625	TRƯƠNG QUANG THUỶ. Đặc đ^c LS, CLS và tổ
	26	NGUYỄN VĂN BÌNH. Thực trạng kháng kháng sinh
	27	NGUYỄN THỊ THUỲ LINH. Thực trạng 1 số yếu
	28	LÊ HẢI HOÀN. Điều trị LĐ và sức khỏe khi
	29	NGÔ GIA MẠNH. N/x quy trình chăm sóc bệnh
	12630	BÙI TRUNG TÍN. Tổng quan về một số dị tật
	31	NGÔ THỊ THU. Tình hình sử dụng thuốc và kết
	32	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Thực trạng bệnh viêm lộ
	33	NGUYỄN THỊ HOA. N/x màu sắc răng của bệnh
	34	HOÀNG DƯƠNG THUỶ. N/c đặc điểm lâm sàng
	12635	LÃI THANH TÙNG N/x quy trình chăm sóc bệnh
	36	NGÔ THỊ THU HÀ. Thực trạng sâu răng nhiễm
	37	ĐINH THỊ NGỌC K/S tình trạng rối loạn mỡ máu
	38	ĐẶNG BÁ TOẢ N/c đặc đ^c xa kinh điển - chức năng
	39	NGUYỄN THỊ LINH LAN. Đ/g kq^t điều trị viêm
	12640	LÊ THỊ HOÀI THU. Đặc đ^c LS, CLS và kết quả

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+											
+											
+					

NĂM 2016

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12641	LƯU PHƯƠNG THANH. Phân tích đặc điểm tâm sự
	42	NGUYỄN THỊ TRÀ MY. Kiến thức thái độ và
	43	ĐẶNG QUANG TÂN. Thực trạng bạo hành trẻ em
	44	ĐẶNG THÁI VÂN. Thực trạng bạo hành trẻ đ
3/5	12645	HOÀNG THỊ LAN HƯƠNG Đ/g hiệu quả thời gian
	46	HUỲNH THÁI. Tình trạng chấn thương sọ não
	47	NGUYỄN NGỌC VĨNH YÊN. N/c đặc điểm LS, CLS.
	48	DƯƠNG THỊ NGÂN. N/x 1 số đặc điểm hen nặ
	49	HOÀNG THỊ VÂN. Hiệu quả thở bằng lồng ben
	12650	PHAN THỊ BÌNH MINH. N/c đặc điểm lâm sàng bệ
	51	ĐỖ KHÁNH TOÀN. N/c đặc điểm LS, CLS của tiêu
	52	ĐỖ THỊ PHƯƠNG ANH. Đặc điểm LS, CLS và kết quả
	53	HOÀNG VĂN TRANG. Đặc điểm LS, CLS và kết quả
	54	PHẠM THỊ THANH THẢO. N/c công hợp của cắt
	12655	HÀ THÀNH KIÊN. Đặc điểm LS, CLS và kết quả xử trí
	56	NGUYỄN XUÂN TUẤN. N/c giải phẫu động mạch
	57	MAI TRUNG ANH. N/c nữ tạo hình âm vật
	58	TRẦN HỒNG NHUNG. Đặc điểm dinh dưỡng và phát
	59	LÒNG THÙY DƯƠNG. Thực trạng tăng huyết áp
	12660	ĐINH THỊ NGUYỆT. Đ/g mất máu và thay đổi
	61	NGUYỄN THỊ HẰNG. Tìm hiểu đặc điểm LS, CLS.
	62	NGUYỄN THỊ HOA. Đ/g sự thay đổi giải phẫu
	63	HOÀNG THỊ LOAN. N/c đặc điểm LS, CLS và kết quả
	64	HÀ THỊ HUYỀN NGỌC. N/c đặc điểm LS, thông tin và
	12665	NGUYỄN QUỐC AN. Tìm hiểu kiến thức và tỷ lệ

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				BSYK	Đã.
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+											
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200..6

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12666	TRẦN ĐỨC QUANG. N/x đặc đ^c lâm sàng vi h/a
	67	NGUYỄN THỊ LOAN. N/x đặc đ^c LS vi h/a xq
	68	NGUYỄN MINH NGUYÊN. Đặc đ^c LS các rối loạn
	69	PHẠM THỊ DIỄM QUỲNH. Hiệu quả can thiệp
	12670	ĐẶNG THỊ NGỌC. Thực trạng 1số kiến thức thái
	71	NGÔ VĂN DŨNG. Hiệu quả can thiệp thuyên thông
	72	NGUYỄN THỊ GIANG. Đg hiệu quả phẫu thuật
	73	HOÀNG MINH ĐỨC. N/c hình thái vi tim trên xạ
	74	NGUYỄN THỊ NHUNG. Đặc trưng sang chấn dưới
	12675	TẠ THỊ HƯƠNG. N/c 1số đặc điểm LS, xq vú
	76	DƯƠNG VĂN HIẾU. Đg hiệu quả sử dụng vá
	77	NGUYỄN THỊ MINH HÀ. Thực trạng kỹ thuật chuyên
	78	ĐÀO THANH LAM. Khảo sát nồng độ kháng cơ bản
	79	PHẠM VĂN NGHỊ. Xác định đột biến gen EGFR
	12680	DƯƠNG THỊ HIỀN. N/cứu giá trị của một số chỉ số
	81	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRÂM. Thái độ của nhân viên y tế
	82	HOÀNG THỊ HÀ. Tình hình nhiễm nấm Candida
	83	NGUYỄN QUANG MINH. Thực trạng thiếu máu, bất thường
	84	NGUYỄN THU HÀ. Chi phí trực tiếp phí y tế của bệnh nhân
	12685	ĐỖ THỊ THU TRANG. Thực trạng học kỹ học đường
	86	LÊ THỊ YẾN. Áp dụng thang SIGMA trong đánh giá
	87	HÀ THỊ GIANG. Đánh giá kết quả điều trị bệnh nhân
	88	NGUYỄN HẠNH DUNG. Nhận thức kiến về điều trị
	89	NGUYỄN TRẦN THANH HẰNG. Đánh giá mức độ trầm trọng
	12690	NGUYỄN THỊ VÂN. Nhận xét tình hình thực hiện quy

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2011	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+										BSYK	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										"	
+										CNKT	Đ.
+										"	"
+										"	"
+										"	"

NĂM 2016

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12691	ĐỖ NGUYỄN PHƯƠNG TRINH. Sự sẵn sàng chi trả cho	+					H	2016				Cá nhân	Đ-
	92	LÊ THỊ PHƯƠNG. Sử dụng mạng xã hội trong sinh viên	+					"	"				"	"
	93	NGUYỄN KIỀU NINH. Nhu cầu đầu vào nhiễm khuẩn	x					"	"				"	"
	94	TRẦN THỊ NGOC ANH. Kiến thức và thực hành về dị	+					"	"				"	"
	12695	HOÀNG THỊ DIỆU HƯƠNG. Kiến thức chăm sóc bản	x					"	"				"	"
	96	LÊ THỊ NGA. Kiến thức thái độ các biện pháp phòng	+					"	"				"	"
	97	NGUYỄN THỊ HUẾ. Thực trạng trẻ cần sử dụng dịch vụ	+					"	"				"	"
	98	KIỀU THỊ HIỀN. Ảnh hưởng của thời gian tiếp xúc	+					"	"				"	"
	99	NGUYỄN THỊ HỒNG LOAN. Đánh giá tình trạng nên	+					"	"				"	"
	12700	NGUYỄN THỊ HẰNG. Đánh giá chất lượng cuộc sống	+					"	"				"	"
	01	NGUYỄN THỊ QUYÊN. Thực trạng nhân lực trạm y tế	+					"	"				"	"
	02	NGUYỄN NGỌC HẢI. Sự hài lòng của ng bệnh nt	+					"	"				"	"
	03	NGUYỄN VĂN TOÀN. Xác định đa hình thái đồn	+					"	"				"	"
	04	ĐÙI VĂN THÊ. N/c nguồn lực và hoạt động khám	+					"	"				"	"
	05	NGUYỄN THỊ VÂN ANH. Tình hình nhiễm K/S	+					"	"				"	"
	12706	LÊ THỊ HỒNG DIỆP. Kiến thức, thái độ và nhu	+					"	"				"	"
	07	TRẦN THỊ NGOAN. K/S các biến chứng mỏ khí	+					"	"				"	"
	08	TRỊNH THỊ HƯỞNG. Xác định đặt biến gen TPS	+					"	"				"	"
	09	TẠ THỊ NGỌC BÍCH. Sự có mỗi tử cung, tác dụng	+					"	"				"	"
	10	HOÀNG THỊ THANH. N/c 1 số y tố nguy cơ ở bn	+					"	"				"	"
	12711	PHẠM ~~NGỌC~~ THÚY NGỌC. Tình hình nhiễm ch lam	+					"	"				"	"
	12	DƯƠNG THỊ CHINH. Đ/g thái độ và kiến thức về	+					"	"				"	"
	13	LÊ THỊ TRANG. Thực trạng kiến thức và thực hành	+					"	"				"	"
	14	TRỊNH THỊ LAN. Thực trạng và kiến thức thực	+					"	"				"	"
	12715	NGUYỄN HÀ LINH. K/S kiến thức về phòng	+					"	"				"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12716	NGÔ NGỌC HOA. Rối loạn giấc ngủ và 1 số yếu tố
	17	NGUYỄN THỊ HIỀU. Tổng quan các phương pháp
	18	LÊ THỊ THU TRANG. N/c đặc điểm hình cấu ở 1 số
	19	NGUYỄN HỮU HƯNG. N/c quy trình sản xuất
	12720	NGUYỄN THỊ ANH. Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá
	21	VŨ THỊ HẠNH. Kỹ thuật chăm sóc sau mổ tổng hợp
	22	NGUYỄN THỊ THU THỦY. Thực trạng và biến chứng nước
	23	PHẠM THỊ HIỀN. K/S tỷ lệ và các yếu tố liên quan
	24	MAI THỊ THANH THỦY. N/x sự hài lòng của
	12725	PHẠM THỊ NGỌC. NX. Kết quả chăm sóc vệ sinh
	26	HỒ THỊ THU. N/c 1 số chỉ số hình cấu ở bệnh
	27	LÊ VĂN HƯNG. N/c 1 số đặc điểm sinh học của
	28	TRẦN THỊ THU TRANG. N/c thực trạng kiến thức
	29	LÊ THANH HÀ. Điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm
	12730	ĐINH THỊ NINH. N/c tỷ lệ tổn thương do tai nạn lao
	31	NGUYỄN THỊ KIM DUNG. N/c tình trạng thiếu máu
	32	VŨ THỊ MỸ HẠNH. Kiến thức, thái độ - thực hành
	33	BÙI THỊ HƯỜNG. Đặc điểm trong chẩn đoán và kết
	34	NGUYỄN THỊ LỢI. Đặc kết chăm sóc vết mổ
	12735	BÙI THỊ LUNG. Đặc kết chăm sóc nhiễm trùng
	36	NGUYỄN THỊ HOÀI PHƯƠNG. N/c nồng độ IL6, CRP
	37	MAI THỊ HẠNH. Sử dụng dung dịch sát khuẩn
	38	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG. Mức tái kiến thức
	39	NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ. Thực trạng stress và các yếu
	12740	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN. K/S chất lượng cps của

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2016	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				CUYIC	Đà
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"
+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12741	VƯƠNG THỊ TÚ UYÊN. N/x quy trình chị bn	+					H	2016				CNYK	Đĩa
	42	ĐÀO ~~QUANG~~ DUY. Thực trạng sử dụng internet.	+					"	"				"	"
	43	NGUYỄN THỊ HOÀI ANH. Chi phí điều trị 1 số bệnh	+					"	"				"	"
	44	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Mô tả kiến thức về bệnh	+					"	"				"	"
	12745	ĐỖ THỊ ~~H~~HỒNG HẠNH. Tìm hiểu 1 số y tố nguy cơ	+					"	"				"	"
	46	TRẦN THỊ THẮM. Tình trạng dinh dưỡng của	+					"	"				Thạc sĩ	"
	47	PHAN THỊ HƯƠNG. Một số đặc điểm dịch tễ	+					"	"				"	"
	48	VŨ THỊ NHUNG. Tình trạng dinh dưỡng là nuôi.	+					"	"				"	"
	49	CHU THỊ LUYẾN. Kiến thức, thực hành của nhân	+					"	"				"	"
(*)	12750	PHÙNG THỊ HUYỀN. Thực trạng cân bằng giữa	+					"	"				"	"
	51	VŨ THỊ HẰNG. N/c sức khỏe tâm thần học sinh	+					"	"				"	"
	52	NGÔ THỊ NAM PHƯƠNG. Thực trạng kĩ thu ở nam	+					"	"				"	"
	53	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC. Đặc đ² LS, CLS và 1 số	+					"	"				BSYK	"
	54	LÊ TUẤN NHẬT HOÀNG. N/c ñ y tố liên quan đến	+					"	"				"	"
	12755	VŨ THÙY DƯƠNG. Đ/g hình thái thể lực của	+					"	"				"	"
	56	NGUYỄN TRUNG VIỆT. N/c đặc điểm chung về L	+					"	"				"	"
	57	PHẠM THỊ YẾN. Thực trạng tổ chức, hoạt động	+					"	"				Thạc sĩ	"
	58	NGUYỄN TRẦN TRUNG. Đ/g kq của liệu pháp	+					"	"				"	0
	59	ĐINH NGỌC TUẤN. N/c áp dụng pl của chung và parle	+					"	"				"	0
	12760	NGUYỄN THỊ HẠNH. Đ/g chất lượng cs của bệnh nhân	+					"	"				"	Đĩa
	61	TRẦN THỊ NGỌC ANH. Kiến thức và thực hành về	+					"	"				"	Đĩa
	62	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG. Hiệu quả cải thiện dinh dỡ	+					"	"				"	"
	63	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH. Thực trạng nguồn nhân lực	+					"	"				"	"
	64	TRẦN ĐỨC LINH. Đ/g kết quả điều trị hoá chất	+					"	"				"	0
	12765	NGUYỄN VĂN TÚ. N/c đặc đ² chức năng thông khí	+					"	"					0

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12766	PHẠM MINH TUẤN. Đ/g kỹ phẫu thuật cắt	+				H	2015				Thạch	Đã chia
	67	VŨ VĂN VỊ. Đ/g kỹ xử trí các bệnh chuyên	+				"	2016					6
	68	CHU MẠNH Đặc điểm LS, x quang và kết quả	+				"	"					0
	69	ĐƯỜNG VĂN TÍNH. Tình trạng dinh dưỡng thiếu	+										Đã
	12770	LÊ THỊ TRANG. Mức kiến thức, thái độ, thực hành	+										"
	71	ĐÀO THỊ THU HOÀI. Tình trạng dinh dưỡng và thực	+										
	72	LÊ THỊ PHƯỢNG. Đặc điểm dịch tễ học triệu chứng	+										
	73	HOÀNG THỊ HOA. Thực trạng kiến thức, thái	+										
	74	VŨ XUÂN THỊNH. Thực trạng sức khoẻ tâm thần	+										
	12775	ĐỖ XUÂN HƯNG. Thực trạng sức khoẻ tâm thần	+										
	76	TRỊNH PHƯƠNG THẢO. Tình trạng lo âu và stress	+										
	77	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Thực trạng kiến thức và	+										
	78	NGUYỄN NGỌC HOA. Thực trạng hiểu biết kênh ăn	+										
	79	HOÀNG THỊ HOA. Đặc điểm LS, CLS, hình x quang	+										
	12780	ĐỖ THỊ LƯỢNG. Tình trạng dinh dưỡng và kiến thức	+										
	81	TRẦN THỊ PHƯƠNG LAN. Thực trạng tuân thủ điều	+										
	82	NGUYỄN THỊ DUYÊN. Tình trạng dinh dưỡng, thói quen	+										
	83	ĐỖ THỊ THANH VÂN. Khảo sát phân loại tế bào	+										
	84	VŨ THỊ THANH. Thực trạng kiến thức, thái độ	+										
	12785	NGUYỄN THUỲ DƯƠNG. Thực trạng an toàn thực	+										
	86	ĐÀM THỊ THẢO. Tình trạng dinh dưỡng và kiến thức	+										
	87	LÊ THÚY HẠNH. Sự khác biệt của một số kênh ăn	+										
	88	KHANG THỊ DIỄN. Thực trạng và yếu tố liên quan	+				"	"					
	89	ĐẬU VIỆT HƯNG. Xác định ngưỡng giới của độ	+				"	"				Thạc sĩ	"
	12790	TRẦN THỊ THÁI VÂN. Mức tính an toàn và thể	+				"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12791	LÊ ĐỨC MINH. N/c LS, mô lệnh học và tính	+										~~0~~	
	92	NGUYỄN VĂN CHỦ. N/c áp dụng PL phân tử	+										"	
	93	ĐỖ QUỐC HƯƠNG. N/c đối tính và hiệu quả	+										"	
	94	LÊ QUANG TOÀN. N/c một lạ giữa nồng độ	+										"	
	12795	NGUYỄN THỊ KIM CÚC. Evaluation de Résultats	+					H	2013		BSYIC		0	Pháp ngữ
	96	NGUYỄN MINH NGỌC. Etude de la situation de	+					"	"		"		"	"
	97	ĐINH THỊ NGỌC MAI. Evaluation des connaissances	+					"	2012		"	"	"	"
	98	PHẠM THỊ THUỶ. L'obésité et son Association	+					"	2011		"		"	"
	99	NGÔ THU TRANG. Etude des caractéristiques	+					"	2012		"		"	"
	12800	NGUYỄN MANH THE. Caractéristiques de la	+					"	2015		"		"	"
	01	PHAN THANH THUY. Etude des connaissance	+					"	2012		"		"	"
	02	ĐỖ THỊ HỒNG VÂN. Carcinome Hépato-cellulaire	+					"	2011		"		"	"
	03	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO. Evaluation de la	+					"	2011		"		"	"
	04	PHẠM GIA DU. Etude des résultats précoces	+					"	2013		"		"	"
	05	NGUYỄN THỊ NGA. Signes cliniques paracliniques	+					"	"		"		"	"
	06	NGUYEN NHI HA. Cliniques paracliniques	+					"	2015		"		"	"
	07	NGUYỄN THU HƯƠNG. Recherche sur les présents	+					"	2012		"		"	"
	08	NGUYEN ĐANG HOAN. Enquete sur la situation	+					"	2013		"		"	"
	09	NGUYEN VIET ĐUC. Caractéristiques de Diagnosis	+					"	2015		"		"	"
	10	TRẦN QUANG VINH. Evaluation de la fonction	+					"	2011		"		"	"
	11	NGUYỄN TRẦN BÁCH. Etude de la situation du	+					"	2015		"		"	"
	12	NGUYỄN THANH LONG. Symptômes et causes de la	+					"	2015		"		"	"
	13	VŨ HỒNG THÁI. Etude des indications et résultats	+					"	"		"		"	"
	14	ĐỖ PHƯƠNG LINH. Evaluation de la motilité intes	+					"	2014		"		"	"
	12815	NGUYỄN ĐỨC ANH. Etude de changement des	+					"	2011		"		"	"

NĂM 200.16

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12816	NGUYEN DUY BO. Relation entre les symptômes.	+					H	2013				O-A	Pháp ngữ
	17	NGUYEN VINH NGOC Intégration de l'enseign.	+					"	"				"	"
	18	NGUYEN DO NGOC LINH. Aspects cliniques.	+					"	2011				"	"
	19	TRAN HA LINH Etude du caractères cliniques.	+					"	2014				"	"
	12820	TRAN THANH HUYEN Signes cliniques para..	+					"	2013				"	"
	21	LÊ THUY LINH Evaluation du résultat précoce	+					"	2014				"	"
	22	DƯƠNG NGOC THANG. Etude des Résultats.	+					"	2014				"	"
	23	NGUYEN THI BICH PHƯƠNG Etude du pro BNP..	+					"	2012				"	"
	24	PHAN THUY CHI Approches initiales des Rôles	+					"	2011				"	"
	25	LE NGOC MAY L'intoxication au plomb chez	+					"	2012				"	"
	26	HOÀNG ANH ĐỨC. Etude cliniques et prachni	+					"	2012				"	"
	27	NGUYỄN TRẦN BÁCH. Etude de la situation du	+					"	2015				"	"
	28	NGUYEN NGOC BICH Etude des caractéristiques.	+					"	2011				"	"
	29	VU XUAN THANH. Caractéristiques cliniques.	+					"	2014				"	"
	12830	BÙI QUANG LỘC Resultats des paramètres..	+					"	2013				"	"
	31	HOÀNG THI PHƯƠNG NHUNG. Etudes des Caractér	+					"	2012				"	"
	32	NGUYEN THANH NGOC BINH. Quelques Remarques.	+					"	2013				"	"
	33	MAC THI THOM. Etude des signes cliniques et..	+					"	2013				"	"
	34	NGUYỄN THỊ HUYỀN. Sanc epidemiological and clinical	+					"	2016				A	
	12835	TRẦN HUỲNH LINH GIANG Assessment of Histopatho	+					"	"				"	
	36	DOÃN PHƯƠNG DUNG. Knowledge attitude and pract.	+					"	2016				Đĩa	RSSK
	37	NGUYỄN THẾ HIỆN. Thực trạng tâm bảo chất lg	+					"	"				Tốc sĩ	Đĩa
	38	TRẦN THANH THỦY. Thực trạng tk an toàn, TP rã KT.	+					"	"				"	"
5/9/16	39	NGUYỄN TOÀN THẮNG. Đ/g hiệu quả giảm tan sau	+					"	"				"	"
	12840	ĐÀM THỊ TÚ ANH. N/c tạo không thể tạo hiệu	+					"	"				"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12841	TẠ THỊ THUỶ. Đ/g tác dụng điều trị hội chứng lỗ	+					H.	2016				Thạc sĩ	Đà
	42	NGUYỄN KHẮC KIỀU. N/c nạo vét hạch theo bản	×					"	"				"	"
	43	VŨ QUANG NGỌC. Thực trạng thu chi tài chính vy	+					"	"				Thạc sĩ	"
	44	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TIẾP. Kiến thức thái độ	+					"	"				"	"
	12845	NGUYỄN HỮU DỤ. N/thức của điều dg, kỹ thuật	+					"	"				"	"
	46	TRẦN THỊ THÙY DUNG. Năng lực ei bảo của BSĐK	+					"	"				"	"
	47	NGUYỄN HOA PHÁP. Mức độ hài lòng của ng bệnh	+					"	"				"	"
	48	NGÔ VĂN SƠN. KT, thực hành của điều dg về PL nhiễm	+					"	"				"	"
	49	NGUYỄN HỮU HOAN. Thực trạng dinh dưỡng và	+					"	"				"	"
	12850	NGUYỄN DUY HIẾU. Tình trạng dinh dưỡng và chế độ	+					"	"				"	"
	51	VƯƠNG THỊ HỒ NGỌC. Hiệu quả sử dụng sản phẩm	+					"	"				"	"
	52	VŨ THÙY TRANG. Évalution du résultat precoce	+					"	"				BSĐK	"
	53	NGUYỄN XUÂN BÌNH. Carectéristques cliniques et	+					"	"				"	"
	54	ĐẶNG TUẤN DŨNG. Évaluation des résultats	+					"	"				"	"
	12855	KHÚC THU TRANG. Évaluer et analyser certains	+					"	"				"	"
	56	PHÙNG THỊ THƠM. Les signes cliniques, paracliniques	+					"	"				"	"
	57	LA DIỆU HƯƠNG. Profil clinique et paraclinique.	+					"	"				"	"
	58	ĐÀO XUÂN DŨNG. Aspect clinique paracilinque	+					"	"				"	0
	59	LÊ THỊ THƯƠNG. Aspects cliniques et paracliniq	+					"	"				"	"
	12860	NGUYỄN PHƯƠNG QUỲNH ANH. Conduites à tenir	+					"	"				"	"
	61	NGUYỄN THU HƯƠNG. Một số đặc đ dịch tễ học	+					"	"				Thạc sĩ	Rà
	62	NGUYỄN THỊ LIÊN. Thực trạng chăm sóc y tế	+					"	"				Tiến sĩ	"
	63	PHẠM VĂN BẮC. Tình trạng dinh dưỡng khẩu phần	+					"	"				Thạc sĩ	"
	64	ĐOÀN LÊ TRANG. N/c ứng dụng PL qté 2005 6	+					"	"				"	"
	12865	NGUYỄN THU HIỀN. Ả hưởng của acid deoxy.	+					"	"				"	"

NĂM 2006

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12866	NGUYỄN ĐỨC GIANG. Thực trạng nhiễm, Kiến	+					H	2016				Thạc sĩ	Đã
	67	KHAMLA PHAO ĐAVHNH. Thực trạng qlý	+					"	"				"	"
27/10/16	68	NGÔ THỊ THU HUYỀN. Thực trạng hội chứng chuyển hóa	+					"	"				"	"
	69	PHẠM QUANG HUY. Chi tiêu cho thuốc là c đối tg	+					"	"				"	"
	12870	PHAN TÂM ANH. Chất lg cuộc sống của bệnh nhân	+					"	"				"	"
	71	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI. Đ/g hiệu quả phẫu thuật	+					"	"				"	"
	72	VŨ HUY QUANG. N/c đặc điểm lâm sàng của tăng	+					"	"				"	"
	73	NGUYỄN SƠN HÀ. Đ/g kq phẫu thuật nội soi đtn	+					"	2015				CKI	"
	74	ĐÀO XUÂN HẢI. Đ/g hiệu quả của can thiệp nội	+					"	2016				NT	"
	12875	NGUYỄN NGỌC ĐỨC. Đặc điểm h/a và kq nuf	+					"	"				"	"
	76	LƯU PHƯƠNG LAN. Đặc điểm LS, CLS, rù chức năng	+					"	"				Trắc sĩ	"
	77	ĐỖ THANH HƯƠNG. Phân tích mối tương quan giữa	+					"	"				"	"
	78	NGỌ VĂN THANH. Thực trạng nhiễm sán là truyền	+					"	"				"	"
	79	HOÀNG THỊ HẢI VÂN. Thực trạng vòng dụng thống kê	+											
	12880	LÊ LỆNH LƯƠNG. N/c đặc điểm h/a và gtn	+											
	81	NGUYỄN HỮU QUÂN. N/c hiệu quả huyết động	+											
	82	PHẠM THỊ VIỆT HƯƠNG. N/c kq đtn u lymphoác tử	+											
21/2/17	83	HOÀNG THỊ VI HƯƠNG. Vai trò cộng hưởng từ trong chẩn	+					H	2016				Thạc sĩ	Đã
	84	PHẠM THỊ QUÂN. Mức độ thấm nhiễm và sức lệnh	+					"	"				Nội trú	
	12885	VÕ VĂN MINH. Đánh giá kết quả phẫu thuật cắt u nội	+					"	"				"	
	86	ĐẶNG BÍCH NGỌC. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, siêu	+					"	"				"	
	87	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG. Nghiên cứu một số nguyên nhân	+					"	"				"	
	88	NGUYỄN TIẾN DŨNG. Nghiên cứu áp dụng siêu âm	+					"	"				"	
	89	NGUYỄN LAN PHƯƠNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	12890	NGUYỄN VĂN HIẾU. Đánh giá hiệu quả bít thông	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12891	NGUYỄN ĐÌNH VIỆT. Tìm hiểu đặc điểm tổn thương
	92	ĐẶNG TÀI VÓC. Nhận xét vai trò của pet/ct
	93	ĐÀO THỊ THIẾT. Nghiên cứu một số đặc điểm ứ sắt
	94	NGUYỄN THỊ HIỀN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	95	NGUYỄN THỊ THU THỦ. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	12896	NGUYỄN XUÂN NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	97	TRẦN DUY THANH. Nghiên cứu đặc điểm lâm
	98	TRẦN TRUNG TOÀN. Nghiên cứu đặc điểm giải phẫu
	99	NGÔ THỊ VÂN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	12900	TRẦN THỊ HUYỀN NGA. Đánh giá đặt lồng rốn sống
	12901	NGUYỄN THỊ HOA. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	02	THIỀU SĨ SẮC. Đánh giá kết quả điều trị sỏi niệu
	03	NGUYỄN MẠNH NINH. Đánh giá kết quả phẫu thuật
	04	NGUYỄN THỊ VÂN ANH. Nghiên cứu ứng dụng [illegible]
	05	TRẦN ĐẠT. Đặc điểm lâm sàng, chuẩn đoán [illegible]
	12906	NGUYỄN SỸ ĐỨC. Nhận xét áp dụng các quy tắc
	07	NGUYỄN THỊ ÁI VÂN. Nghiên cứu đặc điểm loạn thần
	08	HOÀNG HUY HÙNG. Đánh giá di căn hạch của ung thư
	09	CAO MINH PHÚC. Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi
	12910	NGUYỄN THỊ THU TRANG. Nghiên cứu áp dụng thực tế
	11	BÁ ĐÌNH THĂNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	12	ĐOÀN MINH KHUY. Đặc điểm mô bệnh học và dị bệ
	13	NGUYỄN THỊ VÂN. Đánh giá hiệu quả phẫu thuật
	14	ĐỖ KHÁNH LINH. Đánh giá đặc điểm lâm sàng và cận
	12915	NGUYỄN VĂN HÀ. Đánh giá kết quả điều trị ung thư

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CH
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Nội trú	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12916	HOÀNG THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá mức độ hoạt động	+					H	2016				Nội trú	
	17	NGUYỄN QUẾ PHƯƠNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	
	18	BÙI THỊ THÚY. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng	+					"	"				"	
	19	PHẠM THỊ LOAN. Hiệu quả điều trị kết hợp cắn quay	+					"	"				"	
	12920	TÔ VĂN QUỲNH. Kết quả điều trị phẫu thuật u dưới	+					"	"				"	
	21	PHẠM PHƯƠNG THẢO. Nghiên cứu đục răng thân	+					"	"				"	
	22	NGUYỄN HOÀI LINH. Đánh giá tác dụng điều trị	+					"	"				"	
	23	TRẦN THỊ ANH THƯƠNG. Khảo sát nồng độ vitamin D	+					"	"				"	
	24	NGUYỄN THỊ LÊ. Nghiên cứu rối loạn nhịp tim	+					"	"				"	
	12925	BÙI NGUYÊN TÙNG. Nghiên cứu ứng dụng phẫu	+					"	"				"	
	26	NGUYỄN THỊ LỆ THUỶ. Tìm hiểu rối loạn nhịp tim	+					"	"				"	
	27	NGUYỄN MINH NGỌC. Đánh giá sự thay đổi răng	+					"	"				"	
	28	NGUYỄN THANH MINH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	29	KIM THỊ TIẾN. Đánh giá chức năng tuyến cận giáp	+					"	"				"	
	12930	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG. Nghiên cứu vai trò của răng	+					"	"				"	
	31	NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC. Giá trị phát hiện hạ glucose máu	+					"	"				"	
	32	NGUYỄN HỮU ĐỨC ANH. Phân tích đặc điểm tuỷ dịch	+					"	"				"	
	33	PHẠM TRUNG HIẾU. Kết quả điều trị phẫu thuật nhiễm	+					"	"				"	
	34	VŨ TÚ NAM. Kết quả điều trị phẫu thuật hai ngón tay	+					"	"				"	
	12935	NGUYỄN QUỲNH GIANG. Nghiên cứu hiệu quả tiêm thẩm	+					"	"				"	
	36	TRƯƠNG THỊ THANH. Đánh giá hiệu quả bước đầu	+					"	"				"	
	37	TRẦN THU GIANG. Khảo sát chỉ số Z score của mật	+					"	"				"	
	38	VŨ ĐỨC THỊNH: Đánh giá kết quả phẫu thuật nội soi điều	+					"	"				"	
	39	NGUYỄN NGỌC HẢI. Đánh giá hiệu quả điều trị viêm	+					"	"				"	
	12940	PHẠM THU TRANG. Nghiên cứu chửa tại vòi tử cung	+					"	"				"	

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12941	NGUYỄN TUẤN ANH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	42	PHÙNG ĐỨC TÂM. Khảo sát chỉ số Z-score của mật độ
	43	LÊ VĂN KHÁNH. Nghiên cứu kết quả ban đầu sử
	44	TRẦN THỊ HẢI. Đánh giá chức năng thận tồn dư và
	12945	NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG. Đánh giá hiệu quả của
	46	NGUYỄN TIẾN THÀNH. Nhận xét tình trạng thiếu
	47	LÊ THÚY HẰNG. Đánh giá mức độ hoạt động của viêm
	48	LƯỜNG ĐẠI DƯƠNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật điều
	49	MAI HỒNG LIÊN. Đánh giá kết quả ban đầu điều
	12950	DIỆM THỊ YẾN. Xác định nguyên nhân và đề xuất
	51	MAN THỊ THU HƯỜNG. Khảo sát sự thay đổi một
	52	LƯỜNG THỊ NGỌC YẾN. Đánh giá tác dụng hỗ trợ
	53	PHẠM CHÍ HOÀNG. Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh
	54	PHẠM TRÍ HIẾU. Nghiên cứu kết quả giảm thiểu
	12955	TRẦN TUYẾT TRINH. Đánh giá kết quả ghép thận
	56	PHAN HÀ QUÂN. Đặc điểm lâm sàng, hình ảnh học
	57	NGUYỄN TẤT THIỆN. Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh
	58	NGUYỄN THỊ HOA MAI. Đánh giá hiệu quả xạ phẫu
	59	PHẠM GIA DỰ. Đặc điểm lâm sàng chuẩn đoán xác
	12960	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. Đánh giá tác dụng điều trị thoát
	61	ĐẶNG XUÂN HẢI. Đánh giá kiểu quả của can thiệp nội mạch
	62	ĐỖ NGỌC ANH. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	63	NGUYỄN THỊ THU LAN Khảo sát nồng độ vitamin D
	64	NGUYỄN NGỌC ĐỨC. Đặc điểm hình ảnh và kiểu quả
	12965	LÊ THỊ THÚY HẰNG. Nghiên cứu chuẩn đoán và xử lý

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Nội trú	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	12966	NGÔ VĂN TY. Đánh giá kết quả phẫu thuật lồi tổ a
2S12	67	NGUYỄN ĐẠO UYÊN. Đánh giá kết quả điều trị u thị
	68	DƯƠNG THỊ GIANG. Bước đầu đánh giá chức năng thất
	69	NGUYỄN VĂN LƯỢNG Đánh giá kết quả phẫu thuật
	70	NGUYỄN HỮU MẠNH Nhận xét kết quả điều trị
	12971	GIÁNG TIẾN NGỌC. Nghiên cứu chuẩn đoán và đánh giá
	72	NGUYỄN VĂN NAM. Đánh giá sự thay đổi [illegible] huyết
	73	LÊ ANH TUẤN. Nhận xét đặc điểm lâm sàng, cận lâm
	74	HOÀNG MINH TỈ. Đánh giá kết quả điều trị vọng thất
	75	TRẦN TRỌNG KHANG. Nghiên cứu kết quả bước đầu
	12976	NGUYỄN QUANG TUYẾN. Nghiên cứu đặc điểm và xử lý
	77	BÙI THỊ HỒNG NHẪN. Khảo sát sát giác đặc biệt
	78	NGUYỄN ĐỨC NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật tiêm
	79	CHIV SUNHA. Mô tả triệu chứng lâm sàng của viêm
	80	NGUYỄN THỊ ĐIỆP. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	12981	VŨ XUÂN TUYẾN. Nghiên cứu các yếu tố thuận lợi
	82	TRẦN ANH VĂN Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, nhi
	83	NGUYỄN TUẤN THĂNG Nhận xét đặc điểm chuẩn
	84	NGUYỄN THỊ HOÀNG TUYẾT Nghiên cứu đặc điểm lâm
	85	NGUYỄN HOÀI THU Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng,
	12986	ĐẶC THANH HẢ. Đánh giá nghiên cứu tác dụng hiệu
	87	NGUYỄN HUY PHONG. Đánh giá tác dụng tỉ tử điều
	88	Phonsay SYLAKHAM. Đánh giá kết quả điều trị phòng
	89	NGUYỄN MẠNH LINH. Nghiên cứu kết quả sớm ghép
	90	VŨ HỒNG NHUNG. Nghiên cứu đặc điểm và đánh giá

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Nội trú	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					H	2016				Thạc sĩ	
+					"					"	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	12991	NGUYỄN QUỐC NHẬT. Đặc điểm tế bào - tổ xúc học	+					H	2016				Thạc sĩ	
	92	BÙI THU HƯỜNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	93	VŨ THỊ KIM TƯỜNG. Tình hình sử dụng thức ăc ở người	+					"	"				"	
	94	VŨ THỊ HỒNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và mô	+					"	"				"	
	95	ĐẶNG THỊ VÂN HỒNG. Nghiên cứu chuẩn đoán tuổi sinh	+										"	
	12996	TRẦN THẾ LINH. Nghiên cứu tác dụng cải thiện trí nhớ	+					"	"				"	
	97	NGUYỄN THỊ ANH TUYẾT. Đánh giá tác dụng của	+					"	"				"	
	98	LÊ THỊ NHƯ HOA. Nghiên cứu thời trang và kết	+					"	"				"	
	99	LÊ VĂN CỜ. Nghiên cứu hình ảnh theo niêm mạc dạ dày	+					"	"				"	
	13000	PHẠM THỊ THANH NGA. Đánh giá hiệu quả điều trị tắc	+					"	"				"	
	C1	VŨ ĐÌNH GIAI. NHẬN xét kết quả điều trị ung thư nội	+					"	"				"	
	C2	BÙI TIẾN DŨNG. Đánh giá kết quả nội soi và xét	+					"	"				"	
	C3	VÕ THỊ LINH. Khảo sát tính đa hình tại SNPrs2241529	+					"	"				"	
	C4	NGÔ VĨNH HOÀI. Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh cắt	+					"	"				"	
	13005	NGUYỄN THỊ THÚY. Đánh giá tác dụng của liệu pháp	+					"	"				"	
	C6	HOÀNG MINH LỢI. Đánh giá kết quả sớm của can	+					"	"				"	
	C7	ĐINH DANH SÁNG. Đánh giá tác dụng cải thiện giấ	+					"	"				"	
	C8	LÊ XUÂN THIỆP. Nhận xét triệu chứng nghiên cứu sau	+					"	"				"	
	C9	PHẠM VIỆT HÀ. Nhận xét giá trị chẩn đoán của chụp	+					"	"				"	
	13010	PHẠM DUY ĐỨC. Nghiên cứu giải pháp vùng dưng	+					"	"				"	
	11	ĐỖ VIỆT PHƯỜNG. Mô tả đặc điểm hình ảnh cắt lớp	+					"	"				"	
	12	NGÔ THỊ LAN. Khảo sát đặc điểm OCT dịch thị giác	+					"	"				"	
	13	NGÔ THỊ HÒA. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, xét	+					"	"				"	
	14	PHẠM THỊ HẰNG. Nghiên cứu đặc điểm nhiễm trùng ở	+					"	"				"	
	13015	TRẦN NHẬT TRƯỜNG. Đánh giá hiệu quả phục hồi	+						"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13016	HOÀNG QUỲNH HƯƠNG. Nghiên cứu tình hình nhiễm virut	+					H	2016				Thạc sĩ	
	17	NGUYỄN THỊ HỒNG LƯƠNG. Nghiên cứu đặc điểm	+					"	"				"	
	18	ĐỖ ĐỨC LINH. Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh u não	+					"	"				"	
	19	BÙI NGỌC NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật tái	+					"	"				"	
	13020	NGUYỄN THỊ LƯU. Thực trạng kiểm soát glucose	+					"	"				"	
	21	PHẠM THỊ THÙY LINH. Đánh giá thay đổi mật độ	+					"	"				"	
	22	TRẦN NGỌC HƯNG. Đánh giá kết quả laser khoan	+					"	"				"	
	23	PHẠM ĐĂNG THUẦN. Đánh giá hiệu quả phác đồ	+					"	"				"	
	24	NGUYỄN ĐÌNH THUYÊN. Đánh giá một số gen tố	+										"	
	13025	BÙI THỊ THANH THỦY. Khảo sát một số chỉ số	+					"	"				"	
	26	TRIỀU KIM THỦY. Nhận xét nồng độ acid uric máu	+					"	"				"	
	27	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG. Nghiên cứu mức	+					"	"				"	
	28	HÀ NGỌC HUỆ. Nghiên cứu kết quả dự phòng tái	+					"	"				"	
	29	NGUYỄN CÔNG TÍN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	
	13030	LÊ NGỌC THỤY. Đánh giá kết quả điều trị ung thư	+					"	"				"	
	31	NGUYỄN HÀ THƯỜNG. Nghiên cứu ứng dụng nội soi	+					"	"				"	
	32	LÊ VĂN NÔNG. Nghiên cứu đặc điểm rối loạn chức năng	+										"	
	33	KHỔNG THỊ THANH TÂM. Đối chiếu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	34	TRẦN VĂN SƠN. Đánh giá kết quả điều trị áp xe gan	+					"	"				"	
	13035	TRẦN ANH SÁNG. Nghiên cứu nồng độ vitamin D huyết	+					"	"				"	
	36	NGUYỄN THỊ HỢI. Đánh giá đặc điểm lâm sàng, hình	+					"	"				"	
	37	NGUYỄN NGỌC HOÀNG. Nhận xét kết quả xạ trị đơn	+					"	"				"	
	38	NGÔ ĐỨC HẠNH. Đánh giá tác dụng của điện trường	+					"	"				"	
1/13	39	NGUYỄN VĂN ĐẠO. Nghiên cứu về chẩn đoán và xử lý	+					"	"				"	
	13040	NGUYỄN ĐẮC THANH. So sánh hiệu quả vô cảm, giảm	+					"	"				"	

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13041	LÊ ANH TÚ. Đánh giá kết quả điều trị bệnh
	42	LÝ CÔNG PHƯƠNG. Đánh giá kết quả của phác đồ
	43	NGUYỄN TRỌNG TRÌNH. Nghiên cứu đặc điểm rối loạ
	44	NGUYỄN THỊ THU HẰNG. Đánh giá tỉ số cai tự do
	45	TRẦN THỊ NGÀI. Đánh giá kết quả rối sử dụng bệnh
	13046	NGUYỄN HOÀNG LONG. Nhận xét một số đặc điểm
	47	VŨ HẢI LINH. Nhận xét một số đặc điểm lâm sàng
	48	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO. Đánh giá kết quả điều
	49	NHỮ THỊ HOÀ. Nhận xét đặc điểm và xử trí x3
	50	HOÀNG NGỌC HƯNG. Nhận xét kết quả phẫu thuật khối
	13051	ĐỖNG THỊ LA. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	52	ĐẶNG PHÚ KHIÊM. Đánh giá hiệu quả của phương
	53	NGUYỄN THỊ THUỶ. Nghiên cứu rối loạn [illegible]
	54	VŨ VĂN NGA. Xác định tỉ lệ tắc và các yếu tố
	55	PHAN THỊ MINH HUYỀN. Phát hiện sớm các
	13056	HÀ THỊ THU HIỀN. Đánh giá kết quả ngoại khoa vết
	57	NGUYỄN THỊ NHUNG. Khảo sát tình trạng sâu đo
	58	NGUYỄN THỊ THANH [illegible]. Đánh giá hiệu quả phẫu
	59	HÀ THỊ MINH TRANG. Đánh giá kết quả điều trị
	60	BÙI THUỲ HẰNG. Nghiên cứu ứng dụng phác đồ
	13061	TẠ THỊ HOA. Khảo sát chất lượng cuộc sống của
	62	TRẦN TRUNG. So sánh hiệu quả thủ thuật trong
	63	HOÀN LÊ TRANG. Nghiên cứu ứng dụng phác đồ
	64	NGUYỄN THỊ DUNG. Đánh giá kết quả điều trị của
	65	HOÀNG VĂN UYÊN. Nghiên cứu một số nguyên nhân

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H.	2016				Thạc sĩ	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13066	TRẦN THỊ HẢI YẾN. Nghiên cứu chuẩn đoán trước	+					H	2016				Thạc sĩ	
	67	VŨ DUY DŨNG. Nghiên cứu khả năng ứng dụng trấu	+					"	"				"	
	68	KIỀU VĂN DƯƠNG. Các yếu tố liên quan đến kết quả	+					"	"				"	
	69	LƯỠNG HỮU DƯƠNG. Chá trị tiêu lượng của thang điểm	+					"	"				"	
	70	TRẦN THỊ THUỶ. Nghiên cứu phẫu thuật khoét bỏ	+					"	"				"	
	13071	VŨ THANH THUỶ. Khảo sát mô liên quan giữa độ	+					"	"				"	
	72	CAO THỊ VÂN. Biến chứng thần kinh ngoại vi ở	+					"	"				"	
	73	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN. Nghiên cứu mức độ nhãn	+					"	"				"	
	74	HEAP MENGSUN. Nghiên cứu ứng dụng bảng điểm	+					"	"				"	
	75	ĐOÀN VĂN SANG. Áp dụng bảng điểm [illegible]	+					"	"				"	
	13076	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN. Nghiên cứu chất lượng	+					"	"				"	
	77	HÀ THỊ KIM THANH. Nhận xét [illegible]	+					"	"				"	
	78	HOÀNG THỊ [illegible]. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	79	LÂM TIẾN TÙNG. So sánh hiệu quả vô cảm và các tác	+					"	"				"	
	80	VŨ MẠNH CƯỜNG. Nghiên cứu về chỉ định và biến	+					"	"				"	
	13081	PHẠM HUY CƯỜNG. Nghiên cứu về chẩn đoán và xử lý	+					"	"				"	
	82	PHẠM AN THUYÊN. Nghiên cứu một số chức năng tim	+					"	"				"	
	83	VĂN THỊ NHƯ TRANG. Thực trạng kiểm soát huyết	+					"	"				"	
	84	NGUYỄN THỊ HOÀI TRANG. Nhận xét đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	85	NGUYỄN VĂN CƯỜNG. Áp dụng tiêu chuẩn chẩn	+					"	"				"	
	13086	NGUYỄN THỊ HIỀN. Thực trạng nhiễm khuẩn đường	+					"	"				"	
	87	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG. Đánh giá hiệu quả	+					"	"				"	
	88	NGUYỄN THỊ HIỀN. Nghiên cứu nguyên nhân và thái	+					"	"				"	
	89	PHẠM THỊ THÙY. Nghiên cứu chẩn đoán trước sinh	+					"	"				"	
	90	ĐÀO THỊ OANH. Đánh giá kết quả điều trị bổ trợ ung	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13091	LÊ TRUNG THÀNH. Nhận xét một số đặc điểm
	92	VŨ NGỌC BẮC. Đánh giá kết quả xa trị kết hợp
	93	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ. Đánh giá hiệu quả vô
	94	ĐỖ THỊ HẢI. Đánh giá tác dụng gây tê đám rối
	13095	NGÔ THỊ BẰNG. Nghiên cứu thái độ xử trí sản khoa
	96	NGUYỄN DUY HIỀN. Nhận xét điều trị các hình thái
	97	HỒ GIANG NAM. Nghiên cứu đặc điểm bệnh nguyên
	98	PHÙNG ĐỨC NHẬT NAM. Nghiên cứu một số yếu tố
	99	BÙI THỊ THANH TUYỀN. Nghiên cứu mối liên quan giữa
	13100	NGUYỄN TRỌNG TUYỂN. Nghiên cứu thái độ xử trí
	01	NGUYỄN VĂN TIẾN. Đánh giá sự thay đổi chỉ số huyết
	02	ĐỖ THU TRANG. Đánh giá hiệu quả giảm đau sau
	03	NGUYỄN THỊ HẢO. Đánh giá kết quả phẫu thuật xelox
	04	NGUYỄN THANH DƯƠNG. Đánh giá kết quả điều
	13105	NGUYỄN HẢI ANH. Nghiên cứu nồng độ kháng
	06	PHAN THỊ QUỲNH ANH. Khảo sát tính đa hình gen
	07	VŨ DUY THÁI. Thực trạng chăm sóc sản khoa sau
	08	TRẦN THỊ LEN. Nhận xét chẩn đoán và kết quả
	09	TRẦN THU LỆ. Nhận xét các đặc điểm lâm sàng
	13110	TẠ THỊ ÁNH NGỌC. Đánh giá mức độ suy đa tạng
	11	DƯƠNG THỊ KIM NGÂN. Nghiên cứu nồng độ cystain
	12	HOÀNG THỊ NHUNG. Khảo sát mật độ xương và một
	13	NGUYỄN ĐỨC ANH. Nghiên cứu ứng dụng nội soi
	14	NGUYỄN THỊ THU THỦY. Thực trạng quản lý điều
	13115	TRẦN ANH ĐỨC. Nghiên cứu tác dụng hỗ trợ điều

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2001	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Thạc sĩ	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
			2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
	13116	BÙI BÁ CHUNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng và	+					H	2016				Thạc sĩ	
	17	NGUYỄN TUẤN DŨNG. Đánh giá kết quả điều	+					"	"				"	
	18	NGUYỄN THỊ THU TRANG. Đánh giá kết quả tạo	+					"	"				"	
	19	VŨ HUY QUANG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng của tăng	+					"	"				"	
	13120	CHU THỊ THIẾT. Khảo sát trị số nhãn áp bằng nhãn áp	+					"	"				"	
	21	NGUYỄN LÊ TRUNG. Đánh giá hiệu quả của thuốc...	+					"	"				"	
	22	ĐINH THỊ THANH VÂN. Nghiên cứu đặc điểm bản đồ	+					"	"				"	
	23	NGHIÊM LAN ANH. Kiến thức, thực hành về tăng	+					H	2016				CNYK	
	24	LÊ TRUNG DŨNG. Đánh giá tác dụng của viên thanh	+					H	2016				Thạc sĩ	
	13125	PHẠM DUY ĐỨC. Nghiên cứu giải phẫu ứng dụng	+					"	"				"	
	26	TRẦN ANH TUẤN. Đánh giá kết quả điều trị ung	+					"	"				"	
	27	THEPNALY XAYSIDA. Nghiên cứu biến cố tức thì liên	+					"	"				"	
	28	NGUYỄN VĂN LONG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	
	29	TRINH VĂN ĐÔNG. Đặc điểm hình ảnh và giá trị	+					"	"				"	
	13130	LÊ ANH VIỆT. Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh cắt	+					"	"				"	
	31	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT. Ảnh hưởng của trầm cảm	+					"	"				"	
	32	NGUYỄN THỊ XUÂN. Nghiên cứu nồng độ Cystatin C	+					"	"				"	
	33	CAO THỊ THÚY HÀ. Nghiên cứu u buồng trứng ở phụ	+					"	"				"	
	34	HOÀNG XUÂN TOÀN. Nghiên cứu thái độ xử trí trong	+					"	"				"	
	13135	NGUYỄN PHÚ HOẰNG. Nghiên cứu kết quả chuyển phô	+					"	"				"	
	36	ALOUNNY SISAYKEO. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	37	CHHUM YOTHYRITH. Khảo sát mật độ xương và	+					"	"				"	
	38	PHÍ THỊ HOA. So sánh kết quả duy trì mê bằng	+					"	"				"	
	39	HOÀNG ĐÌNH CHÍNH. Đánh giá bước đầu kết quả	+					"	"				"	
	13140	HOÀNG LAN NA. Nghiên cứu một số yếu tố nguy	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
8/3	13141	VI THỊ THUÝ HẰNG. Phát hiện kháng thể kháng tinh	+					H	2016				Thạc sĩ	
	42	NGUYỄN THỊ THOA. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	43	SOURN PICHVISAL. Khảo sát tình trạng đau do nguyên	+					"	"				"	
	44	SAISAMONE THAMMAVONE. Đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	
	45	NGUYỄN QUANG HIẾU. Nghiên cứu sản xuất mẫu	+					"	"				"	
	13146	HOÀNG THỊ QUỲNH ANH. Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	47	VŨ THỊ HỒNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	48	NGUYỄN THỊ VÂN ANH. Nghiên cứu thực trạng phá	+					"	"				"	
	49	NGUYỄN THỊ VIỆT ANH. Nghiên cứu độ dài cổ tử	+					"	"				"	
	50	NGUYỄN ANH THỎ. So sánh hiệu quả giảm đau	+					"	"				"	
	13151	TRẦN CÔNG TIẾN. Đánh giá mức độ nhạy cảm	+					"	"				"	
	52	TRỊNH THỊ ĐÔNG. Nghiên cứu tỉ lệ nhiễm H.P	+					"	"				"	
	53	TRẦN HỒNG HIẾU. Thực trạng môi trường, sức khỏe	+					"	"				"	
	54	TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA. Kiến thức và thực hành	+					"	"				"	
	55	NGUYỄN ĐÌNH DŨNG. Nhận xét các yếu tố ảnh hưởng	+					"	"				"	
	13156	PHẠM TRUNG HIẾU. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	57	KHỔNG THỊ VÂN ANH. Đặc điểm nội soi và mô bệnh	+					"	"				"	
	58	NGUYỄN THỊ CHUYÊN. Biến đổi cấu trúc và khả năng	+					"	"				"	
	59	ĐẶNG ĐÌNH KHOA. Nghiên cứu chẩn đoán và đánh	+					"	"				"	
	13160	NGUYỄN VIẾT DOANH. Đánh giá kết quả phẫu	+					"	"				"	
	61	CHỬ VÂN KHANH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	62	NGUYỄN VIỆT QUANG. Thực trạng sức khỏe tâm	+					"	"				"	
	63	VŨ VĂN KIÊN. Đánh giá tình trạng cương dương	+					"	"				"	
	64	LÊ ĐÌNH HỢP. Nghiên cứu tình trạng rối loạn	+					"	"				"	
	13165	NGUYỄN THÁI HỌC. Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13166	NGUYỄN TRUNG NGHĨA. Nghiên cứu giải phẫu
	67	TRẦN ĐỨC ANH. Đánh giá hiệu quả của phác đồ
	68	NGUYỄN MINH DƯỜNG. Kết quả phẫu thuật điều
	69	ĐÀO SĨ NGHIỆP Tìm hiểu đặc điểm lâm sàng và
	13170	PHÙNG VĂN LONG. Nghiên cứu đặc tính và tác dụng
	71	ĐINH THỊ TUYẾT LAN. Nghiên cứu đặc tính và
	72	ĐINH THỊ LỆ THÀNH. Ảnh hưởng của cỏ đề gai ướng
	73	NGUYỄN NGỌC OANH. Hiệu quả điều trị bệnh trứng cá
	74	HOÀNG THỊ LAN. Khảo sát kiến thức, thái độ, thực
	13125	TRẦN THỊ HÒA. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng trầm
	76	NGUYỄN THỊ THẢO. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	77	NGUYỄN CHÍ DŨNG. Nghiên cứu đặc tính và tác dụng
	78	NGUYỄN TRUNG CƯỜNG. Nhận xét đặc điểm lâm
	79	LÊ TRỌNG ĐỨC. Đánh giá kết quả điều trị phẫu thuật
	13180	PHẠM THỊ HƯỜNG. Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học
	81	LA THỊ PHƯỢNG THẢO. So sánh hiệu quả phòng
	82	NGUYỄN THỊ NHẬT LỆ Hiệu quả điều trị bệnh vảy
	83	ĐỖ THỊ PHƯỢNG THẢO. Đặc điểm điều trị tắc ống
	84	VŨ HẢI TRUNG Đánh giá kết quả điều trị bệnh
	85	TRẦN VĂN THẠCH. Nghiên cứu đặc điểm hình thái
	13186	VÕ MẠNH HÙNG. Nghiên cứu chẩn đoán gan ứ mật cấp
	87	NGUYỄN THỊ CHÂU LOAN. Nghiên cứu đặc tính
	88	NGUYỄN THỊ PHÒNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	89	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG. Khảo sát tình trạng dinh
	13190	ĐOÀN NGỌC QUỲNH. Đánh giá rối loạn trầm cảm

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Thạc sĩ	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13191	TRẦN QUỲNH MAI. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	X					H	2016				Thạc sĩ	
	92	LÊ THỊ MINH NGUYỆT. Mối liên quan một số chỉ	+					"	"				"	
	93	PHẠM NỮ VÂN NGA. Nghiên cứu hiểu biết, thái độ	+					"	"				"	
	94	HOÀNG CÔNG QUYỀN. Nghiên cứu tổn thương động	+					"	"				"	
	13195	LẠI THU HƯƠNG. Đặc điểm hình ảnh và giá trị	+					"	"				Nội trú	
	96	NGUYỄN THỊ HƯƠNG. Đánh giá hiệu quả đặt	+					"	"				Thạc sĩ	
	97	BÙI ĐỖ HOÀNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	98	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG. Đánh giá kết quả	+					"	"				"	
	99	NGUYỄN THỊ LINH. Liên quan giữa hình thai noãn	+					"	"				"	
	13200	BÙI CAO CƯỜNG. Nghiên cứu một số đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	01	HÀ SƠN TÙNG. Giá trị tiên lượng của N-terminal	+					"	"				"	
	02	CHỮ THỊ HỒNG NINH. Nghiên cứu hình thái	+					"	"				"	
	03	BÙI TÍCH GIANG. Đánh giá kết quả cắt gan	+					"	"				"	
	04	ĐỖ VŨ ANH. Đánh giá kết quả thay khớp háng	+					"	"				Nội trú	
	13205	NGUYỄN DUY LINH. Đánh giá sự thay đổi	+					"	"				Nội trú	
	06	LƯU THỊ THỎ. Hiệu quả điều trị viêm âm đạo	+					"	"				Thạc sĩ	
	07	NGUYỄN TRUNG HẬU. Đánh giá cố dự trữ lưu	+					"	"				Nội trú	
	08	NGUYỄN VĂN NAM. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				Nội trú	
	09	ĐÀO MẠNH PHƯƠNG. Nuôi cấy hoạt hoá và đánh	+					"	"				Nội trú	
	13210	ĐỖ VĂN CHỨC. Nhận xét các biến chứng sau phẫu	+					"	"				Thạc sĩ	
	11	LÊ THỊ HIỆP. Hiệu quả điều trị bệnh zona bằng	+					"	"				"	
	12	LÊ THỊ HỒNG NHUNG. Nghiên cứu kiến thức và	+					"	"				"	
	13	KHƯƠNG THỊ NHUNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	14	NGUYỄN THU HUYỀN. Giá trị tiên lượng của	+					"	"				"	
	13215	PHẠM NGỌC LÝ. Nghiên cứu vai trò của siêu âm	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13216	BÙI THỊ MỸ LỆ. Đánh giá đặc điểm rối loạn nhịp	+					H	2016				Thạc sĩ	
	17	NGUYỄN MINH PHƯƠNG. Đánh giá tác dụng	+					〃	〃				〃	
	18	NGUYỄN THỊ THANH HOA. Đánh giá tác dụng	+					〃	〃				〃	
	19	NGUYỄN THU HƯỜNG. Đánh giá tác dụng điều	+					〃	〃				〃	
	20	NGUYỄN THỊ HOA Nghiên cứu áp dụng phương pháp thay	+					〃	〃				〃	
	13221	ĐỖ THỊ THANH THUỶ. Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					〃	〃				〃	
	22	KIỀU XUÂN VIỆT. Một số yếu tố gây tổn thương	+					〃	〃				〃	
	23	VŨ MINH UỶ. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					〃	〃				〃	
	24	NGUYỄN THỊ HIỀN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					〃	〃				〃	
	25	DƯƠNG KHÁNH TOÀN. Nhận xét quá trình thực trạng	+					〃	〃				〃	
	13226	PHÙNG THỊ HƯƠNG THẢO. Đặc điểm dịch tễ học lâm	+					〃	〃				〃	
	27	PHÙNG VĂN GẤNG. Bước đầu đánh giá tác	+					〃	〃				〃	
	28	ĐOÀN TRỌNG TOÀN. Kết quả điều trị phẫu thuật	+					〃	〃				〃	
	29	TẠ ĐỨC TOÀN. Nghiên cứu chẩn đoán và kết quả	+					〃	〃				〃	
	30	NGUYỄN ĐĂNG ĐỨC. Nghiên cứu áp dụng thủ nghiệm	+					〃	〃				〃	
	13231	Xaxai SORYAVONG. Đánh giá kết quả bước phẫu thuật	+					〃	〃				〃	
	32	NGUYỄN BÁ VƯỢNG. Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					〃	〃				〃	
	33	TRẦN ANH TUẤN. Kết quả phẫu thuật nội soi tái tạo	+					〃	〃				〃	
	34	ĐỖ TUẤN ANH. Kết quả phẫu thuật gấy kín	+					〃	〃				〃	
	35	NGHIÊM VIỆT DŨNG. Kết quả điều trị phẫu thuật	+					〃	〃				〃	
	13236	CHU THỊ QUỲNH THƠ. Đánh giá thực trạng rối loạn	+					〃	〃				Nội trú	
	37	NGUYỄN VIỆT CHIẾN. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					〃	〃				Nội trú	
	38	ĐÀO THỊ THU. Nghiên cứu nồng độ vitamin D huyết	+					〃	〃				Thạc sĩ	
	39	NGUYỄN TRẦN QUANG SÁNG. Kết quả điều trị tổn	+					〃	〃				〃	
	13240	NGUYỄN VĂN QUANG. Kết quả phẫu thuật ghép lại	+					〃	〃				〃	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	132 41	DƯƠNG NHƯ NĂM. Nghiên cứu ứng dụng hệ thống neuronan	+					H	2016				Thạc sĩ	
	42	ĐÀM THỊ THU HƯƠNG. Nghiên cứu nồng độ sắt huyết	+					"	"				"	
	43	TRẦN THỊ OANH. Nghiên cứu mối liên quan giữa nồng	+					"	"				"	
	44	LƯƠNG THỊ THUYẾT. Nghiên cứu dị ứng liên quan đến	+					"	"				"	
	132 45	HOÀNG THỊ HƯƠNG. Tìm hiểu một số yếu tố dịch tễ	+					"	"				"	
	46	PHẠM VĂN TÙNG. Đánh giá nồng độ NT-Probnp huyết	+					"	"				"	
	47	TÔ HOÀNG DƯƠNG. Nghiên cứu tỷ lệ và nguyên nhân	+					"	"				"	
	48	NGUYỄN VĂN TÌNH. Nghiên cứu kết quả truyền khối	+					"	"				"	
	49	NGUYỄN HỮU CHIẾN. Bước đầu đánh giá lợi ích ngắn	+					"	"				"	
	132 50	SEANG SARITH. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					"	"				"	
	51	HORN SOPHEA. Tìm hiểu mối liên quan giữa nồng độ	+					"	"				"	
	52	NGUYỄN THỊ THU TRANG. Ứng dụng kỹ thuật Real	+					"	"				"	
	53	PHẠM THỊ KIM THÚY. Đánh giá kết quả điều trị viêm	+					"	"				"	
	54	NGUYỄN THỊ DUNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	132 55	LÊ THỊ THÙY DUNG. Nhận xét chỉ số áp lực ổ bụng	+					H	2016				BSNT	
	56	VŨ SƠN TÙNG. Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật đo nhiệt	+					H	2016				Thạc sĩ	
	57	ĐOÀN TUẤN ANH. Nghiên cứu mối liên quan về lâm	+					"	"				"	
	58	NGUYỄN THỊ TUYẾT. Đặc điểm lâm sàng, các	+					"	"				"	
	59	HOÀNG TUẤN. Kết quả điều trị phẫu thuật sỏi	+					"	"				BSNT	
	132 60	TRẦN XUÂN THỦY. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				Thạc sĩ	
	61	TRỊNH ĐÌNH HOÀNG. Ứng dụng hệ thống lập	+					"	"				"	
	62	ĐẶNG THỊ BÍCH NGUYỆT. Đặc điểm hình ảnh	+					"	"				"	
	63	LÊ HỒNG NHUNG. Nghiên cứu giá trị chụp cắt	+					"	"				"	
	64	NGUYỄN MẬU VĨNH. Đánh giá hiệu quả giảm	+					"	"				"	
	132 65	LÊ TRỌNG TUẤN. Đánh giá kết quả chuyển phôi	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13266	NGUYỄN MẠNH TÙNG. Nghiên cứu phình t.hái làm	+					H	2016				Thạc sĩ	
	67	ĐÀO TRỌNG TUẤN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	68	ĐỖ THỊ HIỀN. Xác định người lành mang gen bệnh	+					"	"				"	
	69	NGUYỄN MINH THƯỜNG Đặc điểm lâm sàng và kết	+					"	"				"	
	13270	NGUYỄN HOÀNG THÁI. Kết quả điều trị thoát vị	+					"					"	
	71	NGUYỄN THỊ THU HIỀN Đặc điểm lâm sàng,	+					"	"				"	
	72	ĐỖ THỊ LAN HƯƠNG. Nghiên cứu đặc điểm dịch	+					"	"				"	
	73	NGUYỄN THỊ HẰNG NGA Kiến thức thái độ	+					"	"				"	
	74	TA VĂN HẢI Nghiên cứu đặc điểm sỏi ống mật	+					"	"				"	
	75	NGUYỄN HOÀNG KHANH Nghiên cứu đặc điểm và	+					"	"				"	
	13276	HOÀNG PHI ĐIỆP Đặc điểm tổn thương xơ vữa	+					"	"				"	
	77	KHỔNG TIẾN BÌNH. Nghiên cứu đặc điểm tổn thương	+					"	"				"	
	78	NGÔ VI TIẾN Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, cận	+					"	"				"	
	79	PHẠM TRUNG THỐNG Đánh giá kết quả phẫu	+					"	"				"	
	80	ĐỖ MẠNH TÙNG. Nghiên cứu thực trạng rối loạn trong	+					"	"				"	
	13281	NGUYỄN TIẾN TRUNG. Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	
	82	BÙI MẠNH TÙNG Nghiên cứu loạt thương nhiễm xạ	+					"	"				"	
	83	TRỊNH THỊ HẢI NAM Nghiên cứu đặc điểm mô	+					"	"				"	
	84	NGUYỄN THỊ HỒNG Xác định giá trị của phương	+					"	"				"	
	85	NGUYỄN HẢI HÀ. Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học	+					"	"				"	
	13286	KIM NGỌC THANH Đánh giá sự biến đổi chức năng	+					H	2016				"	
	87	NGUYỄN HỮU THẢO Đánh giá kết quả vi phẫu	+					"	"				"	
	88	NGUYỄN TRUNG NGHĨA Đánh giá hiệu quả chuẩn	+					"	"				"	
	89	NGUYỄN THỊ NGA DƯƠNG Nghiên cứu đặc điểm	+					H	2016				"	
	90	TA PHƯƠNG THUỶ Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					H	2016				Thạc sĩ	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13291	TA MINH TIẾN Mô tả đặc điểm lâm sàng, chuẩn	+					H	2016				Thạc sĩ	
	92	PHAN QUANG TRUNG Nghiên cứu đặc điểm, lâm	+					"	"				"	
	93	BÙI THỊ QUỲNH ANH So sánh khúc xạ tồn dư	+					"	"				"	
	94	LÊ TRỌNG CƯỜNG Đánh giá kết quả bước đầu	+					"	"				"	
	95	NGUYỄN VĂN ĐỘ Kết quả lâu dài phương pháp	+					"	"				"	
	13296	PHẠM TUẤN QUYẾT Nghiên cứu vai trò AABR trong	+					"	"				"	
	97	NGUYỄN HẢI DƯƠNG Đánh giá kết quả bán đầu	+					"	"				"	
	98	TRẦN THANH HẢI Nghiên cứu ứng dụng bảng LEA	+					"	"				"	
	99	NGUYỄN HY QUANG Nghiên cứu hình thái xơ hóa	+					"	"				"	
	13300	HOÀNG THỊ HÒA Nghiên cứu giá trị trên lượng tái	+					"	"				"	
	01	ĐINH QUỐC HƯNG Đánh giá tác dụng giảm đau	+					"	"				"	
	02	NGUYỄN THỊ HIỀN Nghiên cứu tác dụng của tỏi đen	+					"	"				"	
	03	NGUYỄN THỊ THỎ Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh	+					"	"				"	
	04	ĐẶNG THÁI TÔN Đánh giá tình trạng ứ sắt ở gan	+					"	"				"	
	13305	NGUYỄN MẠNH TUYÊN Kết quả điều trị thoát vị	+					"	"				"	
	06	ĐẶNG THU HẰNG Ảnh hưởng của thời gian ứ não	+					"	"				"	
	07	PHAN THỊ THU HẰNG Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	08	NGUYỄN THỊ THU DUNG Nghiên cứu giá trị trên lượng	+					"	"				"	
	09	ĐINH THỊ LAN Giá trị của thang điểm PELCD-2	+					"	"				"	
	13310	NGUYỄN NGỌC ANH Nghiên cứu các yếu tố liên	+					"	"				"	
	11	VŨ THỊ PHƯỢNG Nghiên cứu mô hình bệnh tim bẩm	+					"	"				"	
	12	TUY RITHYA Nghiên cứu kết quả của Clomphene đơn	+					"	"				"	
	13	NGUYỄN VĂN HÒA Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, vi	+					"	"				"	
	14	NGUYỄN XUÂN ĐẠT Nghiên cứu các tổn thương vùng	+					"	"				"	
	13315	NGUYỄN TIẾN ĐỒNG Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					H	2016				BSNT	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	133 16	NGUYỄN HOÀNG SƠN Nghiên cứu áp dụng phương thức	+					H	2016				Thạc sĩ	
	17	VŨ ĐỨC LONG Ứng dụng xét nghiệm định lượng nọc	+					"	"				"	
	18	LÊ HỮU NHƯỜNG Nhận xét kết quả lọc máu	+					"	"				"	
	19	NGUYỄN TRẦN THÀNH Đánh giá chức năng tiểu	+					"	"				"	
	133 20	LÊ TRỌNG THÔNG Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	
	21	LÊ NGỌC THẠCH Đặc điểm tổn thương van đóng	+					H	2016				BSNT	
	22	NGUYỄN VĂN LINH Đánh giá kết quả điều trị	+					"					"	
	23	NGUYỄN THỊ THỦY Đánh giá kết quả hoá trị bổ	+					"	"				"	
	24	TRỊNH HUY BÌNH Bước đầu đánh giá kết quả	+					"					"	
	133 25	PHẠM NHƯ HÒA Đánh giá tác dụng điều trị	+					"					"	
	26	DƯƠNG VĂN LONG Đánh giá kết quả của nghiệm	+					"	"				"	
	27	NGUYỄN VIỆT MINH Đánh giá ảnh hưởng sửa	+					"	"				"	
	28	DƯƠNG THỊ HOÀI Đánh giá vai trò hướng dẫn	+					"	"				"	
	29	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH Nghiên cứu đặc điểm	+					"	"				"	
	133 30	VÕ THỊ THÙY TRANG Nghiên cứu điều trị Gastrocosteroid	+					"	"				"	
	31	NGUYỄN TRỌNG HIỆN Nghiên cứu đặc điểm đau	+					"	"				"	
	32	TRỊNH THỊ NGỌC YÊN Đánh giá tổn thương thể	+					"	"				"	
	33	NGUYỄN THỊ VÂN Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					"	"				"	
	34	NGÔ QUỐC DUY Đánh giá kết quả điều trị ung	+					"	"				"	
	133 35	ĐÀO THỊ MAI ANH Đánh giá kết quả phẫu thuật	+					"	"				"	
	36	NGUYỄN THỊ THANH LOAN Đánh giá kết quả	+					"	"				"	
	37	PHẠM THỊ THU HÀ Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	Đã
	38	NGUYỄN THỊ TUYẾT Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	"
	39	NGUYỄN VĂN NGÂN Nghiên cứu đặc điểm lâm	+					"	"				"	
	133 40	LÊ THỊ HỒNG PHƯỜNG Đặc điểm hình ảnh cộng	+					"	"				"	

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13341	VÕ THỊ HUYỀN TRANG Nghiên cứu đặc điểm lâm	T					H	2016				BSNT	
	42	KHƯƠNG QUỐC ĐẠI Nghiên cứu ứng dụng sửa ống	+					〃	〃				〃	
	43	ĐẶNG NGỌC TUYỀN Đặc điểm lâm sàng cắt lớp	+					H	2016				Thạc sĩ	
	44	PHẠM THANH TÙNG Đánh giá kết quả tán sỏi	+					〃	〃				〃	
	13345	PHAN VĂN KỲ Đánh giá kết quả phương pháp sinh	+					〃	〃				〃	
	46	ĐẶNG VĂN THUẬN Đặc điểm lâm sàng, chẩn đoán	+					〃	〃				〃	
	47	LÊ THỊ THU HIỀN Đặc điểm lâm sàng, cận lâm	+					H	2016				BSNT	
	48	MAI TIẾN ĐẠI Đánh giá kết quả phẫu thuật điều	+											
	49	NGUYỄN THẾ TÙNG Nghiên cứu đặc điểm các sỏng	+					H	2016				Tiến sĩ	chữa
	13350	TRƯƠNG THỊ THÚY DƯƠNG Hiệu quả của mô hình	+					〃	〃				〃	〃
	51	NGUYỄN VIỆT ANH Nhận xét kết quả phẫu thuật	+					H	2016				Thạc sĩ	
	52	NGUYỄN ĐĂNG HƯNG Đánh giá kết quả sỏi phẫu	+					〃	〃				〃	
	53	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO Nghiên cứu các yếu tố liên	+					〃	〃				〃	
	54	HOÀNG THỊ NGỌC MAI Nghiên cứu đặc điểm giải	+					〃	〃				〃	
16103	13355	ĐẶC VIỆT HẰNG Đánh giá kết quả điều trị ung	+					H	2016				Tiến sĩ	Đã
	56	TRẦN KIÊN VŨ Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật	+					〃	〃				〃	〃
	57	VŨ DUY TÙNG Nghiên cứu giải phẫu động mạch	+					〃	〃				〃	〃
	58	TRẦN VĂN HỌC Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					〃	〃				〃	〃
	59	HỒ LONG HIỀN Nghiên cứu ứng dụng phẫu thuật	+					〃	〃				〃	〃
	13360	LÊ THỊ THANH TÂM Nghiên cứu phân bố - một số	+					〃	〃				〃	〃
	61	VŨ KHẮC ĐẠI Nghiên cứu vai trò của nội soi trong	+					〃	〃				〃	〃
	62	ĐÀM THỊ TÚ ANH Nghiên cứu tác dụng thử đặc	+					〃	〃				〃	〃
	63	NGUYỄN THỊ SANG Đánh giá kết quả theo dõi bệ	+					〃	〃				〃	〃
	64	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG Nghiên cứu đặc điểm	+					〃	〃				〃	〃
	13365	TA THỊ DIỄU NGÂN Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng	+					〃	〃				〃	〃

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	133 66	HOÀNG VĂN Nghiên cứu kết quả và một số yếu
	67	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM Nghiên cứu thực trạng
	68	ĐƯỜNG HỒNG HƯNG Nghiên cứu một số căn nguyên
	69	PHÙNG THỊ HUYỀN Đánh giá kết quả bước đầu
	70	PHẠM THỊ TUYẾT NGA Nghiên cứu hiệu quả của
	133 71	NGUYỄN THỊ ANH XUÂN Nghiên cứu một số đặc
	72	ĐẶC THỊ THÚY PHƯỢNG Nghiên cứu nuôi tạo tấm
	73	VŨ QUANG TOẢN Đánh giá kết quả điều trị ung
	74	VÕ VĂN KHA Đánh giá kết quả bước đầu bệnh
	75	TRẦN THÚY LIÊN Đánh giá tác dụng điều trị kết
2/13	133 76	NGÔ VĨNH HOÀI Nghiên cứu đặc điểm hình ảnh
	77	BÙI THỊ XUÂN Đánh giá kết quả điều trị phẫu
	78	LÊ DANH VỊNH Nghiên cứu kết quả điều trị sỏi
	79	HÀ TẤN DŨNG Thực trạng và các yếu tố nguy cơ
	133 80	NHỮ VĂN VINH Đặc điểm thương tổn và kết
	81	KHỔNG MINH TUẤN Một số yếu tố liên quan đến sót xuất
	82	BÙI THỊ PHƯỢNG Tình trạng dinh dưỡng và một
	83	LÊ HUYỀN TRANG Kiến thức và thực hành về
	84	TRẦN THỊ MAI ANH Nghiên cứu về phẫu thuật
	85	VŨ VĂN HOÀNG Mô hình bệnh tật, người bệnh
	133 86	TRAN THI KIM NGAN. Assessment risk factors cause
	87	NGUYEN THI HA. Situation of passive smoking in
	88	NGUYEN THI MINH THANH Situation of passive
	89	NGUYEN KIM YEN Respiratory disease model
	90	NGUYEN THI PHUONG Pattern of self-assessed

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				Điều sĩ	Địa
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃					
+					〃	〃					
+					H	2016				Thạc sĩ	
+					〃	〃				〃	
+					H	2016				CK II	Địa
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	Địa
+					〃	〃				〃	
+					〃	〃				〃	Địa
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	〃
+					H	2016				BDTT	Địa
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	〃
+					〃	〃				〃	〃

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13391	NGUYEN THI THEU. The antibiotic treatment in acute	+					H	2016				ĐDTT	Địa
	92	BUI HAI YEN Effectiveness of smoking cessation	+					"	"				"	"
	93	DAU THI NGA Frailty syndrome and related	+					"	"				"	"
	94	NGA TRAN THI Effectiveness of quality for	+					"	"				"	"
	95	NGUYEN THI KIM CHI Evaluation of postoperative	+					"	"				"	"
	13396	NGUYỄN THI THAC. Smoking cessation behavior	+					"	"				/	"
	97	NGUYEN THI THUY NGA Handgrip strength and	+					"	"				"	"
	98	LE THU THUY. La situation D'interception ...	+					"	"				/	
	99	DO THI YEN Knowledge, Practice on food hygiene	+					"	"				"	"
	13400	HOANG THI THUY. Quality of life for nasopharyngeal	+					"	"				"	"
	C1	DAC THI HANH Direct costs of acute exacerbation	+					"	"				"	"
	C2	PHAM THI TUOI Situation of pharmaceutical	+					"	"				"	"
	C3	NGUYEN THI LOAN. 4 meter walk test as a	+					"	"				"	"
	C4	DO THI HA. Knowledge, attitude, practice on	+					"	"				"	"
	C5	DUONG THI HANG Injection and undernutrition	+					"	"				"	"
134	C6	DO THI THU HUYEN Quality of life of parents	+					"	"				"	"
	C7	TA THI NGUYET Assessment of postoperative	+					"	"				"	"
	C8	VU KHANH HUYEN Assessment the status	+					"	"				"	"
	C9	TRANG THI NGUYEN Patient satisfaction with	+					"	"				"	"
	10	DO THI HIEP Healthcare seeking behavior for	+					"	"				"	"
13411		DAC THANH TUYEN Evaluation of serum ...	+					"	"				"	"
	12	NGUYEN BICH NGOC Nutritional status and	+					"	"				"	"
	13	NGUYEN DIEU LINH The relationship between	+					"	"				"	"
	14	BUI THANH HÀ Nghiên cứu hiệu quả điều trị	+					H	2016				Tiến sỹ	Địa
			+											

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13415	TRỊNH HỒNG HẠNH. Nghiên cứu ứng dụng phương						H	2000				Thạc sĩ	
	16	TRƯƠNG VĂN TUYÊN. Nghiên cứu kết quả thẩm tính						"	2014				"	
	17	LÊ TRỌNG TUẤN. Đánh giá kết quả chuyển phôi						"	2016				"	
	18	NGUYỄN VĂN ĐẠC. Nghiên cứu về chẩn đoán và						"	2016				"	
	13419	NGUYỄN MẠNH TRÍ. Nghiên cứu tỉ lệ dài thường						"	2004				Tiến sĩ	
	20	TRỊNH HỒNG HẠNH. Nghiên cứu ứng dụng phẫu						"	2012				"	
	21	ĐỖ QUANG HÀ. Ảnh hưởng của gia đình và cộng đồng						"	2008				"	
	22	NGUYỄN THỊ NGỌC KHANH. Nghiên cứu một số yếu						"	2001				"	
	23	NGUYỄN XUÂN HIỀN. Nghiên cứu ứng dụng phương						"	2011				"	
	13424	TRẦN THỊ VÂN ANH. Nghiên cứu tích trạng thiếu						"	2012				"	
	25	HOÀNG THỊ DIỄM TUYẾT. Đánh giá hiệu quả làm							2012				"	
	26	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG CANH. Nghiên cứu làm						"	2015				Thạc sĩ	
	27	TA VIỆT CƯỜNG. Đánh giá kết quả vi phẫu thắt						"	2015				"	
	28	PHẠM TRÍ HIẾU. Nghiên cứu kết quả giảm thiểu						"	2016				BSNT	
	29	HOÀNG THỊ THANH THỦY. Nghiên cứu tình hình						"	2011				"	
	13430	NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN. Nghiên cứu giá trị tiên đoán						"	2002				BSCII	
	31	NGUYỄN ĐÌNH TỚI. Bước đầu đánh giá vai trò						"	2001				BSCII	
	32	HÀ THỊ MINH PHƯỢNG. Đánh giá thực trạng thiếu						"	2013				"	
	33	NGUYỄN THỊ QUỐC HIỀN. Nghiên cứu thực trạng và						"	2014				1	
	13434	NGUYỄN ĐỨC MINH. Đánh giá kết quả cắt tử cung						"	2016				"	
	35	NGUYỄN DUY HƯNG. Nghiên cứu biến chứng và tai biến						"	2007				BS YK	
	36	ĐINH THỊ HIỀN LÊ. Nghiên cứu phương pháp điều chỉnh						"	2000				Thạc sĩ	
	37	VŨ VĂN DU. Nghiên cứu điều trị bảo tồn với tử cung						"	2011				Tiến sĩ	
13	1438	PHAN TIẾN QUÂN. Nhóm giải pháp cải tiến chuẩn chẩn đ						4	2017				Tiến sĩ	Đã
		NGUYỄN KIÊN DỰ. Nhóm đại biểu LS-CLS và đột biến ge						4	4				4	4

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13465	VIỆT THỊ PƯỜNG. Cô cấu và xu hướng [illegible]	+					H	2016				ThS YH	
	66	NGUYỄN QUANG TRUNG. Nghiên cứu [illegible]	+					"	"				"	
	67	LÊ THỊ HẰNG. So sánh kết quả điều trị [illegible]	+					"	"				"	
	68	LÊ VĂN SƠN. Mối liên quan giữa độ [illegible] GRS	+					"	"				"	
	13469	HOÀNG THU TRANG. Đánh giá kết quả [illegible]	+										"	
	70	TRẦN QUANG SƠN. Đánh giá hiệu quả [illegible]	+					"	"				"	
	71	BÙI THÀNH ĐẠT. Thực trạng tự kỷ thị [illegible] chính	+						"				"	
	72	MAI ĐÌNH MINH. Khảo sát hồng độ [illegible]	+										"	
	73	NGUYỄN THỊ LÝ. Thực trạng và một số yếu tố [illegible]	+										"	
	13474	ĐỖ QUỐC PHÒNG. Nghiên cứu áp dụng kỹ thuật thông xy	+						"				"	
	75	VŨ TƯỜNG LÂN. Nhận xét [illegible]	+					"	"				"	
	76	TRẦN MINH ĐỨC. Thực trạng [illegible]	+										"	
	77	HOÀNG THỊ NHUNG. Nghiên cứu áp dụng [illegible]	+										"	
	78	VŨ XUÂN HÒAN. Nhiễm đầu [illegible]	+										"	
	13479	CAO HỒNG HẠNH. Đánh giá [illegible]	+											
	80	TR[illegible] So sánh hiệu quả [illegible]	+										"	
	[illegible]	PHẠM THỊ THU. Nghiên cứu đặc điểm [illegible]	+										"	
	[illegible]	NGUYỄN THỊ HUỆ. Bước đầu đánh giá [illegible]	+										"	
	[illegible]	LÊ THỊ MỸ HƯƠNG. Đánh giá kết quả điều trị [illegible]	+											
	[illegible]	HÀ THỊ KIM CHUNG. Nghiên cứu áp dụng [illegible]	+										"	
	[illegible]	NGUYỄN THỊ NGÂN. [illegible]	+										"	
	[illegible]	NGUYỄN THỊ HÀ. Nhận xét [illegible]	+						"				"	
	[illegible]	MẠC THÙY CHI. Nghiên cứu [illegible]	+										"	
	[illegible]	LÊ VIỆT. Đánh giá [illegible]	+										"	
	[illegible]	[illegible] THỊ THUỶ. Nhận xét [illegible]	+										"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13490	PHẠM VIỆT CƯỜNG. Nghiên cứu đặc điểm [illegible]
	91	TRẦN THỊ THUỲ LINH. [illegible]
	92	BẠCH THỊ LỆ NA. [illegible]
	93	NGUYỄN THỊ NINH HẢI. [illegible]
	13494	TỐNG THỊ MAI HƯƠNG. [illegible]
	95	HỒ THỊ HOÀNG GIANG. [illegible]
	96	NGUYỄN THỊ THU TRANG. [illegible]
	97	NGUYỄN THANH NAM. [illegible]
	98	HOÀNG THỊ NAM. [illegible]
	13499	PHẠM THỊ [illegible]
	13500	NGUYỄN HOÀNG NINH. [illegible]
	01	NGUYỄN THỊ THẮC. [illegible]
	02	ĐẶNG ANH DƯƠNG. [illegible]
	03	HOÀNG THỊ PHƯƠNG [illegible]
	13504	ĐỖ KIM HẰNG. [illegible]
	05	PHẠM THỊ [illegible] PHƯƠNG. [illegible]
	06	[illegible]
	07	NGUYỄN THỊ LUYẾN. [illegible]
	08	NGUYỄN ANH TUẤN. [illegible]
	13509	LÒNG THỊ THU. [illegible]
	13510	TRẦN TRUNG [illegible]
	13511	TRẦN CÔNG MINH. [illegible]
	[illegible]	NGUYỄN THỊ HOA. [illegible]
	[illegible]	[illegible]
	[illegible]	[illegible]

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2016				TS YH	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 20[illegible]	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
.	13515	ĐẶNG ĐỨC THUẦN [illegible]	+					H	2016				CŨ	Đ.
	16	KIỀU VĂN NƯNG [illegible]	+					H	2016				"	
	17	LÝ THỊ HỒNG VÂN [illegible]	+					H	"				"	
.	18	TRẦN ĐÌNH TỴ [illegible]	+					"	"				"	Đ.
.	19	KIỀU THỊ NGUYỆN [illegible]	+					"	"				"	Đ.
.	13520	HÀ THUỶ CHẤN [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	21	NGUYỄN VĂN LỸ [illegible]	+					"	"				"	Đ.
	22	NGÔ THANH HÀ [illegible]	+					"	"				"	Đ.
.	23	TRẦN VĂN TUẤN [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	24	NÔNG HỒNG HÀ [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	13525	[illegible]	+					"	"				"	Đ
.	26	HOÀNG NGỌC VINH [illegible]	+					"	"				"	Đ.
.	27	VI ĐỨC TRUNG [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	28	NGUYỄN [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	29	NGÔ SONG AN [illegible]	+					"	"				"	
.	13530	LÊ DANH VINH [illegible]	+					"	"				"	
.	31	NHỮ VĂN VIỆN [illegible]	+					"	"				"	
.	32	NGUYỄN BẢO NINH [illegible]	+					"	"				"	Đ.
.	33	PHẠM THỊ TUYẾT [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	34	PHẠM VĂN CHIẾN [illegible]	+					"	"				"	Đ.
	13535	NGUYỄN THẾ HOÀI [illegible]	+					"	"				"	Đa
.	36	[illegible]	+					"	"				"	Đ
.	37	HOÀNG XUÂN [illegible]	+					"	"				"	Đ
.	38	[illegible]	+					"	"				"	
.	39	[illegible]	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
.	13540	LÊ HẢI VINH. Đánh giá [illegible]
.	41	MAI VĂN TUYẾN. Đánh giá [illegible]
.	42	NGUYỄN SỸ CƯỜNG [illegible]
.	43	LÊ ANH DŨNG. Đánh giá [illegible]
.	44	NGUYỄN HỮU LIÊM [illegible]
.	13545	PHẠM XUÂN CƯỜNG. Đánh giá [illegible]
.	46	PHẠM VĂN HIẾU [illegible]
.	47	NGUYỄN DUY DƯƠNG. Đánh giá [illegible]
.	48	ĐỖ LÊ HÀ [illegible]
.	49	SẦM VĂN HẢI. [illegible]
.	13550	ĐẶC [illegible]
.	51	NGUYỄN [illegible]
.	52	[illegible]
.	53	[illegible]
.	54	VŨ DUY DUYÊN [illegible]
.	13555	LÊT MINH NGỌC. [illegible]
.	56	NGÔ KIM OANH. [illegible]
.	57	TRẦN THỊ MINH [illegible]
	58	NGUYỄN VĂN THẮNG [illegible]
.	59	LÊ BẰNG [illegible]
	13560	TRẦN VĂN HƯỚC [illegible]
.	61	[illegible]
.	62	TRẦN THỊ [illegible]
.	63	[illegible]
	64	[illegible]

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
†					H	2016				CKTT	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"					"	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"	"				"	Đ
†					"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
•	13565	DƯƠNG VĂN THỦY. Ng/c [illegible]	+					H	2016				CKII	Đ
•	66	DƯƠNG THỊ CHUNG. Ng/c [illegible]	+					"	"				"	Đ.
•	67	QUÁCH DUY KỲ. Ng/c [illegible]	+					"	"				"	Đ.
•	68	PHẠM T. THU HOÀI. [illegible]	+					"	"				"	Đ.
	69	LÊ NGUYỄN LƯƠNG. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	13570	LÝ THỊ HỒNG VÂN. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	71	THÁI SƠN. [illegible]	+					"	"				"	Đ
	72	ĐẶNG VĂN KHÊM. [illegible]	+					"	"				"	
•	73	CHU HOÀNG THANH. [illegible]	+					"	"				"	Đ.
	74	VŨ THÀNH CHUNG. [illegible]	+					"	"				"	Đ.
	13575	TRẦN THỊ MAI ANH. [illegible]	+					"	"				"	
•	76	ĐỖ [illegible]	+					"	"				"	Đ
	77	PHẠM T. HIỀN HÒA. [illegible]	+					"	"				"	
	78	KHÔNG TIẾN ĐẠT. [illegible]	+					"	"				"	
•	79	ĐẶNG HOÀNG AN. [illegible]	+					"	"				"	Đ
	13580	KHIẾU MẠNH LƯỠNG. [illegible]	+					"	"				"	
	81	HOÀNG VĂN YÊU. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	82	LÊ T. MINH NGUYỆT. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	83	NGUYỄN THÀNH TOÀN. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	84	NG. T. BÌNH MINH. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	13585	TRỊNH NGỌC QUỲNH. [illegible]	+					"	"				"	Đ
	86	ĐỖ QUANG THO. [illegible]	+					"	"				"	Đ.
•	87	NG. MINH QUANG. [illegible]	+					"	"				"	Đ
•	[illegible]	[illegible] NGỌC SỸ. [illegible]	+					"	"				"	Đ.
•	[illegible]	[illegible] VĂN HIẾU. [illegible]	+					"	"				"	Đ.

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CH
	13590	PHAN NHÂN HẬU. [illegible]	+					H	2016				CKII	Đ
	91	CHANGT KIẾC ANH [illegible]	+					"	"				"	Đ
	92	ĐỖ VĂN LỢI. Nghiên [illegible] trong	+					"	[illegible]				TSYH	"
	93	[illegible]	+					"	[illegible]				TGTT	"
12/6	94	LÊ TUẤN ANH. Ng[illegible] tính	+					"	"				BSYK	
	13595	VŨ THỊ DỰ. [illegible] phức	+					"	"				"	
	96	NGUYỄN NGỌC LINH. Nhan xét [illegible] xương	+					"	"				"	
	97	NGUYỄN TÚ ANH. Nghiên [illegible] loại	+					"	"				"	
	98	ĐẶNG THỤ TRANG. Nghiên [illegible] bệnh	+					"	"				"	
	13599	CAO THẾ HƯNG. Sinh bệnh [illegible] quản	+					"	"				"	
	13600	NGUYỄN TÂN THỊNH. [illegible]	+					"	"				"	
	01	NGUYỄN THỊ NHÂN. [illegible]	+					"	"				"	
	02	TRẦN PHƯƠNG THẢO. [illegible]	+					"	"				"	
	03	DƯƠNG THỊ YẾN. [illegible]	+					"	"				"	
	13604	BÙI THỊ PHƯƠNG. [illegible]	+					"	"				"	
	05	HỒ THỊ [illegible]	+					"	"				"	
	06	NGUYỄN THỊ HỒNG TIẾN. [illegible]	+					"	"				"	
	07	NGUYỄN THỊ [illegible]	+					"	"				"	
	08	NGUYỄN THỊ YẾN. [illegible]	+					"	"				"	
	13609	VŨ THỊ THU [illegible]	+					"	"				"	
	10	NGUYỄN TÂ[illegible]	+					"	"				"	
	11	LÊ NHẬT CƯỜNG. Nghiên [illegible]	+					"	"				"	
	12	LÊ TUẤN TU[illegible]	+					"	"				"	
	[illegible]	[illegible]	+					"	"				"	
	[illegible]	NGUYỄN TIẾN HOÀNG. [illegible]	+					"	"				"	

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13615	NGUYỄN THỊ [illegible] cảm
	16	NGUYỄN THÙY [illegible] cuốn
	17	PHAN QUÂN. [illegible] của
	18	NGUYỄN [illegible] của
	13619	TRẦN THỊ PHƯƠ[illegible]
	20	ĐẶNG KIM OANH [illegible] nghiệp
	21	NGUYỄN THỊ THÚY [illegible] trang
	22	NGUYỄN THỊ ĐỨC. [illegible] tâm
	23	VŨ QUỐC CAI. [illegible] động
	13624	DƯƠNG T[illegible] QUÂN. [illegible] sống
	25	NGUYỄN THU PHƯƠNG. [illegible] tế
	26	PHẠM [illegible]
	27	NGUYỄN THỊ THU TRANG [illegible]
	28	TRẦN THỊ [illegible]
	13629	NGÔ THỊ [illegible]
	30	BÙI THỊ LINH [illegible]
	31	ĐẶC THỊ THU TRANG [illegible]
	32	NGUYỄN THỊ [illegible]
	33	TRẦN QUANG [illegible]
14/6/2013	13634	TRẦN DUY MẠNH. [illegible]
	35	NGUYỄN THỊ HẰNG. [illegible]
	36	LÊ THỊ [illegible]
	37	LÊ THỊ THU. [illegible]
	38	LÊ THÀNH ĐẠT. [illegible]
	39	LÂM THỊ [illegible]

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2017	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2012				B.S.Y.K	
+					"	"				B.S.Y.K	
+					"	"				"	
+					"	"				"	
+					"	"				"

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 20[illegible]	200..	200..	200..	200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13640	[illegible]	+					H	2017				[illegible]	
	41	NGUYỄN THỊ HOA. Nữ/xét [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	42	NGUYỄN THỊ HẰNG. Nữ/xét [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	43	ĐÀO PHAN THU HƯỜNG. [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	44	TRẦN THỊ TUYẾT HOAN. Ngộ [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	13645	ĐỖ KHÁNH HÀ. Nữ/xét tình trạng bệnh nhân [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	46	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG. Một số [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	47	TRẦN VĂN TIẾN. Thực trạng [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	48	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG. Thực trạng [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	49	NGÔ QUANG TÙNG. Khảo sát [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	13650	VŨ NGỌC NAI. Khảo sát tỉ lệ protein [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	51	NGÔ THỊ PHƯỢNG. Nữ/c [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	52	NGUYỄN ANH TUẤN. Ứng dụng kĩ thuật Real-Time [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	53	NGUYỄN THỊ DANH. Nữ/c [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	54	ĐÀO HỒNG PHƯƠNG. Nữ/c [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	13655	NGÔ THỊ NHUNG. Đặc [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	56	LƯƠNG THỊ NGỌC MỄ. Nữ/c [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	57	BÙI THỊ KIM HUỆ. Tình trạng [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	58	ĐẶNG THỊ THU HẰNG. Hoạt động thể [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	59	VI KHẮC THƯƠNG. Tình trạng [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	13660	PHẠM NGỌC HÀ. Nữ/c [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	61	LÊ HOÀNG THĂNG. Hoàn thiện [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	62	HOÀNG XUÂN TUẤN ANH. Một số [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	63	PHẠM THỊ HẢI YẾN. Đặc [illegible]	+					〃	〃				〃	〃
	64	[illegible]	+					〃	〃				〃	〃

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13665	VŨ HỒNG PHÚ. Đặc điểm dẫn truyền cảm giác và mối quan...	+					H	2017				BSYK	Đ
	66	LÊ THỊ HUYỀN TRANG. Sinh bệnh học và phục hồi học viêm VD...	+					"	"				"	"
	67	NGUYỄN MINH THU. Khảo sát tình hình nhiễm chuẩn hệ...	+					"	"				"	"
	68	NGUYỄN TRẦN THÀNH. Đặc đ' lsang, cận lsang xquang và...	+					"	"				"	"
	69	TRỊNH HOÀNG DƯƠNG. Thực trạng bệnh vùng quanh rang...	+					"	"				"	"
	13670	TRẦN THỊ MỸ HẠNH. Đặc đ' lsang và cận lsang của bệnh nhân...	+					"	"				"	"
	71	UÔNG NGỌC NGUYÊN. Khảo sát sự biến đổi gen mã hóa Enzym...	+					"	"				"	"
	72	ĐẶNG TRẦN TRUNG. Đánh giá 1 số chỉ số và kích thước...	+					"	"				"	"
	73	DƯƠNG DUY THANH. Đặc đ' lsang và cận lsang của tràn khí...	+					"	"				"	"
	74	TĂNG VĂN DŨNG. Đánh giá 1 số kích thước bàn lay và...	+					"	"				"	"
	13675	PHẠM THỊ THANH NGA. Một số đặc đ' bệnh học của xo gan...	+					"	"				"	"
	76	NGUYỄN THỊ HOA. Đánh giá sự thay đổi về lsang và áp lực...	+					"	"				"	"
	77	PHÙNG THỊ HÀ. Xđựng quy trình xác định đột biến gen...	+					"	"				"	"
	78	NGUYỄN VĂN HÙNG. Phân tích đa hình RS 32/32...	+					"	"				"	"
	79	LÊ THỊ MAI. Đánh giá chức năng tình dục của nam giới...	+					"	"				"	"
	13680	PHAN HỒNG MINH. Nghiên cứu hướng lên đường quyết...	+					"	"				"	"
	81	HỒ THỊ THANH CHANG. Tình trạng dinh dưỡng khẩu phần ăn...	+					"	"				"	"
	82	BÙI VĂN ĐIỀN. Tình trạng dinh dưỡng và 1 số yếu tố...	+					"	"				"	"
	83	LƯU TUẤN ANH. Tổng quan về lịnh thai tế bào, mô bệnh học	+					"	"				"	"
	84	LÊ VĂN MẠNH. Mô tả đặc điểm lsang, cận lsang và nhxét...	+					"	"				"	"
	13685	TRẦN NGỌC DŨNG. Tổng quan về chẩn đoán vùng dưới biểu mô...	+					"	"				"	"
	86	TRỊNH HỒNG LINH. Trong lượng hàng nhắc vật nặng thủ công...	+					"	"				"	"
	87	NINH DUY MINH. Nh/xét đặc đ' xương hàm dưới mất răng hàm...	+					"	"				"	"
	88	LÊ THỊ HẢI. Thực trạng bệnh sâu răng và viêm lợi trên người...	+					"	"				"	"
	89	VŨ THỊ PHƯƠNG. Nghiên cứu đ' lsang, cận lsang và liệu đ' trị...	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 2017	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13690	LÊ VŨ HUYỀN TRANG. Ngộ độc Isoniazid, can Isoniazid các vấn phòng	+					H	2018				BSYK	
	91	NGUYỄN THỊ NAM. Tình trạng kinh thần sau mổ u bì cổ tiến	+					"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỊ TRANG. Thực trạng bệnh viện lợi man tính và 1 số	+					"	"				"	"
	93	ĐÀO VĂN PHÚC. Hoàn chỉnh quy trình kỹ thuật tems-pcr	+					"	"				"	"
	94	CAO THỊ LÊ. Kiến thức, thái độ về bệnh do virut zika	+					"	"				"	"
	13695	NGUYỄN THỊ LAN. Ngộ tổng quan một bệnh học sung tĩnh biến mũ	+					"	"				"	"
	96	NGUYỄN TÙNG NGỌC. Khảo sát tình trạng kpnd mắc u bì bệnh	+					"	"				"	"
	97	NGUYỄN HUỲ THANH. Ngộ ca tắc trường vùng tổng quát dày	+					"	"				"	"
	98	VÙNG KIM NGÂN. Nhà 1 số tác d' lượng, can lượng tai biến	+					"	"				"	"
	99	PHAN THỊ HỒNG. Đặc d' tật thuốc các sinh khối tử vong	+					"	"				"	"
	13700	TRẦN THỊ THUỶ. Đặc d' tắc thuốc và các sinh khối trường DH Yên	+					"	"				"	"
	01	ĐẬU THỊ NA. Số bệnh giá thu thuật khẩn vùng cổ tương	+					"	"				"	"
	02	DƯƠNG THỊ THUỶ. Đánh giá mức độ hiểu các bn sup in S bằng	+					"	"				"	"
	03	LÊ HỒNG QUẢN. Khảo sát tình hàng thời gian ở mắt	+					"	"				"	"
	04	TRẦN THỊ THU HIỀN. Ngộ độc thuốc bệnh, các tác thuốc khối	+					"	"				"	"
	13705	NGUYỄN TRUNG QUÂN. Đặc d' lượng, can lượng và biến chứng	+					"	"				"	"
	06	NGUYỄN THỊ HƯƠNG THẢO. Đặc d' lượng, can lượng và lượng	+					"	"				"	"
	07	TRƯƠNG NGỌC THÁI. Ngộ một số 1 số tổn thương hình thái	+					"	"				"	"
	08	NGUYỄN NINH TOÀN. Đánh giá kpnd thị các biến chứng	+					"	"				"	"
	09	NGUYỄN THÀNH LUÂN. Nhà ga xong và giá lượng	+					"	"				"	"
	13710	TRẦN CƯỜNG. Một số đặc d' can lượng các biến chứng	+					"	"				"	"
	11	NGÔ HỮU THẢO. Nhà 1 số đặc d' lượng và hình ảnh x quang	+					"	"				"	"
	12	HÀ THỊ HẠNH. Đặc điểm nhân các và thái can ở SV	+					"	"				"	"
	13	NGUYỄN THỊ DIỄM HƯƠNG. Kiến thức, thái độ, thực hành,	+					"	"				"	"
	14	NGUYỄN THỊ MỸ HUYỀN. Kiến thức, thực hành, vệ sinh thái	+					"	"				"	"

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13715	NGÔ ĐỨC NAM. Tìm hiểu 1 số ngoại cảm gây chết đột ngột
	16	NGUYỄN THÁI THANG. Đái đ' sáng, cần sáng và chẩn đoán
	17	LÝ VĂN HƯNG. Đái đ' sáng, cần sáng và ngộ Đinh
	18	TRẦN SƠN HẢI. Ứng dụng lấy thông tin [illegible]
	19	PHẠM THỊ DIỆP. [illegible]
	13720	TRẦN THỊ [illegible] THU. [illegible]
	21	PHẠM ÍCH HIẾU. [illegible]
	22	TẠ THỊ TRANG. Thực trạng kiến thức [illegible]
	23	NGUYỄN THỊ THU THỦY. [illegible]
	24	NGUYỄN QUANG ĐỨC. [illegible]
	13725	HOÀNG QUANG THÔNG. Thực trạng thực hiện [illegible]
2016	26	[illegible]
	27	[illegible]
	28	[illegible]
	29	ĐẶNG THỊ HƯƠNG. [illegible]
	13730	TRƯƠNG THỊ BÍCH NGỌC. [illegible]
	31	ĐẶNG THỊ KIM PHƯỢNG. Thực trạng [illegible]
	32	TRẦN THỊ HOÀI [illegible]. [illegible]
	33	[illegible]
	34	[illegible]
	13735	[illegible]
	36	[illegible]
	37	[illegible]
	38	[illegible]
	13739	[illegible]

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
2007	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
+					H	2017				BSYC	
+					〃	〃				〃	〃

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	KIỂM KÊ 200..	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	18740	CẦN THỊ TIẾNG. N/c thử nghiệm quy trình bảo						41	20 H				BSYK	Đã
	41	NGUYỄN THỊ THU ~~[illegible]~~ [illegible]						"	"				"	"
	42	NGUYỄN HUỆ LINH. N/c các [illegible]						"	"				"	"
	43	BÙI THỊ THUỶ [illegible] N/x [illegible] LS, CLS						"	"				"	"
	18744	TRIỆN THỊ ĐẠO. Thực trạng [illegible] quan						"	"				"	"
	45	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG. [illegible]						"	"				"	"
	46	NGUYỄN THỊ [illegible]						"	"				"	"
	47	PHAN VĂN NHÃ. [illegible]						"	"				"	"
	48	NGUYỄN THỊ [illegible]						"	"				"	"
	18749	LÊ THỊ HUYỀN. [illegible]						"	"				"	"
	50	NGUYỄN THỊ [illegible]						"	"				"	"
	51	LÊ THỊ [illegible]						"	"				"	"
	52	MANH TRỌNG BÀNG. N/c [illegible] ST						"	"				"	"
	53	NGUYỄN [illegible]						"	"				"	"
	18754	NGUYỄN THỊ [illegible]						"	"				"	"
	55	LÊ THỊ HUYỀN. [illegible]						"	"				"	"
	56	NGUYỄN THỊ KHÔI. N/x [illegible]						"	"				"	"
	57	[illegible] XUÂN [illegible] N/x [illegible]						"	"				"	"
	58	LÊ THỊ DƯƠNG. N/c [illegible]						"	"					
	18759	LÊ QUANG [illegible]						"	"					
	60	NGUYỄN [illegible]						"	"					
	61	[illegible]						"	"					
	62	CẦN THỊ [illegible]						"	"					
	63	[illegible]						"	"					
	18764	[illegible]						"	"					

NĂM 200....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13765	TRẦN THANH TÙNG.
	66	NGUYỄN DUY GIA.
	67	HOÀNG SƠN TÙNG.
	68	ĐỖ ĐĂNG TUẤN.
	13769	LÊ ANH TUẤN.
	70	PHẠM NGỌC HÀ.
	71	PHẠM HỒNG SƠN.
	72	LÊ QUANG TÙNG.
	73	NGUYỄN CHÍ SƠN.
	13774	CHU THỊ THANH HÀ.
	75	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG.
	76	NGUYỄN GIA HÂN.
	77	NGUYỄN THỊ THU TIỀN.
	78	NGUYỄN THỊ ĐỊNH.
	13779	BÙI THỊ THU.
	80	NGUYỄN THỊ CẨM ÁN.
	81	ĐƯỜNG THỊ HÀ.
	82	NGUYỄN THỊ NGỌC.
	83	ĐỖ ĐỨC THÀNH.
	84	LÊ THỊ THU.
	85	[illegible]
	86	LÃ KIM OANH.
	87	[illegible]
	88	NGUYỄN THỊ TẤN.

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200..	200..	200..	200..	Nơi	Năm					
					H.	2012				BS YK	
					"	"				"	
					"	"				"	
					"	"				"

NĂM 200...

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
1/7/20	13790	LÊ THỊ YẾN. Đánh giá cả bộ kết quả cực [illegible]
	91	LÊ VĂN TIẾN. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng, [illegible]
	92	PHẠM HUY HOÀNG. Nghiên cứu đặc điểm lâm sàng
	93	BÙI THỊ THƯƠNG THẢO. Nhận xét đặc điểm lâm sàng
	94	NGUYỄN THIÊN THẾ. Mô tả đặc điểm lâm sàng
	13795	TRẦN NGỌC MẠNH TÚ. Mô tả đặc điểm lâm sàng
	96	TRẦN THỊ HÀ PHƯƠNG. Tình trạng loãng [illegible]
	97	VŨ THỊ PHƯƠNG. Tiếp cận thông kê về bệnh [illegible]
	98	THÁI THỊ DIỆU VÂN. Một số đặc điểm LS [illegible]
	13799	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG. Chất lượng cuộc [illegible]
	800	NGÔ DUY THỊNH. Mô tả đặc điểm [illegible]
	801	NGUYỄN ĐỨC NHẬT. Mô tả đặc điểm [illegible]
	02	ĐỖ TRUNG ĐỨC. Tiêu hình chân [illegible]
	03	TRẦN ĐÌNH ANH. Nhận diện tổn thương [illegible]
	13804	TRẦN TRUNG THÀNH. Đặc điểm [illegible]
	805	NGUYỄN THỊ NHÉN. Đánh giá [illegible]
	06	TRẦN HỮU ĐẠT. Giải phẫu mô [illegible]
	07	PHẠM KHẮC KHIÊM. Kiến thức về [illegible]
	08	NGUYỄN MINH THUẬN. Tác dụng [illegible]
	13809	LÊ THẾ DƯƠNG. Đánh giá [illegible]
	10	ĐOÀN PHƯƠNG THẢO. Đặc điểm [illegible]
	11	NGUYỄN MINH TRANG. Đánh giá hiệu quả [illegible]
	12	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG. Đ/g [illegible]
	13	ĐẶNG THỊ THANH HUYỀN. Tình trạng [illegible]
	13814	NGUYỄN VIỆT HẢI. Mô [illegible]

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200...	200...	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
					11	2017				BSYK	Đã
					"	"				"	"
					"	"				"	"
					"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13815	VŨ THỊ THÙY LINH. Mô tả mối liên quan giữa						H	2017				BSYK	Đã
	16	PHẠN NỮ THỤC HIỀN. Đánh giá mức độ tổng thể						"	"				"	"
	17	ĐỒNG MINH PHƯƠNG. So sánh chất lg tinh trùng						"	"				"	"
	18	LÊ TUẤN ANH. Đặc điểm LS và hình ảnh cắt						"	"				"	"
	13819	PHẠM THỊ HUẾ. KHẢO sát mô hình bệnh tật						"	"				"	"
	20	NGUYỄN THẾ NAM HUY. Đặc đ² LS, CLS buồng						"	"				"	"
	21	MAI THẾ VƯƠNG. Một số đặc đ² LS & CLS						"	"				"	"
	22	NGUYỄN THỊ HÀ MI. N/x đ² LS, CLS bệnh nhân						"	"				"	"
	23	NGUYỄN QUỐC HƯNG. Tổng quan 1 số đặc điểm						"	"				"	"
	13824	NGUYỄN HOÀNG SƠN. Đặc đ² đứt gãy DNA tinh						"	"				"	"
	25	NGUYỄN THANH HUYỀN. N/c tác dụng hạ glucose						"	"				"	"
	26	VŨ QUYỀN PHƯƠNG. Nhu cầu học tập và tham						"	"				"	"
	27	ĐÀO KHÁNH LINH. N/c một số đặc điểm LS, CLS						"	"				"	"
	28	TRẦN THỊ NGỌC MAI. Đ/g phân loại TNM.						"	"				"	"
	13829	GIÁP HUYỀN MY. Khả năng đáp ứng của trạm y tế						"	"				"	"
	30	MAI THỊ MAI PHƯƠNG. Mô tả về LS, CLS & kỹ						"	"				"	"
	31	LÊ MINH ĐẠT. Thực trạng chăm sóc sức khỏe						"	"				"	"
	32	VŨ HUYỀN ANH. Kiến thức và thực hành về						"	"				"	"
	33	LÊ THẾ ANH. Nhu cầu được cung cấp thông tin						"	"				"	"
	13834	NGUYỄN THỊ THẢO. Mô tả đặc điểm tổn thương						"	"				"	"
	35	LÊ THỊ MAI. Thực trạng hiểu biết luật và sử						"	"				"	"
	36	CHÂU NGỌC DIỆU. Thực trạng tuân thủ vệ sinh						"	"				"	"
	37	NGUYỄN DUY TUẤN. Nâng cao chất lượng giáo dục						"	"				"	"
	38	NGUYỄN THỊ THƯƠNG. Khảo sát đặc điểm LS, CLS.						"	"				"	"
	13839	NGUYỄN THỊ NGÁT. Thực trạng nhiễm viêm gan						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13840	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG THẢO. K/S mô hình bệnh tật						H	2017				BSYK	Đã
	41	THÂN THỊ THÙY LINH Đ/g bước đầu mối liên quan						"	"				"	"
	42	NGUYỄN THỊ ANH NGỌC Đ/g kết quả của q.trình						"	"				"	"
	43	NGUYỄN THỊ HƯƠNG Đánh giá kết quả kỹ thuật						"	"				"	"
	13844	PHÙNG THỊ TÂM K/S mô hình bệnh tật và [illegible]						"	"				"	"
	45	HỒ THỊ THẢO Nhu cầu tham vấn tâm lý [illegible]						"	"				"	"
	46	NGUYỄN THỊ DƯƠNG K/S một số dạng [illegible]						"	"				"	"
	47	LÊ THỊ THỊ HƯƠNG Đ/g tác dụng giảm [illegible]						"	"				"	"
	48	THÂN THỊ NGỌC LAN N/C đ² LS, CLS và nội [illegible]						"	"				"	"
	13849	MAI VĂN HẢI Đặc đ² LS, CLS và nội [illegible]						"	"				"	"
	50	PHAN THỊ HƯƠNG GIANG N/C kỹ [illegible]						"	"				"	"
	51	TRẦN THỊ THUỶ Mô hình bệnh tật [illegible]						"	"				"	"
	52	TRẦN PHƯƠNG ANH K/S tình hình [illegible]						"	"				"	"
	53	NGUYỄN THẢO LY Phân tích đa hình [illegible]						"	"				CNYK	"
	13854	VŨ BÌNH THỦ Phân tích đa hình G SA [illegible]						"	"				"	"
	55	LÊ NGỌC THUỶ N/C quy trình sản xuất [illegible]						"	"				"	"
	56	TRẦN THỊ HƯƠNG Kiến thức, thực hành [illegible]						"	"				"	"
	57	BÙI THỊ MINH NGỌC K/thức, thực hành [illegible]						"	"				"	"
	58	NGUYỄN THỊ VÂN Tình trạng dinh dưỡng và [illegible]						"	"				"	"
	13859	NGUYỄN THỊ HUYỀN Tình trạng dinh dưỡng và [illegible]						"	"				"	"
	60	NGUYỄN TRANG NHUNG Tình trạng dinh dưỡng và [illegible]						"	"				"	"
	61	NGUYỄN ĐỨC DỤI Tình trạng dinh dưỡng và [illegible]						"	"				"	"
	62	NGUYỄN THỊ ĐÌNH Tình trạng dinh dưỡng và [illegible]						"	"				"	"
	63	NGUYỄN THỊ MINH TÂM Tình trạng dinh dưỡng						"	"				"	"
	13864	NGUYỄN THỊ QUỲNH CHI Kiến thức về [illegible]						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200...	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	XUẤT BẢN Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
18/7/2017	13865	TRẦN THỊ THẢO. Đặc đ' giải phẫu bệnh môi trên và thực trạng nhà chu						H	2017				BS4YC	Đã
	66	ĐOÀN THỊ NGỌC HÀ. Thực trạng nuôi con bằng sữa mẹ 1 giờ đầu sau sinh						"	"				"	"
	67	TRẦN THU THỦY. Khảo sát thực tình trạng trẻ bú sữa mẹ trong vòng 1 -						"	"				"	"
	68	ĐẶNG NGỌC TÀI. N/c tỷ lệ mắc bệnh thân mềm của bệnh nhân						"	"				"	"
	69	LÊ VIỆT DŨNG. Đánh giá giá trị kĩ thuật QF - PCR trong chẩn đoán						"	"				"	"
	13870	KHƯƠNG T. THANH TÂM. N/c 1 số đặc đ' tế bào mầu ngoại vi						"	"				CNYC	"
	71	NGUYỄN THỊ HIỀN. Tình trạng dinh dưỡng và 1 số yếu tố liên quan						"	"				"	"
	72	NGUYỄN THỊ OANH. Thực hành chăm sóc giảm nhẹ trên bn ung thư						"	"				"	"
	73	TRƯƠNG THỊ LỆ. N/c Sản xuất mầu ngoại kiểm định nhanh						"	"				"	"
	74	NGUYỄN BÁO LONG. Đặc đ', kĩ lỗ l/chẩn thể đột thường b/nhiễm mới						"	"				"	"
	13875	TRẦN THỊ NĂM. Kiến thức, thực hành về an toàn v/sinh phòng						"	"				"	"
	76	PHẠM T. THU HÀ. Nhu cầu sdụng dịch vụ chăm sóc sức khỏe						"	"				"	"
	77	TRẦN THỊ HẰNG. Tình trạng dinh dưỡng của bn ung thư đầu nhận tăng						"	"				"	"
	78	LÊ THỊ PHƯỢNG. Tổng quan phg pháp nhuộm hoá mô miễn dịch						"	"				"	"
	79	NGÔ T. THU HƯƠNG. Xây dựng qui trình xác định đột biến gen						"	"				"	"
	13880	NGUYỄN THANH LƯƠNG. Thực trạng tăng huyết áp và 1 số yếu tố						"	"				"	"
	81	NGÔ THỊ VINH. Thực trạng áp lực học tập và 1 số y tố l/quan						"	"				"	"
	82	HÀ MINH HẢI. Kiến thức, thực hành của bà mẹ chăm sóc trẻ						"	"				"	"
	83	NGUYỄN DIỆU THUẦN. Tình trạng thiếu máu và 1 số y tế l/quan						"	"				"	"
	84	VŨ THỊ LAN. Đề bảo phù sử dụng bột đa vi chất ở Trẻ em						"	"				"	"
	13885	NGUYỄN THỊ MÂY. Thực trạng viêm thận l/quan đến phòng ngừa						"	"				"	"
	86	NGUYỄN THỊ HIỀN. Tình trạng dinh dưỡng và 1 số y tế l/quan						"	"				"	"
	87	TRẦN KIM NGÂN. Kết quả thực hiện nhóm A hướng đến người bệnh						"	"				"	"
	88	LÊ THU HIỀN. Thực trạng triển khai E - learning môn học						"	"				"	"
	89	TRỊNH ĐỨC LONG. Khảo sát ảnh hưởng của 1 số y tế đến xét nghiệm						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200...	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13890	TRƯƠNG THU PHƯƠNG. Áp dụng hướng dẫn EPIS của CLSI						H	2017				CNYK	Đã
	91	NG KIỀU HOÀI LINH. Áp dụng hướng dẫn C54A của CLSI						"	"				"	"
	92	NGUYỄN TIẾN LƯỢNG. Tổng quan về phương pháp bọc lộ kháng nguyên						"	"				"	"
	93	NG.T.THU HIỀN. Tuân thủ qui trình tiếp nhận bn trc phẫu thuật						"	"				"	"
	94	NG.T.LAN ANH. Ng/c tình hình sản phụ mắc tiền sản giật						"	"				"	"
	13895	LÊ THỊ SEN. Những khó khăn, vào cản trong việc tiếp cận						"	"				"	"
	96	LÊ THỊ HÀ. Stress, loãn ở người chăm sóc là người nhà						"	"				"	"
	97	THẨM LÊ TỰ CƯỜNG. Kỹ thuật nhuộm Ziehl - Neelsen						"	"				"	"
	98	TRẦN QUYẾN AN. Khẩu phần ăn và tình trạng dinh dưỡng						"	"				"	"
	99	ĐẶNG TRƯỜNG SƠN. Sự hài lòng về việc áp dụng E-learning						"	"				"	"
	13900	NGUYỄN THỊ LOAN. Thực trạng kiến thức, thực hành VSATTP						"	"				"	"
	01	ĐÀO PHƯƠNG ANH. Thực trạng VSATTP và kiến thức, thực hành						"	"				"	"
	02	TRẦN THANH TÙNG. Ng/c mức độ sẵn sàng chi trả cho						"	"				"	"
	03	ĐẶNG T.THU THẢO. Kiến thức, thái độ về khám sức khỏe						"	"				"	"
	04	LƯƠNG T.QUỲNH NGA. Ng/c chỉ số và hình thái tế bào						"	"				"	"
	13905	NG.T.HÀ THU. Thực trạng thi văn dinh dưỡng						"	"				"	"
	06	LÊ T NGỌC ANH. Đặc đ nhân cách và rối loạn lo âu						"	"				"	"
	07	LÊ ĐỖ MƯỜI THƯƠNG. Thực trạng kiến thức, thái độ thực hành						"	"				Thạc sĩ	"
	08	NG THANH HẢI ÂU. Đánh giá của CBS y tế về văn Hoá						"	"				"	"
	09	NGUYỄN THỊ NGÂN. Kiến thức, thái độ, thực hành						"	"				"	"
	13910	PHẠM T.CẨM HÀ. Đặc đ dịch tễ học của các ca bệnh						"	"				"	"
	11	NGUYỄN TUẤN ANH. Chất lượng CS của người bệnh đau thắt						"	"				"	"
	12	NG.T.THU HƯƠNG. Thực trạng không thân thử điều trị						"	"				"	"
	13	PHẠM T.THÙY HƯƠNG. Tình trạng dinh dưỡng và 1 số y tố						"	"				"	"
	14	NGUYỄN BÁ HÒA. Thực trạng kiến thức, thực hành						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
	13915	HOÀNG QUỲNH LIÊN. Ngộ sức khỏe tâm thần h sinh bằng
	16	Thực trạng đào tạo cha mẹ về can thiệp sớm trẻ tự kỉ
	17	TRẦN THỊ HỒNG. Ngộ sự hài lòng về nguyên nhân
	18	NGUYỄN T THANH VÂN. Thực trạng tham gia bảo hiểm y tế
	19	NG THỊ HỒNG THU. Mức độ hài lòng về sự dịch vụ
	13920	VŨ LÊ THƯỜNG. Phân tích chi phí qui trình xạ phẫu
	21	NG T KHÁNH LINH. Ảnh đặc đ' dịch tễ học về yt
	22	NG. XUÂN THIỆM. Kiến thức về thực hành về an toàn
	23	NG THÀNH HUẾ. Thực trạng tiêm chủng đầy đủ
	24	LƯU VĂN NGHĨA. Ngộ độ rượu do tai nạn lao động
	13925	KIỀU THỊ NGA. Ngộ độ rượu do tai nạn không chủ ý
	26	TRẦN T PHƯƠNG THẢO. Chất lượng cuộc sống của b
	27	HOÀNG MINH HOÀN. Đánh giá chất lượng chẩn đoán
	28	ĐẶNG DUYNH HƯỜNG. Chi phí trực tiếp điều trị viêm dạ
	29	PHÙNG ĐẮC THÀNH. Thực trạng bảo hiểm y tế của trẻ
	13930	NINGNONG XAIGNAVONG. Thực trạng không khám chữa bệnh
	31	LÊ TIẾN TÙNG. Đánh giá sự hài lòng của khách hàng
	32	NG TRÀ MY. Thực trạng sử dụng dịch vụ y tế/ trẻ
	33	DƯƠNG THANH HUẾ. Thực trạng giun truyền qua đất
	34	PHẠM T. KIM ĐỨC. Nhu cầu sử dụng về sự điều dưỡng
	13935	LÊ THANH HIỀN. N/c đo tính rẻ hiệu quả của vắc
	36	PHẠM HỒNG KHOA. Ng/c ứng dụng phẫu thuật sinh thiết
	37	TRẦN TUẤN ANH. Ng/c 1 số đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng
	38	NG HỒNG THUỶ. Ng/c hiệu quả giảm đau sau mổ thoát
	39	ĐỖ HƯNG KIÊN. Ng/c kết quả thẩm mỹ điều

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200..	200...	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
					H	2017				Thạc sĩ	Đã
					"	"				"	"
					"	"				"	"
					"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13940	PHẠM VIỆT HÀ. Ng/c ứng dụng và đánh giá kết quả...						H	2017				Tiến sĩ	Đã
	41	LƯƠNG QUỐC CHÍNH. Ng/c hiệu quả kết hợp dẫn lưu						"	"				"	"
	42	LÊ THU HÀ. Đánh giá hiệu quả thuốc Erolotinib						"	"				"	"
	43	VŨ ĐỨC BÌNH. Ng/c phát hiện kháng thể bất thường						"	"				"	"
	44	NGÔ ANH THẾ. Đánh giá kết quả đtrị của Peginterperon						"	"				"	"
	13945	TRẦN VĂN CƯỜNG. Ng/c thực trạng và đánh giá						"	"				"	"
	46	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN. Ng/c giá trị siêu âm nội sọ						"	"				"	"
	47	LÊ HỒNG CÔNG. Sự phân bố kiểu gen CyP1A1,						"	"				"	"
	48	NG. MINH PHƯƠNG. Ng/c mật độ xương, tình trạng						"	"				"	"
	49	PHẠM MẠNH CƯỜNG. Ng/c giá trị của phg pháp sinh thiết						"	"				"	"
	13950	VŨ NGỌC TÚ. Ng/c đặc đ bệnh lý và kết quả điều trị						"	"				"	"
	51	NG. THỊ HẰNG. Ng/c xây dựng bảng cầu thủ thính lực						"	"				"	"
	52	PHẠM CAO KIỂM. Ng/c sử dụng vật dưỡ trẻ ngoài						"	"				"	"
19/7/2017	53	NG. T. HƯƠNG LAN. Self-Confidence in providing nursing						"	"				CNTT	"
	54	VŨ THUỲ LANH. Postoperative care for patient undergoing...						"	"				"	"
	13955	NG. THỊ THUỲ. Cigarette smoking rate, Attitudes...						"	"				"	"
	56	LƯƠNG THỊ HẰNG. Physical activity of postmenopausal...						"	"				"	"
	57	PHẠM T. THU TRANG. School bullying and some associated...						"	"				"	"
	58	PHẠM T. PHƯƠNG THẢO. Dengue fever, Aedes Mosquito...						"	"				"	"
	59	NG. T. HOÀI THU. The preference of Establishment...						"	"				"	"
	13960	NG. NGỌC TRÂM ANH. Nutritional Feeding in surgical...						"	"				"	"
	61	LÊ VĂN ĐẠT. Clinical symptoms, Imaging features...						"	"				"	"
	62	NGUYỄN TẤT ĐẲNG. Clinical symptoms, Imaging features...						"	"				"	"
	63	HOÀNG THỊ ÁI XUÂN. Team Dynamics and Their...						"	"				"	"
	64	LÊ ĐỨC TÂM. Epidemiological and clinical features...						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13965	NG. THỊ MAI Help seeking behavior of Infertile couples...						H	2017				CNTT	Đã
	66	TRẦN ĐÌNH DŨNG. Remarques des Résultats précoces...						"	"				"	"
	67	VŨ THU HƯƠNG. Recherche des facteurs de Risque...						"	"				"	"
	68	NG. T. MAI HƯƠNG. Arrêt Cardiaque associé à l'embollie						"	"				"	"
	69	NG. XUÂN HIỀN. Remarques des caractéristiques...						"	"				"	"
	13970	NGUYỄN MAI PHƯƠNG. Vegetable consumption situation...						"	"				"	"
	71	NG. T. MAI HƯƠNG. Arrêt Cardiaque Associé...						"	"				"	0 Đã
	72	VŨ THU HƯƠNG. Recherche des Facteurs de Risque...						"	"				"	0 Đã
	73	ĐỖ ANH TÚ. Signes cliniques et paracliniques...						"	"				"	"
	74	PHẠM T. TUYẾT DUNG. Remarques sur la conduite...						"	"				"	"
	13975	NG. THỊ THÙY TRANG. Évaluation du traitement...						"	"				"	"
	76	TRẦN ĐÌNH DŨNG. Remarques des résultats précoces...						"	"				"	"
	77	NGUYỄN XUÂN HIỀN. Remarques des caractéristiques...						"	"				"	"
	78	LƯU T. THẢO NGUYÊN. Étude des Caractéristiques...						"	"				"	"
	79	LAI THÙY DƯƠNG. Mô tả tác động tới KTXH & ad DVYT...						"	"				Thực sỹ	1CD
	13980	NGUYỄN VIỆT. Thực trạng & 1 số yếu tố... quá tải BV						"	"				"	"
	81	HOÀNG THỊ HỒNG XUYẾN. Kiến thức... an toàn & bệnh...						"	"				"	"
	82	NGUYỄN MANH TUẤN. Thói quen ăn uống & 1 số yếu tố...						"	"				"	"
	83	NGUYỄN THỊ THU. Kiến thức, thái độ, thực hành DD...						"	"				"	"
	84	NGUYỄN THỊ LỢI. Chi phí & khả năng chi trả...						"	"				"	"
	13985	NGUYỄN THỊ ĐÀO. prevalence of and risk factors...						"	"				ĐDTT	"
	86	NGUYỄN VIỆT THÀNH. N/c hiệu quả điều trị tăng sinh lách						"	"				Tiến sỹ	"
	87	LÊ THỊ THANH TÂN. N/c [illegible]						"	"				"	"
	88	NGUYỄN THỊ YÊN. [illegible]						"	"				Thạc sỹ	"
	89	NGUYỄN THỊ HẢI HÀ. Tổ chức nguồn lực hoạt động						"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200..	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	13990	ĐẶNG THỊ BÍCH NGỌC Chất lg c/s og bệnh nhân						H	2017				Thạc sĩ	Đã
	91	NGUYỄN THỊ THUỶ NGUYÊN. Thực trạng bệnh bằng quang						H	"				"	"
	92	PHẠM THANH THẾ. N/c chỉnh hình tai giữa trẻ						H	"				Tiến sĩ	"
17/8/17	93	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG. N/c mối tương quan giữa						"	"				"	"
	13994	LÊ THỊ THU HƯƠNG. N/c một số biến đổi tế						"	"				"	"
	95	ĐẶNG ÁNH DƯƠNG. N/c đặc điểm LS, CLS, đột						"	"				"	"
	96	NGUYỄN QUANG BẢY. N/c một số yếu tố liên quan						"	"				"	"
	97	NGUYỄN THẾ VỸ. Điều trị bớt ota bằng laser						"	"				"	"
	98	NGUYỄN TRẦN THUỶ. N/c đặc điểm bệnh lý						"	"				"	"
	13999	ĐÀO THỊ DIỆU THÚY. Sức khoẻ tâm thần và 1 số						"	"				Thạc sĩ	"
	14000	NGUYỄN THỊ KHÁNH NAM. Tình trạng dinh dưỡng						"	"				"	"
	01	NGUYỄN ANH TÚ. Tình trạng dinh dưỡng thiếu máu						"	"				"	"
	02	NGÔ THỊ HÀ PHƯƠNG. N/c nhu cầu sử dụng						"	"				"	"
	03	NGUYỄN THỊ THANH. Thực trạng dinh dưỡng						"	"				"	"
	14004	LÊ HUYỀN TRANG. Thực trạng điều kiện an						"	"				"	"
	05	NGÔ ĐỨC DANH. Xác định tính khả thi và						"	"				"	"
	06	TÔ THỊ LIÊN. Thực trạng quản lý chất thải rắn						"	"				"	"
	07	PHAN THỊ BÍCH HẠNH. Tình trạng dinh dưỡng						"	"				"	"
11/9/17	08	BÙI NGỌC KHANH. Đào tạo y khoa liên tục của BVBM						"	"				"	"
	14009	NGUYỄN THÀNH TRUNG. Kiến thức và thực hành theo						"	"				"	"
	10	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO. Thực trạng bỏ tội 8 1 số y tế						"	"				"	"
	11	PHẠM THỊ HƯỜNG. Nhu cầu và khả năng chi trả						"	"				"	"
	12	NGUYỄN TUẤN THANG. Thực trạng tổ chức, hoạt động						"	"				"	"
	13	LÊ BÁ KÌ. Tình trạng dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi						"	"				CKII	"
	14014	NGÔ OANH, OANH. Thực trạng và qly an toàn vệ sinh						"	"				CKII	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200...	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	14015	NGÔ AN NGỌC. Thực trạng bệnh tật và bài hiểu yt						H	2017				CK II	Đã
	16	LÊ ANH TIẾN. Thực trạng và 1 số y tế lực quan						"	2016				"	"
	17	TRẦN VĂN CHUNG. Thực trạng hoạt động cơ cấu						"	"				"	"
	18	BÙI TRỌNG THỦY. Thực trạng nhân lực YTDP.						"	"				"	"
	14019	NGUYỄN TRỌNG OANH. Thực trạng nhu cầu & 1 số						"	2017				"	"
	20	MAI THỊ KIM THANH. N/C kiến thức, thực						"	"				"	"
	21	TỐNG VIẾT HIỂN. Cơ cấu bệnh tật bệnh nhân						"	"				"	"
	22	NGUYỄN DUY NINH. Cơ cấu bệnh tật bệnh						"	2016				"	"
	23	NGUYỄN THỊ NGỌC HOA. Tình trạng dinh dưỡng						"	17				"	"
	14024	NGUYỄN THỊ KIM LOAN. Thực trạng & 1 số yếu tố						"	"				"	"
	25	LÊ ANH HẢI. Thực trạng công tác quản lý						"	"				"	"
	26	TRẦN VĂN NGỌI. Thực trạng bệnh đái tháo đường						"	"				"	"
	27	NGUYỄN VĂN MINH. Thực trạng nhân lực y tế tuyến						"	"				"	"
	28	ĐỖ HUY HÙNG. Xu hướng mắc bệnh, thực trạng						"	"				"	"
	14029	TRẦN MINH KHÁNH. Tính khả thi ứng dụng y tế						"	"				"	"
	30	NGUYỄN THỊ LÝ. Kiến thức, thực hành phòng chống						"	"				"	"
	31	PHẠM VĂN HOÀ. Thực trạng quản lý giám định						"	"				"	"
	32	TRẦN THỊ HUYỀN. Kiến thức & thực hành						"	"				"	"
	33	PHAN KIM TRỌNG. Kiến thức, thái độ, thực hành						"	"				"	"
	14034	NGUYỄN MẠNH HÙNG. Thực trạng sâu răng viên						"	"				"	"
	35	NGUYỄN VĂN MẠNH. Thực trạng không tuân						"	"				"	"
	36	NGUYỄN HOÀI NAM. Thực trạng an toàn thực phẩm						"	"				"	"
	37	NGUYỄN VĂN LONG. Thực trạng tổ chức quản lý						"	"				"	"
	38	LÊ QUANG SƠN. Thực trạng hành vi nguy cơ lây						"	"				"	"
	14039	ĐOÀN THANH BÌNH. Thực trạng nhân lực y tế						"	16				"	"
								"	"				"	"

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200...	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	14040	PHAN QUỐC HƯNG. Mô tả sự hài lòng của nhân						H	2017				CK II	Đã
	41	NGUYỄN THANH HẢI. Thực trạng mù loà, kiến thức						"	"				"	"
	42	TRƯƠNG BÁ BIÊN. Thực trạng bảo hiểm y tế chi						"	2016				"	"
	43	NGUYỄN VĂN XUÂN. Chi phí trực tiếp cho đ						"	"				"	"
	14044	NGUYỄN TIẾN GIANG. Tổ chức hoạt động khám						"	"				"	"
	45	NGUYỄN TUẤN MINH. Cơ cấu bệnh tật và khá						"	"				"	"
	46	PHẠM HỒNG QUÂN. Cơ cấu bệnh tật của bn						"	"				"	"
	47	NGUYỄN KHẮC LẬP. Thực trạng thu chi tài						"	"				"	"
	48	NGUYỄN HƯNG THỊNH. Kiến thức thực hành g						"	17				"	"
	14049	BÙI TRỌNG QUỲNH. Thực trạng nguồn lực hoạt						"	"				"	"
	50	PHẠM VĂN TÍNH. Thực trạng và ytố nguy cơ						"	"				"	"
	51	NGUYỄN CÔNG TÂN. Sự hài lòng của khách						"	"				"	"
	52	NGUYỄN THỊ THU THỦY. Kết quả đánh giá phân						"	"				Thạc sĩ	"
	53	HOÀNG XUÂN ĐOÀI. Sự hài lòng của nghề bệnh						"	"				CK II	"
	14054	ĐẶNG HỒNG SƠN. Thực trạng và quản lý an						"	"				"	"
	55	NGUYỄN HỮU VIỆT DŨNG. Động lực làm việc và						"	"				"	"
	56	HOÀNG VĂN THẮNG. Thực trạng tuân thủ						"	"				"	"
	57	TRẦN VĂN LUYÊN. Tình trạng dinh dưỡng 1 số						"	"				"	"
	58	ĐÀO TIẾN CHINH. Sự hài lòng của n bệnh đtri						"	"				"	"
	14059	TRINH QUỐC ĐẠI. N/c kiểu gen TP53 và MDM2						"	"				Tuấn sĩ	"
	60	ĐỒNG PHẠM CƯỜNG. N/c chẩn đoán và ctgia kg						"	"				"	"
	61	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG CHI. N/c tác dụng của trà						"	"				"	"
	62	TRẦN THANH TÙNG. N/c vậy dụng phẫu thuật						"	"				"	"
	63	PHẠM HOÀI THU. N/c kết quả đtri bệnh thoái						"	"				"	"
	14064	NGUYỄN VĂN HÙNG. N/c mức xâm lấn						"	"				"	"

NĂM 200.....

Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH
14065	ĐỖ MINH PHƯƠNG. Nc Sử thay đổi cxy mầu
66	NGUYỄN KIM GIÔNG. Đặc điểm LS, CLS và gt
67	TRẦN NGỌC PHƯƠNG THẢO. Ns thay đổi cấu
68	TRẦN XUÂN THỊNH. Nc sự thích ứng s giá trị
14069	CAO VIỆT TÙNG. Nc kg định sinh dị thể đầu
70	CẦN THỊ BÍCH NGỌC. Nc đặc biệt gen LS, là đtr
71	NGUYỄN THANH PHONG. Nc kiến thức thái độ
72	ĐẶNG TRẦN ĐẠI. Nc kết quả sử dụng benaci2
73	VŨ THỊ VÂN YẾN. Nc đặc điểm dịch tễ học LS
14074	TRẦN THỊ THU TRANG. Nc kiểm an toàn và tác dụng
75	TRẦN TUẤN ANH. Nc sử dụng kháng thể
76	ÔN KHÁNH PHƯƠNG. Nc ứng dụng phẫu thuật
77	NGUYỄN THU HƯỜNG. Ns tác dụng [illegible]
78	NGUYỄN VIỆT DŨNG. Đánh giá kết quả đtr
14079	NGUYỄN THỊ THU HÀ. Nc đặc điểm đột biến gen
80	LÊ THỊ THANH HƯỜNG. Nc điều kiện kết hợp sức khoẻ
81	ĐẶNG QUỐC ÁI. Nc ứng dụng phẫu thuật cắt tử
82	NGUYỄN HỮU CHIẾN. Đánh giá kết quả đtr laser
83	LÊ HOÀNG BẢO HOÀNG. Nc kg ung xa tim
14084	VŨ THỊ THANH. Hiệu quả chế độ dinh dưỡng giảm
85	NGUYỄN ĐỨC LIÊN. Chẩn đoán và đánh giá kg thn vi
86	NGUYỄN THỊ MINH KHAI. Đánh giá hiệu quả phục?
88	ĐINH THỊ LAM. Nc tiếp cận trên tác dụng chất viêm
87	TRẦN KHÁNH THU. Thực trạng chăm sóc dinh dưỡng
14089	TRẦN THỊ THU HÀ. Thực trạng kiến thức và nhu cầu

KIỂM KÊ					XUẤT BẢN		GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
200...	200...	200...	200...	200...	Nơi	Năm					
					H.	2017				Tiếng	Đức
					〃	〃				〃	〃

KIỂM KÊ	XUẤT BẢN

NĂM 200.....

Ngày vào sổ	Số thứ tự	TÁC GIẢ VÀ TÊN SÁCH	KIỂM KÊ 200...	200...	200...	200...	200...	XUẤT BẢN Nơi	Năm	GIÁ TIỀN	Số vào sổ tổng quát	Môn loại	Ngày và số biên bản xuất	PHỤ CHÚ
	14090	NGUYỄN HẢI MINH. Thực trạng tuân thủ đ.t.ị 8 các						H	2017				CK II	Đĩa
	91	NGUYỄN VĂN CHANH. Thực trạng nội độc mạch và ngoại						"	"				"	"
	92	NGUYỄN THỊ NGỌC HẬN. N/C tổn thương vòng mạc trên						"	"				"	"
	93	PHẠM HỒNG HẢI. Thực trạng mô hình bệnh tật...						H	2017				CK II	Đĩa
	14094	VƯƠNG SƠN THÀNH. N/C đặc điểm tế bào và mô						"	"				"	"
	95	KIỀU THIẾT THỤ. Thực trạng vệ sinh an toàn thực phẩm						"	2017				"	"
	96	HOÀNH MINH HÙNH. Thực trạng và 1 số y tế liên quan						"	"				"	"
	97	NGUYỄN TRUNG THÀNH. Xu hướng tổ vong do tai nạn						H	2017				CNYK	CN Đĩa
	98	PHẠM THÁI THÔNG. Đặc đ LS, 8 đg kg đ.t.ị mất răng						"	"				Tiến sĩ	"
	14099													
	14100													
	01													
	02													
	03													
	14104													
	05													
	06													
	07													
	08													
	14109													
	10													
	11													
	12													
	13													
	14014													